

Bản thảo

**Ngân hàng thương mại Việt Nam: Từ những thay đổi về luật và chính sách
giai đoạn 2006-2010 đến các sự kiện tái cơ cấu giai đoạn 2011-2015**

Nguyễn Xuân Thành
Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright
TP.HCM, ngày 12/2/2016

Mục lục

I. LUẬT VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC NHTM, 2006-2010.....	6
1. Chuyển đổi NHTMCP nông thôn thành NHTMCP đô thị và thành lập mới NHTM.....	6
2. Tăng mức vốn pháp định đối với các NHTM	9
3. Luật các TCTD và các thông tư quy định về đảm bảo an toàn.....	10
II. ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ CỦA NHNN, 2007-2011.....	13
1. Chính sách tiền tệ nới lỏng 2007	13
2. Chính sách tiền tệ thắt chặt 2008	16
3. Chính sách tiền tệ nới lỏng 2009-2010.....	17
4. Chính sách tiền tệ thắt chặt 2011	19
5. Kiểm soát lãi suất tiền đồng.....	20
III. BỐI CẢNH KHU VỰC NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRƯỚC THỜI ĐIỂM TÁI CƠ CẤU, THÁNG 9/2011	22
1. Sở hữu, cho vay và đầu tư chéo	22
2. Cho vay bất động sản và cho vay “khác”	23
3. Nợ xấu	26
4. Thanh khoản.....	28
IV. ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI CÁC TCTD, 2011-2015 VÀ XÁC ĐỊNH CÁC TCTD YẾU KÉM	31
1. Đề án cơ cấu lại các TCTD, 2011-2015.....	31
2. Phân loại các NHTM, xác định các NH yếu kém, và mua bán, sáp nhập	35
V. XỬ LÝ NỢ XẤU	38
1. Tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo chính thức	38
2. Tỷ lệ nợ xấu theo đánh giá của CQTTGS và tỷ lệ nợ xấu do các tổ chức quốc tế ước tính.....	41
3. Xử lý nợ xấu bằng các giải pháp dựa vào thị trường.....	42
4. VAMC	43
VI. AGRIBANK	45
1. Ngân hàng lớn nhất trong hệ thống	45
2. Nợ xấu lớn nhất trong hệ thống.....	46
VII. SCB, TÍN NGHĨA và ĐỆ NHẤT	49
1. Cấu trúc sở hữu và đầu tư.....	49
2. Tình hình tài chính theo báo cáo chính thức và thực tế.....	52
3. Hợp nhất.....	52
4. Hậu hợp nhất, 2012	53
5. Hậu hợp nhất, 2013.....	56
6. Hậu hợp nhất, 2014-2015.....	58
7. Những gì thấy được qua hơn 3 năm tái cơ cấu SCB	60
VIII. TIENPHONGBANK.....	62
1. Tiên phong ngay từ ngày đầu thành lập	62
2. Mất vốn do ủy thác đầu tư	63
3. Tái cơ cấu với sự tham gia của cổ đông mới.....	64
IX. HABUBANK VÀ SHB.....	65
1. Habubank	65
2. Sáp nhập Habubank vào SHB	68
X. WESTERNBANK VÀ NAVIBANK	70
1. Từ NHTM nông thôn đến NHTM yếu kém	70
2. Hợp nhất Westernbank và PVFC.....	73
3. Navibank tự tái cơ cấu.....	74
XI. ACB	76
1. Sở hữu, đầu tư và cho vay chéo	76
2. Tái cơ cấu.....	78

XII. SACOMBANK VÀ SOUTHERN BANK	80
1. Sacombank và cấu trúc sở hữu chéo với các DN trong TĐ Thành Thành Công.....	81
2. Thâu tóm Sacombank.....	87
3. Trầm Bê và Southern Bank.....	91
4. Sáp nhập Southern Bank vào Sacombank	97
XIII. NAM A BANK.....	98
1. Cấu trúc sở hữu.....	98
2. Hoạt động kinh doanh và kế hoạch tái cơ cấu.....	99
XIV. HDBANK VÀ ĐẠI Á	101
1. HDBank	101
2. NH Đại Á.....	102
3. Sáp nhập NH Đại Á và HDBank	104
XV. DONGA BANK	105
1. Lịch sử hình thành	105
2. Tăng trưởng bình thường cho đến khi gặp khó khăn	105
3. Mất vốn vì vàng và nợ xấu BĐS	106
XVI. PG BANK	108
1. Đi lên từ NHTMCP nông thôn	108
2. Ngân hàng của DNNN	109
3. Sáp nhập vào Vietinbank	109
XVII. MHB	110
1. NH có khả năng sinh lời thấp nhất.....	110
2. MHB và MHBS.....	111
3. Sáp nhập vào BIDV	111
XVIII. MSB và MDB.....	112
1. Maritime Bank: từ ngân hàng của Vinalines thành ngân hàng của tư nhân.....	112
2. MDB: chuyển đổi từ ngân hàng nông thôn	113
3. Sở hữu, cho vay và đầu tư chéo	114
4. Hoạt động kinh doanh và nợ xấu.....	116
5. Sáp nhập MDB vào MSB	117
XIX. CÁC 0Đ.BANK	117
1. Từ Trustbank đến VNCB rồi CBBank	118
2. GP.Bank	123
3. OceanBank	125
Phụ lục 1: Tóm tắt các sự kiện tái cơ cấu NHTM Việt Nam, 2011-2015.....	129
Phụ lục 2: Danh sách các NHTM Việt Nam	132

TỪ VIẾT TẮT

BCB	Bản cáo bạch	MTV	Một thành viên
BCTC	Báo cáo tài chính	NH	Ngân hàng
BCTN	Báo cáo thường niên	NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
BĐS	Bất động sản	NHTM	Ngân hàng thương mại
BKS	Ban kiểm soát	NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn	NHTMNN	Ngân hàng thương mại nhà nước
CIC	Trung tâm Thông tin Tín dụng	NQ	Nghị quyết
CK	Chứng khoán	NPL	Nợ xấu
CP	Chính phủ	OMO	Nghiệp vụ thị trường mở
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng	PCT	Phó chủ tịch
CQ	Cơ quan	PTGD	Phó tổng giám đốc
CQCSĐT	Cơ quan Cảnh sát Điều tra	QĐ	Quyết định
CQTTGS	Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng	QLNN	Quản lý nhà nước
CP	Chính phủ	QLQ	Quản lý quỹ
CSDL	Cơ sở dữ liệu	ROA	Suất sinh lợi trên tổng tài sản
CSH	Chủ sở hữu	ROE	Suất sinh lợi trên vốn CSH
CSHT	Cơ sở hạ tầng	TCT	Tổng công ty
CT	Chủ tịch	TCKT	Tổ chức kinh tế
CTCK	Công ty chứng khoán	TCTC	Tổ chức tài chính
CTCP	Công ty cổ phần	TCTD	Tổ chức tín dụng
ĐHCĐ	Đại hội cổ đông	TĐ	Tập đoàn
DN	Doanh nghiệp	TGD	Tổng giám đốc
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân	TPCP	Trái phiếu chính phủ
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long	TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
HĐ	Hợp đồng	TPTTT	Tổng các phương tiện thanh toán
HĐTQ	Hội đồng quản trị	UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
HĐTV	Hội đồng thành viên	UBGSTCQG	Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	VAMC	Công ty Quản lý Tài sản các TCTD VN
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM	VAS	Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
IFS	Thống kê Tài chính Quốc tế	VĐL	Vốn điều lệ
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế	VN	Việt Nam
LDR	Tỷ lệ cho vay so với huy động tiền gửi	WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

Ngân hàng thương mại Việt Nam: Từ những thay đổi về luật và chính sách giai đoạn 2006-2010 đến các sự kiện tái cơ cấu giai đoạn 2011-2015

Nguyễn Xuân Thành

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

TP.HCM, ngày 12/2/2016

Ngày 10/10/2015 đánh dấu đúng 4 năm kể từ lúc Hội nghị lần thứ 3 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa 11 quyết định tái cơ cấu nền kinh tế trên ba lĩnh vực là đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và ngân hàng thương mại (NHTM).¹ Trước đó, nền kinh tế Việt Nam đã chứng kiến một sự mở rộng nhanh chóng của hệ thống các NHTM, về số lượng ngân hàng, vốn chủ sở hữu trên sổ sách, dư nợ cho vay và tổng tài sản trong những năm 2006-2008. Rồi từ đó cho đến 2011 là một giai đoạn bất ổn kinh tế vĩ mô của Việt Nam.

Vào cuối tháng 10 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bắt đầu tiến hành đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng (TCTD) và xác định các NHTM yếu kém phải cơ cấu lại. Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ (CP), NHNN thực hiện soạn thảo, trình duyệt và triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015. Các NH yếu kém được cho phép tự tái cơ cấu, tự nguyện hợp nhất, hay bị bắt buộc bán cho Nhà nước với giá 0 đồng. Công ty Quản lý Tài sản các TCTD Việt Nam (VAMC) theo mô hình mua bán nợ tập trung được thành lập thuộc sở hữu nhà nước để mua nợ xấu nhưng không dùng nguồn lực thật. Nhiều vụ án vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng được điều tra và đưa ra xét xử.

Bài viết này trình bày những thay đổi về luật, chính sách và diễn biến kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong giai đoạn 2006-2010 dẫn tới tình hình tài chính khó khăn của các NHTM vào cuối năm 2011. Tiếp theo, bài viết tổng hợp những nỗ lực tái cơ cấu các NHTM cho đến cuối năm 2015.² Trong bài, tôi sẽ cố gắng trình bày một cách có hệ thống những thông tin về luật, chính sách và các sự kiện tái cơ cấu NHTM dựa vào các văn bản do các cơ quan quản lý nhà nước (CQ QLNN) ban hành, thông tin các CQ QLNN cung cấp công khai cho báo chí, trả lời phỏng vấn của lãnh đạo và đại diện chính thức các CQ QLNN cho báo chí, số liệu thống kê chính thức của Việt Nam và của các tổ chức quốc tế, báo cáo tài chính (BCTC) và thông tin do các NHTM và DN khác chính thức công bố.³ Tôi sẽ đặt ra các câu hỏi ở từng phần của bài viết. Hy vọng dựa vào các thông tin trình bày, người đọc có thể tự đưa ra câu trả lời cũng như những đánh giá của riêng mình. Những phần cuối của bài viết được dành cho một số nghiên cứu tình huống tái cấu trúc các NHTM yếu kém để cung cấp cho người đọc những thông tin cụ thể để đánh giá thực trạng tái cấu trúc từ cái nhìn vi mô.

¹ Xem Kết luận số 10-KL/TW của Hội nghị lần thứ 3, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, 18/10/2011.

² Bài viết chỉ giới hạn phạm vi ở các NHTM nhà nước và cổ phần của Việt Nam. Tuy nhiên, các số liệu thống kê về tổng dư nợ tín dụng cho nền kinh tế và tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống được tính cho tất cả các TCTD bao gồm: NHTM trong nước, NH 100% vốn nước ngoài, NH liên doanh, chi nhánh NH nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

³ Tác giả sẽ cố gắng loại bỏ mọi ý kiến chủ quan trong các thông tin trình bày. Tuy nhiên, việc đảm bảo khách quan tuyệt đối là điều không thể. Người đọc có thể xem việc tác giả trình bày những thông tin này và không trình bày những thông tin khác trong bài viết đã là thiếu khách quan.

I. LUẬT VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC NHTM, 2006-2010

Trong một hệ thống tài chính bị áp chế (financial repression), nhà nước can thiệp sâu rộng từ kiểm soát lãi suất, sở hữu trực tiếp các tổ chức tài chính (TCTC) và dùng mệnh lệnh hành chính để phân bổ vốn. Đó là vì các nhà hoạch định chính sách không tin vào thị trường. Họ muốn nhà nước phải can thiệp sâu rộng từ huy động đến định hướng dòng vốn vào các hoạt động mà tự mình thấy là cần thiết cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tác động của những biện pháp áp chế tài chính này là tạo ra một hệ thống tài chính có quy mô rất nhỏ bé so với nền kinh tế thực. Nguồn lực tài chính hạn hẹp có được lại không được phân bổ hiệu quả. Hai kênh tác động của tài chính tới tăng trưởng kinh tế là gia tăng vốn đầu tư và gia tăng năng suất từ đầu tư đã không được phát huy.

Từ lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế, bài thuốc đưa ra là phải tự do hóa tài chính (financial liberalization) nhằm thúc đẩy hệ thống tài chính phát triển theo chiều sâu (financial deeping), theo đó quy mô hệ thống tài chính tăng dần lên so với quy mô nền kinh tế. Các biện pháp tự do hóa tài chính phổ biến là xóa bỏ kiểm soát lãi suất, tư nhân hóa các TCTC thuộc sở hữu nhà nước, nới lỏng các quy định thành lập TCTC mới, khuyến khích các TCTC hiện hữu mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động, và tự do hóa dòng vốn quốc tế.

Nhưng hệ thống tài chính cũng là nơi nảy sinh nhiều thất bại thị trường nhất, chủ yếu là vì vấn đề thông tin bất cân xứng. Vì vậy, lời khuyên chính sách cho tự do hóa tài chính là nhà nước phải cải cách thể chế để xây dựng một khuôn khổ pháp lý vững mạnh và nâng cao năng lực cho các CQ QLNN trong lĩnh vực tài chính. Nhà nước không biến đi mà phải thay đổi vai trò từ người can thiệp trực tiếp thành người điều tiết thị trường. Ở Việt Nam, từ 2002 lãi suất được tự do hóa, rồi đến giữa thập niên 2000 là đợt sóng thành lập các NHTM mới. Đến cuối 2010, Luật các TCTD mới được Quốc Hội phê chuẩn và có hiệu lực từ 2011. Chỉ nhìn vào lịch sử sự kiện này thì đã thấy là việc xây dựng khuôn khổ điều tiết và giám sát mới đối với hệ thống ngân hàng đã đi sau việc tự do hóa tài chính.

1. Chuyển đổi NHTMCP nông thôn thành NHTMCP đô thị và thành lập mới NHTM

(Câu hỏi: Việc cho phép thành lập các NHTMCP nông thôn quy mô nhỏ thành NHTMCP đô thị hoạt động trên phạm vi toàn quốc là chính sách đúng để thúc đẩy phát triển tài chính hay là nguyên nhân dẫn tới tình trạng nhiều NH trong số này trở thành yếu kém và mất khả năng chi trả?)

Kể từ khi hệ thống ngân hàng một cấp của Việt Nam được tách thành ngân hàng trung ương đại diện bởi NHNN và các NHTM quốc doanh vào năm 1988, khu vực ngân hàng đã có sự tăng trưởng vô cùng mạnh mẽ về số lượng, quy mô và đa dạng về cơ cấu sở hữu cũng như loại hình. Đợt sóng mở rộng số lượng NH thứ nhất là sự thành lập tới 20 ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) đô thị từ năm 1991 đến 1994 mà đến năm 2011 vẫn còn tồn tại.⁴ Trong vòng 11 năm sau đó, từ 1995 đến 2005, chỉ có 4 ngân hàng mới được NHNN cấp phép hoạt động.

Đợt sóng mở rộng thứ hai xảy ra trong nửa cuối thập niên 2000 gắn liền với việc chuyển đổi các NHTMCP nông thôn thành các NHTM đô thị được hoạt động trên phạm vi toàn quốc. Cho đến năm 2006, Việt Nam vẫn tồn tại hai loại hình NHTMCP là đô thị và nông thôn. Nghị định 82/1998/NĐ-CP ngày 03/10/1998 của Chính phủ quy định mức vốn pháp định⁵ của các NHTMCP như sau:

⁴ Không kể các NHTM đã giải thể và ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn.

⁵ Mức vốn pháp định áp dụng cho một loại hình TCTD là mức vốn điều lệ tối thiểu mà TCTD đó phải đảm bảo.

- NHTMCP đô thị đặt trụ sở chính tại Hà Nội và TP.HCM là 70 tỷ đồng;
- NHTMCP đô thị đặt trụ sở chính tại các tỉnh, thành phố khác trong cả nước là 50 tỷ đồng;
- NHTMCP nông thôn là 5 tỷ.

Căn cứ vào sự khác nhau về quy mô vốn điều lệ, NHNN đã quy định các NHTMCP đô thị được hoạt động trên phạm vi toàn quốc và được thực hiện các nghiệp vụ ngoại hối; còn các NHTMCP nông thôn chỉ có phạm vi hoạt động trong địa bàn tỉnh, thành phố và không được phép hoạt động ngoại hối.

Từ năm 1990 đến 1996, NHNN đã cấp giấy phép hoạt động cho 20 NHTMCP nông thôn, trong đó 10 NH được thành lập trên cơ sở điều chỉnh từ các hợp tác xã tín dụng và 10 NH được cấp giấy phép thành lập mới; ngoài ra còn có 2 NHTMCP đô thị được chuyển thành NHTMCP nông thôn. Theo Quyết định 212/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng CP ngày 29/10/1999, 9 NHTMCP nông thôn đã được tái cơ cấu: NH Đông Phương bị rút giấy phép và đóng cửa; 7 NH (Hải Phòng, Tân Hiệp, Thạnh Thắng, Cái Sắn, Quảng Ninh, Châu Phú, Tây Đô) được sáp nhập; NH Tứ Giác Long Xuyên được mua lại.

Ngày 9/8/2006, Thống đốc NHNN ký Quyết định 1557/QĐ-NHNN phê duyệt Đề án cơ cấu lại NHTMCP nông thôn với mục tiêu là củng cố và sắp xếp lại các NHTMCP nông thôn nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong điều kiện mới, tránh rủi ro trong nền kinh tế hội nhập. Theo Đề án, các NHTMCP nông thôn đủ điều kiện và có nhu cầu sẽ được chuyển đổi thành NHTMCP đô thị. 12 NHTMCP nông thôn còn lại như trình bày trong Bảng 1 đều được chuyển đổi thành NHTMCP đô thị (5 NH trước và 7 NH sau khi có Đề án).

Trong lúc các NHTMCP nông thôn được chuyển đổi thì NHNN cũng cho phép thành lập mới NHTM. NHTM đầu tiên được thành lập trong giai đoạn này là NHTMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank) theo Quyết định 2399/QĐ-NHNN của NHNN ngày 15/12/2006. NH chính thức đi vào hoạt động vào ngày 2/2/2007 với VDL 500 tỷ đồng.

Bảng 1: Chuyển đổi NHTMCP nông thôn thành NHTMCP đô thị

Stt	NHTMCP nông thôn	NHTMCP sau chuyển đổi	Giấy phép và năm chuyển đổi	Vốn điều lệ (tỷ đồng)				
				2004	2005	2006	2007	2008
1	Đà Nẵng*	Việt Á	12/NHGP 09/05/03	190	250	500	750	1.105
2	An Bình	An Bình	505/NHNN-CNH 24/5/05	70	165	1.132	2.300	2.706
3	Ninh Bình	Dầu Khí Toàn Cầu	31/QĐ-NHNN 11/01/06	85	135	500	1.000	1.000
4	Nhơn Ái	Sài Gòn – Hà Nội	93/QĐ-NHNN 20/01/06	12	70	500	2.000	2.000
5	Sông Kiên	Nam Việt	970/QĐ-NHNN 18/5/06	50	100	500	1.000	1.000
6	Kiên Long	Kiên Long	2434/QĐ-NHNN 25/12/06	18	28	290	580	1.000
7	Hải Hưng	Đại Dương	104/QĐ-NHNN 09/01/07	17	17	170	1.000	1.000
8	Đồng Tháp Mười	Xăng dầu Petrolimex	125/QĐ-NHNN 12/01/07	5	90	200	500	1.000
9	Cờ Đỏ	Phương Tây	1199/QĐ-NHNN 05/06/07	30	53	200	200	1.000
10	Rạch Kiến	Đại tín	1931/QĐ-NHNN 17/08/07	13	70	203	504	504
11	Đại Á	Đại Á	2402/QĐ-NHNN 11/10/07	42	50	500	500	500
12	Mỹ Xuyên	Phát triển Mê Kông	2037/QĐ-NHNN 16/09/08	16	25	70	500	500

Ghi chú: * Sáp nhập với Công ty Tài chính CP Sài Gòn.

Nguồn: Tên và thời điểm chuyển đổi theo quyết định của NHNN. Vốn điều lệ (tính tại thời điểm 31/12) theo BCTC và BCB của các NHTM.

Ngày 7/6/2007, Thống đốc NHNN ký Quyết định 24/2007/QĐ-NHNN ban hành quy chế cấp giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP.^{6,7} Kể từ đó, 21 bộ hồ sơ xin thành lập NHTMCP trong nước đã được trình cho NHNN. Đến đầu năm 2008, NHNN đã chấp thuận trên nguyên tắc cho việc thành lập 9 NHTMCP có sự tham gia góp vốn của các tập đoàn (TĐ), tổng công ty (TCT) nhà nước.

NH đầu tiên được thành lập mới theo quy chế mới là NHTMCP Liên Việt vào ngày 28/3/2008 với sự tham gia góp vốn của TĐ Him Lam (18%) cùng với TCT Thương mại Sài Gòn (Satra, 4,57%) và Công ty dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (Sasco, 2,43%).⁸ Vào ngày 5/5/2008, NHTMCP Tiên Phong được cấp giấy phép với sự tham gia góp vốn của FPT (15%), Mobifone (12,5%) và TCT CP Tái Bảo Hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare, 12,5%). (Xem Bảng 2).

Bảng 2: NHNN cấp phép thành lập mới ba NHTM trong năm 2008

Stt	NHTMCP	Giấy phép và năm thành lập	Vốn điều lệ 2008 (tỷ đồng)
1	Liên Việt	91/GP-NHNN 28/03/2008	3.300
2	Tiên Phong	123/GP-NHNN 05/05/2008	1.000
3	Bảo Việt	328/GP-NHNN 11/12/2008	1.500

Nguồn: Giấy phép thành lập do NHNN cấp.

Tuy nhiên, ngày 29/7/2008, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn 4944/VPCP-KTTH thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng CP: “Yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh tiêu chí thành lập ngân hàng thương mại cổ phần trong nước cho phù hợp. Trong khi chưa ban hành tiêu chí mới, tạm dừng chưa cho phép thành lập ngân hàng thương mại cổ phần mới”. Ngày 8/8/2008, Thống đốc NHNN đã ký văn bản 7171/NHNN-CNHH gửi ban trụ bị thành lập các NHTMCP thông báo ý kiến chỉ đạo này (xem Bảng 3).

Bảng 3: Các NH được chấp thuận về nguyên tắc nhưng sau đó không được cấp phép

Stt	Ngân hàng	Cổ đông sáng lập
1	Hồng Việt (Dầu khí)	TĐ Dầu khí VN, TĐ Hòa Phát, NH Quốc tế, Vietnam Airlines, I.P.A, Habeco
2	Năng lượng	TĐ Than - Khoáng sản, TCT Sông Đà, TCT Lắp máy Việt Nam, TCT Vinaconex
3	Ngoại thương châu Á	Vietcombank, Giày Thái Bình, Thương mại Thiên Đức
4	Ngôi sao Việt Nam	Techcombank, TCT Hoá chất VN, Tân Tạo
5	Đông Dương Thương tín	NH Quân đội và các DN của Bộ Quốc phòng
6	Bảo Tín	NH Nhà Hà Nội

Nguồn: Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Đồng Tiến công bố tại cuộc họp báo ngày 8/1/2008 về danh sách 9 NH được chấp thuận về nguyên tắc. Sau đó 3 NH được thành lập và còn lại 6 NH không được cấp phép.

Ngày 11/12/2008, Bảo Việt trở thành NHTMCP cuối cùng được NHNN cấp giấy phép. Văn phòng Chính phủ thông báo việc thành lập được Thủ tướng CP đồng ý với sự góp vốn của TĐ Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt (52%), Vinamilk (8%) và Công ty Cổ phần (CTCP) TĐ Công nghệ CMC (9,9%).⁹

⁶ Quy chế này sau đó được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 46/2007/QĐ-NHNN ngày 25/12/2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam, có hiệu lực từ 19/01/2008.

⁷ Khoản c, Điều 3 của Quy chế quy định: “Nguồn vốn góp thành lập ngân hàng phải là nguồn hợp pháp; Không được sử dụng tiền vay dưới bất cứ hình thức nào để góp vốn thành lập ngân hàng”.

⁸ Năm 2011, Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam góp vốn vào NH Liên Việt bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện (VPSC) và bằng tiền mặt và NH được đổi tên thành NHTMCP Bưu điện Liên Việt.

⁹ Bảo Việt được tham gia góp thêm vốn để bảo đảm mức vốn điều lệ 1.500 tỷ đồng trong trường hợp không huy động thêm được vốn từ các cổ đông.

2. Tăng mức vốn pháp định đối với các NHTM

(Câu hỏi: Quy định bắt buộc các NHTM phải tăng VĐL lên 3.000 tỷ đồng trong vòng 4 năm là quyết định đúng để tăng cường sự vững mạnh của các NHTM hay là nguyên nhân dẫn tới tình trạng vốn chủ sở hữu ảo và sở hữu chéo, từ đó làm suy yếu hệ thống ngân hàng VN?)

Ngày 22/11/2006, Chính phủ ban hành Nghị định 141/2006/NĐ-CP quy định các NHTMCP phải tăng vốn pháp định lên mức tối thiểu là 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2008 và 3.000 tỷ đồng cuối năm 2010.¹⁰ Trả lời phỏng vấn của báo chí, Vụ trưởng Vụ Các ngân hàng, NHNN cho biết: “mục đích của Nghị định 141 là nhằm tăng cường khả năng tài chính của các ngân hàng, một yêu cầu hàng đầu khi Việt Nam bước vào môi trường cạnh tranh của WTO, bên cạnh yêu cầu về quản trị và quản lý rủi ro”.¹¹

Về lý thuyết và thực tiễn, NHTM cần phải có đủ vốn để hoạt động. Vốn chủ sở hữu là phần tài sản nợ của NH mà không cần phải hoàn trả và do vậy đóng vai trò là nguồn bảo vệ và giá trị đệm cho trường hợp giá trị tài sản có của NH suy giảm và kinh doanh thua lỗ. Theo thông lệ quốc tế, việc đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu được quy định bằng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) trong đó yêu cầu NHTM phải có đủ vốn chủ sở hữu tương ứng với quy mô giá trị tài sản sau khi đã điều chỉnh cho rủi ro của từng nhóm tài sản. Tuy nhiên, cũng có nhiều quốc gia quy định NHTM phải có vốn điều lệ (VĐL) không thấp hơn một mức pháp định về giá trị tuyệt đối.

Vào cuối năm 2006, 26 trong số 39 NHTM trong nước có vốn điều lệ (VĐL) dưới 1.000 tỷ đồng, NH có VĐL thấp nhất là ở mức 70 tỷ đồng, và chỉ có 3 NHTMNN (Agribank, BIDV và Vietcombank) có VĐL từ 3.000 tỷ VNĐ trở lên. Đến cuối năm 2007, 15 trong số 39 NHTM có vốn điều lệ (VĐL) dưới 1.000 tỷ đồng, NH có VĐL thấp nhất ở mức 200 tỷ đồng, và chỉ có 6 NHTMNN (4 NHTMNN, Sacombank và SeAbank) có VĐL từ 3.000 tỷ VNĐ trở lên.

Bảng 4: Vốn điều lệ các NHTMCP vào 17/12/2008

STT	Ngân hàng	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
1	Bắc Á	940
2	Dầu khí Toàn cầu (GP.Bank)	500
3	Đại Á	500
4	Đại Tín (Trustbank)	504
5	Đệ Nhất (Ficombank)	609
6	Gia Định (đổi tên thành Bản Việt, 2012)	500
7	Kiên Long	580
8	Phát triển Mekong (MDB)	500
9	Thái Bình Dương (đổi tên thành Tín Nghĩa, 2009)	566
10	Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	500

Nguồn: NHNN.

Đến giữa tháng 12 năm 2008, sát thời điểm mức tăng vốn pháp định thứ nhất có hiệu lực, vẫn còn 10 NHTMCP chưa tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng (xem Bảng 4). Nhưng, đến cuối năm 2008, chỉ

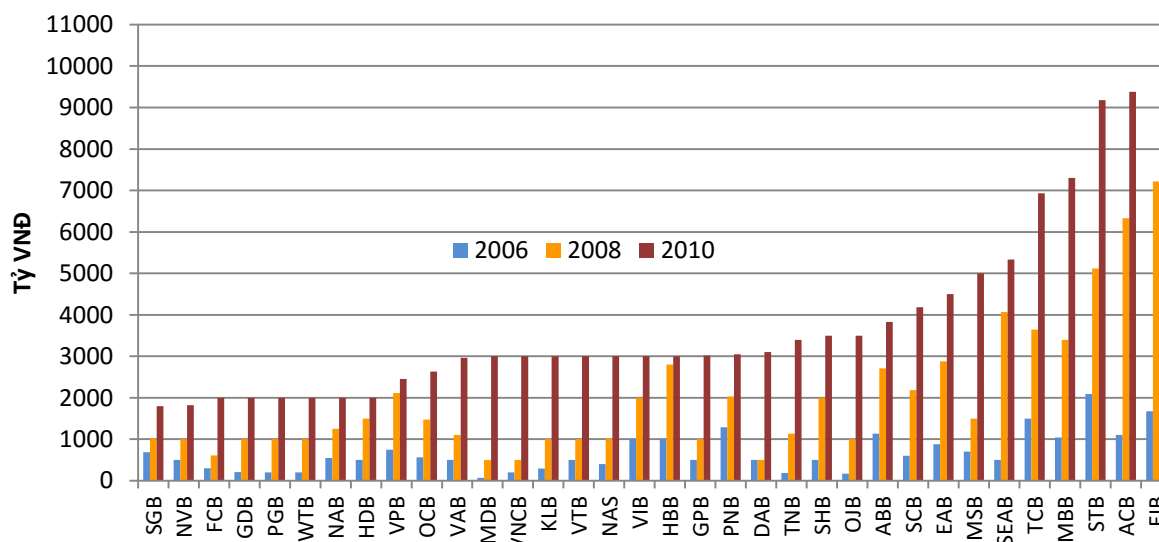
¹⁰ Các NHTMNN phải đảm bảo VĐL tối thiểu là 3000 tỷ vào cuối năm 2008.

¹¹ Báo Nhân dân Điện tử, “Thời điểm thích hợp để các ngân hàng tăng vốn”, 29/11/2006. Truy cập tại địa chỉ http://www.nhandan.com.vn/mobile/_mobile_kinhhte/_mobile_nhandinh/item/12450602.html, ngày 10/10/2015.

còn 4 NHTMCP (MDB, Đại Á, Đại Tín, Đệ Nhất) và MHB là chưa tăng vốn theo quy định. Vậy chỉ trong vài ngày cuối năm, nhiều NH đã thu xếp tăng được VDL để tuân thủ quy định.

Như minh họa trong Hình 1, tại thời điểm 31/12/2010 khi đến hạn tăng vốn pháp định lần thứ hai theo Nghị định 141, vẫn còn 11 NHTMCP có vốn điều lệ dưới 3.000 tỷ đồng. Ngày 14/12/2010, Thủ tướng CP đã chấp thuận về mặt chủ trương đề xuất của NHNN cho gia hạn thời gian tăng vốn điều lệ đến 31/12/2011.¹² Đến cuối 2011, Sài Gòn Công thương (Saigonbank) và PG Bank chưa tuân thủ, và đến cuối quý 3/2012 thì tất cả các NH đã đảm bảo vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng trở lên.¹³

Hình 1: Vốn điều lệ của các NHTMCP



Nguồn: BCTC năm 2007, 2008 và 2010 của các NHTM.

Nhìn lại quá trình tăng VDL trong giai đoạn này, tất cả các NHTM, mặc dù đều nói là khó khăn, nhưng cuối cùng cũng tìm cách tăng được vốn trên sổ sách. Không có NH nào tiến hành hoạt động mua lại, sáp nhập hay hợp nhất. Nếu tiền thực không có, thì hai hay nhiều NH nhỏ có thể sáp nhập, hợp nhất với nhau, và quy mô vốn điều lệ sau đó sẽ đạt được mức quy định. Làm như vậy, số lượng NH sẽ giảm, nhưng giấy phép NH quý giá vừa mới có được sẽ không còn nữa.

3. Luật các TCTD và các thông tư quy định về đảm bảo an toàn

(Câu hỏi: Có phải Nhà nước Việt Nam đã vừa cho phép tự do hóa tài chính, vừa nỗ lực xây dựng khung pháp lý theo hướng hạn chế và sửa chữa các thất bại của thị trường tài chính trong giai đoạn 2006-2010?)

Đúng là những nỗ lực xây dựng khung pháp lý đảm bảo cho hoạt động an toàn của các TCTD ở Việt Nam không phải là nhỏ, ít nhất là trên giấy. Các nghiên cứu tình huống ở phần sau sẽ giúp đánh giá xem các cơ quan QLNN có thực thi khung pháp lý này và có chế tài nghiêm ngặt hay không.

Ngày 26/6/2010, Luật các TCTD (Luật số 47/2010/QH12) được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ 1/1/2011, thay thế cho Luật các TCTD 1997. Khác với Luật 1997 trong đó quy định "các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng", Luật 2010 quy định để được NHNN cấp phép hoạt động ngân hàng, các tổ

¹² Báo Tuổi trẻ, "Gia hạn tăng vốn điều lệ ngân hàng thêm một năm", ngày 14/12/2010. Tải về ngày 10/10/2015 tại địa chỉ: <http://tuoitre.vn/tin/kinh-te/20101214/gia-han-tang-von-dieu-le-ngan-hang-them-mot-nam/415782.html>.

¹³ Theo báo cáo tài chính quý 2 và 3 năm 2012 của các NHTM.

chức phải được thành lập như là một TCTD. Tức là, những tổ chức nếu có hoạt động NH đều phải được tổ chức lại dưới hình thức là một TCTD hoặc phải chấm dứt hoạt động này.

Để thúc đẩy đại chúng hóa cơ cấu sở hữu các NHTMCP, Luật 2010 đã xiết chặt hơn giới hạn sở hữu cổ phần so với Luật 1997. Tỷ lệ sở hữu tối đa của cổ đông cá nhân được giảm từ 10% xuống 5% và của cổ đông tổ chức từ 20% xuống 15% vốn điều lệ của NHTM.¹⁴ Một quy định mới là tổng tỷ lệ sở hữu của cổ đông và những người có liên quan không được vượt quá 20% vốn điều lệ của NHTM.

Luật 2010 cũng tạo cơ sở pháp lý để NHNN thiết lập quy định đảm bảo hoạt động an toàn cho các NHTM, gồm quy định về an toàn vốn tối thiểu, giới hạn cấp tín dụng, và giới hạn góp vốn, mua cổ phần, đầu tư chứng khoán (CK), bất động sản (BDS). Bảng 5 trình bày tóm tắt các quy định này, và so sánh với Luật cũ.

Bảng 5: Quy định đảm bảo an toàn NHTM trong Luật các TCTD 2010 so với Luật 1997

	Luật 1997 (sửa đổi 2004)	Luật 2010
I. Giới hạn cấp tín dụng		
1. Không được cấp tín dụng:	Thành viên HĐQT, BKS, TGD, PTGD; người thân (a) Người thẩm định, duyệt cho vay - - -	Thành viên HĐQT, BKS, TGD, PTGD; người thân (a) - DN kinh doanh CK mà NHTM kiểm soát Tín dụng bảo đảm bằng CP của chính NHTM hay công ty con Để góp vốn vào NHTM khác bảo đảm bằng CP của NHTM nhận vốn góp
2. Hạn chế cấp tín dụng: Không được cho vay không bảo đảm:	Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên, thanh tra viên Kế toán trưởng Cổ đông lớn DN có một trong những đối tượng (a) sở hữu trên 10% VDL của DN - Tổng dư nợ tín dụng cho các đối tượng trên không lớn hơn 5% vốn tự có của NHTM - -	Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên, thanh tra viên Kế toán trưởng Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập DN có một trong những đối tượng (a) sở hữu trên 10% VDL của DN Người thẩm định, duyệt cấp tín dụng Tổng dư nợ tín dụng cho các đối tượng trên không lớn hơn 5% vốn tự có của NHTM Công ty con, liên kết hay DN mà NHTM kiểm soát (b) Tổng dư nợ tín dụng cho một đối tượng (b) không lớn hơn 10% và tất cả (b) không lớn hơn 20% vốn tự có của NHTM
3. Giới hạn cấp tín dụng		
Tổng dư nợ tín dụng cho 1 KH	≤ 15% vốn tự có của NHTM	≤ 15% vốn tự có của NHTM (c)
Tổng dư nợ tín dụng cho 1 nhóm KH liên quan	- -	≤ 25% vốn tự có của NHTM (c) (c) bao gồm cả trái phiếu do KH phát hành

¹⁴ Trừ các trường hợp sở hữu cổ phần theo quyết định của NHNN để xử lý TCTD gặp khó khăn, sở hữu cổ phần nhà nước tại các TCTD cổ phần hóa và sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

	Luật 1997 (sửa đổi 2004)	Luật 2010
II. Giới hạn góp vốn, mua CP	Thống đốc NHNN quy định	
Mua CP, góp vốn của NHTM và cty con, liên kết vào 1 DN (d)	-	≤ 11% VĐL của DN nhận góp vốn
Tổng mức mua CP, góp vốn của NHTM vào các DN	-	≤ 40% VĐL và quỹ dự trữ
Mua CP, góp vốn vào các DN là cổ đông, TV góp vốn của chính NHTM	-	Không được phép
Đầu tư, kinh doanh cổ phiếu	-	Phải thành lập hoặc mua lại CTCK
Đầu tư, kinh doanh BĐS	-	Không được phép, ngoại trừ xử lý nợ vay
Mua CP, góp vốn giữa NHTM, các công ty con, liên kết, kiểm soát	-	Không được phép
III. Tỷ lệ an toàn, chi trả		
1. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	Thống đốc NHNN quy định	8% hoặc NHNN quy định cao hơn
2. Tỷ lệ khả năng chi trả	Thống đốc NHNN quy định	NHNN quy định
3. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn	Thống đốc NHNN quy định	NHNN quy định
4. Tỷ lệ dư nợ cho vay/tổng tiền gửi	Thống đốc NHNN quy định	NHNN quy định
IV. Trích lập dự phòng rủi ro	NHNN quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính	NHNN quy định sau khi thống nhất với Bộ Tài chính

Ghi chú:

- Người thân là cha, mẹ, vợ, chồng, con.
- Cổ đông lớn của NHTMCP là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% VCP có quyền biểu quyết trở lên.
- Công ty con của TCTD là công ty thuộc một trong các trường hợp:
 - TCTD và người có liên quan sở hữu trên 50% VĐL hoặc trên 50% VCP có quyền biểu quyết;
 - TCTD có quyền trực tiếp/gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả TV HĐQT, HĐTV hoặc TGD;
 - TCTD có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ;
 - TCTD và người có liên quan trực tiếp/gián tiếp KS việc thông qua NQ, QĐ của ĐHCĐ, HĐQT, HĐTV.
- Công ty liên kết của TCTD là công ty mà TCTD và người có liên quan sở hữu trên 11% VĐL hoặc trên 11% VCP có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của NH.
- Người liên quan là cá nhân hay tổ chức công ty thuộc một trong các trường hợp:
 - Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty/TCTD; người quản lý, TV BKS của công ty mẹ/TCTD, cá nhân hoặc tổ chức có quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - Công ty/TCTD với người quản lý (TV HĐQT, HĐTV, TGD), TV BKS của công ty/TCTD đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - Công ty/TCTD với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% VĐL hoặc VCP có quyền biểu quyết trở lên tại công ty/TCTD đó và ngược lại;
 - Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
 - Công ty/TCTD với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người quản lý, TV BKS, TV góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% VĐL hoặc VCP có quyền biểu quyết trở lên của công ty/TCTD đó và ngược lại;
 - Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định ở trên với tổ chức, cá nhân ủy quyền.
- DN (d) là DN bảo hiểm, CK, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng)

Không đợi đến khi Luật mới có hiệu lực, căn cứ vào Luật các TCTD cũ, NHNN đã ban hành thông tư 13/2010/TT-NHNN, ngày 20/5/2010 và có hiệu lực từ 1/10/2010 để quy định các tỷ lệ bảo đảm an

toàn trong hoạt động của TCTD. Bảng 6 dưới đây tóm tắt những quy định chặt chẽ hơn không quy định chi tiết trong Luật các TCTD 2010.

Bảng 6: Quy định về các tỷ lệ an toàn trong Thông tư 13

Quy định	Tỷ lệ
I. Giới hạn cấp tín dụng	
Tín dụng không bảo đảm cho cty trực thuộc là DN kinh doanh CK	Không được
Tín dụng không bảo đảm cho vay kinh doanh CK	Không được
Tỷ lệ dư nợ tín dụng và dư bảo lãnh cho 1 khách hàng/Vốn tự có	≤ 25%
Tỷ lệ dư nợ tín dụng và dư bảo lãnh cho 1 nhóm khách hàng có liên quan/Vốn tự có	≤ 60%
Tỷ lệ dư nợ và dư bảo lãnh đối với 1 DN mà TCTD nắm quyền kiểm soát/Vốn tự có	≤ 10%
Tỷ lệ tổng dư nợ và dư bảo lãnh đối với các DN mà TCTD nắm quyền kiểm soát/Vốn tự có	≤ 20%
Tỷ lệ tổng dư nợ và chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư, kinh doanh CK/Vốn điều lệ	≤ 25%
II. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần	
Tỷ lệ tổng mức góp vốn, mua CP tại tất cả các công ty trực thuộc/Vốn điều lệ và quỹ dự trữ	≤ 25%
III. Tỷ lệ an toàn và khả năng chi trả	
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR)	≥ 9%
Tỷ lệ tài sản có thanh khoản ngay/tổng nợ phải trả ngày hôm sau	≥ 15%
Tỷ lệ tổng TS có đến hạn thanh toán/tổng TS nợ đến hạn thanh toán trong 7 ngày tiếp theo	≥ 1
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR), NH	≤ 80%

Ghi chú: Thông tư 13/2010/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 19/2010/TT-NHNN ngày 27/9/2010, Thông tư 22/2011/TT-NHNN ngày 30/8/2011 và Thông tư 33/2011/TT-NHNN (Điều 1) ngày 08/10/2011 của Thống đốc NHNN. Thông tư 15/2009/TT-NHNN ngày 10/8/2009 của NHNN (có hiệu lực từ 25/9/2009) quy định tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn của các NHTM là 30%. Tỷ lệ này được nâng lên 60% tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của NHNN (có hiệu lực từ 1/2/2015).

II. ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ CỦA NHNN, 2007-2011

Tự do hóa tài chính trong điều kiện thiếu vắng khung pháp lý hay thiếu vắng năng lực điều tiết thị trường thường dẫn tới bất ổn kinh tế vĩ mô và khủng hoảng tài chính. Kinh nghiệm quốc tế có Hoa Kỳ với sự sụp đổ của hệ thống tiết kiệm – cho vay (Savings and Loan (S&L) cuối thập niên 80, các khủng hoảng tài chính ở châu Mỹ La-tinh trong thập niên 80 và 90, khủng hoảng tài chính ở Bắc Âu đầu thập niên 90, khủng hoảng tài chính Đông và Đông Nam Á 1997-98 và gần đây nhất là khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu từ khủng hoảng nợ dưới chuẩn ở Hoa Kỳ 2009.

1. Chính sách tiền tệ nới lỏng 2007

(Câu hỏi: Bùng nổ tín dụng năm 2007 và các bong bóng CK, BĐS có phải là nguyên nhân làm tỷ lệ nợ xấu tăng cao trong hệ thống các NHTM?)

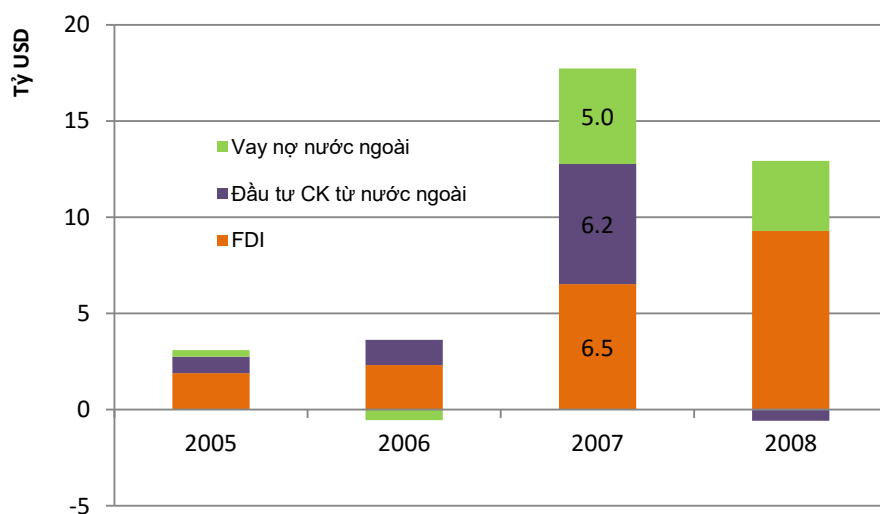
Với tín hiệu tích cực của việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tổng lượng vốn từ nước ngoài chảy vào nền kinh tế Việt Nam trong năm 2007 lên tới 17,7 tỷ USD (chưa kể 6,2 tỷ USD kiều hối), tương đương 22,8% GDP (xem Hình 2). Để ổn định tỷ giá hối đoái trước sức ép lên giá VND, NHNN nhà nước đã mua ròng ngoại tệ ở mức 10,2 tỷ USD trong năm này.¹⁵ Một lượng tiền đồng lớn đã được đưa vào lưu thông và tổng cung tiền (M2 hay còn gọi là tổng phương tiện thanh toán – TPTTT) tăng 46,1% vào cuối 2007 so với cùng kỳ.¹⁶ Theo NHNN, tài sản có ngoại tệ ròng tăng 42,5%

¹⁵ Căn cứ vào mức tăng dự trữ ngoại tệ theo số liệu từ Cơ sở dữ liệu Thống kê Tài chính Quốc tế (IFS) của IMF.

¹⁶ NHNN, Báo cáo Thường niên 2007.

làm M2 tăng 14,0% và tài sản có trong nước ròng tăng 47,8% làm M2 tăng 32,1%.¹⁷ Số liệu này cho thấy mặc dù xuất phát từ việc tăng mạnh tài sản ngoại tệ ròng, nhưng tăng trưởng cung tiền vẫn có đóng góp lớn của tăng tài sản trong nước. Biện pháp trung hòa (sterilization) qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) để rút tiền đồng khỏi lưu thông đã không được thực hiện đúng mức.

Hình 2: Cán cân tài chính quốc tế của Việt Nam, 2005-2008



Nguồn: IMF, Cơ sở dữ liệu Thống kê Tài chính Quốc tế (IFS).

Lãi suất chính sách của NHNN được giữ nguyên không đổi trong suốt năm 2007 (lãi suất tái cấp vốn ở mức 6,5%, lãi suất chiết khấu 4,5% và lãi suất cơ bản 8,25%). Theo NHNN: “Để tránh tác động không thuận lợi đối với tăng trưởng kinh tế, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất do NHNN công bố”.¹⁸ Lãi suất huy động và cho vay của các TCTD vì vậy cũng không đổi (xem Hình 3). Biện pháp thắt chặt duy nhất vào tháng 6/2007 là nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng của các NHTM từ 5% lên 10% (riêng đối với Agribank từ 4% lên 8%). Trả lời phỏng vấn Thời báo Kinh tế Việt Nam ngày 28/8/2007, Vụ trưởng Vụ Chính sách Tiền tệ của NHNN cho rằng: “mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) là 0,55%, thấp hơn mức tăng trong tháng 7 trước đó (0,9%). Điều này cũng cho thấy lạm phát đang có dấu hiệu tăng chậm lại, các giải pháp nói chung mà Chính phủ chỉ đạo và của NHNN nói riêng đang phát huy khá hiệu quả”.

Thực tế diễn ra về kinh tế vĩ mô là lạm phát tăng tốc từ 6,5% vào đầu năm lên 12,6% vào cuối năm 2007.¹⁹ Hình 6 cho thấy tín dụng nội địa tăng lên liên tục trong năm 2007 và đầu 2008. Tốc độ tăng trưởng tín dụng so với cùng kỳ vào cuối năm 2007 là 53,9%.²⁰

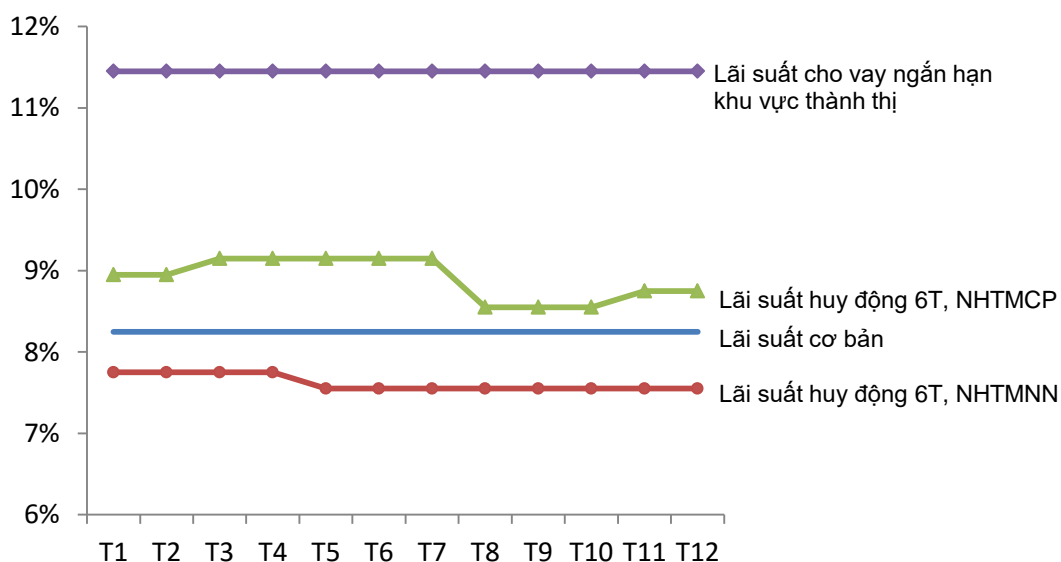
¹⁷ Như trên.

¹⁸ Như trên.

¹⁹ Theo số liệu chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Tổng cục Thống kê VN.

²⁰ NHNN, Báo cáo Thường niên 2007.

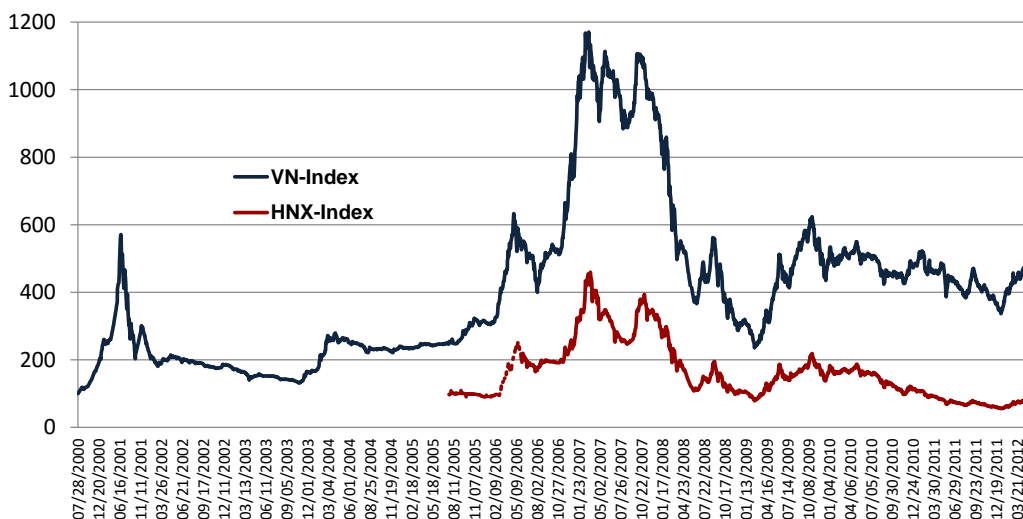
Hình 3: Lãi suất huy động và cho vay của các TCTD năm 2007



Nguồn: NHNN, Báo cáo Thường niên 2007.

Chỉ số VN-Index trên thị trường cổ phiếu TP.HCM (HOSE) tăng từ 307,5 điểm ngày 30/12/2005 lên đỉnh cao 1.171 điểm vào 12/3/2007 (tốc độ tăng 281%). Cũng trong thời gian này, tổng giá trị vốn hóa thị trường đi từ 0,6 tỷ USD (1% GDP) lên 23 tỷ USD (34% GDP). Tỷ số giá cổ phiếu/lợi nhuận (P/E) bình quân trên TCTK VN là 53,6 năm 2006 và 32,4 năm 2007.²¹ Chỉ số P/E và thời điểm trước khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 của Thái Lan cũng chỉ là 31,4; Indonesia 24,7; Malaysia 30,9; và Hàn Quốc là 31,4. Bong bóng cổ phiếu sau đó vỡ và chỉ số VN-Index giảm xuống mức thấp nhất là 235,5 điểm vào 24/2/2009. (Xem Hình 4).

Hình 4: Chỉ số cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam

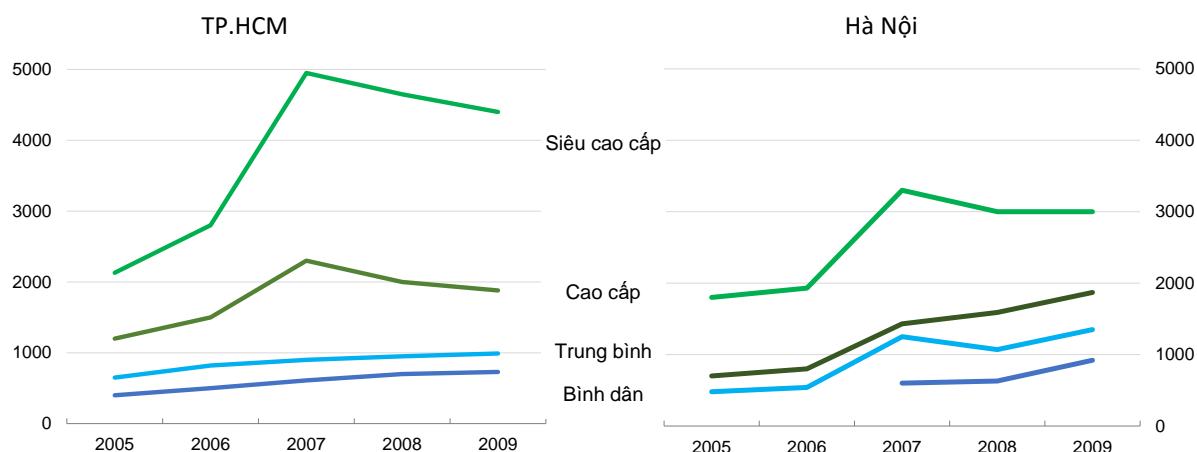


Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Trên thị trường BĐS, bong bóng giá cũng hình thành, nhưng trễ hơn so với cổ phiếu. Hình 5 cho thấy giá căn hộ, đặc biệt là căn hộ cao và siêu cao cấp tăng mạnh ở TP.HCM và Hà Nội trong năm 2006-2007.

²¹ IMF, "Vietnam: Selected Issues", IMF Country Report No. 07/385, tháng 12/2007. Tính toán cho 30 công ty niêm yết có giá trị vốn hóa lớn nhất.

Hình 5: Giá căn hộ trên thị trường BĐS TP.HCM và Hà Nội (USD/m²)



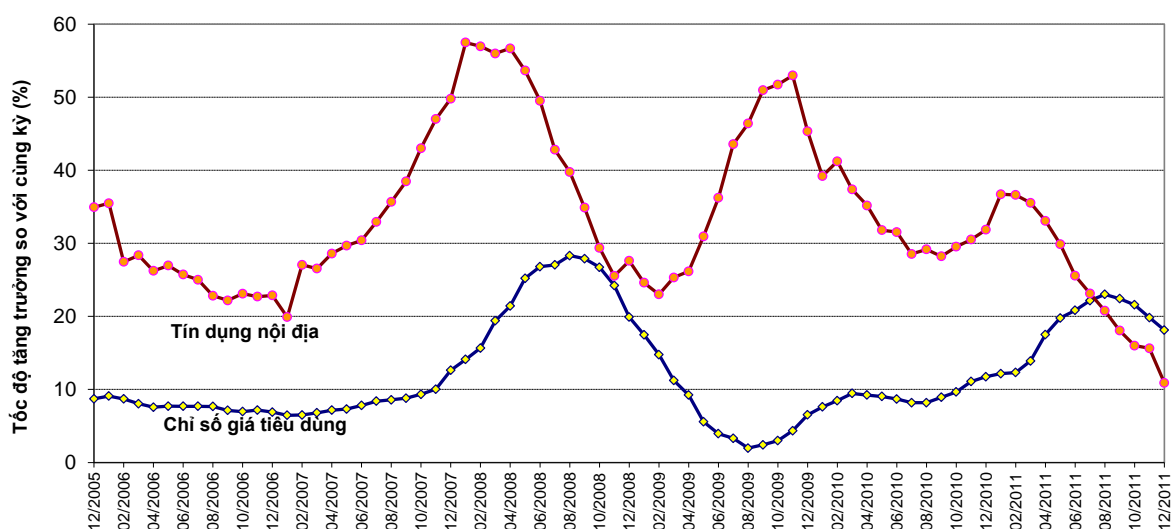
Nguồn: CBRE, “HCMC Quarterly Report”, ngày 9/7/2009 và “Hanoi Quarterly Report”, ngày 12/4/2010.

2. Chính sách tiền tệ thắt chặt 2008

(*Câu hỏi: Việc thắt chặt mạnh chính sách tiền tệ năm 2008 là cần thiết để kiểm soát lạm phát hay là nguyên nhân làm vỡ bong bóng tài sản và làm suy yếu hệ thống các NHTM?*)

Trước áp lực lạm phát tăng cao (Hình 6), quyết định thắt chặt mạnh chính sách tiền tệ được NHNN thực hiện vào ngày 16/3/2008 với việc phát hành tín phiếu NHNN bắt buộc kỳ hạn 364 ngày với tổng giá trị 20.300 tỷ đồng để hút tiền khỏi lưu thông. Các TCTD, sau khi bắt buộc phải mua, không được phép sử dụng tín phiếu này trong các nghiệp vụ tái cấp vốn với NHNN.

Hình 6: Lạm phát và tăng trưởng tín dụng, 2006-2011



Nguồn: IMF, Cơ sở dữ liệu Thống kê Tài chính Quốc tế (IFS).

Tiếp theo đó, vào ngày 19/5/2008, NHNN đã tăng mạnh tất cả các lãi suất chính sách:^{22, 23}

²² Trước đó (ngày 1/2/2008), NHNN đã điều chỉnh tăng các mức lãi suất chính sách (lãi suất tái cấp vốn từ 6,5% lên 7,5%; lãi suất tái chiết khấu từ 4,5% lên 6%; lãi suất cơ bản từ 8,25% lên 8,75%) và dự trữ bắt buộc (từ 10% lên 11%).

²³ Theo Quyết định 1098/QĐ-NHNN của NHNN ngày 16 tháng 5 năm 2008.

- Lãi suất tái cấp vốn: từ 7,5% lên 13% (lên tiếp 15% từ 11/6/2008)
- Lãi suất tái chiết khấu: từ 6% lên 11% (lên tiếp 13% từ 11/6/2008)
- Lãi suất cơ bản: từ 8,75% lên 12% (lên tiếp 14% từ 11/6/2008)

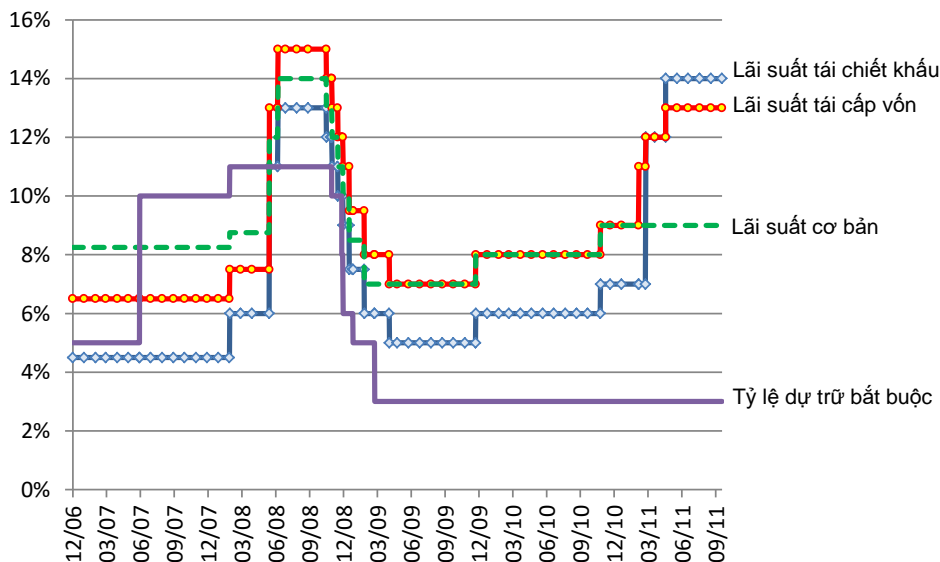
Trong vòng 12 tháng (T2/2008-T2/2009), tăng trưởng tín dụng đã giảm xuống còn 23,0%. Lạm phát, sau khi cán mức 28,3% vào tháng 8/2008, cũng giảm xuống và đến tháng 8/2009 thì chỉ còn 2,0%.

3. Chính sách tiền tệ nới lỏng 2009-2010

(Câu hỏi: Việc điều hành chính sách tiền tệ thắt vào – mở ra là linh hoạt để đạt cả mục tiêu ổn định vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hay là nguyên nhân dẫn tới sự trì trệ của thị trường tài chính?)

Trong bối cảnh NHNN vừa thắt chặt chính sách tiền tệ ở Việt Nam để tái lập ổn định vĩ mô thì cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu xảy ra xuất phát từ sự sụp đổ mang tính hệ thống của thị trường nợ dưới chuẩn (subprime debt) tại Hoa Kỳ. Từ tháng 8/2008, NHNN đã “từng bước nới lỏng chính sách tiền tệ để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và chủ động hạn chế tác động của khủng hoảng tài chính và ngăn chặn nguy cơ suy giảm kinh tế”.²⁴ Từ 1/10/2008, NHNN cho phép các TCTD được sử dụng tín phiếu bắt buộc để vay tái cấp vốn hay rút trước hạn. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc và các mức lãi suất chính sách được điều chỉnh giảm xuống bắt đầu từ 21/10/2008 (xem Hình 7).

Hình 7: Lãi suất chính sách và tỷ lệ dự trữ bắt buộc, 2007-2011



Nguồn: Các quyết định điều chỉnh lãi suất chính sách và tỷ lệ dự trữ bắt buộc của NHNN.

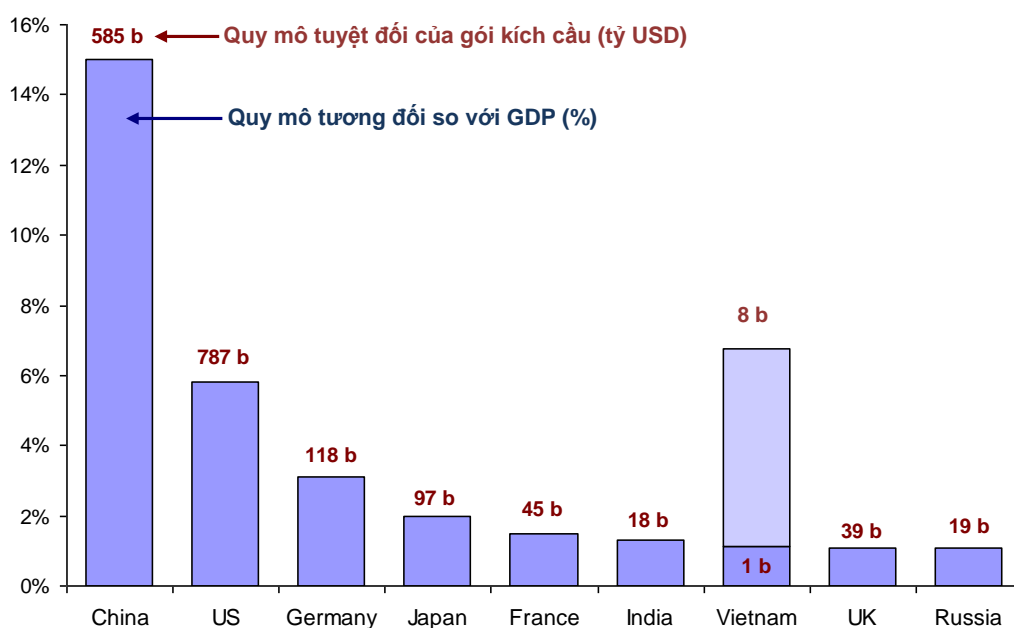
Cùng với việc NHNN nới lỏng chính sách tiền tệ từ Quý 4/2008 đến hết Quý 1/2009, Chính phủ đã đưa vào triển khai gói kích cầu để đối phó với tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Hình 8 so sánh quy mô tuyệt đối và tương đối gói kích cầu của Việt Nam so với các nền kinh tế trong năm 2009. Dưới đây là chi tiết của gói kích cầu này:

- Hỗ trợ lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn
 - ✓ Quy mô: 1 tỷ USD
 - ✓ Nguồn: Dự trữ của NHNN

²⁴ NHNN, Báo cáo Thường niên 2008.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng và nhà ở xã hội
 - ✓ Quy mô: 5,1 tỷ USD
 - ✓ Nguồn: Vốn kế hoạch bị cắt giảm trong năm 2008 (1,9 tỷ USD); Tạm ứng từ ngân sách (2,1 tỷ USD); Trái phiếu chính phủ (1,1 tỷ USD)
- Giảm thuế
 - ✓ Quy mô: 1,6 tỷ USD
 - ✓ Nguồn: Thuế GTGT (giảm 50% đối với một số hàng hóa – dịch vụ trong nước và hàng nhập khẩu, tương đương 100 triệu USD); Thuế TNDN (giảm 30% do DN vừa và nhỏ, giãn nộp thuế 9 tháng cho một số DN, tương đương 1,2 tỷ USD); Miễn thuế TNCN (6 tháng, tương đương 300 triệu USD).
- An sinh xã hội
 - ✓ Quy mô: 0,4 tỷ USD
 - ✓ Nguồn: Ngân sách nhà nước.

Hình 8: Gói kích cầu của các quốc gia năm 2009



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tạp chí The Economist, Báo The Financial Times và Chính phủ Việt Nam.

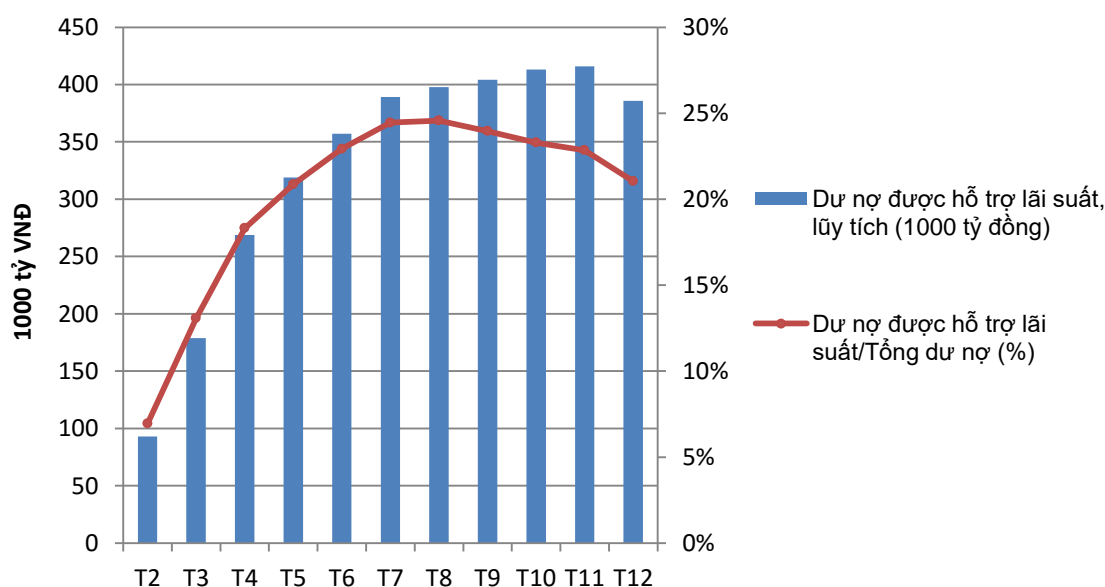
Chương trình hỗ trợ lãi suất được NHNN trực tiếp triển khai sau khi Thủ tướng CP ký Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 23/1/2009. Các khoản cho vay hoạt động SXKD do NHTM, công ty tài chính, NH Phát triển VN và NH Chính sách Xã hội cung cấp từ ngày 1/2/2009 đến 31/12/2009 được hỗ trợ lãi suất ở mức 4%/năm trong thời gian tối đa 8 tháng. NHNN dùng 17,000 tỷ đồng (1 tỷ USD) từ dự trữ để tài trợ cho tiền lãi được hỗ trợ ở mức 4%. Tổng dư nợ của chương trình đạt giá trị cao nhất là 41,6 nghìn tỷ đồng vào tháng 11/2009, chiếm 23% tổng dư nợ tín dụng toàn hệ thống (Hình 9).

Như minh họa trong Hình 6, tín dụng tăng tốc trở lại từ tháng 3/2009. Theo IMF, tăng trưởng tín dụng nội địa của Việt Nam năm 2009 là 45,3%.²⁵ Còn theo NHNN, tín dụng nội địa tăng 37,5% năm 2009.²⁶

²⁵ Tính theo số liệu từ CSDL Thống kê Tài chính Quốc tế (IFS) của IMF.

²⁶ NHNN, Báo cáo Thường niên 2009, trang 18.

Hình 9: Giải ngân vốn vay chương trình hỗ trợ lãi suất năm 2009



Nguồn: Tính toán từ các thông cáo báo chí của NHNN.

Chính sách tiền tệ vẫn được nới lỏng trong năm 2010. Phải đến đầu tháng 11/2010, NHNN mới điều chỉnh các lãi suất chính sách lên đều ở mức 1 điểm %.²⁷ Tổng lượng tiền bơm rông ra nền kinh tế thông qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) của NHNN trong năm 2010 là 98.500 tỷ đồng.²⁸ Theo Báo cáo Thường niên 2010 của NHNN, cung tiền M2 và dư nợ tín dụng cho nền kinh tế tăng lần lượt 33,3% và 31,2% trong năm 2010. Còn theo CSDL Thống kê Tài chính Quốc tế của IMF thì tốc độ tăng trưởng cung tiền M2 và dư nợ tín dụng cho nền kinh tế lần lượt là 29,7% và 31,9% trong năm này.

Lạm phát, trễ khoảng 7 tháng so với tín dụng, tăng trở lại từ tháng 9/2009, đi lên liên tục và đến tháng 2/2011 là 12,3% và tháng 8/2011 là 23,0%.

4. Chính sách tiền tệ thắt chặt 2011

(Câu hỏi: Nghị quyết 11 có tầm quan trọng như thế nào trong việc tái lập ổn định kinh tế vĩ mô?)

Trước thực tế tái diễn bất ổn kinh tế vĩ mô, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh xã hội. Nội dung đầu tiên của nghị quyết là thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng. NHNN phải “điều hành và kiểm soát để bảo đảm tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2011 dưới 20%, tổng phương tiện thanh toán khoảng 15 - 16%” và “giảm tốc độ và tỷ trọng vay vốn tín dụng của khu vực phi sản xuất, nhất là lĩnh vực bất động sản, chứng khoán”.

Căn cứ vào Nghị quyết 11, NHNN đã ban hành Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 1/3/2011 yêu cầu các TCTD xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2011 phù hợp với mục tiêu tốc độ tăng tín dụng dưới 20%.

²⁷ NHNN, Quyết định 2619 và 2620/QĐ-NHNN ngày 05/11/2010.

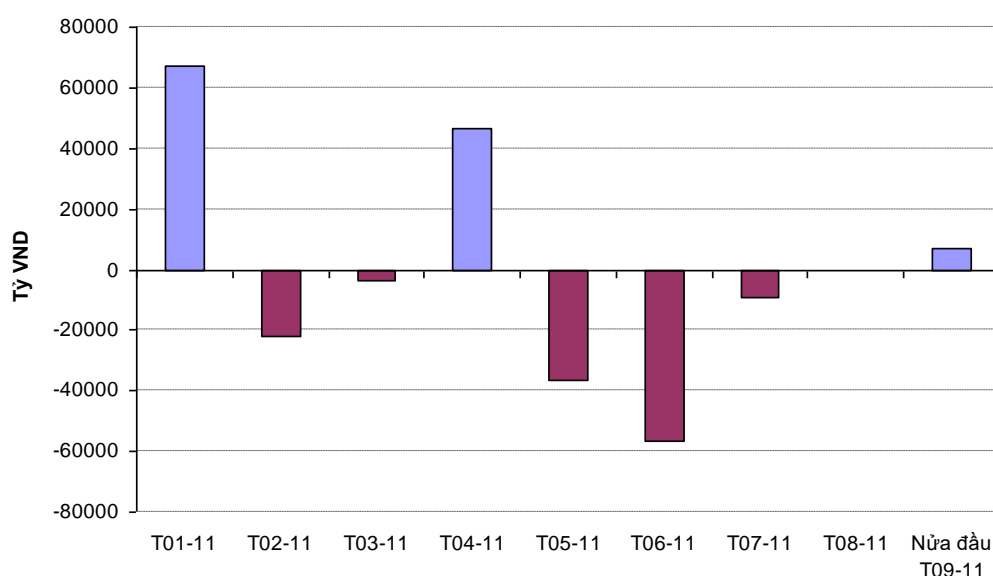
²⁸ Tính toán từ kết quả các phiên giao dịch OMO do NHNN công bố.

Các mức lãi suất chính sách được NHNN điều chỉnh tăng lên (lãi suất tái cấp vốn từ 9% lên 11% vào ngày 17/2/2011 và 12% ngày 1/5/2011; lãi suất tái chiết khấu từ 7% lên 12% vào ngày 3/8/2011 và 14% ngày 1/5/2011²⁹). Lãi suất cơ bản và tỷ lệ dự trữ bắt buộc VND được giữ nguyên. (Xem Hình 7).

Trên thị trường mở, NHNN đã ngưng bơm tiền và chuyển sang hút ròng. Riêng trong tháng 2/2011, NHNN đã thực hiện hút ròng tiền ở mức 61.317 tỷ đồng.³⁰ Từ tháng 5-8/11, tổng giá trị hút ròng lên tới 102.388 tỷ đồng (Hình 10).

Kết quả, cung tiền M2 tăng 12,1% trong năm 2011 so với 33,% năm 2010.³¹ Tăng trưởng tín dụng đã giảm từ 32,4% cuối năm 2010 xuống 14,3% cuối năm 2011.³² Tỷ lệ lạm phát bắt đầu giảm từ tháng 9/2011 (22,4%) xuống 5,0% vào tháng 8/2012.³³

Hình 10: Tiền bơm ròng/hút ròng qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) của NHNN



Nguồn: Tính toán từ kết quả các phiên giao dịch OMO do NHNN công bố

5. Kiểm soát lãi suất tiền đồng

(Câu hỏi: Kiểm soát lãi suất là để áp chế tài chính trở lại hay là để giảm thiểu rủi ro tài chính và liệu có phải là biện pháp hữu hiệu?)

Từ tháng 6/2002, lãi suất ở Việt Nam đã được tự do hóa khi NHNN bãi bỏ quy định lãi suất cho vay phải nằm trong giới hạn lãi suất cơ bản cộng biên độ và cho phép các TCTD được xác định lãi suất cho vay trên cơ sở tự thẩm định và thương lượng với khách hàng.

Trước bối cảnh lãi suất tiền gửi và cho vay danh nghĩa tăng lên theo lạm phát vào cuối 2007 và đầu 2008, NHNN đã quy định trần lãi suất huy động ở mức 12% từ ngày 16/2/2008.³⁴ Sau đó, NHNN ban

²⁹ NHNN, Quyết định 379/QĐ-NHNN ngày 8/3/2011 và Quyết định 929/QĐ-NHNN 29/4/2011.

³⁰ Tính toán từ kết quả các phiên giao dịch OMO do NHNN công bố.

³¹ Số liệu của NHNN trong Báo cáo Thường niên 2011. Theo số liệu của IMF, tốc độ tăng M2 năm 2011 là 11,9% so với 29,7% năm 2010.

³² Số liệu của NHNN trong Báo cáo Thường niên 2011. Theo số liệu của IMF, tốc độ tăng tín dụng năm 2011 là 10,9% so với 31,9% năm 2010.

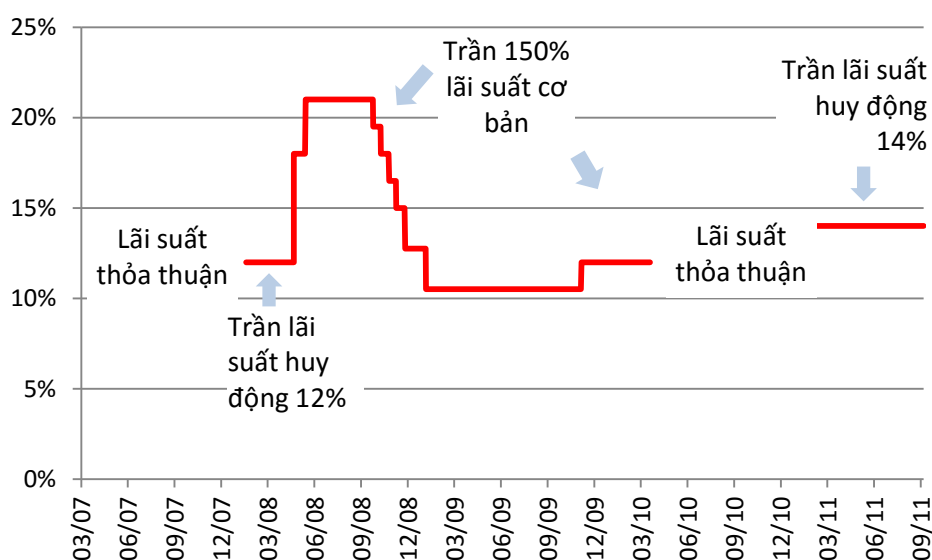
³³ Theo số liệu CPI do Tổng cục Thống kê VN công bố.

hành Quyết định 16/2008/QĐ-NHNN quy định lãi suất huy động và cho vay của các TCTD không được vượt quá mức bằng 150% lãi suất cơ bản từ ngày 16/5/2008 (trần lãi suất huy động 12% được dỡ bỏ).³⁵

Trong năm 2009, mặc dù vẫn điều hành lãi suất theo cơ chế lãi suất cơ bản, nhưng ngay từ đầu năm NHNN đã cho phép các TCTD được tự thỏa thuận lãi suất với khách hàng đối với hoạt động cho vay tín dụng tiêu dùng và cho vay thẻ tín dụng.³⁶

Ngày 14/4/2010, kiểm soát lãi suất lại được tháo bỏ khi NHNN cho phép các TCTD cho vay bằng VND đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận theo Thông tư 12/2010/TT-NHNN. Yêu cầu đối với các TCTD là phải niêm yết công khai và báo cáo NHNN các mức lãi suất cho vay. Quyết định số 16/2008/QĐ-NHNN của NHNN quy định trần lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản hết hiệu lực.

Hình 11: Trần lãi suất VND



Nguồn: Các quyết định và thông tư điều hành lãi suất của NHNN.

Nhưng đến tháng 11/2010, NHNN lại “chỉ đạo các TCTD ấn định lãi suất huy động bằng VND không quá 14%” (Hình 11).³⁷ Và vào ngày 3/3/2011, NHNN đã ban hành Thông tư 02/2011/TT-NHNN quy định mức lãi suất huy động vốn tối đa bằng VND (kể cả các khoản khuyến mại) của các TCTD không được vượt quá 14%/năm. Trong Chỉ thị 02/CT-NHNN ban hành ngày 7/9/2011, NHNN đã nhận định: “Trong thời gian qua, hầu hết tổ chức tín dụng đã thực hiện lãi suất huy động đồng Việt Nam và lãi suất huy động bằng đô la Mỹ cao hơn mức lãi suất quy định”. Theo Chỉ thị này, NHNN yêu cầu Cơ quan Thanh tra và Giám sát Ngân hàng (CQTTGS) và các chi nhánh NHNN tổ chức, duy trì đường dây nóng để tiếp nhận thông tin các TCTD huy động vượt trần. Về biện pháp xử lý vi phạm, NHNN có thể:

- Đình chỉ hoặc miễn nhiệm chức vụ của người quản lý, người điều hành của TCTD trong thời hạn 3 năm khi phát hiện TCTD vi phạm quy định về trần lãi suất huy động;
- Hạn chế mở rộng phạm vi, quy mô, địa bàn hoạt động của TCTD trong thời hạn 1 năm;

³⁴ NHNN, Báo cáo Thường niên 2008, trang 38.

³⁵ Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 đã quy định: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố”.

³⁶ NHNN, Thông tư 01/2009/TT-NHNN ngày 23/1/2009.

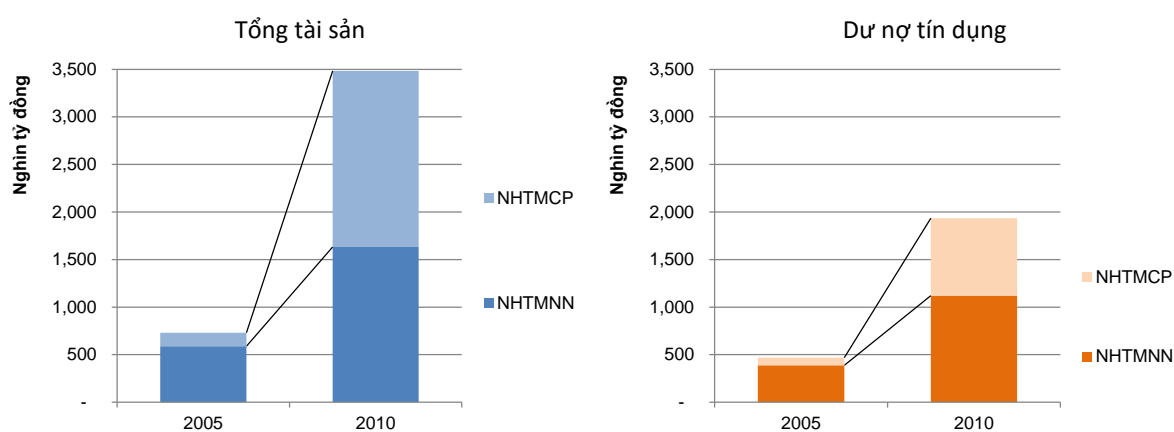
³⁷ NHNN, Báo cáo thường niên 2010, trang 28.

- Hạn chế hoặc tạm đình chỉ hoạt động huy động và cho vay của đơn vị vi phạm thuộc TCTD.

III. BỐI CẢNH KHU VỰC NGÂN HÀNG VIỆT NAM TRƯỚC THỜI ĐIỂM TÁI CƠ CẤU, THÁNG 9/2011

Sự tăng trưởng của các NHTM trong giai đoạn 2005-2010 được thể hiện qua Hình 12. Trong vòng 5 năm, tổng dư nợ tín dụng của khối NHTMNN và khối NHTMCP tăng lên lần lượt là 2,9 lần và 10,2 lần. Tổng tài sản của khối NHTMCP còn tăng lên tới 12,9 lần trong giai đoạn này, vì ngoài cho vay, các NHTMCP còn đẩy mạnh đầu tư chứng khoán và ủy thác đầu tư. Đây cũng là lần đầu tiên quy mô tài sản của khối NHTMCP vượt trên khối NHTMNN. Riêng đối với 12 NHTMCP nông thôn chuyển đổi thành NHTMCP đô thị, tổng tài sản tăng lên 52,5 lần từ 2005 đến 2010.

Hình 12: Tổng tài sản và dư nợ tín dụng của NHTM nhà nước và cổ phần, 2006-2010



Nguồn: Tác giả tính toán từ BCTC năm 2005-06 và 2010-11 của các NHTM.

1. Sở hữu, cho vay và đầu tư chéo

(Câu hỏi: NHTM, DN và các nhà đầu tư có dùng sở hữu chéo để lách các quy định về giới hạn sở hữu, cấp tín dụng, góp vốn, mua cổ phần, đầu tư BĐS, đầu tư vàng và ủy thác đầu tư hay không?)

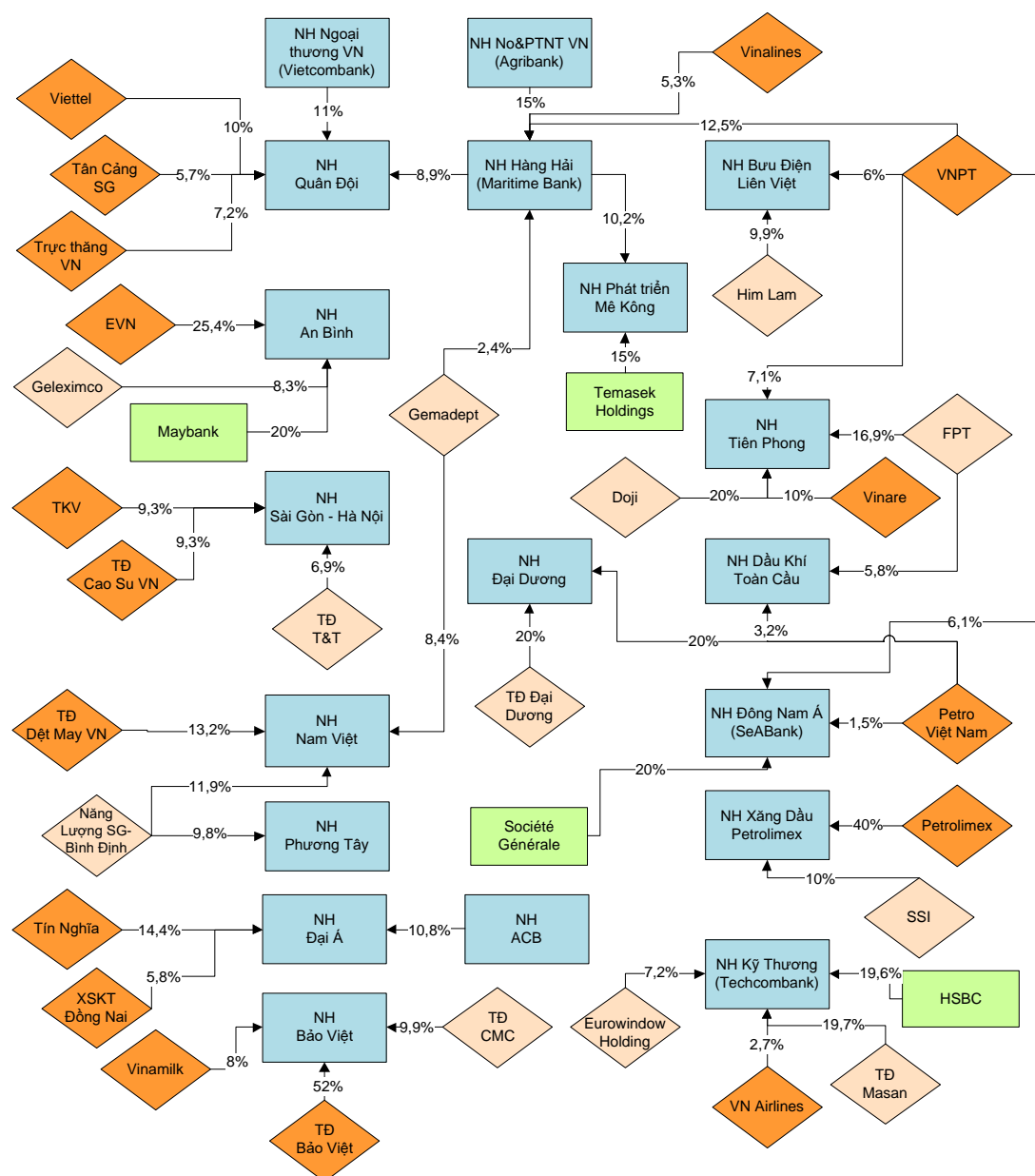
Kể từ 2005 tới nay, sự tăng trưởng nhanh chóng của các NHTMCP đã đi kèm với việc hình thành một cấu trúc sở hữu chéo giữa ngân hàng với DN phi ngân hàng, với nhóm cổ đông cá nhân và ngân hàng với ngân hàng. Hình 13 minh họa các quan hệ sở hữu giữa các NHTM và DN. Có thể thấy, đa số các NHTM hoặc là do các NHTM khác sở hữu hoặc sở hữu các NHTM khác hoặc cả hai. Tất cả các TĐ và TCT nhà nước lớn đều góp vốn và/hay mua cổ phần của NHTM. Các TĐ kinh tế tư nhân hoặc trực tiếp sở hữu NHTM hoặc gián tiếp qua các công ty con, công ty liên kết, CTCP đầu tư tài chính.

Chính NHNN đã đánh giá sở hữu chéo giữa các TCTD là rất lớn; nhà đầu tư thông qua hình thức ủy thác đã nắm quyền kiểm soát của TCTD; bằng nhiều kỹ thuật khác nhau cấu trúc sở hữu chéo giúp TCTD và cổ đông lớn không tuân thủ các quy định an toàn tín dụng; và việc kiểm tra phát hiện sở hữu chéo là rất khó khăn do thiếu bằng chứng pháp lý.³⁸

Những phần tình huống về tái cấu trúc ngân hàng ở các mục sau sẽ cho thấy rõ hơn các cấu trúc sở hữu chéo và đầu tư chéo phức tạp bao gồm nhiều nhóm cổ đông khác nhau.

³⁸ NHNN, “Dự thảo Định hướng và giải pháp cơ cấu lại hệ thống NH VN giai đoạn 2011-2015”, tháng 10/2011.

Hình 13: Cấu trúc sở hữu giữa NHTM và các TĐ, TCT nhà nước và tư nhân ở Việt Nam tại thời điểm 30/6/2011



Ghi chú: Sơ đồ không thể hiện sở hữu của tổ chức dưới 5% trừ tổ chức có đại diện trong HĐQT. Sở hữu của cá nhân cũng không được trình bày ở đây.

Nguồn: Tính toán từ thông tin trong báo cáo thường niên, bản cáo bạch và báo cáo quản trị của các NHTM.

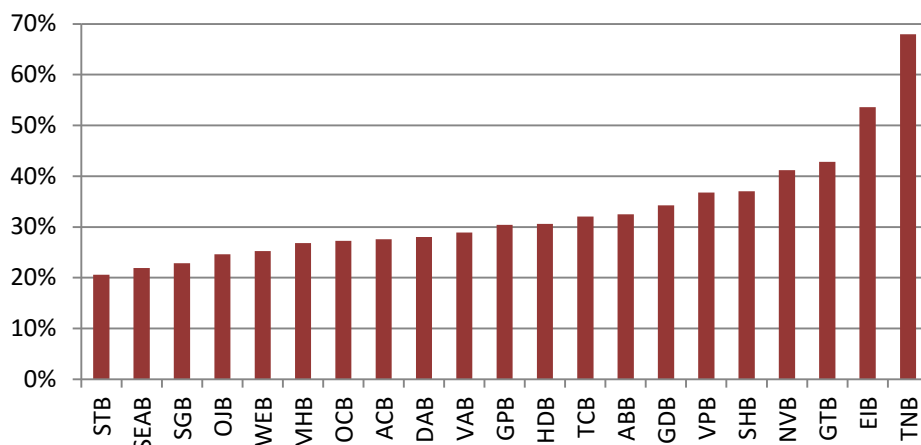
2. Cho vay bất động sản và cho vay “khác”

(Câu hỏi: Tín dụng cho vay BĐS có quy mô tuyệt đối và tương đối như thế nào trên thực tế?)

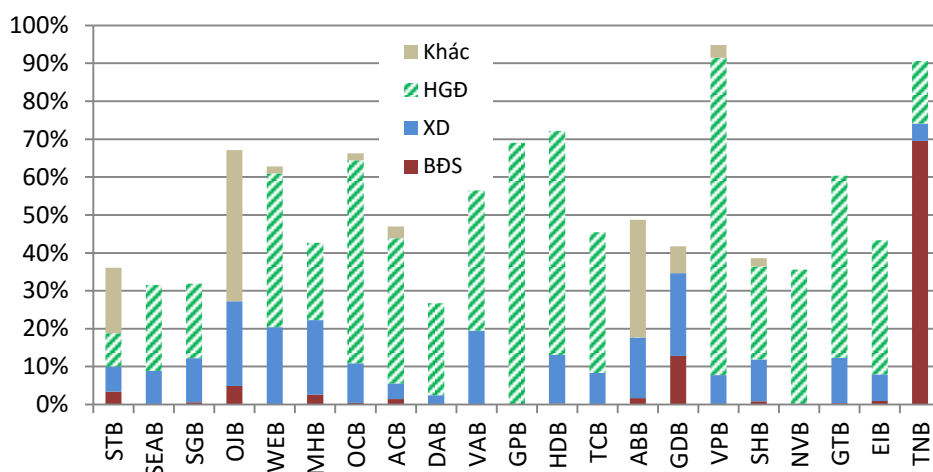
Năm 2008, NHNN đã xác định đích danh 21 NHTMCP có tỷ trọng dư nợ cho vay BĐS từ 20% trở lên vào tại thời điểm cuối năm 2007 (Hình 14). Tuy nhiên trước động thái chính sách thắt chặt cho vay BĐS của NHNN, từ năm 2009 các NHTM đã báo cáo giảm dần dư nợ tín dụng cho vay ngành này và đến cuối năm 2010 thì còn rất thấp, đồng thời báo cáo tăng cho vay các hạng mục như dịch vụ phục vụ cá nhân và cộng đồng, dịch vụ hộ gia đình, và ngành khác không phân vào đâu.

Hình 14: Thay đổi tỷ trọng dư nợ cho vay BĐS, 2007-2010

A: 21 NHTM có tỷ trọng cho vay BĐS trên 20% tổng dư nợ vào cuối 2007



B: Tỷ trọng cho vay BĐS, xây dựng (XD), phục vụ cá nhân cộng đồng và dịch vụ tại hộ gia đình (HGĐ), cho vay khác không phân vào đâu (Khác) so với tổng dư nợ của 21 NH này vào cuối 2010



Nguồn: NHNN cho năm 2007 và BCTC của các NHTM cho năm 2010.

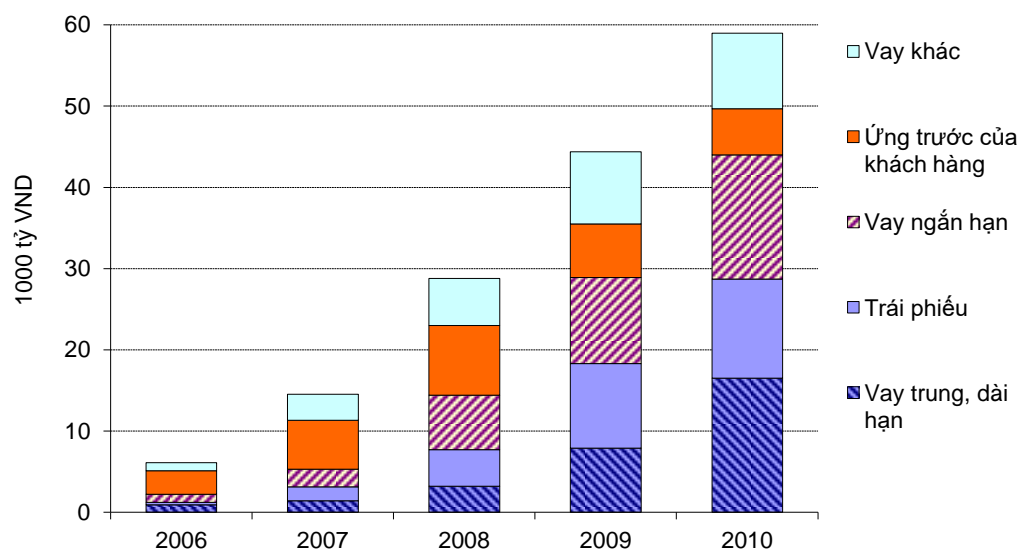
Tổng dư nợ cho vay BĐS vào cuối năm 2010 do NHNN tính cho tất cả các TCTD là 235,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,5% tổng dư nợ tín dụng. Tuy nhiên, ngoài tỷ trọng dư nợ BĐS chính thức này và chỉ tính riêng cho các NHTM trong nước, thì còn tỷ trọng 12,1% dư nợ tín dụng cho xây dựng, 16,4% cho tiêu dùng cá nhân và 7,4% là hoạt động khác không được phân vào đâu.³⁹

Tính toán từ BCTC của các công ty BĐS niêm yết, tổng nợ vay các TCTD của nhóm này (không kể ứng trước của KH và vay khác) là 44,1 nghìn tỷ đồng vào cuối 2010 và đã tăng lên mạnh mẽ từ 2006 (Hình 15). Tổng hợp BCTC Q2/2012 của 647 công ty phi tài chính niêm yết tại SGDCK TP.HCM (HSX) và Hà Nội (HNX), tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (bình quân trọng số theo giá trị sổ sách) bằng 1,53. DN xây dựng và BĐS là nhóm ngành có tỷ lệ vay nợ cao nhất với tổng nợ phải trả gấp 2,1 lần vốn chủ sở hữu (CSH).⁴⁰

³⁹ Tính toán từ báo cáo tài chính năm 2010 và 2011 của 42 NHTMNN và NHTMCP.

⁴⁰ Tính toán từ BCTC của các DN niêm yết.

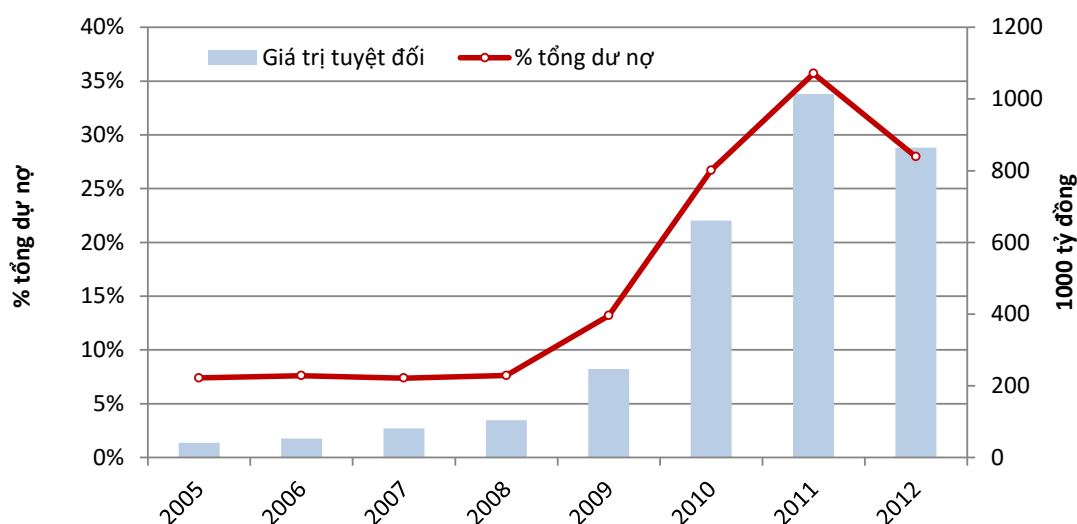
Hình 15: Giá trị và cơ cấu nợ phải trả của các công ty BĐS niêm yết



Nguồn: Tính toán từ BCTC của các công ty BĐS niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán.

Để ủng hộ đánh giá dư nợ tín dụng BĐS đã được kiểm soát, NHNN tính toán đến ngày 30/9/2011, tổng dư nợ cho vay BĐS chính thức là 203,6 nghìn tỷ đồng (giảm 13,5% so với cuối 2010), chiếm 8,2% tổng dư nợ tín dụng. Tuy nhiên, NHNN cũng thừa nhận dư nợ bảo đảm bằng BĐS là 1,33 triệu tỷ đồng, chiếm 53,3% tổng dư nợ.⁴¹

Hình 16: Tín dụng cho vay tiêu dùng, thẻ tín dụng, bất động sản, chứng khoán



Nguồn: Tính toán từ Báo cáo Thường niên của NHNN các năm 2005-2012; và IMF, Vietnam Article IV Consultation năm 2010, 2012 và 2014.

Ngày 1/3/2011, NHNN ban hành Chỉ thị 01/CT-NHNN yêu cầu các TCTD phải giảm tỷ trọng cho vay lĩnh vực phi sản xuất (bao gồm cho vay tiêu dùng, cho vay bằng thẻ tín dụng, BĐS, CK) xuống 22% tổng dư nợ vào ngày 30/6/2011 và 16% vào ngày 31/12/2011. Trường hợp TCTD chưa thực hiện được tỷ trọng này theo lộ trình, NHNN Việt Nam sẽ áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc gấp 2 lần so tỷ lệ

⁴¹ NHNN, “Dự thảo Định hướng và giải pháp cơ cấu lại hệ thống NH VN giai đoạn 2011-2015”, tháng 10/2011.

dự trữ bắt buộc chung đối với TCTD và biện pháp hạn chế phạm vi hoạt động kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2011 và năm 2012.⁴²

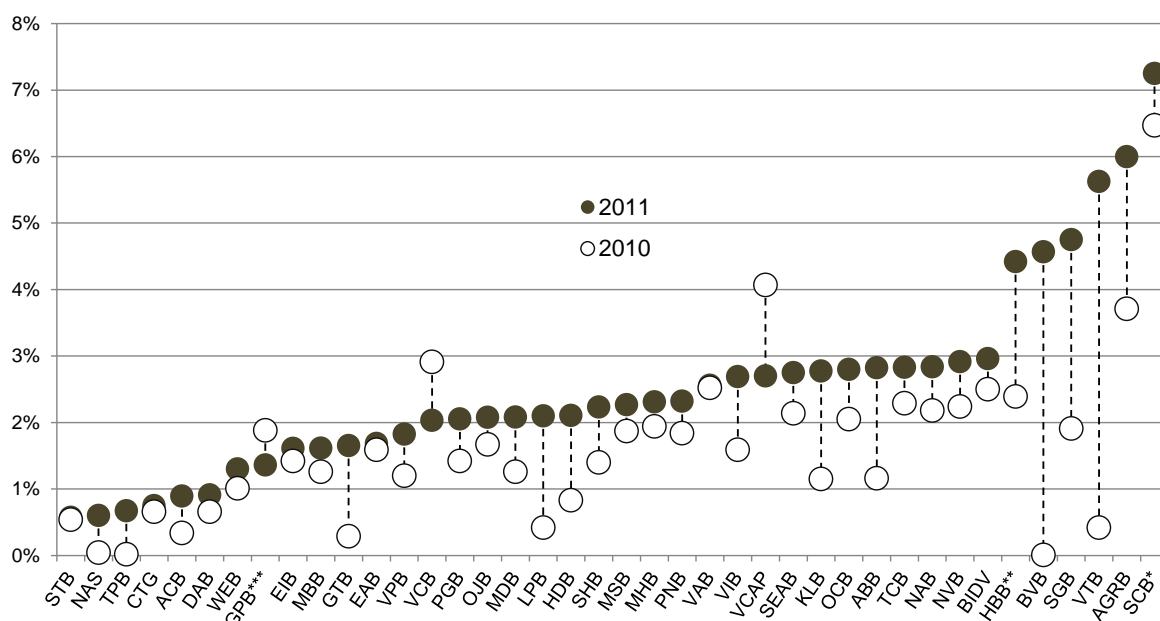
Theo Hình 16, tỷ trọng tín dụng phi sản xuất, sau thời gian ổn định ở mức 7,4-7,6% tổng dư nợ (2005-08), đã tăng lên 13,2% vào cuối năm 2010 và 35,7% vào cuối năm 2011. Dưới áp lực của Chỉ thị 01, tỷ lệ này, theo như báo cáo của các TCTD, đã nhanh chóng giảm xuống còn 28% năm 2012.

3. Nợ xấu

(Câu hỏi: Nợ xấu chính thức có phản ánh tình trạng tài chính của các NHTN? Nợ xấu thực tế của các NHTM có giá trị tuyệt đối và tỷ lệ so với tổng dư nợ bằng bao nhiêu?)

Hầu hết các NHTM (ngoại trừ Gia Định, Vietcombank và Dầu khí Toàn cầu) đều báo cáo nợ xấu gia tăng trong năm 2011 so với 2010. Tuy nhiên, nếu theo số liệu lấy từ các BCTC (đã được kiểm toán), thì chỉ có 6 NHTM có tỷ lệ nợ xấu trên 3%. Trong số này, NHTMCP Sài Gòn (gồm cả 2 NH hợp nhất vào) và Nhà Hà Nội sau đó được NHNN xác định là NH yếu kém và Agribank là NHTMNN bị buộc phải tái cơ cấu dưới sự giám sát của NHNN. (Xem Hình 17).

Hình 17: Tỷ lệ nợ xấu chính thức của các NHTM, 2010-2011



Ghi chú: * SCB sau hợp nhất, tỷ lệ nợ xấu năm 2010 là bình quân trọng số của 3 NH trước hợp nhất.

** Nợ xấu HBB (Habubank) không bao gồm nợ Vinashin. Nếu kể cả nợ Vinashin, thì tỷ lệ nợ xấu của HBB là 15,2% năm 2010 và 16,7% năm 2011.

*** Tỷ lệ nợ xấu là vào cuối năm, riêng của GPB (Dầu khí Toàn cầu) năm 2011 là cuối quý 3/2011;

Nguồn: Tác giả tính toán từ BCTC của 40 NHTM năm 2011 và 2012.

NHNN công bố giá trị nợ xấu chính thức của toàn hệ thống các TCTD⁴³ vào cuối quý 3/2011 là 82,7 nghìn tỷ đồng, bằng 3,31% tổng dư nợ và cao hơn so với cuối năm 2010 (2,16%). NHNN đánh giá:

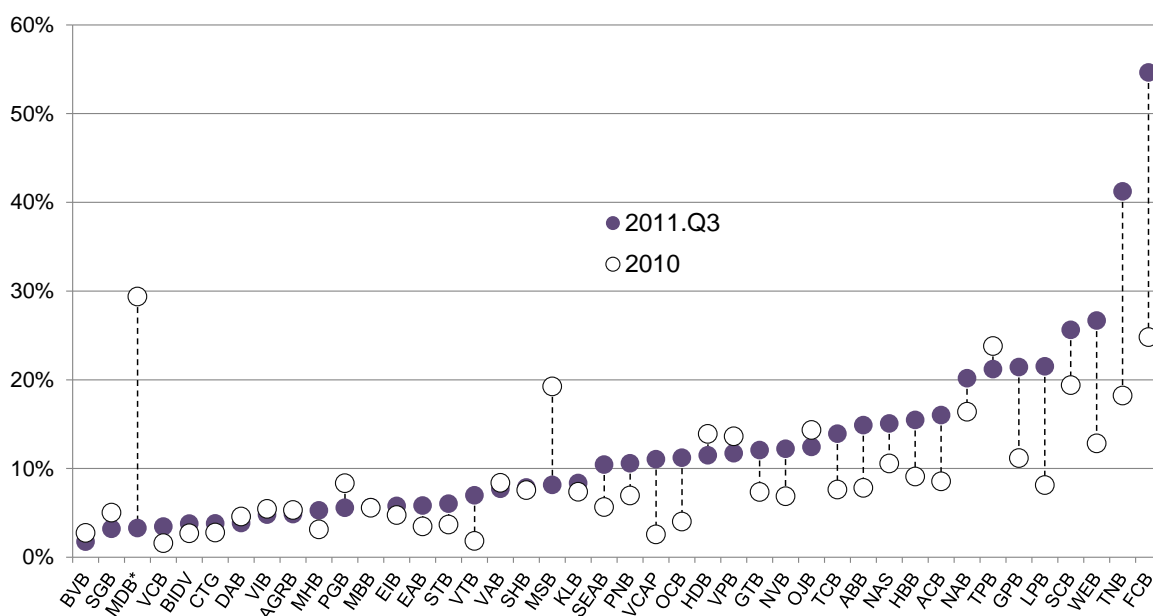
⁴² Chỉ thị này sau đó được làm rõ hơn bằng Văn bản 2956/NHNN-CSST của NHNN gửi các TCTD ngày 14/4/2011.

⁴³ Bao gồm các NHTM trong nước, NH 100% vốn nước ngoài, NH liên doanh, chi nhánh NH nước ngoài, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

“Nợ xấu có xu hướng tăng so với năm trước nhưng vẫn trong tầm kiểm soát”.⁴⁴ Tuy nhiên, theo CQTTGS của NHNN, tỷ lệ nợ xấu thực tế vào cuối tháng 6/2011 là 6,62% tổng dư nợ.⁴⁵ Tổ chức xếp hạng tín nhiệm vay nợ, Fitch Ratings, đánh giá tỷ lệ nợ xấu của Việt Nam là 13% theo Chuẩn mức Kế toán Quốc tế (IAS).⁴⁶ Trích lập dự phòng rủi ro (DPRR) tính đến 30/9/2011 bằng 47,85% giá trị nợ xấu chính thức.⁴⁷

9 tháng đầu năm 2011 còn chứng kiến sự gia tăng đột biến của hạng mục tài sản có khác trong bảng cân đối kế toán của nhiều NHTM. Tính gộp 42 NHTM trong nước, tổng giá trị các tài sản có khác tăng 57,2% vào 30/9/2011 so với 31/12/2010, trong khi tổng dư nợ cho vay chỉ tăng 7,1% và tổng tài sản chỉ tăng 12,7%.⁴⁸ Những hạng mục thường có giá trị lớn nhất của tài sản có khác là tài sản tái cơ cấu, tài sản gán nợ, ủy thác đầu tư, phải thu cản trừ nợ vay, phải thu cầm cố vàng, và lãi phải thu. Hình 18 trình bày tỷ lệ tài sản có khác/tổng tài sản của 42 NHTM vào quý 3/2011 so với cuối năm 2010.

Hình 18: Tỷ lệ tài sản có khác/tổng tài sản của các NHTM vào quý 3/2011 so với cuối năm 2010



Ghi chú: * Riêng tỷ lệ của MDB 2011 là cuối năm 2011.

Nguồn: Tác giả tính toán từ BCTC của 40 NHTM Q3/2011.

Trong nhóm có tỷ lệ tài sản có khác/tổng tài sản trên 20% vào cuối quý 3/2011, các NHTM sau này được NHNN xác định thuộc diện yếu kém phải tái cơ cấu là NHTMCP SCB, Đệ Nhất, Tín Nghĩa, Phương Tây, Dầu khí Toàn cầu và Tiên Phong.

Nợ xấu gia tăng là thời gian thị trường BĐS ở Việt Nam đóng băng. Giá căn hộ ở các phân khúc trung bình đến cao cấp giảm mạnh trong năm 2011 (Hình 19). Thị trường cổ phiếu cũng suy giảm

⁴⁴ NHNN, Báo cáo Thường niên 2011, trang 39.

⁴⁵ NHNN, “Dự thảo Định hướng và giải pháp cơ cấu lại hệ thống NH VN giai đoạn 2011-2015”, tháng 10/2011.

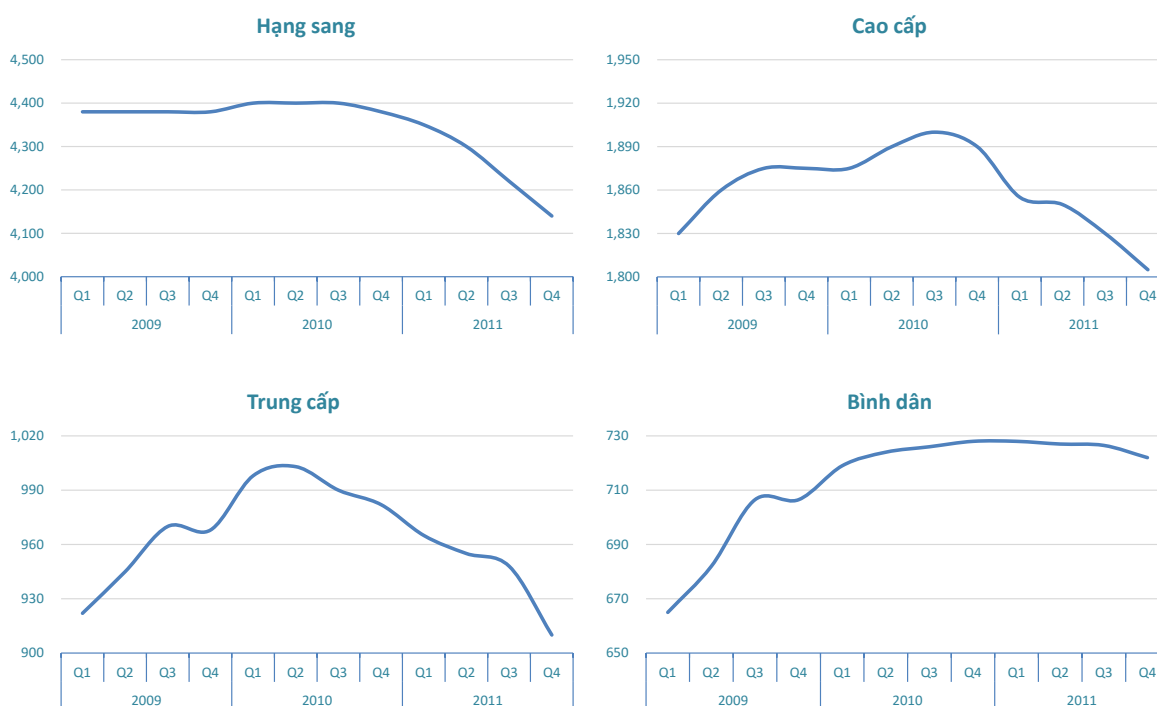
⁴⁶ Fitch Ratings, Vietnam: Full Rating Report, 15/6/2011.

⁴⁷ NHNN, “Dự thảo Định hướng và giải pháp cơ cấu lại hệ thống NH VN giai đoạn 2011-2015”, tháng 10/2011.

⁴⁸ Tính toán từ báo cáo tài chính quý 3/2011 của 42 NHTM trong nước.

trong năm 2011: chỉ số VN-Index giảm 27,5% và giá cổ phiếu bình quân trọng số của nhóm công ty BĐS giảm 45%.⁴⁹

Hình 19: Giá bán căn hộ (USD/m²)



Nguồn: CBRE Việt Nam, “CBRE Fearless Forecast 2012”, tháng 1/2012.

4. Thanh khoản

(Câu hỏi: Nhiều NHTM mất thanh khoản trong năm 2011 là mang tính tạm thời do mất cân đối trạng thái về kỳ hạn, ngoại tệ và vàng hay là dấu hiệu của mất khả năng chi trả do nợ xấu cao?)

Tỷ lệ cho vay so với huy động tiền gửi (LDR) của toàn hệ thống các TCTD tăng từ 83,4% năm 2008 lên tới 103,4% năm 2011.⁵⁰ Sau khi chuyển các khoản đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) và ủy thác đầu tư thành dư nợ cho vay, tỷ lệ LDR toàn hệ thống lên đến 116,9%.⁵¹

Về cân đối kỳ hạn huy động và cho vay, tiền gửi không kỳ hạn⁵² và kỳ hạn dưới 6 tháng chiếm 77,8% tổng huy động, còn dư nợ tín dụng trung và dài hạn chiếm 42,4% tổng dư nợ tín dụng tính tại thời điểm 30/9/2011. Tỷ lệ tài sản có thanh khoản ngay trên tổng nợ phải trả ngày hôm sau (tỷ lệ khả năng chi trả ngay) bình quân các TCTD trong nước là 18,96%. Khả năng chi trả trong vòng 1 tháng và 6 tháng của các NHTM trong nước đều thấp hơn 50%.

Về cân đối trạng thái ngoại tệ, tỷ lệ cho vay/tiền gửi bằng ngoại tệ là 129,19% tính bình quân toàn hệ thống, nhưng giá trị chênh lệch tuyệt đối chỉ ở mức 123.366 tỷ đồng (5,9 tỷ USD). Tỷ lệ này cao là ở

⁴⁹ Số liệu chỉ số VN-Index từ Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và giá cổ phiếu các công ty BĐS từ CBRE Việt Nam.

⁵⁰ Trong khi Thông tư 13/2010/TT-NHNN quy định tỷ lệ này phải từ 80% trở xuống.

⁵¹ Số liệu từ Báo cáo giám sát tài chính năm 2012 của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia.

⁵² Giá trị tài sản có bằng VND có tính thanh khoản cao là 304.234 tỷ đồng, tương đương tiền gửi không kỳ hạn toàn hệ thống vào ngày 19/10/2011.

nhóm các NHTMNN (124,1%) và NH liên doanh – nước ngoài (147,4%).⁵³ Bảng 7 trình bày vay ngoại tệ của các NHTM từ nước ngoài vào cuối năm 2010 và tháng 6/2011 có tổng giá trị dưới 5,4 tỷ USD.

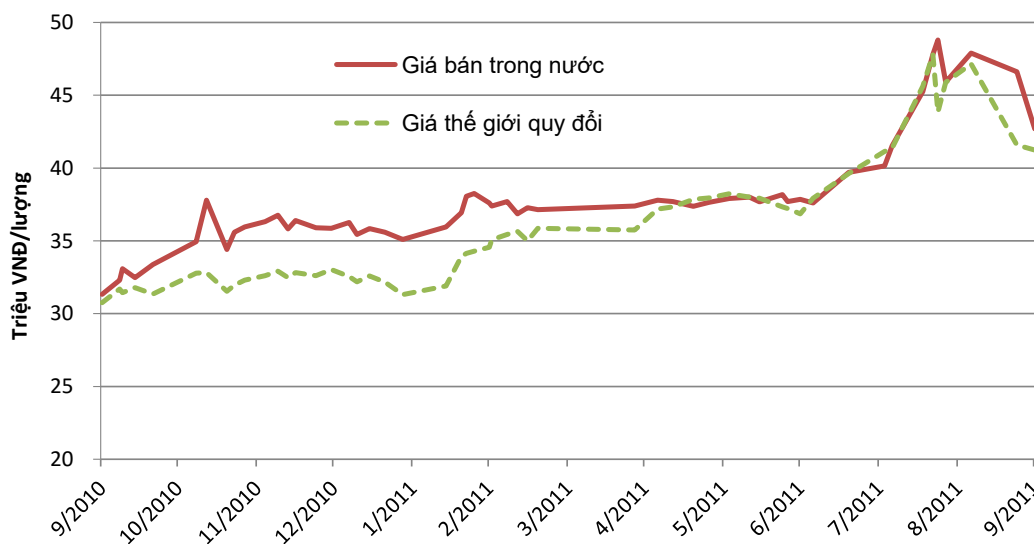
Bảng 7: Vay ngoại tệ từ nước ngoài (tỷ USD)

	31/12/2010	30/6/2011
Các ngân hàng thương mại nhà nước	1,634	2,112
Các ngân hàng thương mại cổ phần	0,612	0,832
Các NH liên doanh, 100% vốn nước ngoài và chi nhánh NH nước ngoài	1,925	2,439
Cộng	4,170	5,384

Nguồn: Báo cáo giám sát tài chính năm 2012 của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia.

Về cân đối trạng thái vàng, 20 NHTM được NHNN xác định là có trạng thái vàng âm rất sâu so với số huy động. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới xuất hiện ở mức cao từ đầu quý 3/2010 và có lúc lên đến 5 triệu đồng/lượng. Trong 9 tháng đầu năm 2011, giá vàng thế giới và trong nước cùng tăng mạnh, đạt mức đỉnh 48,5 triệu đồng/lượng vào tháng 8/2011. (Xem Hình 20). Chênh lệch giá vàng trong nước – thế giới cộng với chênh lệch lãi suất vàng và lãi suất tiền đồng trở thành động cơ để nhiều NHTM tham gia đầu cơ vàng. Việc huy động vàng là rất phổ biến ở các NHTM. Một số NH cho vay vàng trung và dài hạn từ nguồn vốn huy động này, tạo ra bất cân đối kỳ hạn về huy động và cho vay vàng. Nhưng nhiều NH cũng bán vàng huy động, chuyển sang tiền đồng để cho vay/đầu tư nên tạo ra trạng thái âm.

Hình 20: Biến động giá vàng trong nước và thế giới, tháng 9/2010 đến tháng 9/2011



Nguồn: Giá vàng Việt Nam từ Công ty SJC và giá vàng thế giới từ Kitco Metal Inc.

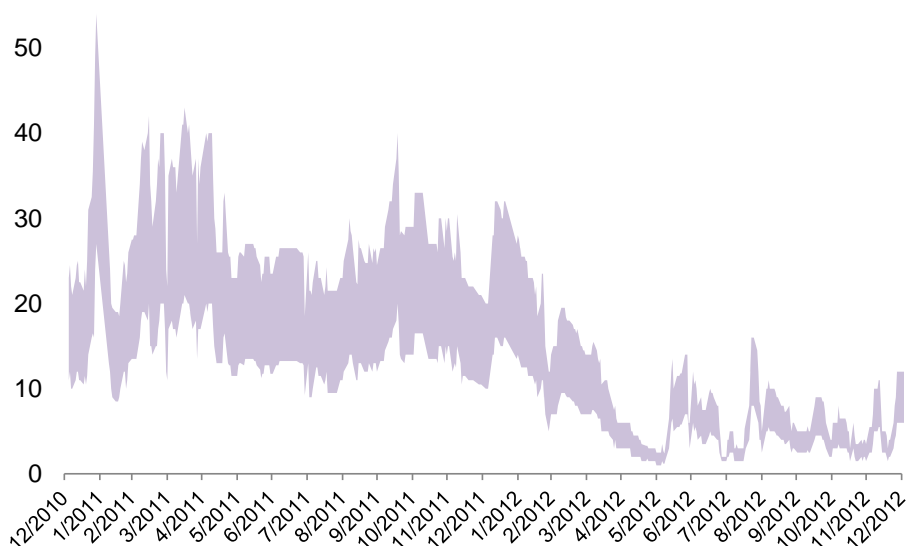
Tình trạng khó khăn về thanh khoản vào đầu năm 2011 được biểu hiện bởi việc các NHTM: (i) đưa lãi suất tiền gửi để huy động vốn; (ii) phụ thuộc vào thị trường 2 để huy động vốn (vay liên ngân hàng) và với những biến động mạnh của lãi suất liên ngân hàng; (iii) vay tái cấp vốn từ NHNN.⁵⁴

⁵³ Số liệu từ Báo cáo giám sát tài chính năm 2012 của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia.

⁵⁴ Theo Luật NHNN 2010, tái cấp vốn là hình thức cấp tín dụng của NHNN nhằm cung ứng vốn ngắn hạn và phương tiện thanh toán cho TCTD. NHNN tái cấp vốn bằng cách cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá, chiết khấu giấy tờ có giá, cho vay theo hồ sơ tín dụng và hình thức khác do NHNN quy định.

Trong Báo cáo Thường niên 2011, NHNN đã nhận định: “Cuối tháng 6/2011, lãi suất huy động VND bình quân ở mức 15,6%/năm, so với mức 12,44% thời điểm cuối năm 2010, cao hơn trần lãi suất 14%/năm do một số các TCTD khó khăn về thanh khoản “lách” quy định trần lãi suất của NHNN”. Như minh họa ở Hình 21, trong suốt năm 2011, lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh, có nhiều lúc lên tới 30-40%/năm, cá biệt có lúc lên tới trên 50%/năm.

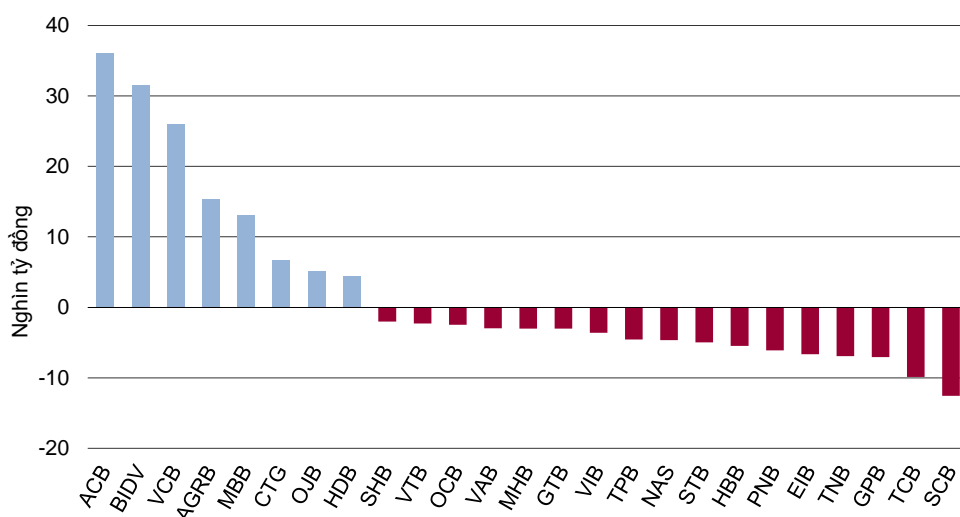
Hình 21: Biến động lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)



Nguồn: Cơ sở dữ liệu tài chính của Công ty Chứng khoán TP.HCM (HSC).

Số dư huy động trên thị trường liên ngân hàng vào ngày 30/9/2011 là 702.527 tỷ đồng, bằng 28,1% tổng dư nợ cho vay của các TCTD. BCTC các NHTM quý 3/2011 cho thấy 17 NH phải vay ròng lớn trên thị trường liên ngân hàng, và người cho vay ròng là một số ít các NHTMNN và NHTMCP lớn (Hình 22). Trong nhóm vay thị trường 2 lớn vào thời điểm này mà sau đó được NHNN cho vào nhóm các NH yếu kém phải tái cơ cấu có NHTMCP SCB, Dầu khí Toàn cầu, Tín Nghĩa, Nhà Hà Nội, Tiên Phong và Đại Tín. Southern Bank, Sacombank và Eximbank, mặc dù không chính thức nằm trong nhóm yếu kém, nhưng sau này cũng là đối tượng và mục tiêu của hoạt động thu tóm, sáp nhập.

Hình 22: Gửi tiền/cho vay ròng các TCTD khác, 30/9/2011



Nguồn: BCTC quý 3 năm 2011 của các NHTM.

Trong Báo cáo Thường niên 2010 và 2011, NHNN đã xác nhận việc sử dụng công cụ tái cấp vốn thường xuyên trong hai năm này để hỗ trợ vốn ngắn hạn cho các TCTD. Các khoản cho vay tái cấp vốn này có kỳ hạn 1-3 tháng. Tuy nhiên, BCTC của các NHTM cho thấy một số NH vẫn vay tái cấp vốn liên tục. Tính đến cuối quý 3/2011, số dư NHNN cho vay tái cấp vốn và trên OMO chưa đến hạn là 121.112 tỷ đồng, tương đương 6,3% tổng dư nợ tín dụng.

Trong số các NHTMNN, Vietinbank vay tái cấp vốn 35.000 tỷ đồng trong năm 2010 và 24.000 tỷ đồng trong năm 2011; Agribank được vay tái cấp vốn 20.000 tỷ đồng⁵⁵ trong năm 2011; BIDV vay theo hồ sơ tín dụng 10.000 tỷ đồng, Vietcombank 7.312 tỷ đồng.⁵⁶ Trong số các NHTMCP, SCB sau hợp nhất được NHNN cho vay tái cấp vốn 18.134 tỷ đồng từ đầu quý 4/2011. Các NHTM khác vay tái cấp vốn theo hồ sơ tín dụng và chưa trả hết vào cuối năm 2011 có Southern Bank (5.000 tỷ đồng), Bắc Á (1.506 tỷ đồng), SHB (700 tỷ đồng), Techcombank (700 tỷ đồng), PG Bank (400 tỷ đồng). Những NHTM vay tái chiết khấu lớn năm 2011 là Maritime Bank (10.112 tỷ đồng), SeABank (4.601 tỷ đồng), Habubank (2.632 tỷ đồng) và Sacombank (2.130 tỷ đồng).⁵⁷

IV. ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI CÁC TCTD, 2011-2015 VÀ XÁC ĐỊNH CÁC TCTD YẾU KÉM

(Câu hỏi: Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD theo Quyết định 254 là để tạo khả năng linh hoạt tối đa cho NHNN về mặt hoạch định chính sách cũng như điều hành tùy theo tình hình cụ thể hay là đã đưa ra ngay những định hướng chính sách mang tính chiến lược?)

Từ tháng 9/2011, NHNN bắt đầu soạn thảo Định hướng cơ cấu lại hệ thống NH VN giai đoạn 2011-2015. Ngày 02/02/2012, Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD do NHNN soạn thảo được Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị để cho ý kiến. Ngày 01/03/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 254/QĐ-TTg phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD.

1. Đề án cơ cấu lại các TCTD, 2011-2015

a. Bảo đảm thanh khoản và khả năng chi trả

Ngay từ bước dự thảo, giải pháp bảo đảm khả năng chi trả của từng tổ chức và cả hệ thống TCTD Việt Nam được đặt lên hàng đầu. Vào ngày 04/11/2011, trong phiên họp thường kỳ tháng 10 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh: “Dứt khoát phải kiểm soát không để ngân hàng nào đổ vỡ và bảo vệ lợi ích chính đáng của người dân gửi tiền”⁵⁸

Theo Dự thảo đề án vào cuối năm 2011, “NHNN tái cấp vốn kịp thời đối với các TCTD thiếu hụt thanh khoản tạm thời theo quy định của Luật NHNN để bảo đảm khả năng chi trả từng TCTD và toàn bộ hệ thống”.⁵⁹ Trong bản đề án cuối cùng, ngoài các TCTD thiếu hụt thanh khoản tạm thời, NHNN có thể tái cấp vốn cho các TCTD yếu kém “trên cơ sở hồ sơ tín dụng có chất lượng tốt với mức tối đa tương đương vốn điều lệ”.

⁵⁵ Bổ sung chỉ tiêu vốn từ Trụ sở chính 15.000 tỷ đồng và quay vòng chỉ tiêu vốn 20.000 tỷ đồng.

⁵⁶ Trong thời gian này, Kho bạc Nhà nước gửi khoảng 49.000-52.000 tỷ đồng tại các NHTMNN (chủ yếu là Agribank, BIDV và Vietcombank; tiền gửi tại Vietinbank không đáng kể). Khoản tiền này cũng được các NHTMNN cấp tín dụng cho nền kinh tế.

⁵⁷ Số liệu từ BCTC các năm 2010, 2011 và 2012 của các NHTM.

⁵⁸ NHNN, “Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015”, ban hành theo QĐ 254/QĐ-TTg của Thủ tướng CP ngày 1/3/2012.

⁵⁹ NHNN, “Dự thảo Định hướng và giải pháp cơ cấu lại hệ thống NH VN giai đoạn 2011-2015”, tháng 10/2011.

Các TCTD lành mạnh được NHNN khuyến khích cho vay hỗ trợ thanh khoản đối với cả các TCTD mất thanh khoản tạm thời lẫn các TCTD yếu kém.

Ngày 16/3/2012, NHNN ban hành Thông tư 06/2012/TT-NHNN để quy định về cho vay đặc biệt đối với các TCTD. Thông tư này quy định cụ thể Khoản 2, Điều 24 của Luật NHNN 2010. Theo đó, NHNN hoặc TCTD khác cho vay đặc biệt đối với TCTD lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống các TCTD và đang bị kiểm soát đặc biệt.⁶⁰ NHNN quyết định mức cho vay đặc biệt trên cơ sở mất khả năng chi trả của TCTD, cùng với lãi suất và thời hạn cho vay. TCTD chỉ được sử dụng khoản cho vay đặc biệt để trả tiền gửi của người gửi tiền là cá nhân tại TCTD.⁶¹

NHTM nhà nước và NHTM cổ phần lành mạnh được khuyến khích mua lại tài sản có chất lượng tốt của TCTD thiếu thanh khoản để thanh toán nợ đến hạn.

Dự thảo ban đầu còn đưa ra một giải pháp cụ thể là TCTD mất khả năng thanh khoản tạm thời có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi hay trái phiếu dài hạn để tăng vốn cấp 2. NHNN có thể mua hoặc chỉ định TCTD khác mua các trái phiếu này. Tuy nhiên, giải pháp bảo đảm khả năng chi trả này đã không được đề cập trong Đề án cuối cùng.

b. Giám sát các TCTD mất thanh khoản tạm thời và TCTD yếu kém

Các TCTD được tái cấp vốn sẽ bị NHNN “giám sát tình hình tài chính”. Đối với các tổ chức này, NHNN có thể giới hạn phạm vi, quy mô và/hay thị trường hoạt động; và yêu cầu phải đảm bảo các tỷ lệ an toàn ở mức cao hơn so với quy định chung.

TCTD yếu kém bị NHNN hạn chế trả cổ tức, chuyển nhượng cổ phần, giảm dư nợ tín dụng và hạn chế mở rộng quy mô hoạt động. Nếu thấy cần thiết, NHNN có thể đặt TCTD yếu kém vào tình trạng kiểm soát đặc biệt (KSDB).

Theo Thông tư 08/2010/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 22/3/2010, quyết định đặt TCTD vào tình trạng KSDB thuộc thẩm quyền của Thống đốc. TCTD bị KSDB khi lâm vào một hay những tình trạng:

- (i) Ba lần liên tiếp không đảm bảo tỷ lệ tối thiểu bằng 1 giữa tổng tài sản “có” có thể thanh toán ngay trong 7 ngày tiếp theo và tổng tài sản “nợ” phải thanh toán ngay trong 7 ngày tiếp theo;
- (ii) Nợ xấu chiếm từ 10% trở lên so với tổng dư nợ hoặc từ 100% tổng vốn tự có trở lên trong vòng 03 tháng liên tiếp;
- (iii) Lỗ lũy kế lớn hơn 50% vốn điều lệ và các quỹ.

Thống đốc NHNN cũng có quyền quyết định thành lập ban kiểm soát đặc biệt và cử cán bộ vào ban.

c. Sáp nhập, hợp nhất, mua lại các TCTD

TCTD mất thanh khoản tạm thời phải xây dựng và thực hiện phương án phục hồi khả năng chi trả, bao gồm “tích cực huy động vốn để trả nợ NHNN và tăng khả năng chi trả”. Các TCTD này được NHNN khuyến khích sáp nhập, hợp nhất với nhau và sáp nhập, hợp nhất với TCTD lành mạnh.

⁶⁰ NHNN cũng có thể cho vay đặc biệt đối TCTD có nguy cơ mất khả năng chi trả do các sự cố nghiêm trọng và không bị kiểm soát đặc biệt.

⁶¹ Việc sử dụng khoản cho vay đặc biệt để chi trả tiền gửi của các đối tượng khác do Thống đốc NHNN quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

TCTD yếu kém được mua bán, sáp nhập hay hợp nhất theo trình tự sau:

- (i) Sáp nhập, hợp nhất, mua lại trên “cơ sở tự nguyện”; nếu không được thì
- (ii) NHNN “bắt buộc” sáp nhập, hợp nhất, mua lại bao gồm cả việc bắt buộc các cổ đông lớn, cổ đông có quyền kiểm soát hay chi phí phải chuyển nhượng cổ phần; nếu không được thì
- (iii) NHNN “trực tiếp mua lại” vốn điều lệ hay vốn cổ phần, tái cơ cấu rồi sau đó sáp nhập, hợp nhất với TCTD khác hay bán lại cho nhà đầu tư mới.

Như vậy, tại thời điểm ban hành Đề án, NHNN có lựa chọn trực tiếp mua lại vốn điều lệ của TCTD yếu kém. Dự thảo ban đầu của Đề án có nói cụ thể là NHNN mua lại TCTD yếu kém bằng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hay chuyển nợ vay tái cấp vốn, vay đặc biệt thành vốn cổ phần. Bản Đề án cuối cùng đã bỏ những nội dung này. Đồng thời, Đề án cũng không đưa ra giải pháp là NHNN có thể mua vốn điều lệ với giá 0 đồng.

Để tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài mua lại TCTD yếu kém, Đề án đề xuất Chính phủ tăng giới hạn sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các NHTM cổ phần.

Các TCTD lành mạnh cũng được NHNN khuyến khích sáp nhập, hợp nhất, mua lại trên cơ sở tự nguyện để:

- Tăng quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh
- Hỗ trợ tái cơ cấu các TCTD yếu kém

Đề án không đưa ra giải pháp giải thể hay cho TCTD yếu kém phá sản.

d. Xử lý nợ xấu

Trong phần giải pháp xử lý nợ xấu, Đề án liệt kê các phương án dựa vào thị trường như sau:

- Xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ;
- Xóa nợ bằng dự phòng rủi ro;
- Chuyển nợ thành vốn góp, vốn cổ phần của doanh nghiệp vay;
- Bán nợ xấu cho công ty mua bán nợ của NHTM, công ty mua bán nợ tư nhân và DN không phải là TCTD.

Giải pháp xử lý nợ xấu dựa vào nhà nước được đưa trong Đề án gồm có:

- Xóa nợ xấu không có tài sản đảm bảo phát sinh từ hoạt động cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ bằng ngân sách nhà nước;
- Chính phủ mua lại BĐS thế chấp vay ngân hàng đang sắp hoàn thành hay đã hoàn thành nhưng chưa bán được, rồi chuyển thành công trình phục vụ an sinh xã hội hay hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Bán nợ xấu có tài sản bảo đảm cho Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng doanh nghiệp (DATC) thuộc Bộ Tài chính.

Như vậy, Đề án đã đưa ra cả các giải pháp xử lý nợ xấu dựa thuần túy vào thị trường lẫn các giải pháp sử dụng nguồn lực của nhà nước. Đề án không đề xuất cụ thể giải pháp thành lập một công ty mua bán nợ xấu tập trung cho cả hệ thống.

e. Tăng vốn tự có

Theo Đề án, TCTD phải đảm bảo vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng và tỷ lệ an toàn vốn từ 9% trở lên. Nếu thiếu hụt, TCTD phải tăng vốn bằng những cách sau, nhưng không chỉ rõ là trong khoảng thời gian bao nhiêu và nếu không tăng được vốn tự có thì sao. Các giải pháp tăng vốn điều lệ bao gồm:

- Phát hành thêm vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- Phát hành thêm vốn cổ phần cho nhà đầu tư mới (trong và ngoài nước);
- Chuyển nợ thành vốn cổ phần.

TCTD phải đạt mức vốn tự có theo quy định của Basel II vào cuối năm 2015.

f. Lãnh mạnh hóa quản trị

Đề án còn đặt ra nội dung cơ cấu lại hệ thống quản trị các TCTD để giảm sở hữu chéo theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Tăng minh bạch thông qua áp dụng cơ chế mới về công bố thông tin, với “cơ chế mới” sẽ được xây dựng sau;
- Tăng tính đại chúng của các NHTM cổ phần và tăng số lượng cổ đông thông qua các giải pháp tăng vốn;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước phải thoái vốn khỏi các TCTD theo một “kế hoạch hợp lý”.
- NHNN “kiên quyết xử lý” các trường hợp vi phạm giới hạn về sở hữu cổ phần tại các TCTD.
- Khi các TCTD mua lại cổ phần, vốn góp của các TCTD cơ cấu lại theo chỉ định của NHNN dẫn tới vượt giới hạn về sở hữu, các TCTD mua lại này có tối đa 5 năm để thực hiện tuân thủ.

Bảng 8: Lộ trình thực hiện Đề án

	2011-12	2013	2014	2015
Nội dung	<ul style="list-style-type: none">• Hỗ trợ thanh khoản• Đánh giá và phân loại các TCTD• Xây dựng và triển khai phương án tái cơ cấu các TCTD• Triển khai hợp nhất, sáp nhập, mua lại các TCTD• Tăng VĐL và xử lý nợ xấu	<ul style="list-style-type: none">• Sửa đổi, bổ sung QĐ an toàn hoạt động• Tiếp tục lãnh mạnh hóa tài chính các TCTD, bao gồm tăng VĐL và xử lý nợ xấu• Cơ cấu lại hoạt động và quản trị các TCTD	<ul style="list-style-type: none">• Tiếp tục cơ cấu lại hoạt động và quản trị các TCTD• Tiếp tục sáp nhập, hợp nhất và mua lại theo nguyên tắc tự nguyện	
Kết quả dự kiến	<ul style="list-style-type: none">• Khả năng chi trả của toàn hệ thống “về cơ bản” được đảm bảo• Kiểm soát được tình hình các TCTD yếu kém	<ul style="list-style-type: none">• Loại bỏ nguy cơ đổ vỡ hệ thống; xử lý về căn bản các TCTD yếu kém.• Hoàn thành căn bản tái cơ cấu sở hữu các NHTMCP yếu kém	<ul style="list-style-type: none">• Hoàn thành căn bản tái cơ cấu tài chính các TCTD• Các TCTD đáp ứng đầy đủ mức vốn điều lệ thực và các tỷ lệ về an toàn hoạt động	<ul style="list-style-type: none">• Hoàn thành tái cơ cấu hoạt động và quản trị các TCTD

Nguồn: Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015 ban hành theo Quyết định số 254/QĐ-TTg của Thủ tướng CP, ngày 1/3/2012.

2. Phân loại các NHTM, xác định các NH yếu kém, và mua bán, sáp nhập

(Câu hỏi: Các NHTMCP yếu kém đã cơ bản được tái cơ cấu theo như lộ trình của Đề án 254 và theo tuyên bố của các lãnh đạo NHNN hay vẫn còn yếu kém và tiềm ẩn rủi ro đổ vỡ vào thời điểm cuối năm 2015?)

Trong năm 2011, báo chí lần lượt đưa tin về các vụ việc kinh doanh thua lỗ, lừa đảo và tham nhũng tại Agribank, như Công ty cho thuê tài chính ALCII lỗ 4600 tỷ đồng, Chi nhánh Nam Hà Nội bị mất vốn khi cho Công ty Lifepro VN vay 2.523 tỷ đồng. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng CP, NHNN bắt đầu chỉ đạo việc xây dựng Đề án cơ cấu lại Agribank. Vào tháng 11/2012, NHNN trình Thủ tướng CP đề án cơ cấu lại Agribank. Ngày 15/11/2013, Thống đốc NHNN ban hành Quyết định 53/QĐ-NHNN phê duyệt Đề án tái cơ cấu Agribank giai đoạn 2013-2015.

Như đã trình bày ở phần trên, cùng với việc đảm bảo thanh khoản, NHNN bắt tay vào tái cơ cấu bằng việc đánh giá và phân loại các TCTD. Ngày 6/12/2011, ba NHTMCP là SCB, Tín Nghĩa và Đệ Nhất được hợp nhất. Sau sự kiện này, thị trường tài chính có nhiều thông tin phỏng đoán xem còn những NH yếu kém nào nữa. Ngày 09/02/2012, báo chí đưa tin việc Thủ tướng CP phê duyệt danh sách 6 NH yếu kém (không kể 3 NH đã được hợp nhất) do Thống đốc NHNN trình lên buộc phải tái cơ cấu. Tuy nhiên, tên của 6 NH này không được công bố.

Ngày 13/02/2012, NHNN ban hành Chỉ thị 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả trong năm 2012. Theo chỉ thị này, các NHTM được phân vào 4 nhóm: nhóm hoạt động lành mạnh, trung bình, dưới trung bình và yếu kém. NHNN áp chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng tín dụng, số dư mua trái phiếu DN và dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác đối với 4 nhóm: nhóm 1 tăng trưởng tối đa 17%, nhóm 2 là 15%, nhóm 3 là 8% và nhóm 4 không được tăng trưởng tín dụng.

NHNN không công khai tên các NH được phân vào các nhóm khác nhau. Tuy nhiên, ngay sau khi ban hành Chỉ thị 01, các NHTM thuộc nhóm 1 đã lần lượt công bố mình thuộc nhóm này trên website của NH. Các NHTM công bố mình thuộc nhóm 1 (hay được tăng trưởng tín dụng 17%) gồm:

- ACB
- BIDV
- Vietinbank
- Eximbank
- NH Quân đội
- MHB
- Maritime Bank
- SeABank
- Sacombank
- Techcombank
- Vietcombank
- VIB
- VPBank
- SHB⁶²

⁶² SHB ban đầu được phân vào nhóm 2, sau đó được cho lên nhóm 1 theo Công văn số 1232/NHNN-CSTT.

Agribank công bố mặc dù được cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng 17% nhưng đặt kế hoạch chỉ tăng trưởng 15% trong năm 2011.

Sau đó là đến lượt các NHTM thuộc nhóm 2 hoặc cũng công bố trên website của mình hoặc cử lãnh đạo NH trả lời báo chí. Các NHTM công bố mình thuộc nhóm 2 (hay được tăng trưởng tín dụng 15%) có:

- NH Bảo Việt
- NH Đông Á
- NH Kiên Long
- NH Bưu điện Liên Việt
- MDB
- NH Nam Á
- NH Bắc Á
- NH Phương Đông
- PG Bank
- Southern Bank
- NH Đại Á

Chỉ có một NH công bố thuộc nhóm 3 là Habubank. HDBank thông báo được tăng trưởng tín dụng dưới 10% trong năm 2012. Lý do là HDBank vi phạm trần lãi suất huy động trong năm 2011. Không có NH nào tự công bố là mình thuộc nhóm 4.

Chỉ sau khi ban hành Đề án cơ cấu lại các TCTD, NHNN mới công khai danh tính 9 NHTMCP yếu kém phải tái cơ cấu trong “Đợt 1”. Theo NHNN, đây là những NH mất thanh khoản và có rủi ro mất khả năng chi trả:

- SCB
- NH Tín Nghĩa
- NH Đệ Nhất
- Habubank
- NH Tiên Phong
- Navibank
- Westernbank
- NH Đại Tín
- GP.Bank

Thị trường liên ngân hàng và chính sách cho vay tái cấp vốn cho phép NHNN có thể phát hiện các NHTM mất thanh khoản và yếu kém. Các NH thường xuyên phải vay trên thị trường liên ngân hàng và gặp khó khăn hoàn trả các khoản vay này (theo phân nân của các NH cho vay) trở thành mục tiêu để NHNN tiến hành thanh tra. Như đã trình bày trong Hình 22, nhiều cái tên trong danh sách 9 NH yếu kém chính là các tổ chức phải vay liên NH nặng nề vào quý 3/2011.

Ngày 19/4/2012, NH Tiên Phong tổ chức ĐHCĐ thường niên và thông qua phương án tái cơ cấu NH. Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI và các cổ đông liên quan là nhà đầu tư mới và nắm giữ 20% cổ phần của TPB.

Ngày 7/8/2012, NHNN đã ký và ban hành Quyết định số 1559/QĐ-NHNN chấp thuận sáp nhập HBB vào SHB (sau khi Habubank bị buộc phải tái cơ cấu dư nợ cho vay Vinashin).

Giống như Tiên Phong, NH Đại Tín được tái cơ cấu bằng sự tham gia của cổ đông mới. Ngày 15/1/2013, Đại Tín tổ chức ĐHCĐ thường niên và thông qua phương án tái cơ cấu, trong đó cổ đông mới mua lại hơn 80% vốn điều lệ của NH. TĐ Thiên Thanh trong lĩnh vực BĐS và XD sở hữu 9,7% VDL và giữ vai trò đối tác chiến lược. NH sau đó được đổi tên thành NHTMCP Xây dựng Việt Nam (VNCB).

NH Nam Việt được NHNN cho phép tự tái cơ cấu với trọng tâm là tái cấu trúc cơ cấu cổ đông. Từ cuối năm 2012, các cổ đông lớn của NH này liên tục thoái vốn. Vào ngày 26/04/2013, tại ĐHCĐ của NH, Đặng Thành Tâm và các cổ đông lớn hiện hữu từ nhiệm thành viên HĐQT. Navibank chính thức đổi tên thành NHTMCP Quốc dân (NCB) vào ngày 23/1/2014.

Westernbank được tái cơ cấu theo hướng hợp nhất với TCT Tài chính CP Dầu khí (PVFC), công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Ngày 13/9/2013, NHHH chấp thuận hợp nhất hai tổ chức này thành NH mới với tên gọi là NHTMCP Đại chúng (PVcomBank).

Ngày 18/11/2013, NHNN ban hành Quyết định số 2687/QĐ-NHNN về việc sáp nhập NH Đại Á vào HDB sau khi đạt được thỏa thuận tại ĐHCĐ bất thường của 2 NH này vào ngày 25/9 và 28/9/2013.

Cũng trong thời điểm cuối năm 2013, NHNN “giới thiệu” United Overseas Bank (UOB) của Singapore đàm phán mua toàn bộ cổ phần của GP.Bank. Tuy nhiên, sau khi thẩm định tài chính trong năm 2014, UOB đã rút. Một số nhà đầu tư nước ngoài khác được mời tiếp cận, nhưng sau cùng cũng không thành công.

Ngày 22/12/2013, trong chương trình Dân hỏi bộ trưởng trả lời trên VTV1, Thống đốc NHNN nói: “Đến nay, có thể khẳng định rằng, chúng ta đã xử lý được 9 NHTM kém nhất trong toàn hệ thống”. Thế nhưng đến năm 2015, NHNN đã lần lượt ra quyết định mua bắt buộc 3 NHTMCP với giá 0 đồng. Đầu tiên là NH Xây dựng Việt Nam theo Quyết định 250/QĐ-NHNN của NHNN ngày 5/3/2015. Vietcombank được NHNN chỉ định điều hành và tái cấu trúc VNCB. Ngày 7/12/2015, Báo Thanh niên trích dẫn kết luận điều tra vụ án VNCB của Cơ quan Cảnh sát Điều tra (CQCSĐT), Bộ Công An: “Quá trình điều tra xác định, để xảy ra việc Danh và đồng phạm rút hơn 18.687 tỉ đồng, ngoài trách nhiệm của Tổ giám sát còn có trách nhiệm của lãnh đạo NHNN, Ban chỉ đạo tái cơ cấu của VNCB, Cơ quan thanh tra giám sát NH, NHNN chi nhánh Long An, nên cần phải được điều tra làm rõ”.

NH Đại Dương bị NHNN mua lại với giá 0 đồng vào 6/5/2015 (Quyết định số 663/QĐ-NHNN). Vietinbank được NHNN chỉ định quản trị và điều hành Đại Dương. Ngày 7/7/2015, NHNN ban hành Quyết định 1304/QĐ-NHNN mua GP.Bank với giá 0 đồng. Theo Thống đốc NHNN, vốn tự có của GP.Bank tại thời điểm này là -9.195 tỷ đồng. Vietinbank tham gia quản trị, điều hành GP.Bank.

Ngày 14/8/2015, NHNN thông báo NH Đông Á bị kiểm soát đặc biệt sau khi công bố kết quả thanh tra toàn diện NH này: "trong giai đoạn 2012 trở về trước, Đông Á đã có nhiều vi phạm pháp luật về quản lý tài chính, cấp tín dụng và hoạt động kinh doanh khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và hoạt động của Đông Á".⁶³

⁶³ VNExpress, “Ngân hàng Đông Á vào diện kiểm soát đặc biệt”, ngày 14/8/2015. Tải về từ địa chỉ <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/ebank/ngan-hang/ngan-hang-dong-a-va-ao-dien-kiem-soat-dac-biet-3263998.html>, ngày 10/10/2015.

Các thương vụ sáp nhập NH trong năm 2015 gồm có Xăng Dầu Petrolimex (PG Bank) sáp nhập vào Vietinbank (22/5/2015); MHB sáp nhập vào BIDV (25/5/2015); MDB sáp nhập vào Maritime Bank (12/8/2015); và Southern Bank vào Sacombank (1/10/2015). Cuối quý 3/2011, Việt Nam có 42 NHTM trong nước. Đến cuối năm 2015, số lượng các NHTM Việt Nam đã giảm xuống còn 34.

Ngày 20/11/2014, NHNN ban hành Thông tư 36/2014/TT-NHNN (có hiệu lực từ 1/2/2015 và thay thế Thông tư 13) nhằm tạo một khung pháp lý thống nhất về bảo đảm an toàn (đủ vốn, giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, sở hữu chéo, đầu tư CK, khả năng chi trả). Bên cạnh các giới hạn cấp tín dụng như quy định trong Luật các TCTD 2010 (xem Bảng 5 ở phần đầu), Thông tư 36 còn quy định giới hạn cấp tín dụng để kinh doanh cổ phiếu ở mức từ 5% vốn điều lệ trở xuống. TCTD không được cấp tín dụng cho khách hàng để kinh doanh cổ phiếu trên cơ sở bảo đảm của TCTD khác và không được cấp tín dụng, ủy thác cho công ty con, công ty liên kết của mình để các công ty này kinh doanh cổ phiếu hay cho vay để kinh doanh cổ phiếu.

NHTM cũng bị giới hạn đầu tư vào TPCP ở mức dưới 15% nguồn vốn ngắn hạn đối với NHTMNN và 35% đối với NHTMCP. Để giảm sở hữu chéo giữa các NHTM, Thông tư này quy định NHTM chỉ được mua, nắm giữ cổ phiếu tối đa hai TCTD khác và tỷ lệ mua, nắm giữ cổ phiếu của một TCTD khác phải từ 5% trở xuống.

Một thông điệp nữa về tài cơ cấu được NHNN đưa ra trong năm 2015 là trên cơ sở tiếp tục hợp nhất và sáp nhập, số lượng các NHTM Việt Nam sẽ giảm tiếp từ con số 34 vào cuối 2015 xuống khoảng 15-17 NH.

Các tình huống cụ thể về NHTM từ Phần VI trở đi sẽ làm rõ hơn thực chất của các hoạt động tái cơ cấu, đánh giá việc tuân thủ các quy định mới về đảm bảo an toàn và giúp trả lời câu hỏi đặt ra ở đầu. Nhưng trước hết, hãy đi qua thực trạng nợ xấu của hệ thống NH từ 2012 đến 2015.

V. XỬ LÝ NỢ XẤU

1. Tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo chính thức

Tỷ lệ nợ xấu được các TCTD công bố trên BCTC đã kiểm toán của mình dựa trên Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và các quy định về phân loại nợ của NHNN.⁶⁴ Dựa theo số liệu báo cáo này, NHNN tính toán và công bố tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống trên website của mình. Số liệu nợ xấu này được gọi là số liệu theo báo cáo chính thức hay ngắn gọn là số liệu chính thức.

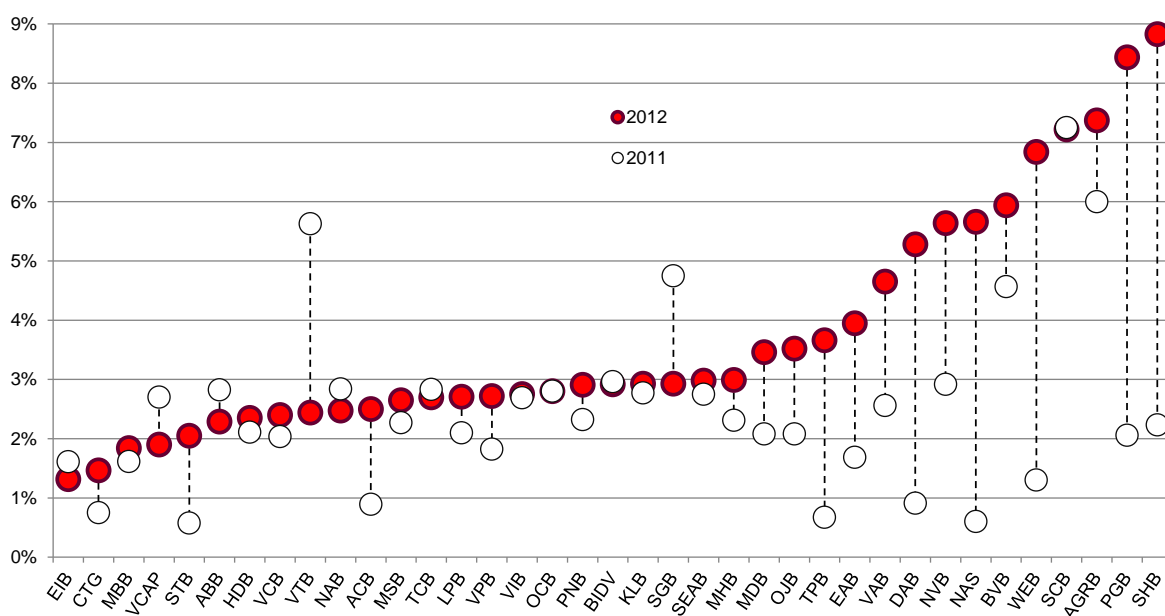
Như đã trình bày trong Phần III và Hình 17, không chỉ tỷ lệ nợ xấu chính thức bình quân toàn hệ thống, mà của đa số các NHTM đã tăng lên trong năm 2011. Nợ xấu chính thức tiếp tục gia tăng trong năm 2012. Ngày 23/4/2012, NHNN ban hành Quyết định 780/QĐ-NHNN, theo đó: “các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ”. Như vậy, các TCTD có quyền tùy định trong việc phân loại nợ sau khi đảo nợ.

⁶⁴ Quy định 493/2005/QĐ0-NHNN do Thống đốc NHNN ban hành ngày 22/4/2005 về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD.

Hình 23 cho thấy nhiều NHTM đã báo cáo tỷ lệ nợ xấu tăng trong năm 2012 và 14 NH có tỷ lệ nợ xấu vượt 3% vào cuối kỳ.

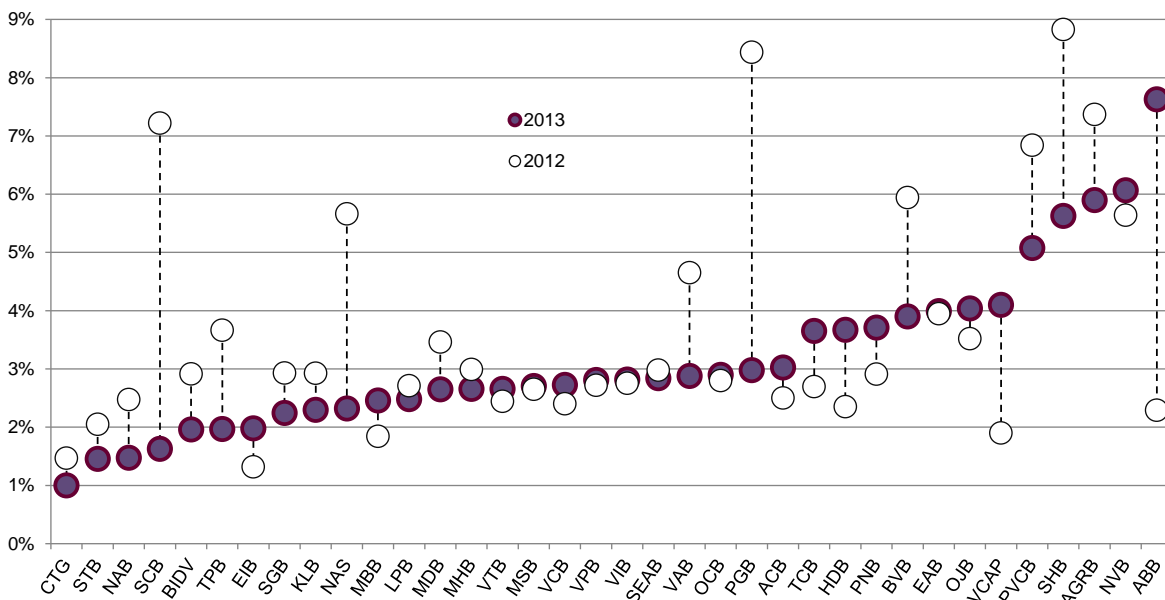
Ngày 23/4/2012, NHNN ban hành Quyết định 780/QĐ-NHNN, theo đó: “các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ”. Như vậy, các TCTD có quyền tùy định trong việc phân loại nợ sau khi đảo nợ.

Hình 23: Tỷ lệ nợ xấu chính thức của các NHTM, 2011-2012



Ghi chú: HBB đã được sáp nhập vào SHB. Sau khi rơi vào nhóm yếu kém, GTB và GPB đã không công bố BCTC. Nguồn: Tác giả tính toán từ BCTC của 37 NHTM năm 2012.

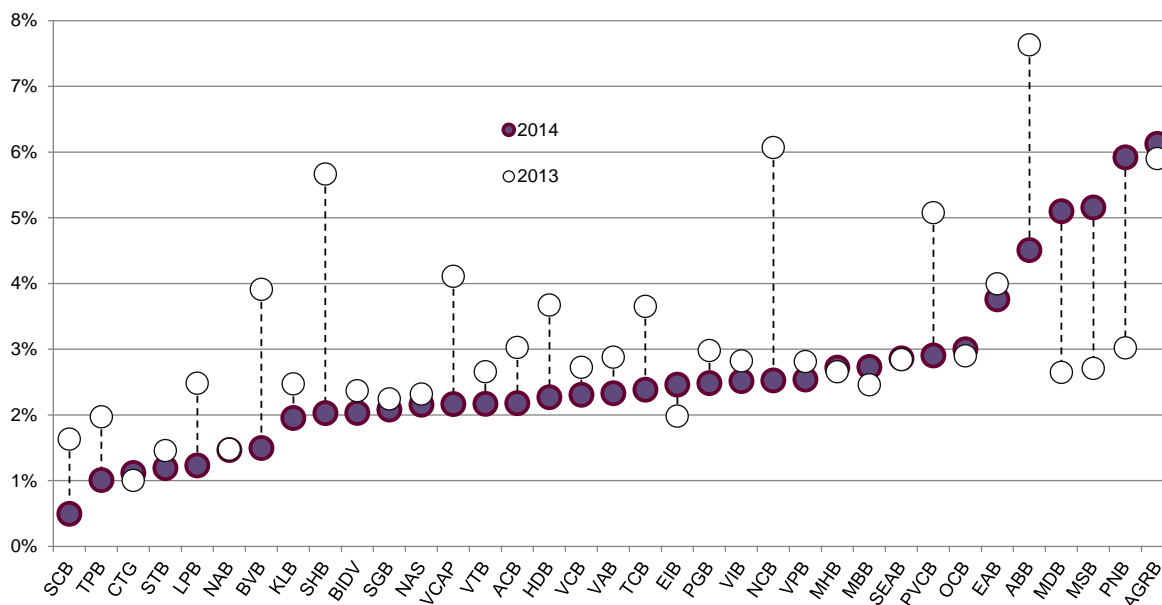
Hình 24: Tỷ lệ nợ xấu chính thức của các NHTM, 2012-2013



Ghi chú: NH Đại Á đã được sáp nhập vào HDBank. NH Phương Tây được đổi tên thành NH Đại Chúng (PVCB).
 Nguồn: Tác giả tính toán từ BCTC của 36 NHTM năm 2013.

Như minh họa trong Hình 24, đa số các NH đã báo cáo tỷ lệ nợ xấu chính thức giảm trong năm 2013, mặc dù vẫn có 12 NH báo nợ xấu trên 3% tổng dư nợ. Nợ xấu chính thức được báo cáo giảm tiếp tục trong năm 2014 và đến cuối năm chỉ còn 6 NH báo cáo tỷ lệ nợ xấu trên 3% (Hình 25).

Hình 25: Tỷ lệ nợ xấu chính thức của các NHTM, 2013-2014



Ghi chú: Navibank được đổi tên thành NH Quốc dân (NCB).

Nguồn: Tác giả tính toán từ BCTC của 36 NHTM năm 2014.

Quyết định 780 đã giúp các NHTM đảo nợ và sau đó không phân loại nợ đã đảo thành nợ xấu. Có thể thấy rằng nếu tỷ lệ nợ xấu chỉ dừng lại ở các con số chính thức như trên thì tổng giá trị nợ xấu thấp của từng NHTM và của toàn hệ thống vẫn thấp hơn nhiều so với tổng vốn điều lệ. Nếu vậy thì hệ thống NHTM VN không chỉ không bị mất khả năng chi trả mà còn có thể tự xử lý được nợ xấu của mình và không cần tới sự can thiệp của Nhà nước.

Ngày 21/01/2013, NHNN ban hành Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại tài sản có, trích, lập và sử dụng dự phòng rủi ro. Thông tư có hiệu lực từ ngày 1/6/2013 và sẽ thay thế cho Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Quyết định 780 cũng sẽ hết hiệu lực.

Theo Thông tư 02, việc phân loại tài sản sẽ không chỉ giới hạn ở cho vay khách hàng thuần túy như trước đây mà sẽ tính tới cả các “tài sản có khác” mà bản chất là cấp tín dụng như cho vay thẻ tín dụng, trả thay theo cam kết ngoại bảng, tiền mua và ủy thác mua TPDN chưa niêm yết, ủy thác cấp tín dụng, và tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại TCTD khác. Mặc dù không có thay đổi đáng kể về phương pháp phân loại tài sản thành 5 nhóm, Thông tư 02 quy định các TCTD phải áp dụng phương pháp định lượng, khác với việc tự phân nhóm (sử dụng tiêu chí định lượng hay định tính) như trước.

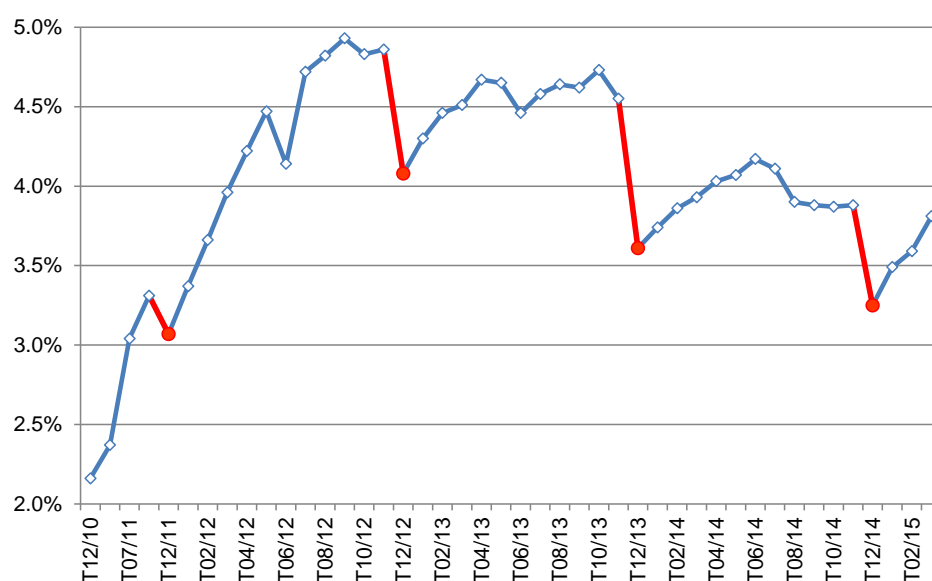
Vai trò của Trung tâm Thông tin Tín dụng (CIC) được tăng cường. Các TCTD phải cung cấp thông tin phân loại nhóm nợ gắn với khách hàng cho CIC. Ở chiều ngược lại, các TCTD phải sử dụng thông tin phân loại nhóm nợ khách hàng của CIC để điều chỉnh lại việc phân nhóm nợ của mình.

Việc cơ cấu nợ để tránh bị coi là nợ xấu sẽ không được phép. Hơn thế nữa các khoản nợ gia hạn lần đầu sẽ được đưa vào nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn). Theo Quyết định 493, thì nợ gia hạn tại thời điểm vẫn trong thời hạn cũ thì chỉ phải xếp vào nhóm 2.

Phản ứng của các NHTM đối với Thông tư 02 là thời gian tới ngày có hiệu lực quá ngắn và việc áp dụng sẽ làm nợ xấu chính thức tăng vọt.⁶⁵ Ngày 27/5/2013, 4 ngày trước khi có hiệu lực, NHNN đã hoãn thời gian thi hành Thông tư 02 đến ngày 1/6/2014.⁶⁶ Ngày 18/3/2014, NHNN tiếp tục ban hành Thông tư 09/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 02. Mặc dù không lùi thêm thời hạn thi hành, nhưng các TCTD được giữ nguyên nhóm nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho đến ngày 1/4/2015.

Đồ thị ở Hình 26 cho thấy tỷ lệ nợ xấu tăng lên và luôn ở trên 3% từ giữa năm 2011 cho đến đầu 2015. Nhưng thú vị hơn là một kiểu hình lặp đi lặp lại trong 2012-2014: tỷ lệ nợ xấu hàng tháng tăng dần từ đầu năm, nhưng cứ đến tháng 12 là giảm mạnh, như là muốn đưa ra một bức tranh nợ xấu cả năm bớt xấu hơn.

Hình 26: Tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống các TCTD



Nguồn: NHNN công bố định kỳ trên website www.sbv.gov.vn.

2. Tỷ lệ nợ xấu theo đánh giá của CQTTGS và tỷ lệ nợ xấu do các tổ chức quốc tế ước tính

Nguồn thông tin thứ hai về nợ xấu là số liệu thanh tra, giám sát từ xa của NHNN. Con số này thường cao gấp hơn hai lần số liệu nợ xấu chính thức. Ví dụ, tỷ lệ nợ xấu theo CQTTGS cuối tháng 3 năm 2012 lên tới 8,6% so với con số chính thức 3,96%. Mức gia tăng tỷ lệ nợ xấu sau thanh tra, giám sát là do việc xác định lại các khoản nợ tái cơ cấu (đảo nợ, dẫn nợ) mà trước đây không được coi là nợ xấu. Với tỷ lệ trên 8% thì tổng giá trị nợ xấu gần bằng tổng vốn điều lệ của các NHTM Việt Nam.

Trong Báo cáo đánh giá tình hình khu vực tài chính của Việt Nam, Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế đã ước tính tỷ lệ nợ xấu của hệ thống NH Việt Nam vào cuối năm 2012 là 12%. Không đồng ý

⁶⁵ Báo Đầu tư Chứng khoán, “Lo ngại thời điểm áp dụng Thông tư 02”, ngày 21/5/2015. Truy cập tại địa chỉ <http://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/lo-ngai-thoi-diem-ap-dung-thong-tu-02-16051.html>, ngày 10/10/2015.

⁶⁶ Thông tư 12/2013/TT-NHNN của NHNN ngày 27/5/2013.

với con số này là lý do NHNN đã yêu cầu hai tổ chức đa phương này không công bố rộng rãi báo cáo vào thời điểm năm 2013. Đến cuối năm 2014, báo cáo này mới được công bố.⁶⁷

Nguồn thông tin nữa về nợ xấu là từ các tổ chức đánh giá tín nhiệm vay nợ quốc tế. Moody's, trong báo cáo Triển vọng hệ thống Ngân hàng Việt Nam vào tháng 2/2014, đã ước tính tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam là 15% trên tổng tài sản.⁶⁸ Con số này được Moody's tính toán căn cứ vào tỷ lệ nợ xấu chính thức 4,7%, tỷ lệ nợ tái cơ cấu 9,5% và ước tính 10-15% các hạng mục chứng khoán, cho vay liên ngân hàng và khoản phải thu là có vấn đề. Cần lưu ý rằng tỷ lệ nợ xấu theo tính toán của Moody's là tính trên tổng tài sản. Tỷ lệ 15% trên tổng tài sản là tương đương với 25% trên tổng dư nợ cho vay. Với giá trị tổng tài sản của hệ thống ngân hàng vào cuối tháng 11/2014 là 5,51 triệu tỷ đồng, thì giá trị nợ xấu bằng 827 nghìn tỷ đồng, hay 39 tỷ USD. Vậy, nếu tình trạng nợ xấu thực sự ở mức độ như các ước tính không chính thức ở trên thì có nghĩa là một số lượng đáng kể các ngân hàng đã mất khả năng chi trả về mặt kỹ thuật.

NHNN cũng lên tiếng phản đối ước tính nợ xấu của Moody's. Theo NHNN, tại thời điểm cuối năm 2013, “nếu tính toán một cách thận trọng, nợ xấu bao gồm cả nợ xấu được cơ cấu lại theo Quyết định 780/QĐ-NHNN thì tỷ lệ nợ xấu cũng chỉ khoảng 9%”.⁶⁹

Thế nhưng, Báo cáo tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII về tình hình kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015, Thủ tướng CP đã cho biết tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm tháng 9/2012 là 17,43%. Đây cũng là số liệu do CQTTGS cung cấp. Bối cảnh của việc công bố thông tin này là để nói lên thành tích NHNN đã giảm được nợ xấu từ mức cao như vậy xuống dưới 3% bằng các nỗ lực tái cơ cấu.

3. Xử lý nợ xấu bằng các giải pháp dựa vào thị trường

Giải pháp xử lý nợ xấu trực tiếp là yêu cầu cổ đông hiện hữu hãy tìm kiếm cổ đông mới góp thêm vốn điều lệ để bù đắp cho sự suy giảm vốn CSH khi trích lập dự phòng rủi ro nợ xấu đầy đủ. Thực tế là các cổ đông trong nước đều không có tiền thật để góp thêm vốn. Như các tình huống ở sau sẽ cho thấy, việc tăng vốn điều lệ của nhiều NHTM từ vốn góp thêm của cổ đông hiện hữu hay vốn góp của cổ đông mới thực ra là vay nợ từ các TCTD khác. Cổ đông nước ngoài thì vẫn bị hạn chế với giới hạn sở hữu cổ phần. Các cổ đông trong nước hiện hữu một mặt biết rằng có áp lực phải tăng vốn, nhưng vẫn tìm mọi cách để không mất quyền kiểm soát. Điều này làm nản lòng các cổ đông mới, đặc biệt là cổ đông nước ngoài. Ngay cả khi giới hạn về sở hữu được nói lỏng thì cổ đông nước ngoài chỉ sẵn sàng mua cổ phần với tỷ lệ lớn nếu họ có được quyền quản trị thực sự chứ không chỉ là ghế ngồi trong HĐQT.

Một số NHTM đã thử giải pháp phát hành nợ thứ cấp dưới dạng trái phiếu chuyển đổi để tăng vốn cấp 2. Tuy nhiên, cầu từ nhà đầu tư đối với loại chứng khoán này rất hạn chế khi tiềm năng tăng giá cổ phiếu nói chung và cổ phiếu ngân hàng trên thị trường chứng khoán Việt Nam là không nhiều.

Giải pháp xử lý nợ xấu dựa vào thị trường bao gồm giảm nợ, đấu giá quyền giảm nợ, mua bán lại nợ xấu qua đàm phán và theo giá thị trường, chứng khoán hoá và hoán đổi nợ, và sử dụng công ty tái cơ

⁶⁷ World Bank & IMF, “Financial Sector Assessment Program - Vietnam”, tháng 6/2014.

⁶⁸ Moody's Investors Service, “Vietnam Banking System Outlook”, 18/2/2014.

⁶⁹ Thời báo Kinh tế Việt Nam, “Tranh cãi nợ xấu: Ngân hàng Nhà nước “phản pháo” Moody's”, 21/2/2014. Truy cập tại địa chỉ: <http://vneconomy.vn/20140221023516395P0C6/tranh-cai-no-xau-ngan-hang-nha-nuoc-phan-phao-moodys.htm>, ngày 25/2/2014.

cấu nợ tư nhân. Tuy nhiên, những giải pháp này là không khả thi vì thị trường mua bán nợ tư nhân vẫn còn trong quá trình phôi thai. Đối với các NHTM nhà nước, thì việc bán nợ cho một tổ chức tư nhân ở mức giá chiết khấu là không thể được nếu như chưa có sự đồng ý của NHNN và còn có thể bị quy trách nhiệm làm “thất thoát tài sản nhà nước”.

Phá sản luôn là một giải pháp trong tái cơ cấu kinh tế vì đó là cách tái phân bổ nguồn lực từ chỗ không còn hiệu quả sang chỗ có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, việc thi hành luật phá sản ở Việt Nam có hướng bảo vệ nhiều cho con nợ, đặc biệt là con nợ là tổ chức thay vì chủ nợ.

Một khó khăn nữa ở Việt Nam là dùng Luật phá sản để xử lý nợ xấu liên quan đến DNNN. Cho đến nay, chưa có một trường hợp tái cấu trúc nợ ngân hàng nào của DNNN mà sử dụng đến thủ tục phá sản.

Các đề xuất về sửa đổi các quy định về cơ chế phán quyết giao lại tài sản đã thế chấp của tòa án, giới hạn các lý do có thể kháng nghị của tổ chức vay nợ trong quá trình cưỡng chế thi hành án, tăng cường biện pháp đối phó với khách nợ xấu có hành vi che giấu tài sản đã được đưa ra nhưng không được thực hiện.

Chính vì vậy trên quan điểm của các TCTD, để con nợ phá sản thì khả năng thu hồi lại nợ vay cũng không nhiều, do vậy chính các TCTD cũng hạn chế sử dụng cơ chế phá sản cho các doanh nghiệp để thu hồi nợ.

Trước thực tế là không thể tăng vốn chủ sở hữu ngay, thì giải pháp thay thế là tăng dần dần từ lợi nhuận trong tương lai, còn trước mắt thì tạm cất nợ xấu ở một nơi khác.

4. VAMC

Mục tiêu đưa tỷ lệ nợ xấu chính thức về dưới 3% trở nên xa xôi nếu không có các giải pháp dựa vào nhà nước. Trước những tuyên bố không dùng nguồn lực nhà nước để xử lý nợ xấu, NHNN phải tìm cách đưa ra một cơ chế chuyển nợ xấu ra khỏi bảng cân đối kế toán trong một khoảng thời gian để vừa có thể báo cáo là đã giảm được nợ xấu trên sổ sách, vừa mua thời gian cho các NHTM.

Ngày 18/5/2013, Chính phủ ban hành Nghị định 53/2013/NĐ-CP về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC). Ngày 31/5/2013, Thủ tướng CP ký Quyết định 843/QĐ-TTg phê duyệt đề án xử lý nợ xấu và đề án thành lập VAMC. VAMC được chính thành lập với vốn điều lệ 500 tỷ đồng bằng Quyết định 1459/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 27/6/2013.

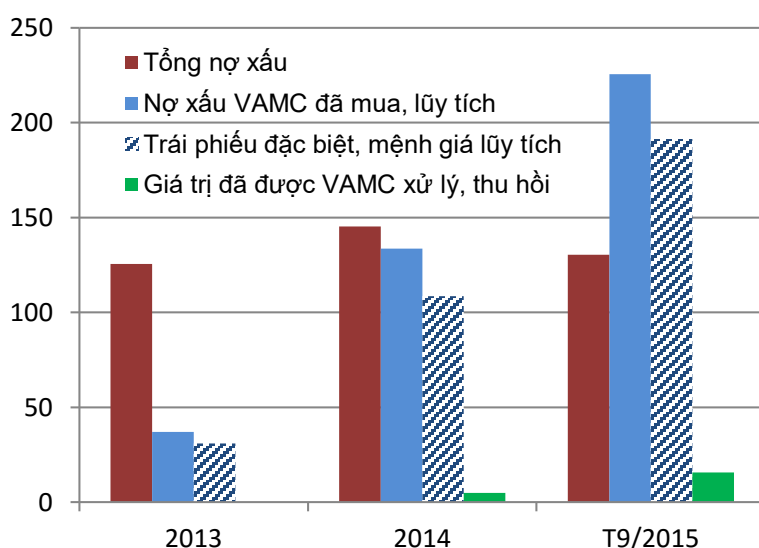
VAMC là cơ quan xử lý tập trung nợ xấu của các ngân hàng. Quy mô vốn điều lệ của VAMC thấp hơn rất nhiều so với quy mô nợ xấu của các TCTD. Tuy nhiên, đây chỉ là vốn đệm còn vốn thực sự dùng để mua lại nợ được tạo ra bằng cách phát hành trái phiếu đặc biệt. Tính chất đặc biệt này được thể hiện ở chỗ nó không trả lãi và có giá trị đáo hạn bằng 0. Ngoài ra, trái phiếu này cũng không có khả năng chuyển đổi trên thị trường thứ cấp. Nói khác đi, trái phiếu có tính chất như là một phiếu ghi nợ của VAMC, hay nói chính xác hơn là “phiếu ký gửi nợ” do VAMC phát hành để ghi nhận khoản nợ do các NH chuyển qua. Như vậy, thay vì VAMC phát hành trái phiếu như điều kiện bình thường và dùng tiền đó để mua nợ của ngân hàng thì với trái phiếu đặc biệt này không có bất kỳ một nguồn lực tài chính thực sự nào được chuyển giao cho ngân hàng cả.

Đối với trái phiếu do VAMC phát hành, các ngân hàng có thể sử dụng để vay tái cấp vốn tại NHNN nếu cần được hỗ trợ thanh khoản. Như vậy nguồn tiền sẽ được bơm một cách gián tiếp từ NHNN. Điều này khác với trường hợp VAMC trực tiếp phát hành trái phiếu ra thị trường, qua đó nguồn vốn sẽ được phân bổ lại giữa các chủ thể trong nền kinh tế. Tuy nhiên, các TCTD cũng không hề muốn dùng trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn từ NHNN vì sợ bị thanh tra.

Ngày 01/10/2013, VAMC bắt đầu mua nợ xấu của các TCTD, đầu tiên là Agribank. SCB là NHTMCP tiếp theo bán nợ xấu cho VAMC. Ngày 31/3/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định 34/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung ND 53/2013/NĐ-CP về VAMC. Theo đó, VAMC được mua nợ xấu theo giá thị trường. Vốn điều lệ của VAMC được tăng lên 2.000 tỷ đồng.

Hình 27 trình bày thông tin tình hình nhận nợ xấu và phát hành trái phiếu đặc biệt của VAMC. Tính đến cuối tháng 9/2015, hơn 225 nghìn tỷ đồng nợ xấu đã được chuyển cho VAMC, nhưng nợ xử lý được chỉ gần 16 nghìn tỷ đồng. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu chính thức vào 30/9/2015 của toàn hệ thống chỉ còn 2,93%. Nếu cộng ngược trở lại số nợ xấu đã chuyển qua VAMC nhưng chưa xử lý thì tỷ lệ nợ xấu là 7,6%. Đến tháng 11/2015, tỷ lệ nợ xấu chính thức toàn hệ thống giảm tiếp xuống 2,72%. NHNN cũng thông báo từ đầu 2015 là số liệu nợ xấu của CQTTGS và số liệu nợ xấu chính thức đã thống nhất nhau.

Hình 27: Xử lý nợ xấu qua VAMC, 1000 tỷ VNĐ



Nguồn: Tính toán từ thông tin do VAMC công bố trên website <http://sbvamc.com.vn/>.

Tóm lại, mô hình VAMC đã chuyển một khối lượng lớn nợ xấu ra khỏi bảng cân đối kế toán của các NHTM. Ít nhất là nó cũng đã là sáng tỏ hơn thực trạng nợ xấu. Nhiều khoản nợ xấu được các NHTM chuyển cho thực ra trước đó không hề được báo cáo là nợ xấu. Tuy nhiên, hầu hết số nợ xấu này vẫn nằm nguyên đó. Với cơ chế này, NHTM và VAMC đều không có động cơ khuyến khích thu hồi hay bán nợ xấu ngay. Nhưng theo đúng chủ định của NHNN, các NHTM có 5 năm để trích lập dự phòng rủi ro hết cho khoản nợ xấu này nếu không thu hồi được. Đó chính là giải pháp mua thời gian để xử lý nợ xấu và phụ thuộc vào khả năng sinh lợi trong hoạt động kinh doanh của NH từ 2013 đến 2018.

*

* *

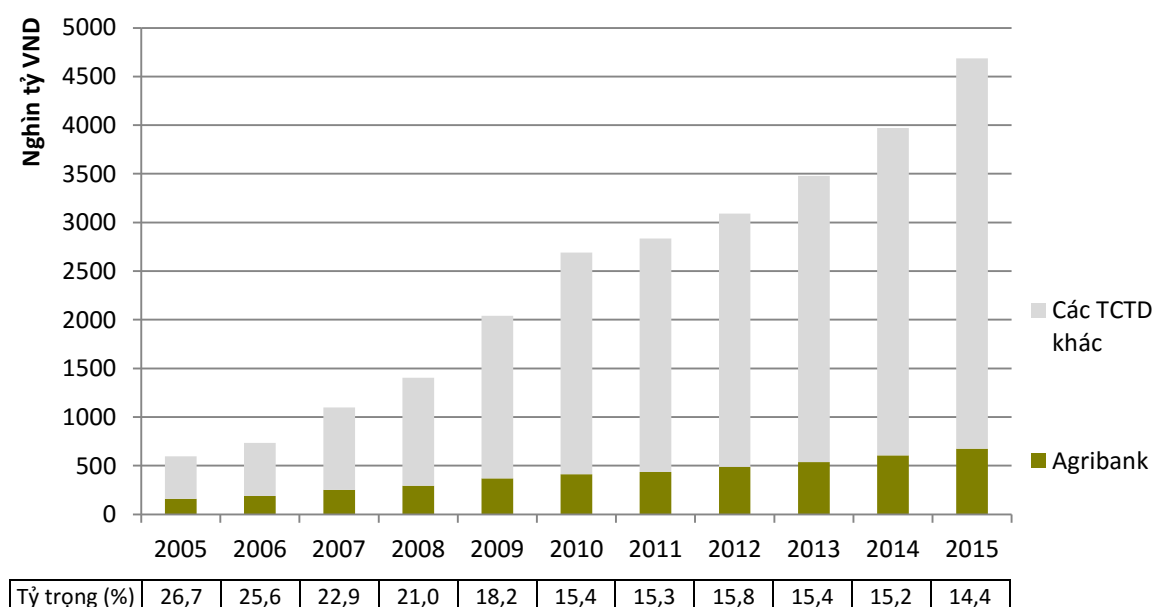
Một phần trong tiêu đề của bài viết này về NHTM Việt Nam là: “các sự kiện tái cơ cấu giai đoạn 2011-2015”. Hai mục vừa rồi đã trình bày hoạt động tái cơ cấu từ cái nhìn tổng thể toàn hệ thống. Những mục tiếp theo sẽ đi sâu vào các tình huống cụ thể bao gồm cả các NHTM được NHNN xác định chính thức là yếu kém và một số NHTM khác.

VI. AGRIBANK

1. Ngân hàng lớn nhất trong hệ thống

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) là NHTM có quy mô lớn nhất hệ thống các TCTD Việt Nam và do Nhà nước sở hữu 100% VĐL. Năm 1988, Ngân hàng Phát triển Nông Nghiệp Việt Nam được tách khỏi NHNN và trở thành một trong 4 NHTM chuyên doanh của Nhà nước. NH, ban đầu tập trung cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, sau đó mở rộng ra các lĩnh vực khác. Từ đầu thập niên 1990 cho đến giữa thập niên 2000, Agribank luôn chiếm trên dưới 20% tổng tài sản và 30% tổng dư nợ cho vay của toàn hệ thống các TCTD. Như minh họa trong Hình 28, mặc dù quy mô tương đối đã giảm liên tục trong nửa cuối thập niên 2000, Agribank vẫn là NHTM lớn nhất, chiếm 14,4% tổng dư nợ cho vay nền kinh tế vào cuối năm 2015.

Hình 28: Tỷ trọng cho vay của Agribank so với tổng dư nợ cho vay nền kinh tế



Nguồn: Agribank, BCTC các năm 2005-2015.

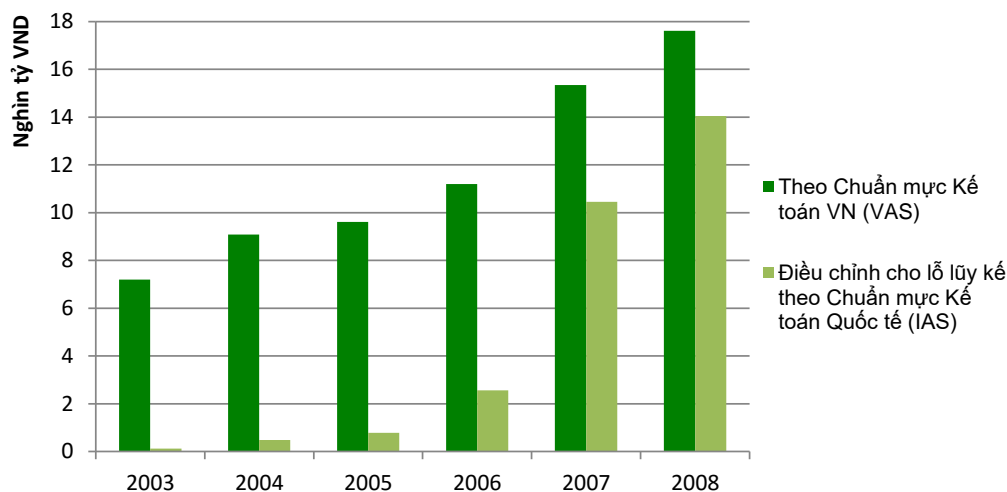
Điểm mạnh của Agribank là hệ thống mạng lưới chi nhánh rộng khắp toàn quốc, tạo cho NH một cơ sở huy động tiền gửi tốt. Cho vay nông nghiệp nên Agribank cũng được duy trì tỷ lệ dự trữ bắt buộc thấp hơn các NHTM khác và vay tái cấp vốn và chiết khấu giấy tờ có giá từ NHNN.

Nhưng điểm yếu của NH luôn là chất lượng dư nợ cho vay thấp và không đủ vốn chủ sở hữu.

Hình 29 trình bày vốn CSH của Agribank từ 2003 đến 2008 theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và Quốc tế (IAS). Sau khi điều chỉnh cho lỗ lũy kế (trích lập dự phòng rủi ro nợ xấu) theo IAS, thì Agribank hầu như mất hết vốn CSH trong giai đoạn 2003-2005. Từ năm 2006, Agribank được Nhà nước tăng VĐL để vừa bù đắp cho lỗ lũy kế vừa giúp tăng tỷ lệ an toàn vốn. Trong năm 2010,

Agribank đã được bổ sung 10.200 tỷ đồng VĐL từ ngân sách nhà nước.⁷⁰ Mặc dù vậy, Agribank luôn là NHTM có tỷ lệ an toàn vốn (CAR) thấp ngay cả theo VAS: 6,4% năm 2010; 8% năm 2011 và 9,5% năm 2012.

Hình 29: Vốn chủ sở hữu của Agribank, 2003-2008



Nguồn: Agribank, BCTC và BCTN các năm 2003-2008.

2. Nợ xấu lớn nhất trong hệ thống

Từ 2012, Agribank bắt đầu báo cáo nợ xấu cao. Nhưng nguyên nhân nợ xấu không còn là cho vay nông nghiệp với rủi ro cao như trước đây, mà là do cho vay bất động sản, thua lỗ tại các công ty con, cho vay mất vốn do bị khách hàng lừa đảo và cán bộ NH tham nhũng.

Trước thời điểm tái cơ cấu toàn bộ hệ thống vào tháng 9/2011, Agribank công bố tỷ lệ nợ xấu chính thức của NH là 6,67%. Chủ tịch HĐQT Agribank cho biết: “Số nợ xấu này chủ yếu nằm đọng ở một bộ phận tín dụng bất động sản tại hai thành phố lớn là Hà Nội và TP.HCM, với những dự án đầu tư từ những năm 2008, 2009. Nợ thuộc nông nghiệp nông thôn chỉ chiếm chưa đến 2%”.

Theo kết quả thanh tra của Thanh tra Chính phủ tại Agribank, tổng giá trị thua lỗ tại các công ty con do NH sở hữu 100% là 1.782 tỷ đồng trong năm 2009, 4.393 tỷ đồng năm 2010 và 2.690 tỷ đồng năm 2011. Hai công ty cho thuê tài chính ALC I và ALC II có nhiều vi phạm nghiêm trọng, lỗ lớn và mất hoàn toàn vốn chủ sở hữu. Chỉ riêng Công ty Cho thuê Tài chính ALCII đã lỗ 4.600 tỷ đồng tính tới cuối 2012.

CTCP Chứng khoán Agribank (Agriseco) là công ty con của Agribank. NH nắm giữ 74,9% VĐL của CTCK này.⁷¹ Năm 2008, Agriseco phát hành TPDN với tổng mệnh giá 2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 5 năm. Toàn bộ số trái phiếu này được Agribank nắm giữ. Cũng tại thời điểm này, Agribank⁷² đã có khoản ủy thác đặt cọc mua chứng khoán 2.000 tỷ đồng cho Agriseco. Về bản chất, hai khoản nợ này với tổng giá trị 4.000 tỷ đồng chính là tín dụng mà Agribank cho Agriseco vay – vừa vi phạm quy định không được

⁷⁰ Quyết định số 482/QĐ-BTC ngày 5/3/2010 của Bộ Tài chính về việc bổ sung vốn điều lệ cho Agribank.

⁷¹ Tỷ lệ sở hữu 74,9% được Agribank duy trì từ 2008 và đến 2015 là 75,2%.

⁷² Qua Sở Quản lý Vốn và Kinh doanh Ngoại tệ.

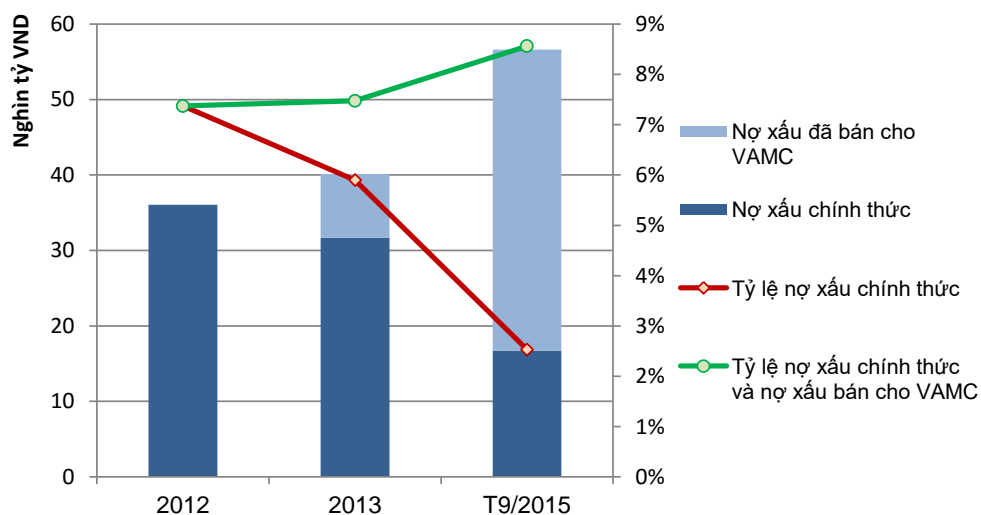
cho vay CTCK do NH kiểm soát, vừa vi phạm quy định cho vay một khách hàng vượt 15% vốn tự có của NH.⁷³

Một nhóm vấn đề trực trặc nữa là hàng loạt chi nhánh của Agribank bị dính vào các vụ án cho vay mất vốn vì lừa đảo và tham nhũng, với hai vụ lớn nhất với quy mô trên nghìn tỷ đồng. Chi nhánh Nam Hà Nội của Agibank đã giải ngân bằng hồ sơ khống cho Công ty Liên doanh Lifepro VN (trước là CTCP Enzo Việt), CTCP Vietmade, CTCP Lifepro VN tính đến tháng 9/2012 là hơn 4.000 tỉ đồng bao gồm cả gốc và lãi. Các tài sản đảm bảo và tài sản của các công ty đã được định giá hơn 900 tỷ đồng. Con số thiệt hại của Agribank sẽ là hơn 3.170 tỷ đồng. Agribank Chi nhánh 6 cho vay CTCP Tập đoàn Bình Phát với 1.100 tỷ đồng dư nợ không thu hồi được.

Mặc dù đã vay tái chiết khấu từ NHNN (21.000 tỷ đồng trong năm 2010-2011), nhận tiền gửi của Kho bạc Nhà nước (20.000-30.000 tỷ đồng trong năm 2009-2011), nhưng vào lúc cả hệ thống căng thẳng thanh khoản, Agribank cũng vay tái cấp vốn từ NHNN. Dư nợ vay tái cấp vốn vào cuối năm 2012 là 5.252 tỷ đồng, chỉ thấp hơn so với SCB. Sau này, kết quả thanh tra Agribank của Thanh tra Chính phủ mới cho thấy, Agribank trong năm 2011 đã thực hiện “nhiều giao dịch gửi tiền và nhận tiền gửi đối ứng cùng giá trị, cùng kỳ hạn” để quy định về tỷ lệ giới hạn cấp tín dụng và lách trần lãi suất của NHNN: “Cụ thể có 423.943 tỷ đồng tiền gửi, 14 tỷ USD, 829 triệu Euro vào các TCTD khác; nhận tiền gửi 52.384 tỷ đồng, 357 triệu USD và 16 triệu Euro.”

Ngày 12/11/2011, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước bắt đầu chỉ đạo việc xây dựng Đề án cơ cấu lại Agribank. Ngay tháng 11/2012, NHNN đã trình Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo về đề án cơ cấu lại Agribank. Nhưng phải một năm sau đó, Thống đốc NHNN mới phê duyệt Đề án tái cơ cấu Agribank giai đoạn 2013 - 2015.⁷⁴ Đó cũng là thời điểm VAMC bắt đầu mua nợ xấu. Và không có gì ngạc nhiên khi Agribank là TCTD đầu tiên chuyển nợ xấu cho VAMC.

Hình 30: Nợ xấu của Agribank, 2012-2015



Nguồn: Agribank, BCTC và BCTN năm 2013 và công bố thông tin của Agribank và VAMC năm 2015.

⁷³ 15% vốn tự có của Agribank năm 2008 bằng 2.888 tỷ đồng.

⁷⁴ Quyết định 53/QĐ-NHNN ngày 15/11/2013 của Thống đốc NHNN về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Agribank giai đoạn 2013 - 2015.

Tỷ lệ nợ xấu chính thức của Agribank lên tới 7,4% năm 2012 và giảm xuống còn 5,9% năm 2013.⁷⁵ Trong vòng 2 năm cho đến ngày 31/10/2015, Agribank đã chuyển 39.885 tỷ đồng nợ xấu cho VAMC. Tỷ lệ nợ xấu chính thức của NH giảm xuống còn 2,41% vào thời điểm đó, rồi giảm tiếp xuống 2,01% vào cuối năm 2015. Nhưng nếu cộng trở lại số nợ xấu bán cho VAMC, thì tỷ lệ nợ xấu của Agribank sẽ là 8,6% (Hình 30). Tổng số nợ xấu 56,6 nghìn tỷ đồng (2,6 tỷ USD) này vẫn nằm đó, và cao hơn 40 nghìn tỷ đồng vốn chủ sở hữu cuối năm 2015 của Agribank. Nhớ rằng Thanh tra CP vào tháng 2/2014 đã nói rằng tỷ lệ nợ xấu của Agribank là 12,71%, và nếu loại trừ các khoản nợ được cơ cấu theo chỉ đạo của Thủ tướng CP thì tỷ lệ nợ xấu là 12,21%.

Theo BCTC 2013 của Agribank, NH có lãi phải thu lũy tích là 11.936 tỷ đồng – một giá trị rất cao, nhưng thấp hơn so với SCB và Southern Bank (xem những tình huống ở phần sau) và đã giảm một chút so với năm 2012. Bảng 9 trình bày thu nhập và ngân lưu từ hoạt động kinh doanh của Agribank từ năm 2009 đến 2013.

Bảng 9: Thu nhập và ngân lưu của Agribank năm 2009-2013 (tỷ VND)

	2009	2010	2011	2012	2013
Kết quả hoạt động kinh doanh (thu nhập kế toán)					
Thu nhập từ lãi cho vay	42.796,7	55.827,0	77.222,9	46.202,1	58.977,0
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	30.809,4	38.265,2	50.495,6	29.142,8	38.315,8
Thu nhập lãi ròng	11.987,2	17.561,8	26.727,3	17.059,3	20.661,1
Lợi nhuận trước thuế	-1.137,4	2.217,7	3.513,9	1.626,1	2.456,8
Tỷ suất lợi nhuận					
ROA	-0,4%	0,3%	0,4%	0,2%	0,3%
ROE	-12,7%	6,1%	7,4%	2,9%	4,6%
Lưu chuyển tiền tệ (ngân lưu thật)					
Thu nhập từ lãi cho vay	42.858,8	55.106,2	74.945,4	45.169,5	59.536,7
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	29.536,9	38.036,0	49.868,0	28.961,7	35.295,7
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	11.269,8	11.597,3	13.135,2	9.157,0	13.947,8

Nguồn: BCTC và BCTN của Agribank các năm 2010-2013.

Sau bị lỗ vào năm 2009, lợi nhuận kế toán của Agribank đã được cải thiện vào các năm sau đó. Đến cuối năm 2013, Agribank vẫn còn khoản lỗ lũy kế từ những năm trước là 2.304 tỷ đồng. Một điểm tích cực về hoạt động kinh doanh là ngân lưu thực từ lãi cho vay gần tương đương với thu nhập kế toán từ lãi vay. Lãi phải thu phát sinh 2.378 tỷ đồng trong năm 2011, nhưng có giá trị không đáng kể trong năm 2012-2013.

Mặc dù không công bố BCTC năm 2014 và 2015, Agribank thông báo lợi nhuận trước thuế trong hai năm này lần lượt là 3.222 và 3.7000 tỷ đồng. Nhớ rằng Agribank đã công khai BCTC năm 2013 như một thông điệp về tình hình tài chính đã cải thiện. Việc NH trong hai năm gần đây lại không công bố BCTC cho thấy lại có vấn đề gì đó bất ổn và/hay các số liệu tài chính vẫn còn phải điều chỉnh theo hướng xấu đi.

Chắc chắn rằng Agribank vẫn phải tiếp tục tái cơ cấu cho dù Đề án cơ cấu lại Agribank đã phê duyệt chỉ đến năm 2015. Khoản nợ xấu khổng lồ cả trên bảng cân đối kế toán và đã chuyển cho VAMC, cho dù có thu hồi/xử lý được một phần vẫn buộc Nhà nước phải tăng VDL để tăng vốn CSH cho Agribank. Agribank sẽ tiếp tục là NHTM do Nhà nước sở hữu 100% và chưa thể cổ phần hóa. Những vụ án liên

⁷⁵ Còn tỷ lệ nợ quá hạn trong 2 năm này lần lượt là 22,2% và 16,4%.

quan đến Agribank cho thấy trong số 4 NHTMNN, hệ thống quản trị và kiểm soát của Agribank có trực trặc lớn. Tái cấu trúc tài chính phải đi kèm với tái cấu trúc quản trị, và phải làm thật.

VII. SCB, TÍN NGHĨA và ĐỆ NHẤT

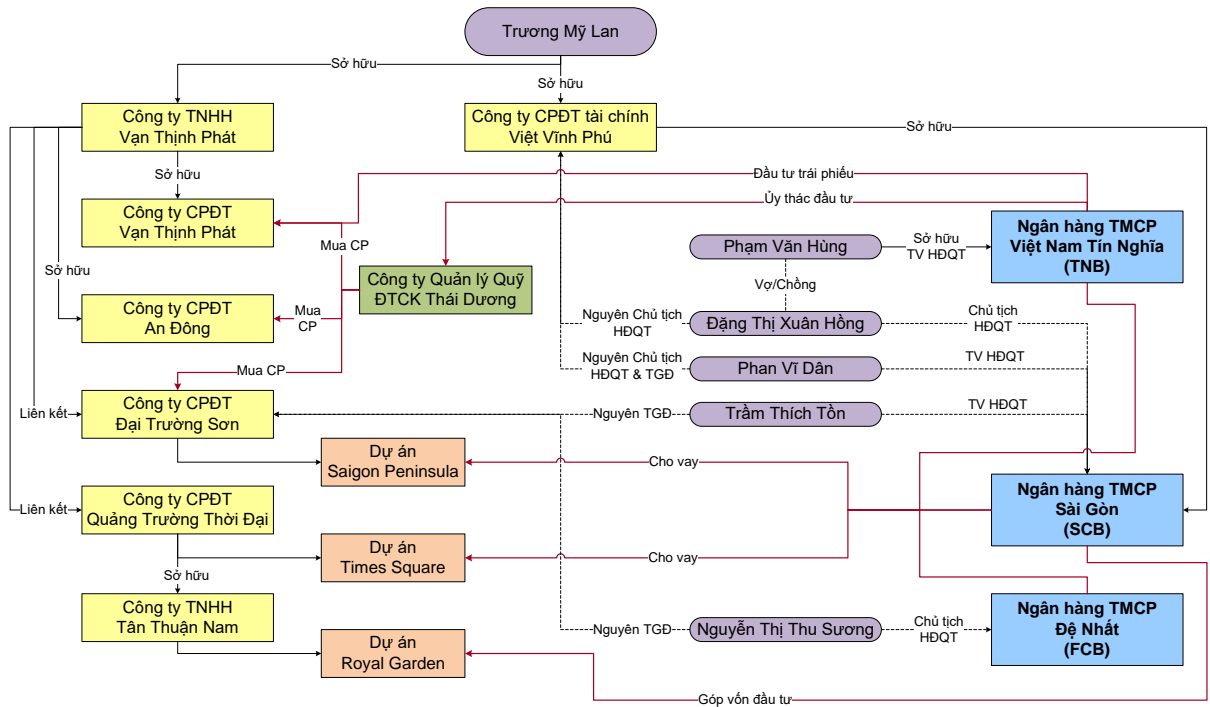
Vào sáng ngày 6 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), trong buổi giao ban báo chí trung ương do Bộ Thông tin – Truyền Thông tổ chức, đã chính thức công bố tiến trình thực hiện hợp nhất ba NHTM là SCB, Tín Nghĩa và Đệ Nhất. Thông tin chính thức từ ba ngân hàng này là tiến hành hợp nhất để “phát huy thế mạnh của nhau, hỗ trợ cho nhau, đồng thời tiết giảm chi phí vận hành, từ đó tạo ra một ngân hàng mới vững mạnh hơn và tăng khả năng tiếp cận thị trường”.⁷⁶

Tuy nhiên, Thống đốc NHNN Nguyễn Văn Bình trong buổi giao ban báo chí đã phát biểu: “ba ngân hàng nói trên trong thời gian qua đã có sự lạm dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn nên đã gặp khó khăn về thanh khoản. Cho đến khi nguồn vốn ngắn hạn không còn dồi dào, ba ngân hàng này đã mất khả năng thanh toán tạm thời.”⁷⁷

1. Cấu trúc sở hữu và đầu tư

Cả ba ngân hàng này đều do một nhóm nhà đầu tư và công ty liên kết nắm quyền kiểm soát, mặc dù ít có ai chính thức xuất hiện là cổ đông lớn sở hữu trên 5% tổng giá trị cổ phần. Hình 31 trình bày một phần bức tranh sở hữu, cho vay và đầu tư chéo giữa ba NH và nhóm các công ty liên quan.

Hình 31: Cấu trúc sở hữu, cho vay và đầu tư giữa SCB, Tín Nghĩa, Đệ Nhất



Nguồn: Tổng hợp từ BCTC, BCTN, BCB và thông cáo báo chí của các ngân hàng và doanh nghiệp liên quan tại thời điểm 30/9/2011.

⁷⁶ VN Economy, Ba ngân hàng hợp nhất là “tự nguyện”, ngày 6/12/2011. Truy cập tại địa chỉ <http://vneconomy.vn/20111206101234647POC6/ba-ngan-hang-hop-nhat-la-t-u-nguyen.htm>, ngày 11/4/2012.
⁷⁷ Như trên.

Vào năm 2006, Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Việt Vĩnh Phú⁷⁸ bắt đầu tham gia góp vốn vào SCB. Sở hữu và nắm quyền kiểm soát Việt Vĩnh Phú là bà Trương Mỹ Lan, người thành lập và là chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH Vạn Thịnh Phát. Sau một thời gian hoạt động trong lĩnh vực thương mại, khách sạn và nhà hàng, Vạn Thịnh Phát đã chuyển hướng sang BĐS. Những dự án lớn mà Vạn Thịnh Phát đã đầu tư và hiện đang kinh doanh trên địa bàn TP.HCM gồm có Trung tâm thương mại Thuận Kiều, Khách sạn Thương mại An Đông - Windsor Plaza và Cao ốc căn hộ dịch vụ cao cấp Sherwood Residence. Vạn Thịnh Phát cũng tiến hành thành lập các công ty con như CTCP Đầu tư Vạn Thịnh Phát và CTCP Đầu tư An Đông.⁷⁹ Nhóm công ty liên kết⁸⁰ đầu tư BĐS của Vạn Thịnh Phát còn có CTCP Đầu tư Quảng Trường Thời Đại⁸¹ và CTCP Đầu tư Đại Trường Sơn. Theo trang web chính thức của Vạn Thịnh Phát, VDL của công ty là 12.800 tỷ đồng.⁸²

Đến cuối năm 2007, Việt Vĩnh Phú sở hữu 28,5% vốn cổ phần của SCB. Ông Phan Vĩ Dân, nguyên TGD Việt Vĩnh Phú là thành viên HĐQT SCB, đại diện cho phần vốn của Việt Vĩnh Phú. Ba thành viên còn lại trong HĐQT là Chủ tịch Lê Quang Như, người của TP.HCM đưa sang từ Vissan; TGD Phạm Anh Dũng và PTGD thường trực Nguyễn Thế Linh, trước đây đều làm cho BIDV. Cơ cấu HĐQT này được duy trì cho đến cuối quý 1/2010 khi ba người trên cùng thôi giữ chức vụ. HĐQT sau đó và được duy trì cho đến trước thời điểm hợp nhất vẫn gồm bốn thành viên, nhưng ba thành viên là những người có quan hệ với Việt Vĩnh Phú và Vạn Thịnh Phát. Ngoài ông Phan Vĩ Dân tiếp tục là thành viên HĐQT, chủ tịch là bà Đặng Thị Xuân Hồng, cũng nguyên là chủ tịch HĐQT của Việt Vĩnh Phú, và ông Trần Thích Tồn nguyên là TGD Đại Trường Sơn (ông Tồn từng nắm giữ nhiều chức vụ khác nhau tại Vạn Thịnh Phát và các công ty con).⁸³

Bà Trương Mỹ Lan và nhóm đầu tư của mình bắt đầu mua cổ phần của Tín Nghĩa từ năm 2009. Trước đó, NH Tân Việt sau khi thuộc sự kiểm soát của Tập đoàn Thái Bình Dương đã được đổi tên thành NHTMCP Thái Bình Dương, rồi sau khi bán lại vào năm 2009, được đổi tên lần nữa thành NHTMCP Việt Nam Tín Nghĩa. Đến năm 2009, HĐQT của Tín Nghĩa gồm Vũ Văn Thành (chủ tịch, nguyên PTGD MHB), Hà Thị Yến (phó chủ tịch, trước đây công tác tại Vietinbank), Lê Anh Tài (TGD) và Phạm Văn Hùng. Cổ đông lớn nhất của Tín Nghĩa là ông Phạm Văn Hùng với tỷ lệ cổ phần sở hữu 13,3% (tại thời điểm 31/5/2009). Ông Phạm Văn Hùng là chồng của bà Đặng Thị Xuân Hồng, chủ tịch HĐQT SCB.

Những đợt tăng vốn trong năm 2009-2011 cũng đã làm thay đổi lớn cơ cấu sở hữu của Đệ Nhất, ngoài trừ việc ba công ty có vốn đầu trực tiếp nước ngoài của Đài Loan vẫn là các cổ đông tổ chức lớn (sở hữu 24,4% vào thời điểm cuối năm 2010). Đầu tiên là việc tham gia góp vốn của ông Trần Bê, cổ đông lớn nắm quyền kiểm soát Southern Bank. Sau khi nắm quyền kiểm soát Đệ Nhất, lãnh đạo quản lý của Southern Bank được chuyển sang tham gia HĐQT và ban điều hành của Đệ Nhất. Cụ thể, ông Ưông Văn Ngọc Ẩn làm chủ tịch HĐQT Đệ Nhất (2009-2010), người trước đó là TGD của Southern Bank.⁸⁴ Các thành viên khác của HĐQT Đệ Nhất có Đinh Văn Thành (nguyên PTGD Đệ Nhất và trước đây công tác cho Southern Bank), Nguyễn Thị Lệ An (PTGD Đệ Nhất và cũng từng công tác

⁷⁸ Bây giờ là CTCP Đầu tư Tài chính Việt Vĩnh Phú.

⁷⁹ Công ty con của một DN là công ty mà DN nắm quyền sở hữu trên 50%.

⁸⁰ Công ty liên kết của một DN là công ty mà doanh nghiệp nắm quyền sở hữu từ 20% đến 50%.

⁸¹ Chủ tịch HĐQT của Đại Trường Sơn là ông Chu Lập Cơ, quốc tịch Hồng Kông, chồng của bà Trương Mỹ Lan.

⁸² Trang web chính thức của Vạn Thịnh Phát,

<http://www.vtpinvestment.com/index.php/vi/gioi-thieu/tong-quan>; truy cập ngày 27/3/2012.

⁸³ Thành viên thứ tư là ông Lê Khánh Hiền, nguyên phó tổng giám đốc SCB.

⁸⁴ Trước đó, ông Nguyễn Minh Tuấn làm chủ tịch HĐQT Đệ Nhất từ 2008-09. (Ông Tuấn nguyên là tổng giám đốc Đệ Nhất từ 2003 đến 2007).

cho Southern Bank), Diệp Tấn Dũng (thành viên HĐQT Đệ Nhất từ tháng 4/2010 và trước đó là thành viên HĐQT của Southern Bank), và Nguyễn Văn Trinh (thành viên HĐQT độc lập, chủ tịch HĐQT Công ty Vàng bạc Đá quý Phương Nam). Nhóm đầu tư của bà Lan bắt đầu mua Đệ Nhất từ năm 2010 và đến giữa năm 2011 thì nắm quyền kiểm soát ngân hàng.⁸⁵ Sau lần thay đổi thành viên HĐQT vào tháng 4/2011, bà Nguyễn Thị Thu Sương trở thành chủ tịch HĐQT của Đệ Nhất. Bà Sương từng làm trợ lý ban TGD của CTCP Đầu tư Vạn Thịnh Phát, PTGD rồi TGD Công ty Đại Trường Sơn.⁸⁶

Đằng sau thực tế một chủ nắm quyền sở hữu SCB, Tín Nghĩa và Đệ Nhất là việc cả ba ngân hàng này đều tài trợ tài chính cho nhiều hoạt động đầu tư khác nhau của các DN do cùng chủ kiểm soát. Một ví dụ dễ thấy về việc ngân hàng cho vay dự án BĐS do chính chủ ngân hàng đầu tư là hai dự án thuộc vào loại lớn nhất tại TP.HCM: Times Square và Saigon Peninsula. Times Square hay Quảng trường Thời đại là dự án gồm hai tòa tháp đôi 45 tầng với tổng diện tích xây dựng 90.000 m² nằm giữa Đường Nguyễn Huệ và Đồng Khởi ở Quận 1, TP.HCM. Chủ đầu tư dự án là CTCP Đầu tư Quảng Trường Thời Đại. Saigon Peninsula hay Bán đảo Sài Gòn là dự án khu đô thị bao gồm biệt thự và căn hộ cao cấp, văn phòng, khách sạn, trung tâm mua sắm và bến tàu khách du lịch quốc tế với tổng diện tích xây dựng 1.177.881 m² tại Phường Phú Thuận, Quận 7. Chủ đầu tư của dự án là Công ty CPĐT Đại Trường Sơn. Tại lễ công bố giới thiệu các dự án BĐS độc đáo ở TP.HCM, Hiệp hội Bất động sản TP.HCM (HOREA) cho biết SCB, Tín Nghĩa và Đệ Nhất đều là các NH tài trợ chính cho hai dự án BĐS này.⁸⁷

Trường hợp thứ hai về vấn đề ngân hàng tài trợ cho doanh nghiệp của cùng một cổ đông lớn là việc Tín Nghĩa mua TPDN của Vạn Thịnh Phát. Ngày 11/9/2010, CTCP Đầu tư Vạn Thịnh Phát phát hành TPDN với tổng giá trị 6.000 tỷ đồng.⁸⁸ Tín Nghĩa nắm giữ toàn bộ giá trị 6.000 tỷ đồng trái phiếu của Vạn Thịnh Phát, trong khi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng lúc đó chỉ là 3.902 tỷ đồng.⁸⁹ Vì là TPDN, nên tài sản này của ngân hàng được xếp vào mục chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và được xem là khác với dư nợ tín dụng.⁹⁰ Đến quý III/2011, Tín Nghĩa còn giữ 2.200 tỷ đồng trái phiếu Vạn Thịnh Phát, bằng 54,8% vốn chủ sở hữu của NH.⁹¹

Trường hợp thứ ba là NH đầu tư và góp vốn vào cổ đông của chính NH thông qua hoạt động ủy thác đầu tư. Trong năm 2011, Tín Nghĩa đã ủy thác cho CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Thái Dương 8.000 tỷ đồng và toàn bộ khoản tiền này được đầu tư vào cổ phiếu của ba công ty là CTCP Đầu tư Vạn Thịnh Phát 1.518 tỷ đồng, An Đông 2.730 tỷ đồng và Đại Trường Sơn 3.752 tỷ đồng.⁹² Như đã đề cập, nhóm các CTCP Vạn Thịnh Phát, An Đông và Đại Trường Sơn đều có cổ đông lớn là Công ty TNHH Vạn Thịnh Phát do bà Lan sáng lập.

⁸⁵ Nhóm đầu tư của ông Trần Bê đã bán lại cổ phần Đệ Nhất cho nhóm đầu tư của bà Trương Mỹ Lan.

⁸⁶ Ngoài bà Sương, thành viên mới nữa là ông Trần Thuận Hòa (Công ty TNHH Đầu tư Minh Hòa Phú).

⁸⁷ Dự án thứ ba được giới thiệu và cũng được tài trợ bởi ba ngân hàng là Royal Garden do Công ty TNHH Tân Thuận Nam đầu tư tại Phường Tân Hưng, Quận 7.

⁸⁸ Vốn đầu tư ban đầu cho dự án Times Square được ước tính ở mức 6.000 tỷ đồng.

⁸⁹ Căn cứ vào thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010 của Tín Nghĩa, Ngân hàng đã đầu tư và giữ cho đến khi đáo hạn 6 triệu trái phiếu mệnh giá 1 triệu đồng, kỳ hạn 5 năm, lãi suất "coupon" 16,2%/năm, đáo hạn 11/9/2015 do Công ty CPĐT Vạn Thịnh Phát phát hành.

⁹⁰ Thông tư 13/2010/TT-NHNN, ngày 20/05/2010 và Luật các TCTD năm 2010 quy định tổng dư nợ cho vay của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng.

⁹¹ Báo cáo tài chính quý III năm 2011 của Tín Nghĩa (phần thuyết minh).

⁹² Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Thái Dương. Theo thuyết minh BCTC này, hạng mục phải thu từ hoạt động quản lý quỹ bao gồm ba khoản phải thu cho NHTMCP Tín Nghĩa do đầu tư vào cổ phiếu của Vạn Thịnh Phát, An Đông và Đại Trường Sơn.

2. Tình hình tài chính theo báo cáo chính thức và thực tế

Trước thời điểm hợp nhất, cả ba NH đều báo cáo đủ vốn và vẫn có lợi nhuận dương từ hoạt động kinh doanh. SCB công bố tỷ lệ CAR của mình vào cuối năm 2010 là 10,32%. Con số này của Đệ Nhất lên đến 43,54%. Tỷ lệ cho vay BĐS & XD vào cuối năm 2010 của 3 NH là 28,1% (SCB), 74,1% (Tín Nghĩa) và 12,9% (Đệ Nhất). Tín Nghĩa công bố nợ xấu ở mức rất thấp: 0,83% cuối 2010 và 1,7% cuối quý 3/2011. Đệ Nhất cũng tương tự với tỷ lệ 1,1% và 1,7% nợ xấu vào cuối 2010 và cuối quý 3/2011. Chỉ có SCB là báo cáo tỷ lệ nợ xấu chính thức 11,4% vào cuối năm 2010, mức cao nhất trong số tất cả các NHTM Việt Nam vào thời điểm đó.

Trong 9 tháng đầu năm 2011, tổng tài sản của SCB tăng từ 60 lên 78 nghìn tỷ đồng – một tốc độ tăng gần 30%. Để tài trợ mức tăng này ở phía nguồn vốn, SCB huy động thêm 5,8 nghìn tỷ từ tiền gửi và vay thêm 8,2 nghìn tỷ đồng từ các TCTD khác. Nhưng ở phía tài sản, chỉ 8,6 nghìn tỷ được cho vay thêm, trong khi các khoản phải thu tăng lên 10,5 nghìn tỷ đồng. Tại Tín Nghĩa, huy động tiền gửi cũng tăng thêm 9,5 nghìn tỷ trong 9 tháng/2011, nhưng cho vay khách hàng giảm đi 1,6 nghìn tỷ, và tài sản khác tăng lên 14,5 nghìn tỷ đồng. Đối với Đệ Nhất, tổng tài sản trong cùng giai đoạn đã tăng từ 12,2 nghìn tỷ lên 17,1 nghìn tỷ đồng (40,7%). Cho vay khách hàng của NH này chỉ tăng lên 282 tỷ đồng hay 9,6%, còn tài sản khác tăng lên 4,4 nghìn tỷ đồng hay 88,3%. Kết quả là giá trị khoản mục tài sản có khác luôn chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng tài sản có của ba ngân hàng. Tại Tín Nghĩa, tỷ trọng tài sản có khác chiếm hơn 41% tổng tài sản có của ngân hàng này vào thời điểm cuối tháng 9/2011. Trong khi đó, tại hai NH SCB và Đệ Nhất thì tỷ trọng này có phần thấp hơn so với Tín Nghĩa nhưng cũng lên đến trên dưới 25%.

Tại Đại hội Cổ đông (ĐHCĐ) 2012 tổ chức vào tháng 4/2013, TGD SCB mới báo cáo rằng vào cuối năm 2011, SCB bị mất thanh khoản với các khoản vay liên ngân hàng không chi trả được; các tỷ lệ an toàn hoạt động như CAR, tỷ lệ thanh toán trong vòng 7 ngày kế tiếp, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn đều không đạt mức quy định; tỷ lệ nợ xấu của cả 3 NH là 7,25% và tỷ lệ nợ quá hạn là 12,8%; đầu tư vào TPĐN đến ngày đáo hạn không thu hồi được nợ gốc và lãi; các khoản đặt cọc đầu tư chứng khoán khó có khả năng thu hồi; tài sản đảm bảo (BĐS và cổ phiếu của chính doanh nghiệp vay nợ) có giá trị thấp.⁹³ Thông tin công bố còn cho thấy tổng giá trị âm trạng thái vàng của 3 NH là 311.018 lượng vàng vào cuối năm 2011. Theo NHNN, trong năm 2011 SCB đã bán hết lượng vàng huy động để có tiền đồng giải quyết thanh khoản, dẫn tới âm trạng thái lớn về vàng.⁹⁴

3. Hợp nhất

Đề án hợp nhất SCB, Tín Nghĩa và Đệ Nhất được soạn thảo trong tháng 12/2011. Phương án hợp nhất theo đề án này là ba NH sẽ hợp thành một NH mới với tên gọi là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (SCB) và chấm dứt hoạt động của các NH cũ. NH sau hợp nhất sẽ tiếp nhận và thực thi các quyền của chủ sở hữu đối với toàn bộ tài sản và chịu trách nhiệm về tất cả các khoản nợ của ba NH bị hợp nhất. BCTC 9 tháng đầu năm 2011 đã kiểm toán của từng NH sẽ là cơ sở cho việc hợp nhất các số liệu kế toán và chuyển giao tài sản (Bảng 10). Giá trị sổ sách của ba NH bị hợp nhất sẽ được chuyển giao cho NH mới vào ngày hợp nhất và vốn điều lệ của NH mới sẽ bằng tổng vốn điều lệ của ba NH bị hợp nhất.

⁹³ TGD NHTMCP Sài Gòn, “Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động năm 2012 và định hướng hoạt động năm 2013”, ngày 29/3/2013.

⁹⁴ PGĐ Chi nhánh TP.HCM của NHNN Nguyễn Hoàng Minh trả lời phỏng vấn báo chí ngày 4/6/2013.

Bảng 10: Bảng cân đối kế toán ba ngân hàng tại thời điểm 30/9/2011 (tỷ VND)

	SCB	Tín Nghĩa	Đệ Nhất	SCB hợp nhất
Tài sản				
Tiền mặt, vàng và đá quý	1.115,5	3.502,4	289,0	4.906,9
Tiền gửi tại NHNN	447,9	650,0	343,7	1.441,6
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	5.188,1	3.270,8	2.192,3	10.651,2
Chứng khoán kinh doanh và đầu tư	7.905,8	2.621,4	1.322,9	11.850,1
Công cụ phái sinh và tài sản tài chính khác	386,7	-	47,5	434,2
Cho vay khách hàng	42.171,3	24.677,0	3.256,0	70.104,3
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-1.504,5	-323,3	-26,5	-1.854,3
Góp vốn, đầu tư dài hạn	519,5	25,2	3,4	548,1
Tài sản cố định	1.427,3	298,2	332,0	2.057,4
Tài sản có khác	19.924,2	24.217,8	9.344,4	53.486,4
Cộng tài sản	77.581,6	58.939,4	17.104,9	153.625,9
Nợ và vốn chủ sở hữu				
Nợ Chính phủ và NHNN	2.156,8	-	39,5	2.196,3
Tiền gửi và vay các TCTD khác	17.734,7	10.151,7	4.859,0	32.745,5
Tiền gửi của khách hàng	40.901,2	35.029,5	8.550,7	84.481,4
Vốn tài trợ và ủy thác đầu tư	10,2	-	-	10,2
Phát hành giấy tờ có giá	10.372,0	8.145,8	248,4	18.766,2
Tài sản nợ khác	1.819,3	1.592,3	213,0	3.624,6
Vốn chủ sở hữu	4.587,4	4.020,1	3.194,3	11.801,8
trong đó, vốn điều lệ	4.184,8	3.399,0	3.000,0	10.583,8
Cộng nguồn vốn	77.581,6	58.939,4	17.104,9	153.625,9

Nguồn: BCTC quý 3/2011 của SCB, Tín Nghĩa, Đệ Nhất và Đề án hợp nhất 3 NH.

Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu phổ thông của ba NH bị hợp nhất thành cổ phiếu của NH mới là 1:1 (mỗi cổ phần phổ thông của một NH bị hợp nhất sẽ được hoán đổi thành một cổ phần của NH mới theo nguyên tắc ngang bằng mệnh giá và không áp dụng chuyển đổi thành tiền). Vậy, SCB mới có 10.584 tỷ đồng vốn điều lệ với 39,5% số cổ phần được chuyển đổi từ SCB cũ, 32,1% từ Tín Nghĩa và 28,3% từ Đệ Nhất. Trong khi việc hợp nhất được dựa trên tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu 1:1, cổ phiếu của ba NH hợp nhất lại được giao dịch với giá khác nhau trên sàn OTC. Giá cổ phiếu SCB có mức 4.900/CP vào ngay trước thời điểm công bố thông tin hợp nhất. Cổ phiếu của Tín Nghĩa và Đệ Nhất thì hầu như không có giao dịch trước thời điểm hợp nhất. Trong những tháng đầu năm 2011, Tín Nghĩa được chào bán với giá 7.700 đồng/CP và Đệ Nhất với giá 9.300 đồng/CP.

Ngày 6/12/2011, NHNN chấp thuận chủ trương hợp nhất SCB, Tín Nghĩa và Đệ Nhất theo Công văn 9326/NHNN-TTGSNH của Thống đốc NHNN. Cũng trong ngày này, BIDV đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược toàn diện với ba NH. Trước đó, Thủ tướng CP đã chỉ đạo BIDV tham gia vào quá trình hợp nhất ba NH theo “phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt”. BIDV công bố với báo chí rằng NH này đã cho ba NH bị hợp nhất vay tổng cộng 2.400 tỷ đồng. Khi tham gia vào quá trình hợp nhất, BIDV sẽ đại diện cho phần vốn nhà nước đã cho ba NH vay.

4. Hậu hợp nhất, 2012

Từ đầu tháng 10 đến cuối năm 2011, 25.848 tỷ đồng tiền gửi của khách hàng đã được rút ra khỏi 3 NH bị hợp nhất. NHNN đã phải cho vay tái cấp vốn và cho vay đặc biệt lên tới gần 16.000 tỷ đồng để đảm bảo thanh khoản cho SCB hợp nhất. Tính tại thời điểm 31/12/2011, nợ vay tái cấp vốn từ NHNN

của SCB sau hợp nhất là 18.134 tỷ đồng, gấp 1,6 lần vốn chủ sở hữu của NH. SCB hợp nhất lúc đó cũng đã vay ròng từ BIDV và các TCTD khác trên thị trường 2 là 26.651 tỷ đồng, bằng 34,2% vốn huy động trên thị trường 1.

Một năm sau hợp nhất, theo lãnh đạo NH báo cáo thì tái cơ cấu tài chính trong năm 2012 đã giúp SCB:

- Cải thiện được thanh khoản. Huy động tiền gửi gia tăng và SCB đã trả lại NHNN một phần đáng kể vay tái cấp vốn và trả lại một phần các khoản vay liên ngân hàng. NH cũng mua vàng để giảm âm trạng thái;
- Xử lý các khoản nợ quá hạn thông qua thu hồi nợ, cản trừ nợ vay bằng tài sản bảo đảm, cơ cấu lại nợ bằng cách điều chỉnh kỳ hạn; và
- Tái cơ cấu các hợp đồng mua lại chứng khoán (repo), cầm cố vàng, đặt cọc môi giới chứng khoán, và cản trừ nợ vay.

Bảng 11: Bảng cân đối kế toán SCB 2011-Q3/2015 (tỷ VND)

	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014	30/9/2015
Tài sản					
Tiền mặt, vàng và đá quý	2.027,9	4.334,9	1.701,4	1.403,2	1.837,7
Tiền gửi tại NHNN	294,7	3.198,8	1.866,7	5.210,5	4.587,8
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	7.248,2	1.832,7	9.314,6	11.146,3	15.222,8
Chứng khoán kinh doanh và đầu tư	13.917,3	11.315,0	25.055,5	43.906,7	56.564,8
Công cụ phái sinh và tài sản tài chính khác	828,4	97,2	6,1	0,0	0,0
Cho vay khách hàng	66.070,1	88.154,9	89.003,7	134.005,4	153.714,8
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-1.651,2	-989,3	-654,1	-728,2	-1.138,3
Góp vốn, đầu tư dài hạn	541,9	71,6	71,3	147,0	1.062,1
Tài sản cố định	2.196,9	2.589,9	2.965,3	3.172,1	3.105,8
Tài sản cố khác	53.339,9	38.599,9	51.688,1	43.959,1	51.330,6
Cộng tài sản	144.814,1	149.205,6	181.018,6	242.222,1	286.900,0
Nợ và vốn chủ sở hữu					
Nợ Chính phủ và NHNN	18.133,9	9.772,3	0,0	1.212,4	3.549,6
Tiền gửi và vay các TCTD khác	33.899,2	18.250,965	18.419,4	25.917,2	24.133,0
Tiền gửi của khách hàng	58.633,4	79.192,9	147.098,1	198.505,1	237.939,9
Vốn tài trợ và ủy thác đầu tư	10,2	6,7	3,3	133,0	88,4
Phát hành giấy tờ có giá	19.331,3	11.949,3	0,0	0,0	0,0
Tài sản nợ khác	3.471,7	18.663,3	2.385,3	3.269,0	5.960,3
Vốn chủ sở hữu	11.334,5	11.370,1	13.112,6	13.185,3	15.228,8
trong đó, vốn điều lệ	10.583,8	10.583,8	12.294,8	12.294,8	14.294,8
Cộng nguồn vốn	144.814,1	149.205,6	181.018,6	242.222,1	286.900,0

Nguồn: BCTC của SCB các năm 2012-2014 và quý 3/2015.

Bảng 11 cho thấy SCB trong năm 2012 đã huy động tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá (huy động trên thị trường 1) lên thêm được 13.178 tỷ đồng (tăng 16,9%). Từ đó, SCB cũng đã hoàn trả NHNN 9.478 tỷ đồng nợ gốc vay tái cấp vốn và 1.377 tỷ đồng tiền lãi (dư nợ vay tái cấp giảm 46,1% so với đầu năm). Vay ròng liên ngân hàng cũng giảm đi 10.233 tỷ đồng (-38,4%). Tuy vậy, SCB vẫn phải xin

NHNN gia hạn khoản dư nợ vay tái cấp vốn còn lại mà lẽ ra phải trả hết vào cuối năm 2012.⁹⁵ Trong số dư tiền gửi và vay các TCTD khác, 4.373 tỷ đồng đã đến hạn nhưng chưa thanh toán vào cuối năm 2012. SCB trình bày là đã đàm phán gia hạn và giảm lãi suất với các TCTD về các khoản vay liên ngân hàng quá hạn.

Trong năm 2012, SCB cũng đã mua vào 63.987 lượng vàng để giảm trạng thái âm vàng. Giá trị âm trạng thái vàng vào cuối năm 2012 là 247.031 lượng (9,5 tấn). Theo BCTC đã kiểm toán năm 2012, “vàng giữ hộ” khách hàng của SCB có giá trị 15.272 tỷ đồng. Đây thực chất là huy động tiền gửi bằng vàng của SCB. Lãi suất huy động vàng nằm trong khoảng 3,95-5,10%/năm.⁹⁶ Số dư vàng giữ hộ được ghi vào hạng mục nợ khác trong bảng cân đối kế toán.

Căn cứ vào QĐ 780/QĐ-NHNN của NHNN ngày 23/4/2012 về cho phép đảo nợ, SCB đã “cơ cấu” 30.945,4 tỷ đồng nợ của 263 khách hàng trong năm 2012.⁹⁷ Sau việc đảo nợ và giữ nguyên nhóm nợ này, tỷ lệ nợ quá hạn của SCB giảm từ 12,8% đầu năm xuống 8,8% cuối năm 2012 và tỷ lệ nợ xấu hầu như không đổi ở mức 7,2%. Nếu 30.945,4 tỷ đồng nợ được xếp đúng là nợ quá hạn (nhóm 2-5), thì so với tổng dư nợ cho vay 88.154,9 tỷ đồng, tỷ lệ nợ quá hạn của SCB vào cuối năm 2012 phải là 43,9%.

Bảng 12: Tái cơ cấu các hạng mục tài sản có khác của SCB năm 2012 (tỷ VND)

	31/12/2011	31/12/2012	Tăng/giảm	Thuyết minh
Các khoản phải thu	43.492,3	10.167,3	-33.325,1	
HĐ mua lại chứng khoán	6.278,0	4.807,1	-1.470,9	Chuyển một phần HĐ repo thành cho vay mới; HĐ repo còn lại được gia hạn đến T6/2013.
Cầm cố vàng tại các TCTD khác	10.410,9	2.263,3	-8.147,6	Cầm cố vàng liên quan tiền gửi và vay TCTD khác. HĐ cầm cố còn lại được gia hạn.
Tạm ứng mua vàng kỳ hạn	6.059,7	513,2	-5.546,6	Ứng trước cho DN Kim Huy. 5.546 tỷ đồng thành cho vay mới; HĐ còn lại được gia hạn.
Đặt cọc môi giới chứng khoán	17.976,0	0,0	-17.976,0	Tiền đặt cọc mua CK tại các công ty QL quỹ đã được chuyển thành cho vay mới.
Lãi phải thu từ HĐ đặt cọc CK	0,0	724,3	724,3	Lãi phải thu còn lại, sau khi đã chuyển một phần lãi dự thu thành cho vay mới.
Khác	2.767,7	1.859,4	-908,2	
Lãi và phí phải thu	9.466,7	17.027,5	7.560,7	Lãi phải thu từ cho vay. SCB "tin tưởng" sẽ được thanh toán theo lịch thỏa thuận.
Tài sản có khác	550,2	11.482,5	10.932,3	
TS cản trừ nợ vay	0,0	10.828,8	10.828,8	Nhận tài sản bảo đảm để cản trừ nợ.
Khác	550,2	653,7	103,6	
Dự phòng rủi ro	-169,4	-77,3	92,0	
Tổng cộng	53.339,9	38.599,9	-14.740,0	

Nguồn: BCTC SCB năm 2012.

⁹⁵ Các khoản vay tái cấp vốn có kỳ hạn 6 tháng và được đảm bảo bằng BĐS theo các hồ sơ tín dụng. Tài sản đảm bảo được định giá là 36.777 tỷ đồng. Mặc dù quá hạn, NHNN đã đồng ý gia hạn qua Công văn 35/NHNN-TTGSNH.m ngày 21/1/2013 và các khoản vay này không phải chịu lãi suất quá hạn.

⁹⁶ NHNN đã ban hành Thông tư 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 (sửa đổi bổ sung tại Thông tư 12/2012/TT-NHNN ngày 27/4/2012) về việc chấm dứt trả lãi “giữ hộ vàng” cho khách hàng. SCB đã chấm dứt trả lãi từ tháng 5/2012.

⁹⁷ TGD SCB, “Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động năm 2012 và định hướng hoạt động năm 2013”, ngày 29/3/2013.

Theo như Bảng 12, việc giảm giá trị tài sản có khác thông qua tái cơ cấu hợp đồng mua lại CK, tạm ứng mua vàng kỳ hạn và đặt cọc môi giới CK được thực hiện chủ yếu bằng cách chuyển các khoản này thành các khoản cho vay mới, chứ không phải là thực sự tất toán, thanh lý hay thu hồi giá trị. Kết quả là dư nợ cho vay mới tăng lên gần 25.000 tỷ đồng sau các hoạt động “cơ cấu” này. Một điểm đáng chú ý là các hoạt động này chỉ được thực hiện vào cuối năm 2012 và đầu năm 2013 sau khi NHNN có văn bản chấp thuận bằng các Công văn 950/NHNN-TTGSNH.m ngày 26/12/2012 và 35/NHNN-TTGSNH.m ngày 21/1/2013 từ Cơ quan Thanh tra và Giám sát Ngân hàng. Dư nợ cho vay tăng (33,4%), nhưng tài sản có khác giảm (-27,6%) nên tổng giá trị tài sản của NH chỉ tăng 3,0% trong năm 2012.

Lãi phải thu cũng tăng mạnh (lên 7.561 tỷ đồng) do lãi tích tụ tại các khoản vay có thời hạn trả lãi hàng năm và trên một năm vào cuối thời hạn của hợp đồng tín dụng. Tổ chức kiểm toán đã lưu ý rằng SCB “có một số khoản phải thu đã quá hạn nhưng chưa thu hồi được gây ra khó khăn về thanh khoản và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng”.⁹⁸ Việc xử lý nợ quá hạn bằng cách dùng tài sản bảo đảm để cản trở nợ vay làm cho cùng ở bên tài sản có, dư nợ cho vay giảm còn tài sản có khác tăng lên 10.829 tỷ đồng. Hoạt động tái cơ cấu này cũng được thực hiện nhanh chóng trong tháng cuối cùng của năm khi NHNN có Công văn 171/NHNN-TGS.SCB.m chấp thuận vào ngày 7/12/2012 và đến đúng 31/12/2012 thì các văn bản thỏa thuận cản trở nợ và nhận tài sản đảm bảo được văn phòng thừa phát lại lập vi bằng. Đến cuối năm 2012, tài sản có khác vẫn chiếm 25,9% tổng giá trị tài sản NH.

Xét về hoạt động kinh doanh, SCB có thu nhập lãi ròng 3.196 tỷ đồng (thu nhập 17.317 tỷ đồng từ lãi cho vay và chi phí lãi tiền gửi 14.121 tỷ đồng). Tuy nhiên xét về ngân lưu, SCB chỉ thu được 6.459 tỷ đồng tiền lãi cho vay trong số 17.317 tỷ đồng. Câu hỏi thứ nhất đặt ra là tại sao có một giá trị khổng lồ tiền lãi từ cho vay mà NH không thu được tiền và đằng sau khoản lãi tích tụ này là một giá trị dư nợ cho vay bao nhiêu. Câu hỏi thứ hai là nếu khoản lãi này là ảo thì thực chất hoạt động kinh doanh của NH đã tạo ra một khoản thua lỗ là bao nhiêu vì ngân lưu trả lãi tiền gửi và tiền vay của SCB là 13.929 tỷ đồng.

Theo báo cáo lưu chuyển tiền tệ, ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh của SCB năm 2014 là âm 9.836 tỷ đồng. Khoản ngân lưu ra này được cân đối bằng một phần ngân lưu vào từ huy động tiền gửi (14.086 tỷ đồng).

Về mặt quản trị, khác với tuyên bố ban đầu, BIDV đã không tham gia vào quản trị hay điều hành SCB. Thành viên HĐQT và Ban giám đốc của SCB đều từ 3 NH bị hợp nhất. Cơ cấu cổ đông của NH chưa có gì thay đổi. Nhóm cổ đông của bà Trương Mỹ Lan và Vạn Thịnh Phát vẫn kiểm soát SCB sau hợp nhất.

5. Hậu hợp nhất, 2013

Sang năm thứ hai của tái cơ cấu, báo cáo ra ĐHCĐ của TGD và HĐQT SCB tiếp tục ghi nhận những chuyển biến tích cực về tài chính của NH như sau:

- Huy động tiền gửi từ dân cư và DN tăng mạnh. NH đã trả hết nợ vay tái cấp vốn cho NHNN. NH đã tất toán toàn bộ trạng thái âm vàng;
- Tăng đầu tư vào trái phiếu chính phủ (TPCP) và kỳ phiếu của các TCTD khác;

⁹⁸ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán của SCB năm 2012.

- Tỷ lệ nợ quá hạn và tỷ lệ nợ xấu giảm mạnh nhờ tiếp tục xử lý, cơ cấu lại nợ vay và bán nợ xấu cho VAMC; và
- Tăng vốn điều lệ.

Nhìn vào thông tin trong BCTC 2013 (Bảng 10 ở trên), huy động tiền gửi trên thị trường 1 của SCB đã tăng lên với một con số khổng lồ 55.956 tỷ đồng (tăng 61,4%). Trên cơ sở của tiền gửi huy động gia tăng, SCB đã trả hết nợ vay tái cấp vốn còn lại NHNN (9.772 tỷ đồng nợ gốc và 2.150 tỷ đồng tiền lãi). Tính trong 2 năm 2012-2013, SCB đã hoàn trả 21.804 tỷ đồng nợ vay tái cấp vốn (19.250 tỷ đồng nợ gốc và 2.554 tỷ đồng tiền lãi). Tiền gửi và vay liên ngân hàng của SCB vẫn ở mức cao là 18.419 tỷ đồng (cao hơn một chút so với 2012) (giá trị ròng là 9.105 tỷ đồng sau khi trừ đi tiền gửi và cho vay các TCTD khác). SCB đã không còn trạng thái âm vàng và giảm toàn bộ số dư giữ hộ vàng.

Tiền gửi huy động, ngoài việc dùng để trả nợ NHNN và các TCTD, được SCB đầu tư một phần vào chứng khoán. Giá trị chứng khoán đầu tư của SCB tăng lên 7.288 tỷ đồng trong năm 2013 (không kể trái phiếu đặc biệt VAMC). Trong đó, đầu tư vào TPCP tăng lên 3.401 tỷ đồng. SCB mua kỳ phiếu kỳ hạn 1 năm do một NHTM phát hành với giá trị 4.379 tỷ đồng. TPDN để tài trợ các dự án BĐS và góp vốn, mua cổ phần DN không có thay đổi nhiều trong 2013. Điều này có nghĩa là SCB không thoái vốn và ngược lại cũng không đầu tư thêm vào những DN này kể từ khi tái cơ cấu.

Tổng tài sản có khác của SCB không những không giảm, mà tăng mạnh trở lại gần với mức vào cuối năm 2011. Chỉ có lãi phải thu từ đặt cọc chứng khoán được thanh toán hết và cầm cố vàng được giảm một phần, các khoản phải thu từ hợp đồng mua lại chứng khoán và tạm ứng mua vàng kỳ hạn không thay đổi, và được gia hạn sang năm 2014. Giá trị tài sản bảo đảm nhận để cầm trả nợ vay từ năm 2012 vẫn còn nguyên (11.288 tỷ đồng).

Nguyên nhân làm giá trị tài sản có tăng mạnh là gia tăng lãi phải thu ở mức 15.550 tỷ đồng. Ngoài lãi phải thu từ cho vay (mà lẽ ra đã phải được thanh toán), các khoản phát sinh thêm là lãi phải thu từ đầu tư, cam kết mua và bán lại cổ phiếu, và tạm ứng. (Xem Bảng 13).

Bảng 13: Tái cơ cấu các hạng mục tài sản có khác của SCB năm 2013 (tỷ VND)

	31/12/2012	31/12/2013	Tăng/giảm	Thuyết minh
Các khoản phải thu	10.167,3	7.287,9	-2.879,3	
HĐ mua lại chứng khoán	4.807,1	4.807,1	0,0	HĐ được gia hạn sang năm 2014
Cầm cố vàng tại TCTD khác	2.263,3	505,8	-1.757,5	HĐ còn lại được gia hạn sang 2014.
Tạm ứng mua vàng kỳ hạn	513,2	513,2	0,0	HĐ được gia hạn sang năm 2014.
Lãi phải thu từ HĐ đặt cọc CK	724,3	0,0	-724,3	
Khác	1.859,4	1.461,8	-397,6	
Lãi và phí phải thu	17.027,5	32.577,5	15.550,0	Phải thu từ cho vay, đầu tư, cam kết mua và bán lại cổ phiếu, và tạm ứng.
Tài sản có khác	11.482,5	11.900,0	417,5	
TS cầm trả nợ vay	10.828,8	11.287,8	459,0	Nhận tài sản bảo đảm để cầm trả nợ.
Khác	653,7	612,3	-41,5	
Dự phòng rủi ro	-77,3	-77,3	0,0	
Tổng cộng	38.599,9	51.688,1	13.088,2	

Nguồn: BCTC SCB năm 2013.

Như vậy, trong năm 2013, tổng tài sản của SCB đã tăng thêm 31.813 tỷ đồng (tăng 21,3%). Ở phía nguồn vốn, SCB tiếp tục gia tăng huy động tiền gửi từ cá nhân và tổ chức. Ở phía tài sản, dư nợ cho vay gần như không thay đổi, nhưng đầu tư chứng khoán và tài sản có khác tăng lên.

Tỷ lệ nợ xấu chính thức của SCB giảm mạnh về 1,6% vào cuối 2013. Tỷ lệ nợ quá hạn cũng chỉ có 1,9%. Nợ quá hạn trên sổ sách của SCB vào cuối năm 2012 là 7.764 tỷ đồng. Sau khi Công ty mua bán tài sản các TCTD Việt Nam (VAMC) được thành lập, SCB là NHTMCP đầu tiên bán nợ xấu. Tổng giá trị nợ xấu SCB bán cho VAMC trong năm 2013 là 6.452 tỷ đồng. Vào cuối năm 2013, tổng nợ quá hạn của SCB chỉ còn 1.687 tỷ đồng. Các khoản nợ tái cơ cấu theo QĐ 780 trong năm 2012 không được đề cập và SCB cho rằng đã là các khoản nợ đủ tiêu chuẩn sau khi đảo nợ.

Bức tranh kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2013 cũng không khác so với 2012, thậm chí nghiêm trọng hơn. NH chỉ nhận được 1.334 tỷ đồng ngân lưu từ khoản thu nhập kế toán 16.849 tỷ đồng. Trong khi vẫn ghi lợi nhuận dương từ hoạt động kinh doanh, ngân lưu ròng từ kinh doanh của SCB trong năm là âm 16.942 tỷ đồng. Một lần nữa, khoản ngân lưu ra này được tài trợ bằng một phần ngân lưu vào từ huy động tiền gửi lên tới 67.905 tỷ đồng.

Khoản lãi dự thu theo kết quả hoạt động kinh doanh lớn hơn nhiều so với lãi phải thu ghi trong hạng mục tài sản có khác ở bảng cân đối kế toán, trong khi dư nợ cho vay tăng mạnh. Lời giải thích cho hiện tượng này là lãi của nhiều khoản cho vay mà NH không thu được được nhập gốc hay chuyển thành các khoản cho vay mới.

Trong năm 2012, SCB đã xây dựng phương án tăng 3.000 tỷ đồng vốn điều lệ (từ 10.584 tỷ đồng lên 13.584 tỷ đồng) bằng cách huy động thêm vốn cổ phần từ các nhà đầu tư nước ngoài. Đến tháng 3/2013, các cơ quan QLNN đã chấp thuận việc tăng vốn điều lệ qua các văn bản 1792/NHNN-TTGSNH của NHNN ngày 19/3/2013 và 977/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ngày 20/3/2013. Trả lời báo chí, thành viên HĐQT của SCB, Võ Tấn Hoàng Văn cho biết trong năm 2013 SCB đã phát hành riêng lẻ 171,1 triệu cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài thông qua Macquarie Capital (ngân hàng đầu tư của Australia)⁹⁹ và tăng thêm 1.711 tỷ đồng vốn điều lệ lên 12.295 tỷ đồng. Với khoản đầu tư này, các nhà đầu tư do Macquarie Capital đại diện sở hữu 13,9% vốn cổ phần của SCB.

Lee George Lam, người Hong Kong và là Chủ tịch khu vực Đông Dương của Macquarie Capital, đã trở thành phó chủ tịch thứ nhất HĐQT SCB từ ngày 17/6/2012. Nhưng vào lúc đó, theo công bố thông tin, Lee George Lam lại đại diện cho CTCP Đầu tư Việt Vĩnh Phú là nhà đầu tư nắm giữ 10% vốn cổ phần của SCB. Khoản tăng vốn 1.711 tỷ đồng thực chất là của các nhà đầu tư trong nước.¹⁰⁰

6. Hạng hợp nhất, 2014-2015

Năm 2014-2015 tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng bùng nổ của SCB. Huy động tiền gửi tăng 34,9% trong năm 2014, rồi tăng tiếp 19,9% trong 9 tháng đầu năm 2015. Huy động trên thị trường liên ngân hàng tăng lên 25.917 tỷ đồng vào cuối năm 2014 (giá trị ròng là 14.771 tỷ đồng).

⁹⁹ Theo Báo Công lý, “Cổ đông ngoại liên tục tham gia quá trình tăng vốn tại Ngân hàng SCB là ai?”, ngày 17/3/2014. Tải về tại địa chỉ <http://vietstock.vn/2014/03/co-dong-ngoai-lien-tuc-tham-gia-qua-trinh-tang-von-tai-ngan-hang-scb-la-ai-764-336521.htm>, ngày 10/10/2015.

¹⁰⁰ Chủ tịch HĐQT SCB, “Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2013 và định hướng công tác quản trị năm 2014”, 28/5/2014.

Với vốn huy động tăng mạnh, SCB đã tăng 45.002 tỷ đồng cho vay (tăng 50,6%) và 13.894 tỷ đồng đầu tư chứng khoán (tăng 74,7%) trong năm 2014. Các khoản đầu tư chứng khoán mới chủ yếu là vào TPCP (26.175 tỷ đồng vào cuối 2014). Tính tới cuối quý 3/2015, dư nợ cho vay tăng thêm 20.848 tỷ đồng (tăng 15,6%) so với cuối 2014.

Trong năm 2014, SCB chuyển tiếp nợ xấu cho VAMC và nhận về 4.957 tỷ đồng trái phiếu đặc biệt. Tổng giá trị nợ xấu lũy tích chuyển cho VAMC vào cuối 2014 là 11.410 tỷ đồng. Sau đó, nợ xấu của SCB chỉ còn vồn vẹn 663 tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng dư nợ cho vay. Tỷ lệ nợ quá hạn cũng chỉ có 0,53%. Nhưng nếu cộng ngược trở lại nợ xấu chuyển qua VAMC, thì tỷ lệ nợ quá hạn của SCB sẽ là 9,0%.

Tổng tài sản có khác của SCB, mặc dù giảm, vẫn chiếm 18,1% tổng tài sản. Các khoản phải thu liên quan tới repo chứng khoán, cầm cố vàng và tạm ứng mua vàng kỳ hạn đã trở về con số 0. Lãi phải thu từ cho vay đã giảm được gần 11 nghìn tỷ đồng.

Nhưng thực ra, nhiều hạng mục đã được chuyển thành các khoản trả chậm (xem Bảng 14). Tài sản đảm bảo cản trừ nợ trong năm 2012 giờ được SCB cho khách hàng chuộc lại (10.445 tỷ đồng), nhưng khách hàng không trả tiền. Thay vào đó, SCB chấp nhận thanh toán trong 5 năm (2015-19), 4 năm đầu mỗi năm chỉ thanh toán 5% và đến năm cuối mới thanh toán 80%.

Bảng 14: Tái cơ cấu các hạng mục tài sản có khác của SCB năm 2014 (tỷ VND)

	31/12/2013	31/12/2014	Tăng/giảm	Thuyết minh
Các khoản phải thu	7.287,9	21,730.4	14,442.4	
HĐ mua lại chứng khoán	4.807,1	0.0	-4,807.1	
Cầm cố vàng tại TCTD khác	505,8	0.0	-505.8	
Tạm ứng mua vàng kỳ hạn	513,2	0.0	-513.2	
Cho chuộc lại và chuyển nhượng tài sản gán nợ	0,0	10,445.2	10,445.2	Chuyển từ tài sản cản trừ nợ vay, nhận trả chậm trong 5 năm.
Chuyển nhượng HĐ repo CK trả chậm	0,0	7,890.0	7,890.0	Chuyển từ HĐ repo CK trước đây, nhận trả chậm trong 8 năm.
Bán nợ	0,0	1,687.7	1,687.7	Bán nợ, nhận trả chậm trong 5 năm.
Khác	1.461,8	1,707.4	245.6	
Lãi và phí phải thu	32.577,5	21,632.5	-10,944.9	
Tài sản có khác	11.900,0	613.0	-11,287.0	
Tài sản cản trừ nợ vay	11.287,8	421.3	-10,866.4	Cho chuộc lại tài sản
Khác	612,3	191.7	-420.6	Thoái 400 tỷ tại Dự án BĐS Royal Garden
Dự phòng rủi ro	-77,3	-16.8	60.5	
Tổng cộng	51.688,1	43,959.1	-7,729.0	

Nguồn: BCTC SCB năm 2014.

Chuyển nhượng Repo chứng khoán chưa xử lý (7.890 tỷ đồng) cũng được chuyển thành trả chậm trong 8 năm (2015-2022). Khoản này được SCB thuyết minh là được bảo đảm bằng cổ phiếu của một công ty với giá trị 10.783 tỷ đồng.¹⁰¹

SCB cũng thuyết minh đã bán nợ được 1.688 tỷ đồng cho một công ty có chức năng mua bán nợ. Tuy nhiên, SCB cũng không nhận tiền ngay mà thỏa thuận nhận trả chậm trong 5 năm (2015-19), mỗi năm 20%.

¹⁰¹ Tập đoàn Vạn Thịnh Phát là DN có VDL 12.800 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh của SCB tiếp tục không có lãi thực vào năm 2014. Ngân lưu ròng từ kinh doanh của SCB âm tới 10.137 tỷ đồng. Đó là do tiền trả lãi tiền gửi là 15.796 tỷ đồng, trong khi tiền thu từ lãi cho vay chỉ là 6.879 tỷ đồng. Ngân lưu vào từ huy động tiền gửi trong năm là 51.407 tỷ đồng.

Trong năm 2014, SCB tiếp tục thông báo việc triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ. Tuy nhiên, chỉ có một cổ đông cá nhân là Trương Mỹ Lan góp thêm 100 tỷ đồng vốn điều lệ ở mức ngang bằng mệnh giá. Trong năm 2015, SCB đã phát hành thêm cổ phần cho 2 tổ chức đầu tư của Anh là Noble Capital Group Limited (1.425 tỷ đồng cho 142,5 triệu cổ phần, chiếm) và Glory Capital Investment Limited Place of Incorporation (475 tỷ đồng cho 47,5 triệu cổ phần).¹⁰² Với tổng số 2.000 tỷ đồng huy động thêm, tổng vốn điều lệ của SCB tăng lên 14.295 tỷ đồng vào quý 2/2015. Hai nhà đầu tư nước ngoài chiếm tổng cộng 13,3% vốn cổ phần của SCB.

Trong HĐQT, hai thành viên gắn bó với Vạn Thịnh Phát và tham gia HĐQT SCB ngay tại thời điểm sáp nhập là Nguyễn Thị Thu Sương và Trầm Thích Tồn đã từ nhiệm. Lee George Lam cũng rời HĐQT của NH. Chủ tịch HĐQT hiện nay của SCB là Đinh Văn Thành, người từng là Phó TGD NH Đệ Nhất. TGD của SCB là Võ Tấn Hoàng Văn, người trong những năm 2011-2013 là Phó TGD của Ernst & Young Việt Nam, tổ chức kiểm toán độc lập cho SCB. Theo thông tin công bố của Bộ Tư Pháp Việt Nam, bà Trương Mỹ Lan và một số thành viên trong gia đình đã xin nộp đơn xin thôi quốc tịch Việt Nam.

7. Những gì thấy được qua hơn 3 năm tái cơ cấu SCB

SCB rõ ràng đã trả hết các khoản vay tái cấp vốn của NHNN. Nhiều khoản vay liên ngân hàng quá hạn trước đây cũng đã được hoàn trả. Trạng thái âm vàng, các HĐ cầm cố vàng, mua bán vàng kỳ hạn đã được tất toán hoàn toàn.

Nợ xấu chính thức của SCB không còn, nhưng đó là do hơn 11 nghìn tỷ đồng nợ xấu đã được chuyển sang cho VAMC và nhiều khoản cho vay được đảo nợ, nhiều khoản phải thu không được xếp là nợ xấu. Các hạng mục tài sản có khác mà hầu hết là có tính chất nợ xấu, thay vì được xử lý, chỉ được chuyển chỗ giữa các hạng mục khác nhau.

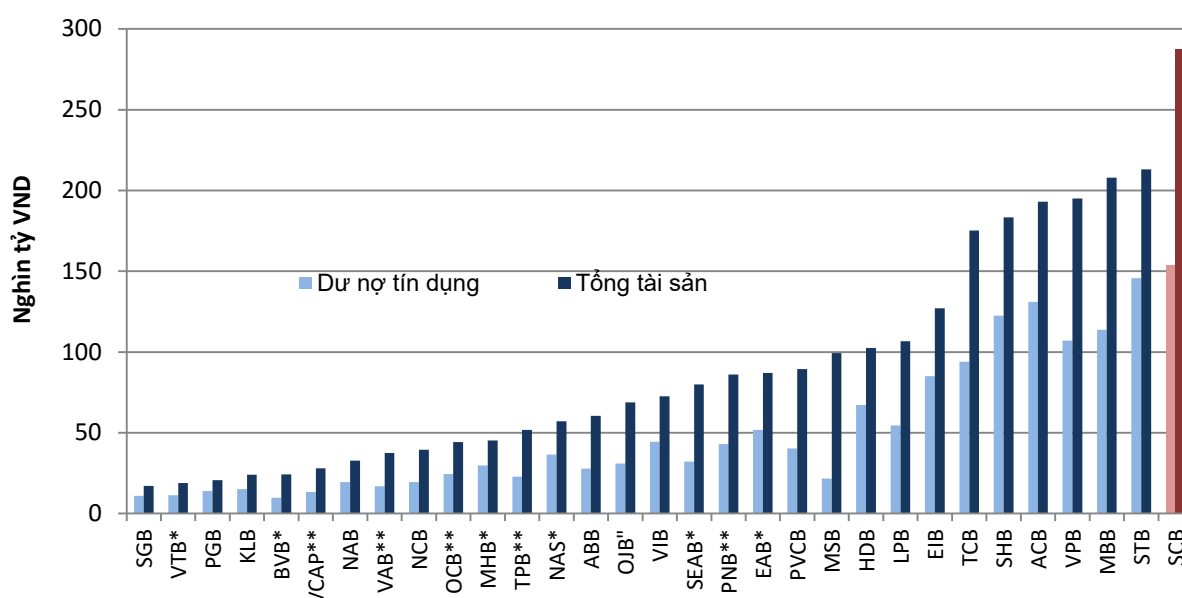
Khác với định hướng trong Đề án cơ cấu lại của NHNN là các TCTD yếu kém sẽ bị hạn chế mở rộng hoạt động, SCB lại tăng trưởng mạnh về tiền gửi, cho vay, đầu tư chứng khoán và tổng tài sản. Tính tại thời điểm cuối quý 3/2015, SCB đã là NHTMCP lớn nhất xét về tổng tài sản hay dư nợ trong toàn hệ thống (không tính các NHTMCP quốc doanh). Cũng cần phải nói thêm rằng SCB đã tăng được vốn điều lệ thêm 3.711 tỷ đồng trong suốt thời gian tái cơ cấu vừa qua, trong khi tổng tài sản đã tăng 133.274 tỷ đồng.

Nếu chỉ nhìn những con số báo cáo chính thức, thì đây có lẽ là một sự thành công có một không hai trong lịch sử tái cơ cấu ngân hàng không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới. Chỉ trong vòng hơn 3 năm, một NH hợp nhất từ 3 NH yếu kém không những được tái cơ cấu mà còn trở thành NHTMCP lớn nhất trong hệ thống NH tư nhân trong nước (xem Hình 32).¹⁰³

¹⁰² Chủ tịch HĐQT SCB, “Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2014 và định hướng công tác quản trị năm 2015”, 26/4/2015.

¹⁰³ Đến tháng 10/2015, Sacombank trở thành NHTMCP lớn nhất sau khi Southern Bank sáp nhập vào.

Hình 32: Tổng tài sản và dư nợ tín dụng của các NHTMCP, 30/9/2015



Ghi chú: Không kể 4 NHTMNN. " Số liệu 30/6/2014; * 31/12/2014; ** 30/6/2015.

Nguồn: BCTC của 32 NHTMCP Việt Nam quý 2/2014, năm 2014, quý 2/2015 và quý 3/2015.

Nhưng nếu nhìn vào các khoản nợ xấu, đầu tư xấu vẫn chưa được xử lý và còn tiềm ẩn phát sinh thêm, thì bức tranh về thực trạng tài chính của SCB lại hoàn toàn khác. Hơn thế nữa, việc hoàn trả nợ vay tái cấp vốn, vay liên ngân hàng và tất toán trạng thái vàng là nhờ gia tăng tiền huy động từ dân cư và DN. So với thời điểm hợp nhất, nghĩa vụ trả nợ tiền gửi của SCB đã lớn hơn rất nhiều. Đó là nguồn rủi ro lớn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam.

SCB báo cáo có lợi nhuận từ kinh doanh trong tất cả các năm tái cơ cấu. Tuy nhiên, đó là con số kế toán. Tiền thực thu từ lãi cho vay chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với tổng tiền lãi cho vay mà NH ghi là thu nhập. Trong khi đó, NH luôn phải trả tiền mặt cho lãi tiền gửi với giá trị lớn. Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh luôn là những giá trị âm khổng lồ. Như vậy, một tỷ phần đáng kể của số tiền thật chảy vào NH từ tăng huy động tiền gửi (133.695 tỷ đồng trong 3 năm) chính là dùng để trả lãi tiền gửi – một hình thức Ponzi nguy hiểm. (Xem Bảng 15).

Bảng 15: Thu nhập và ngân lưu của SCB năm 2012-15 (tỷ VND)

	2012	2013	2014	Lũy kế 3Q/2015
Kết quả hoạt động kinh doanh (thu nhập kế toán)				
Thu nhập từ lãi cho vay	17.317,3	16.848,9	18.762,9	15.876,8
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	-14.121,3	-14.864,1	-16.717,8	-12.797,3
Thu nhập lãi ròng	3.196,0	1.984,8	2.045,1	3.169,3
Lưu chuyển tiền tệ (ngân lưu thật)				
Thu nhập từ lãi cho vay	6.459,4	1.344,1	6.879,3	1.390,2
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	-13.929,2	-16.361,6	-15.795,8	-3.661,2
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	-9.835,7	-16.941,9	-10.137,0	-2.396,2
Tăng tiền gửi của khách hàng	14.085,8	67.905,1	51.704,1	10.175,8

Nguồn: BCTC SCB năm 2012, 2013 và 2014.

VIII. TIENPHONGBANK

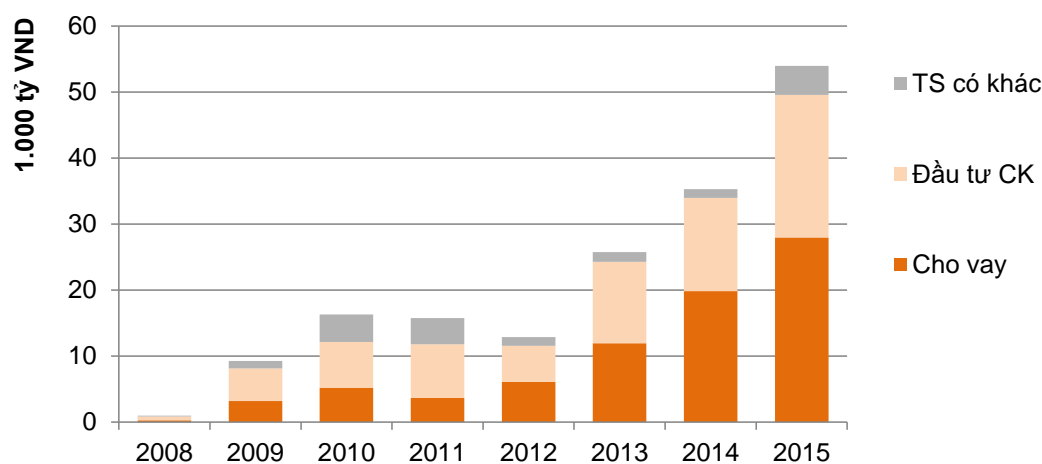
1. Tiên phong ngay từ ngày đầu thành lập

NHTMCP Tiên Phong (TienPhongBank) được thành lập vào tháng 5/2008 với 1.000 tỷ đồng VĐL ban đầu. Các cổ đông lớn lúc đó là FPT (15% VĐL), CTCP Tái Bảo Hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare) (12,5%) và VMS Mobifone (12,5%). Có thể nói là trong khi nhiều đề án thành lập NH mới lúc đó cuối cùng đã không thành hiện thực cho dù có các cổ đông DNNN lớn đứng đằng sau, các cổ đông sáng lập của Tiên Phong đã rất nhanh chân có được giấy phép trước khi Thủ tướng CP chỉ đạo ngưng thành lập mới ngân hàng.

Với các cổ đông sáng lập là những DN dẫn đầu thị trường IT và viễn thông ở Việt Nam, NH Tiên Phong muốn “tiên phong ứng dụng công nghệ để cung cấp tới khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tài chính hiệu quả”.¹⁰⁴ Đến năm 2011, sau khi VĐL đã đạt 3.000 tỷ đồng, ba cổ đông sáng lập là FPT, Vinare và Mobifone sở hữu lần lượt 16,9%, 10% và 10% VĐL của Tiên Phong. NH có một nhà đầu tư nước ngoài là SBI Ven Capital, sở hữu 4,9% VĐL.

Hình 33 minh họa tăng trưởng cho vay, đầu tư CK của NH Tiên Phong từ khi thành lập. NH đã tăng trưởng nhanh trong hai năm sau thành lập (2009-2010), gặp khó khăn trong 2011-2012 rồi tăng trưởng mạnh trở lại vào 2013-2015. So với nhiều NHTM khác, Tiên Phong có tỷ trọng đầu tư CK rất cao so với cho vay.

Hình 33: Cho vay và đầu tư chứng khoán của NH Tiên Phong, 2008-2015

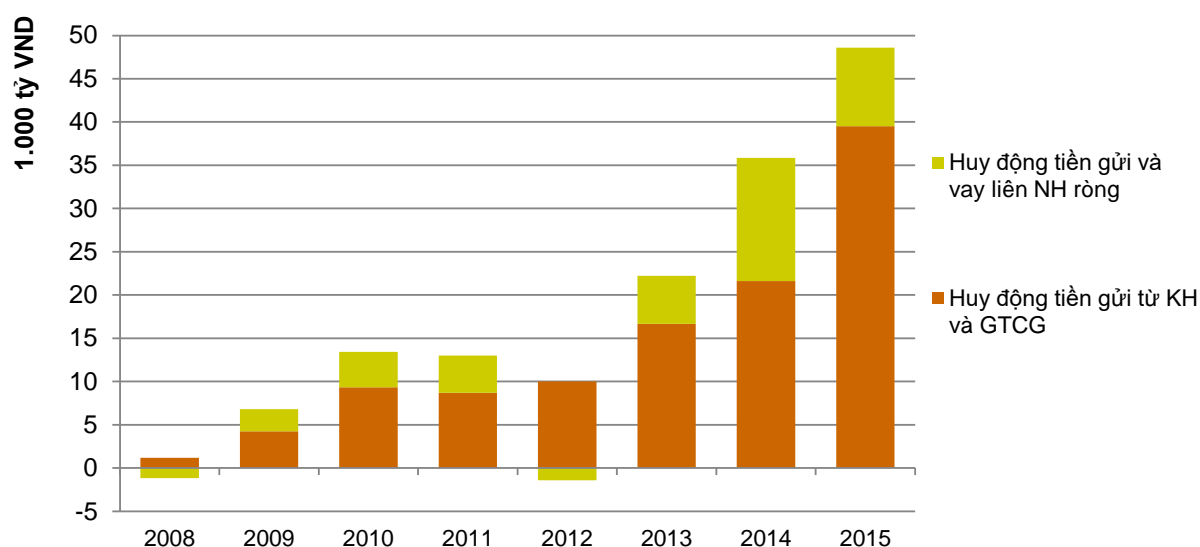


Nguồn: BCTC của NH Tiên Phong các năm 2009-2014.

Với tuổi đời còn ít, Tiên Phong từ 2009 đến 2011 phải dựa nhiều vào thị trường liên NH để huy động vốn (xem Hình 34). Trong bối cảnh khó khăn thanh khoản chung, Tiên Phong vừa chịu sự suy giảm tiền gửi từ khách hàng vừa chịu chi phí lãi huy động cao. Với thu nhập từ lãi cho vay thấp hơn chi phí lãi tiền gửi và tiền vay, Tiên Phong là NHTM duy nhất báo cáo lỗ 253 tỷ và 348 tỷ đồng trước và sau trích lập dự phòng rủi ro theo BCTC kiểm toán năm 2011.

¹⁰⁴ Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng của NH Tiên Phong năm 2011.

Hình 34: Vốn huy động của NH Tiên Phong, 2008-2015



Nguồn: BCTC của NH Tiên Phong các năm 2009-2015.

2. Mất vốn do ủy thác đầu tư

Sau khi đã công bố BCTC 2011, Tiên Phong bị buộc phải điều chỉnh số liệu theo yêu cầu của CQTTGS. Nhưng việc điều chỉnh không phải là về nợ xấu. Thực ra, Tiên Phong là NH báo cáo tỷ lệ nợ xấu rất thấp, cả trước và sau khi gặp khó khăn tài chính vào năm 2011. Bảng 16 trình bày phân loại dư nợ cho vay và tỷ lệ nợ xấu của NH Tiên Phong. Năm 2012 là lúc Tiên Phong có tỷ lệ nợ xấu chính thức cao nhất, nhưng cũng chỉ là 3,7%. Lãi phải thu của Tiên Phong cũng chỉ ở mức 309 tỷ năm 2010, tăng lên 657 tỷ năm 2011.

Bảng 16: Phân loại dư nợ cho vay của NH Tiên Phong (tỷ VND và %)

	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Nợ đủ tiêu chuẩn	275,4	3.169,2	5.094,8	3.514,5	5.610,7	11.439,5	19.332,9
Nợ cần chú ý	0,1	23,4	129,0	125,3	249,5	251,0	306,4
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-	0,6	11,1	32,0	15,3	20,4
Nợ nghi ngờ	-	-	0,3	13,2	104,4	29,9	13,7
Nợ có khả năng mất vốn	-	-	0,1	0,4	86,5	190,3	165,5
Tổng dư nợ	275,5	3.192,6	5.224,8	3.664,5	6.083,0	11.926,0	19.839,0
Tỷ lệ nợ quá hạn	0,02%	0,73%	2,49%	4,09%	7,76%	4,08%	2,55%
Tỷ lệ nợ xấu	0,00%	0,00%	0,02%	0,67%	3,66%	1,97%	1,01%

Nguồn: BCTC của NH Tiên Phong các năm 2009-2014.

Có hai hạng mục được điều chỉnh lớn nhất trong BCTC 2011. Thứ nhất, tổng chi phí hoạt động năm 2011 được điều chỉnh từ 533 tỷ lên 1.293 tỷ đồng. Thứ hai, lỗ ròng đầu tư CK từ 300 tỷ đồng trở thành 545 tỷ đồng.

Từ năm 2010, Tiên Phong đã đẩy mạnh ủy thác đầu tư và đặc cộc mua CK cho các CTCK và quỹ đầu tư. Giá trị các khoản này tăng từ 170 triệu đồng cuối năm 2009 lên tới 4.015 tỷ đồng (trong đó bao gồm 692 tỷ đồng ủy thác cho Công ty Quản lý Quỹ (QLQ) Đầu tư FPT và 3.323 tỷ đồng đặt cộc mua trái phiếu tại các CTCK). Bảng 17 trình bày các hạng mục ủy thác đầu tư và đặt cộc môi giới CK của NH Tiên Phong năm 2011 và 2012.

Bảng 17: Ủy thác đầu tư của NH Tiên Phong năm 2011-2012 (tỷ VND)

	2011	2012
Ủy thác đầu tư cho Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư FPT	1.145,6	491,7
Ủy thác đầu tư cho CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Lộc Việt	470,0	170,0
Đặt cọc môi giới trái phiếu tại CTCK Phương Đông (ORS)	1.110,0	460,0
Đặt cọc môi giới trái phiếu tại CTCK Sài Gòn Thương Tín (SBS)	250,0	160,0
Đặt cọc môi giới trái phiếu tại CTCK Đại Dương	998,3	0,0
Cộng	3.973,9	1.281,7

Nguồn: BCTC của NH Tiên Phong năm 2012.

Các khoản đầu tư cổ phiếu bị giảm giá gây thua lỗ. Một số khoản đặt cọc mua trái phiếu đã quá hạn nhưng chưa thu hồi. Đặc biệt, các khoản ủy thác đầu tư với Công ty Lộc Việt và đặt cọc môi giới trái phiếu tại CTCK Phương Đông (ORS) với tổng giá trị 1.860 tỷ đồng sau đó được các tổ chức này gửi tiền cho Huỳnh Thị Huyền Như rồi không thu hồi được. Theo cáo trạng của Vụ Án Huỳnh Thị Huyền Như, NH Tiên Phong đã ký 9 hợp đồng mua CK, môi giới CK và quản lý danh mục đầu tư trị giá 1.860 tỉ đồng, trong đó 1.190 tỷ đồng với ORS và 670 tỷ đồng với Lộc Việt. Sau đó, hai công ty này ký hợp đồng với Vietinbank Nhà Bè, Vietinbank TP.HCM để gửi toàn bộ số tiền này với lãi suất từ 13-14,8%/năm nhưng bị Huyền Như rút và chiếm đoạt 550 tỉ đồng.¹⁰⁵

Theo BCTC năm 2011, NH Tiên Phong chỉ dự phòng rủi ro khác là 276 tỷ đồng cho các khoản lãi dự thu TPDN của CTCK VNStockmart, gốc và lãi dự thu các khoản đặt cọc môi giới trái phiếu, và tiền gốc ủy thác đầu tư cho CTCP QLQ Đầu tư FPT. Sau đó, NH đã phải tăng mức dự phòng rủi ro lên 1.036 tỷ đồng. TGD NH Tiên Phong lúc đó đã bị khởi tố và bắt tạm giam ngày 29/12/2011 về hành vi cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về sử dụng sai mục đích số tiền lớn của NH.

Kết quả, lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2011 là âm 1.372 tỷ đồng. Điều chỉnh cho khoản lỗ này năm 2011, vốn CSH của NH Tiên Phong chỉ còn 1.673 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm. Tiên Phong nằm trong danh sách 9 NH yếu kém và phải bắt buộc tái cơ cấu.

3. Tái cơ cấu với sự tham gia của cổ đông mới

Ngày 19/4/2012, ĐHCĐ thường niên của NH Tiên Phong thông qua phương án tái cơ cấu với sự tham gia của nhóm cổ đông mới. Tập đoàn Vàng bạc Đá quý Doji và các cổ đông liên quan sẽ tham gia tái cấu trúc Tiên Phong với vai trò là các cổ đông mới. Doji do gia đình ông Đỗ Minh Tú sở hữu 100%.

Ngày 29/12/2012, NH Tiên Phong đã hoàn tất tăng vốn điều lệ lên 5.550 tỷ đồng bằng cách phát hành thêm 255 triệu cổ phần. Tuy nhiên, tiền góp thêm vốn cổ phần có giá trị thấp hơn mệnh giá: 6.000 đồng/cp trên 10.000 mệnh giá. Do vậy, tiền thực góp thêm vốn vào NH là: 6.000 đ/cp × 255 triệu cp = 1.530 tỷ đồng. Khoản chênh lệch 4.000 đồng dưới mệnh giá của số cổ phần phát hành thêm làm phát sinh khoản thặng dư vốn cổ phần -1.020 tỷ đồng. Vốn CSH của Tiên Phong vào cuối năm 2012 đạt 3.319 tỷ đồng.

Doji và các cổ đông có liên quan nắm giữ 20% VĐL của Tiên Phong. Ông Đỗ Minh Phú trở thành Chủ tịch HĐQT và em là Đỗ Anh Tú làm Phó Chủ tịch HĐQT của NH. Trước đó (tháng 8/2011), gia đình

¹⁰⁵ Huỳnh Thị Huyền Như, nguyên là Phó phòng quản lý rủi ro Chi nhánh TP.HCM và Quyền Trưởng phòng Giao dịch Điện Biên Phủ của Vietinbank, đã bị buộc tội chiếm đoạt 4.911 tỷ đồng của các cá nhân, doanh nghiệp và ngân hàng, khi huy động tiền gửi thông qua hình thức ủy thác đầu tư.

ông Tú và Doji đã bán 95% cổ phần của CTCP Diana cho Unicharm Thailand (công ty con của Unicharm Nhật Bản) với giá 184 triệu USD (4.000 tỷ VNĐ). Đây là nguồn tiền để Doji và gia đình ông Tú đầu tư vào NH Tiên Phong. Các cổ đông sáng lập là FPT, Vinare và Mobifone vẫn giữ nguyên số cổ phần nắm giữ tại Tiên Phong, nên tỷ lệ sở hữu đã giảm xuống tương ứng là 9,1%, 5,4% và 3,9%.

Có thể nói, NH Tiên Phong là trường hợp duy nhất tái cấu trúc một cách thực chất bằng tiền thực. Cổ đông mới với đồng vốn chủ sở hữu của chính mình bỏ ra có động cơ đúng đắn để tiến hành tái cấu trúc. NH đổi tên viết tắt từ TienPhongBank thành TPBank.

Trong năm 2012, tổng tài sản của NH Tiên Phong giảm từ 24.885 tỷ đồng xuống 15.120 tỷ đồng: ở bên nợ là giảm vay liên NH và ở bên tài sản làm giảm cho vay liên NH, cho vay khách hàng và đầu tư CK. Tiên Phong báo cáo lợi nhuận kế toán dương trong năm 2012, nhưng ngân lưu từ hoạt động kinh doanh vẫn âm. Từ năm 2013 trở đi, lợi nhuận của NH là có thực xét về ngân lưu (xem Bảng 18). Lãi phải thu lũy kế của Tiên Phong luôn thấp hơn 600 tỷ đồng. Lỗ lũy kế của NH đã giảm xuống 1.250 tỷ đồng năm 2012, 869 tỷ năm 2013 và còn 333 tỷ năm 2014.

Bảng 18: Thu nhập và ngân lưu của NH Tiên Phong năm 2011-2015 (tỷ VND)

	2011	2012	2013	2014	2015
Kết quả hoạt động kinh doanh (thu nhập kế toán)					
Thu nhập từ lãi cho vay	2.291,8	1.380,3	1.680,0	2.331,5	3.321,4
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	2.451,4	1.105,7	1.069,4	1.352,4	1.918,5
Thu nhập lãi ròng	-159,6	274,6	610,6	979,2	1.402,9
Lợi nhuận sau khi trích dự phòng rủi ro	-1.371,6	116,4	381,4	535,9	760,4
Tỷ suất lợi nhuận					
ROA	-6,0%	0,6%	1,6%	1,3%	0,9%
ROE	-56,3%	4,7%	10,9%	13,5%	12,4%
Lưu chuyển tiền tệ (ngân lưu thật)					
Thu nhập từ lãi cho vay	1.859,4	1.679,8	1.512,6	2.264,0	
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	1.993,8	1.581,2	985,6	1.304,0	
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	171,9	-169,9	312,9	599,7	

Nguồn: BCTC của NH Tiên Phong các năm 2012-2015.

Tuy nhiên, cùng với nỗ lực tái cấu trúc, Tiên Phong cũng quay trở lại sự phụ thuộc vào thị trường liên NH để huy động vốn. Như minh họa trong Hình 30, tiền gửi và vay liên NH ròng của Tiên Phong bằng 33,2% huy động tiền gửi từ khách hàng năm 2013 và lên tới 65,7% năm 2014. Cũng có dấu hiệu cho thấy NH Tiên Phong sau tái cấu trúc đã cho vay các dự án đầu tư có liên quan đến các cổ đông mới của NH. Ngay sau khi NHNN chấp thuận về việc cơ cấu lại NH Tiên Phong vào ngày 2/7/2012, NH đã công bố thông tin về việc cho vay Dự án KCN Hồ trợ Nam Hà Nội (HANSSIP) do CTCP Đầu tư và Phát triển N&G làm chủ đầu tư với TMĐT. Cổ đông chiến lược của N&G chính là TĐ Doji.

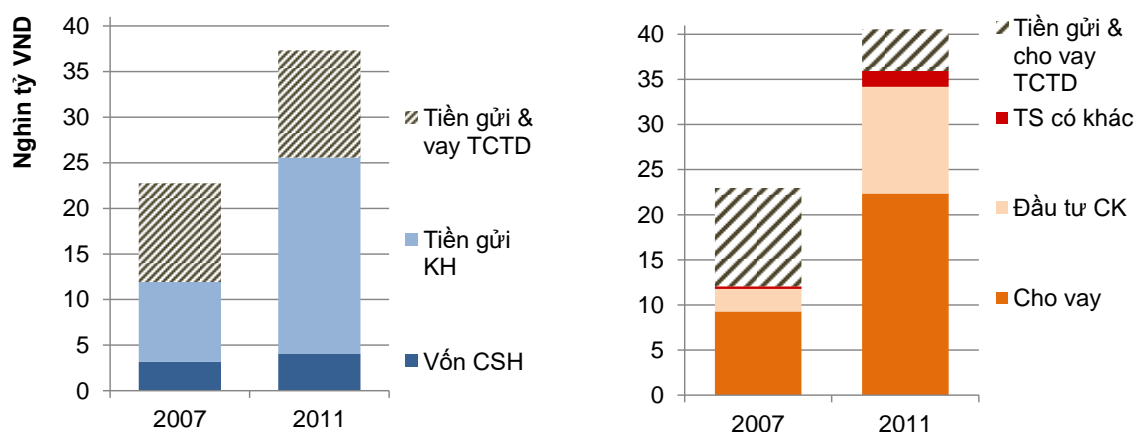
IX. HABUBANK VÀ SHB

1. Habubank

Là NHTMCP có lịch sử hoạt động lâu đời nhất, NH Phát triển Nhà Hà Nội (Habubank) được cấp phép từ cuối năm 1988 và đi vào hoạt động từ tháng 1/1989, ban đầu chỉ giới hạn trên địa bàn Hà Nội. Đến năm 1992, vẫn với mức vốn điều lệ ban đầu 5 tỷ đồng, Habubank mở rộng hoạt động trên phạm vi toàn quốc theo Pháp lệnh Ngân hàng và HTX Tín dụng. Tháng 9/2007, Deutsche Bank AG trở thành

cổ đông nước ngoài của Habubank, nắm giữ 10% cổ phần của Habubank sau khi NH phát hành thêm cổ phần riêng lẻ cho tổ chức nước ngoài này. Habubank cũng là một trong số ít các NHTMCP tăng được nhanh VDL, đạt 3.000 tỷ đồng vào cuối năm 2009 và 4.050 tỷ đồng vào cuối năm 2011.¹⁰⁶ Hình 35 minh họa sự tăng trưởng nguồn vốn và tài sản của Habubank từ năm 2007 đến 2011.

Hình 35: Nguồn vốn và tài sản của Habubank, 2007 và 2011



Nguồn: BCTC của Habubank năm 2007 và 2011.

Năm 2010, cổ phiếu của Habubank được niêm yết trên HNX. Deutsche Bank, NHTM của Đức, sở hữu 10% VDL của Habubank. Mặc dù có số lượng cổ đông lớn và có cổ đông chiến lược nước ngoài, nhưng Habubank nằm trong sự kiểm soát của cổ đông lớn là ông Nguyễn Văn Bảng, CT HĐQT của NH. Theo Bản Cáo bạch niêm yết năm 2010, thì gia đình ông Nguyễn Văn Bảng sở hữu 10,9% VDL của Habubank tính tại thời điểm ngày 31/8/2010. Sau khi tăng vốn bằng trái phiếu chuyển đổi, tỷ lệ sở hữu trực tiếp Habubank của gia đình ông Nguyễn Văn Bảng giảm xuống còn 8,1% vào cuối năm 2011. Nhưng trên thực tế, ông Nguyễn Văn Bảng và nhóm cổ đông của mình kiểm soát khoảng 17% VDL NH.

Tuy nhiên, khác với nhiều NHTMCP bị nhóm cổ đông lớn khuynh đảo, nhóm cổ đông liên quan tới ông Nguyễn Văn Bảng không dùng Habubank để cho vay và ủy thác đầu tư đối với các doanh nghiệp khác của mình. Thay vào đó, Habubank tập trung cấp tín dụng cho một số ít các doanh nghiệp lớn với 65% dư nợ là cho vay 50 doanh nghiệp.

Tính tại thời điểm cuối năm 2010, Habubank cho TĐ Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) vay 2.384 tỷ đồng và đầu tư 600 tỷ đồng vào TPDN do Vinashin phát hành. Tổng dư nợ 2.985 tỷ đồng này bằng 99,4% vốn CSH của Habubank tại thời điểm đó. Trả lời phỏng vấn báo chí, một lãnh đạo Habubank đã nói: “Việc cấp tín dụng cho Vinashin từng một thời được xem là niềm tự hào của ngân hàng chúng tôi so với các nhà băng khác. Không ngờ, chính Vinashin lại là một trong những nguyên nhân chính khiến chúng tôi mất thanh khoản ‘không phanh’ nhanh như thế”.¹⁰⁷

Trước khi cho Vinashin vay, Habubank và cổ đông chiến lược của mình là Deutsche Bank AG đều đã có mối quan hệ đầu tư và tư vấn đầu tư với Vinashin. Vinashin là cổ đông của Habubank (và đã công

¹⁰⁶ Việc tăng vốn này được thực hiện bằng chuyển đổi 1.050 tỷ đồng mệnh giá trái phiếu chuyển đổi thành vốn cổ phần.

¹⁰⁷ Báo Điện tử VNExpress, “Cổ đông Habubank tiếc nuôi thời vàng son”, ngày 10/8/2012. Truy cập tại địa chỉ: <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/ebank/ngan-hang/co-dong-habubank-tiec-nuoi-thoi-vang-son-2721740.html>, ngày 10/10/2015.

bổ là cổ đông chiến lược trong nước nắm giữ 10% VDL NH vào năm 2007, giảm xuống 6% năm 2009). Còn Deutsche Bank là một trong những ngân hàng tư vấn cho Vinashin phát hành trái phiếu quốc tế để vay nợ nước ngoài không có bảo lãnh chính phủ. Tháng 3/2008 tại Frankfurt, Deutsche Bank ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Vinashin về tài trợ tín dụng thương mại và dịch vụ ngân hàng. Cũng trong năm 2008, Deutsche Bank AG chỉ định nguyên Chủ tịch Vinashin Phạm Thanh Bình làm thành viên Ban cố vấn cấp cao khu vực châu Á - Thái Bình Dương của mình.¹⁰⁸

Với việc Vinashin mất khả năng trả nợ, tỷ lệ nợ xấu của Habubank lên tới 17,8% năm 2010 và 18,9% năm 2011 (xem Bảng 19). Đáng chú ý là Habubank là ngân hàng đầu tiên công khai các khoản cho vay của mình đối với Vinashin tại đúng thời điểm nhạy cảm khi có thông tin việc TĐ này không trả được nợ vay. Theo chỉ đạo của Chính phủ về việc “khoanh và cơ cấu lại các khoản nợ cũ của Vinashin, chưa đưa vào nợ xấu để tiếp tục cho Vinashin vay vốn để thực hiện các hợp đồng đã ký kết”, các TCTD không cần trích dự phòng rủi ro cho các khoản cho vay hay đầu tư trái phiếu Vinashin. Tuy nhiên, sau khi bị thanh tra và kiểm toán đặc biệt, NHNN đã yêu cầu Habubank phải trích lập dự phòng rủi ro 100% cho các khoản nợ của Vinashin.

Bảng 19: Phân loại dư nợ của Habubank, năm 2010-2011

	2010	2011
Phân loại dư nợ (tỷ VND)		
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.466,2	14.811,4
Nợ cần chú ý	1.386,6	3.800,9
Nợ dưới tiêu chuẩn	140,4	417,1
Nợ nghi ngờ	118,6	169,2
Nợ có khả năng mất vốn	188,2	402,4
Nợ của Vinashin	2.384,5	2.751,5
Tổng dư nợ (kể cả ủy thác đầu tư)	18.684,6	22.352,4
Tỷ lệ nợ xấu (%)		
Không kể cho vay Vinashin	2,7%	5,0%
Kể cả cho vay Vinashin	15,2%	16,7%
Kể cả cho vay và trái phiếu Vinashin	17,8%	18,9%

Nguồn: BCTC của Habubank năm 2011.

Trong góp vốn đầu tư, Habubank đầu tư là cổ đông chiến lược và bỏ ra 80 tỷ đồng để sở hữu 10% vốn điều lệ của CTCP Thủy Sản Bình An (Bianfishco) ở Cần Thơ. Ngoài ra, Habubank còn ủy thác đầu tư để CTCP Đầu tư, Tư vấn và Dịch vụ Hồ Mây dùng 125 tỷ mua kỳ hạn 25 triệu cổ phần Bianfishco từ cổ đông Phạm Thị Diệu Hiền¹⁰⁹ và 62 tỷ đồng mua kỳ hạn 9 triệu cổ phần từ cổ đông Huỳnh Văn Châu. Bianfishco đã mất khả năng trả nợ từ năm 2011.

Việc cho vay và mua trái phiếu các TCTC khác của Habubank cũng gặp rủi ro tín dụng. Habubank có 270 tỷ đồng tiền gửi tại Công ty Tài chính Cao su, 200 tỷ đồng tiền gửi tại GP.Bank, Đệ Nhất, Tài chính Sông Đà và Tài chính Handico, và 600 tỷ đồng trái phiếu GP.Bank.

Sau khi bị bắt buộc trích lập dự phòng rủi ro bổ sung, Habubank báo cáo lỗ lũy kế là 4.066 tỷ đồng vào tháng 2/2012, mặc dù BCTC 2011 vẫn ghi có lợi nhuận kế toán dương. Trừ khoản lỗ lũy kế khỏi 4.052 tỷ đồng vốn CSH có vào cuối năm 2011, thì Habubank đã âm vốn CSH.

¹⁰⁸ Wall Street Journal, “A Troubled State Flagship Makes Waves in Vietnam”, ngày 22/9/2010.

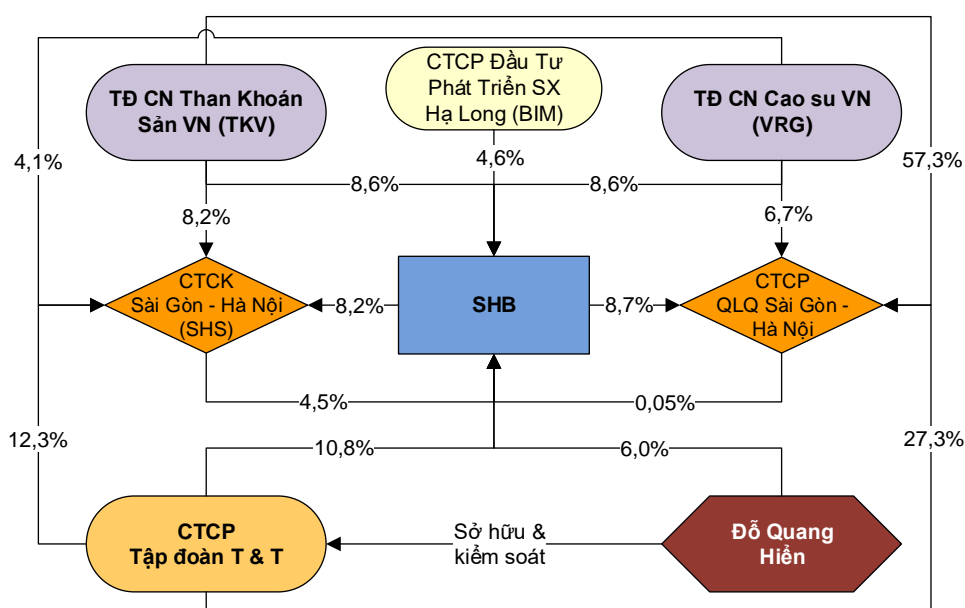
¹⁰⁹ Số cổ phần này sau đó được xác định là đã được bà Diệu Hiền thế chấp để vay BIDV và VDB.

2. Sáp nhập Habubank vào SHB

Để tái cấu trúc HBB, phương án sáp nhập vào NHTMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) được đề xuất vào đầu năm 2012 và hoạt động kiểm toán tài chính và dự thảo đề án sáp nhập được hoàn thành vào cuối tháng 2/2012.

SHB là NHTMCP được thành lập năm 2006 trên cơ sở chuyển đổi từ NHTMCP Nông thôn Nhơn Ái, lúc đó với vốn điều lệ chỉ 400 triệu đồng.¹¹⁰ Đến năm 2007, VDL của SHB được tăng từ 500 tỷ lên 2000 tỷ đồng. Tập đoàn T&T và ông Đỗ Văn Hiến tham gia góp vốn và trở thành nhóm cổ đông lớn nhất và kiểm soát SHB. Hai DNNN là TĐ Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) và TĐ Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG) cũng trở thành cổ đông chiến lược của SHB. Trụ sở chính của SHB được chuyển ra Hà Nội vào năm 2008. Đến năm 2009, cổ phiếu của SHB được niêm yết tại HNX. VDL của SHB được tăng lên 3.498 tỷ đồng năm 2010 và 4.816 tỷ đồng năm 2011. Hình 36 cho biết một phần cấu trúc sở hữu của SHB tại thời điểm cuối năm 2010.

Hình 36: Cấu trúc sở hữu của SHB tại thời điểm 31/12/2010



Nguồn: BCTC và BCTN của SHB, SHS, SHF và các công ty có liên quan khác năm 2010 và 2011.

Ngày 07/08/2012, NHNN đã ký và ban hành Quyết định số 1559/QĐ-NHNN chấp thuận sáp nhập Habubank vào NHTMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB). Theo Hợp đồng Sáp nhập, một cổ phần của Habubank được hoàn đổi thành 0,75 cổ phần SHB sau sáp nhập (và 1 cổ phần SHB trước sáp nhập thành 1,21 cổ phần SHB sau sáp nhập). Toàn bộ tài sản, nợ và vốn chủ sở hữu của Habubank được chuyển sang SHB và HBB sẽ chấm dứt sự tồn tại kể từ ngày sáp nhập. SHB kế thừa toàn bộ các quyền, lợi ích, đồng thời chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ nợ của Habubank kể từ ngày sáp nhập.

Sau sáp nhập, NHNN đã cho phép SHB được trích lập dự phòng rủi ro cho khoản vay và trái phiếu Vinashin trong vòng 5 năm (thay vì buộc HBB phải trích lập 100% trước đó). Kết quả là SHB sẽ phải gánh chịu ngay lập tức khoản lỗ 1.829 tỷ đồng. Sau khi xóa 70% giá trị nợ Vinashin, phần còn lại được chuyển thành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và SHB có thể sử dụng trái phiếu này để vay từ

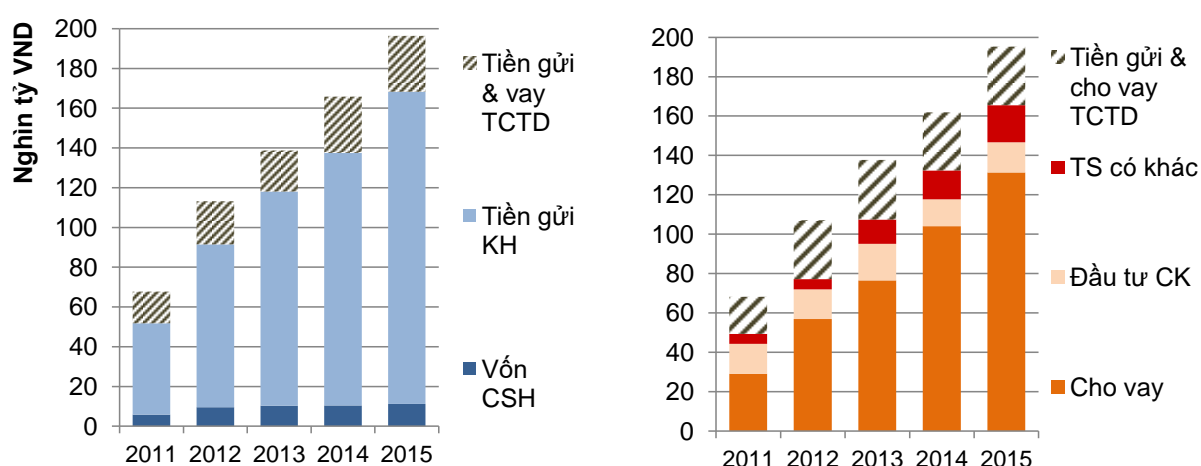
¹¹⁰ NHTMCP Nông thôn Nhơn Ái được thành lập hoạt động tại Cần Thơ vào tháng 11/1993.

NHNN. SHB sau sáp nhập có nợ xấu tăng lên vì tiếp nhận HBB, nhưng được NHNN chuyển từ NH nhóm 2 lên NH nhóm 1.

SHB sau sáp nhập vẫn nằm trong sự kiểm soát của TD T&T và ông Đỗ Quang Hiển. T&T, gia đình ông Đỗ Quang Hiển, CTCK Sài Gòn – Hà Nội và CTCP Quản lý quỹ Sài Gòn – Hà Nội sở hữu tổng cộng 18,7% VDL của SHB tính tại thời điểm ngày 31/12/2015.

3 năm sau khi sáp nhập (2015 so với 2012), dư nợ cho vay của SHB đã tăng lên 2,3 lần và huy động tiền gửi tăng 1,9 lần, trong khi vốn CSH chỉ tăng 18% (xem Hình 37). Tỷ lệ nợ xấu chính thức của SHB đã giảm từ 8,83% năm 2012 xuống 5,67% năm 2013, 2,03% năm 2014 và 1,72% năm 2015. Tính đến cuối năm 2014, nợ cho vay Vinashin chờ xử lý còn 1.139 tỷ đồng. Giá trị nợ xấu được SHB chuyển cho VAMC là 2.100 tỷ đồng, bằng 2,0% tổng dư nợ cuối năm 2014.

Hình 37: Nguồn vốn và tài sản của SHB, 2011-2015



Ghi chú: 2011 là SHB trước sáp nhập.

Nguồn: BCTC của SHB các năm 2012-2015.

Thực chất hoạt động kinh doanh của SHB được thể hiện một phần qua Bảng 20. Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh (trước khi điều chỉnh cho huy động tiền gửi và các thay đổi tài sản khác) của SHB âm trong năm 2012-2013, sau đó tăng lên 274 tỷ đồng năm 2014 và 1.632 tỷ đồng năm 2015. Tính đến cuối năm 2015, lãi và phí phải thu lũy tích của SHB là 8.887 tỷ đồng.

Bảng 20: Thu nhập và ngân lưu của SHB năm 2012-2015 (tỷ VND)

	2012	2013	2014	2015
Kết quả hoạt động kinh doanh (thu nhập kế toán)				
Thu nhập từ lãi cho vay	9.951,5	9.174,7	10.431,0	12.293,4
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	8.076,0	7.070,7	7.568,6	8.904,2
Thu nhập lãi ròng	1.875,5	2.104,1	2.862,4	3.389,2
Tỷ suất lợi nhuận				
ROA	1,54%	0,65%	0,51%	0,42%
ROE	18,89%	8,56%	7,57%	7,27%
Lưu chuyển tiền tệ (ngân lưu thật)				
Thu nhập từ lãi cho vay	7.553,0	7.816,2	8.815,2	10.557,3
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	7.092,4	7.669,1	7.195,9	7.580,1
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	-943,2	-1.288,1	274,1	1.631,9

Nguồn: BCTC của SHB năm 2013-2015.

Có thể thấy rằng mặc dù tình hình tài chính không thực sự mạnh, lợi nhuận của SHB đã cải thiện trong năm 2014-2015 sau khi thực ra bị lỗ vào 2012-2013. Việc nhận sáp nhập với HBB rồi xử lý nợ Vinashin cũng như nợ của Binhanfishco, SHB đã ghi điểm với các CQ QLNN là không chỉ giúp tái cấu trúc TCTD yếu kém mà có lĩnh nợ cho DNNN và DN tư nhân có quan hệ. Đổi lại, SHB được NHNN hỗ trợ thanh khoản và TD T&T khai thác các cơ hội thuê tóm những doanh nghiệp khác. Việc SHB đã nhận sáp nhập Công ty Tài chính Vinaconex - Viettel (VVF) cũng có động cơ tương tự. Theo Đề án sáp nhập VVF vào SHB, SHB đồng ý nhận sáp nhập để “góp phần hỗ trợ các cổ đông nhà nước của VVF triển khai thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo định hướng của Chính Phủ”. Mặc dù tỷ lệ nợ xấu của VVF là 70,1% tính tại thời điểm cuối năm 2014, chưa kể đến các khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu và góp vốn, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu theo Hợp đồng sáp nhập là 1:1.

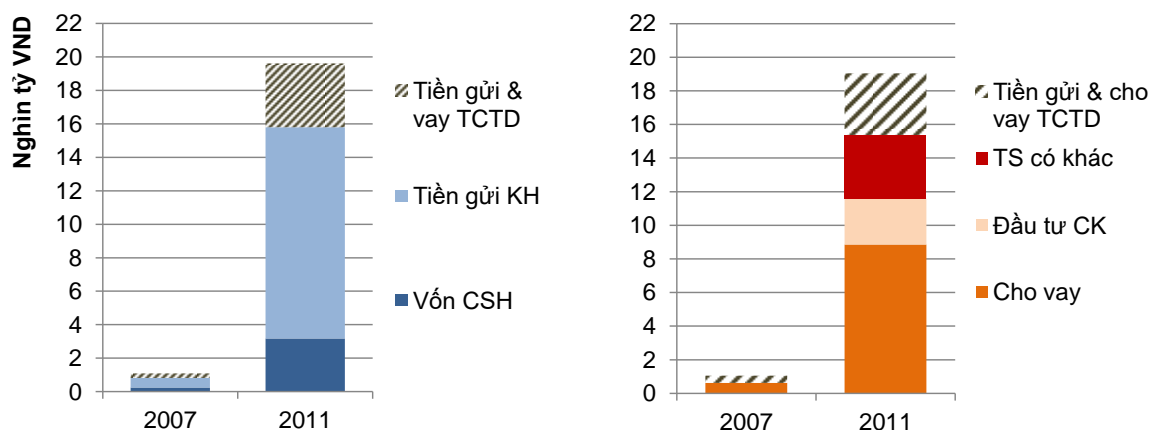
X. WESTERNBANK VÀ NAVIBANK

1. Từ NHTM nông thôn đến NHTM yếu kém

NHTMCP Phương Tây (Westernbank) và NHTMCP Nam Việt (Navibank) đều nằm trong sự kiểm soát của nhóm cổ đông gia đình ông Đặng Thành Tâm khi chuyển đổi từ NH nông thôn sang thành thị. NHTMCP Nông thôn Cờ Đỏ có 15 năm lịch sử hoạt động tại Cần Thơ từ tháng 4/1992 ch đến khi được chuyển đổi thành Westernbank vào tháng 6/2007. Còn NHTMCP Nông thôn Sông Kiên hoạt động tại Kiên Giang từ tháng 9/1995 cho đến khi chuyển đổi thành Navibank vào tháng 6/2006. Navibank niêm yết cổ phiếu tại HNX từ tháng 8/2010. Đầu năm 2010, Westernbank cũng xin đăng ký niêm yết trên HOSE, nhưng sau đó lại xin rút.

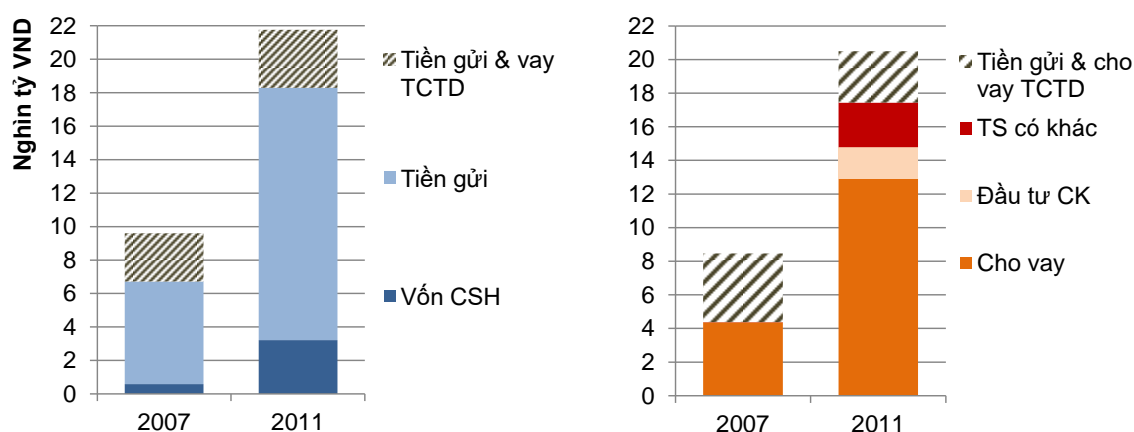
Hình 38 và 39 cho thấy sự tăng trưởng nhanh chóng về nguồn vốn và tổng tài sản của hai NH từ 2007 cho đến 2011. Chuyển đổi thành NH thành thị trước một năm, nên Navibank có quy mô lớn hơn Westernbank vào năm 2007. Tuy nhiên đến năm 2011 thì Navibank chỉ có quy mô lớn hơn Westernbank một chút về tổng tài sản. Nhưng dư nợ cho vay của Navibank thì lớn hơn hẳn, do bảng cân đối kế toán của Westernbank có những hạng mục lớn về đầu tư chứng khoán, ủy thác đầu tư và tài sản có khác. Cũng chính vì lý do này mà sang năm 2012, khi bị bắt buộc tái cơ cấu, gia đình ông Đặng Thành Tâm đã muốn bán Westernbank và giữ lại Navibank. Xếp theo dư nợ cho vay, Navibank đứng thứ 25 và Westernbank đứng thứ 32 trong số 40 NHTM trong nước vào cuối 2011.

Hình 38: Nguồn vốn và tài sản của Westernbank, năm 2007 và 2011



Nguồn: BCTC của Westernbank năm 2008 và 2011.

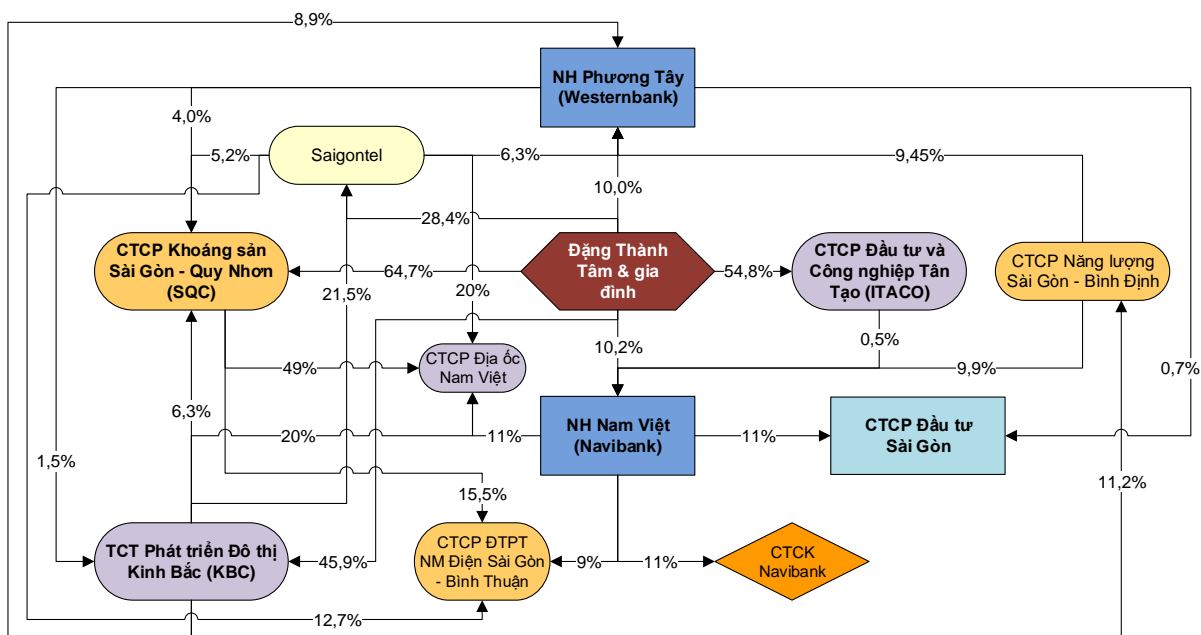
Hình 39: Nguồn vốn và tài sản của Navibank, năm 2007 và 2011



Nguồn: BCTC của Navibank năm 2007 và 2011.

Hình 40 minh họa cấu trúc sở hữu của hai ngân hàng này trước khi bị NHNN xếp vào nhóm NH yếu kém bị bắt buộc phải tái cơ cấu.

Hình 40: Cấu trúc sở hữu của Westernbank và Navibank tại thời điểm 31/12/2011



Nguồn: BCTC, BCTN, BCQT và BCB của Westernbank, Navibank và các công ty có liên quan, năm 2011-2012.

Gia đình bà Đặng Thị Hoàng Yến và ông Đặng Thành Tâm bắt đầu nổi lên từ hoạt động đầu tư và phát triển KCN Tân Tạo ở TP.HCM vào năm 1996. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Kinh doanh Cơ sở Hạ tầng KCN Tập trung Tân Tạo khi đó được UBND TP.HCM giao 181 ha đất tại Quận Bình Tân để xây dựng KCN với tổng vốn đầu tư 500 tỷ đồng. KCN sau đó được mở rộng thành 380 ha. Mặc dù không có quy mô đất quá lớn, KCN Tân Tạo ngay từ đầu đã hấp dẫn các nhà đầu tư, lấp đầy gần 100% diện tích ban đầu và 75% khu mở rộng sau 10 năm hoạt động. Chuyển sang mô hình tập đoàn với nhiều công ty con/công ty liên kết, tên gọi hiện nay của doanh nghiệp là CTCP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo – ITA) với 8.384 tỷ đồng VDL.

Ông Đặng Thành Tâm sau đó thành lập TĐ Đầu tư Sài Gòn (SGI) để đầu tư và kiểm soát các công ty và dự án trong nhiều lĩnh vực khác nhau. DN đại diện tập đoàn về mặt pháp lý là CTCP Đầu tư Sài Gòn.

Thành viên lớn nhất trong SGI là TCT Phát triển đô thị Kinh Bắc (KBC), đầu tư xây dựng các KCN và đô thị quy mô lớn ở Bắc Giang, Hải Phòng và TP.HCM. Với VDL ban đầu 20 tỷ đồng, KBC đầu tư xây dựng KCN Quế Võ tại Bắc Giang. KBC sau đó mở rộng đầu tư ra các KCN Quang Châu, Trảng Duệ, Nam Sơn – Hạp Lĩnh, KĐT Phúc Ninh. Trong năm 2010-2012, KBC đầu tư vào hai dự án quy mô lớn là KCN-KĐT Trảng Cát và KCN Tân Phú Trung (tổng chi phí đã đầu tư lần lượt là 3.078 tỷ và 2.622 tỷ đồng tính đến cuối năm 2012).

Ngoài bất động sản, gia đình Đặng Thành Tâm còn đầu tư vào lĩnh vực viễn thông, khoáng sản và năng lượng. CTCP Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (Saigontel), thành viên của SGI, được thành lập vào năm 2002 với 10 tỷ đồng VDL rồi tăng dần lên 740 tỷ đồng. Năm 2011, Saigontel mua 49% cổ phần của CTCP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT), DN vận hành mạng điện thoại di động S-Fone. Tuy nhiên, hoạt động chính của Saigontel không phải là viễn thông mà là đầu tư vào các DN khác trong SGI. Trong lĩnh vực khoáng sản, CTCP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (SQC) là DN lớn nhất với 1.100 tỷ đồng VDL, khai thác quặng titan tại Khu Kinh tế Nhơn Hội, Bình Định.

ITA, KBC, Saigontel và SQC đều là các doanh nghiệp niêm yết với giá trị vốn hóa thị trường năm 2015 lần lượt là 4.034 tỷ, 5.261 tỷ, 429 tỷ và 8.691 tỷ đồng.

Một lĩnh vực thu hút rất nhiều nguồn lực tài chính của SGI là năng lượng với các doanh nghiệp đầu tư nhà máy nhiệt điện và thủy điện như CTCP Năng lượng Sài Gòn - Bình Định, CTCP Đầu tư Phát triển Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận, Nhiệt điện Sài Gòn – Bắc Giang, Thủy điện Sông Tranh 4 và Thủy điện SGI – Lào.

Tính tại thời điểm cuối năm 2011, bà Nguyễn Thị Kim Thanh, vợ ông Đặng Thành Tâm, sở hữu trực tiếp 10% VDL của Westernbank. Cộng thêm sở hữu của Saigontel và CTCP Năng lượng Sài Gòn – Bình Định, thì gia đình ông Đặng Thành Tâm và các DN có liên quan kiểm soát 26,2% VDL của Westernbank. Cũng tại thời điểm trên, gia đình ông Đặng Thành Tâm sở hữu trực tiếp 10,2% VDL của Navibank. Cộng thêm sở hữu của ITA và CTCP Năng lượng Sài Gòn – Bình Định, gia đình ông Đặng Thành Tâm và các DN có liên quan kiểm soát 20,6% VDL của Navibank.¹¹¹

Westernbank và Navibank có gặp khó khăn về thanh khoản trong năm 2010-2011, nhưng BCTC cho thấy hai NH này không vay liên ngân hàng hay vay NHNN nhiều trong thời gian này (xem Bảng 21).

Bảng 21: Vay liên ngân hàng và vay NHNN của Westernbank và Navibank (tỷ VND)

	2009	2010	2011	2012
Tiền gửi và vay liên NH ròng của Westernbank	-472,6	311,4	152,8	-776,4
Vay NHNN của Westernbank	0,0	68,6	417,6	0,0
Tiền gửi và vay liên NH ròng của Navibank	98,6	1.196,9	417,1	-272,8
Vay NHNN của Navibank	500,0	160,4	51,2	732,2

Nguồn: BCTC của Westernbank và Navibank năm 2011.

Westernbank và Navibank bị NHNN thanh tra trong năm 2011, rồi được đưa vào nhóm 9 NH yếu kém. Theo kết luận thanh tra, tỷ lệ sở hữu Westernbank của nhóm cổ đông liên quan đến gia đình ông Đặng Thành Tâm lên tới 35,8%. Các công ty liên quan đã vay của chính Westernbank với tổng dư nợ là 5.092 tỷ đồng, bằng 157% vốn tự có của NH. Tổng dư nợ này gồm có 2.452 tỷ đồng tín dụng, 1.800 tỷ đồng TPDN và 840 tỷ đồng ủy thác đầu tư. Trong khi Westernbank chỉ báo cáo 505 tỷ đồng

¹¹¹ Vinatex, TĐ Dệt May Việt Nam, sở hữu 4% VDL của Navibank tính tại thời điểm cuối năm 2011.

nợ quá hạn (nhóm 2-5), chiếm 5,7% tổng dư nợ vào cuối năm 2011, CQTTGS đã kết luận giá trị nợ quá hạn là 3.333 tỷ đồng, chiếm 37,6% tổng dư nợ.¹¹²

Đối với Navibank, tỷ lệ nợ xấu và cuối năm 2011 theo BCTC là 2,9% (377 tỷ đồng); nhưng theo kết luận của CQTTGS, nợ xấu là 1.500 tỷ đồng, bằng 14,7% tổng dư nợ. CQTTGS cũng yêu cầu Navibank trích lập dự phòng rủi ro bổ sung, từ đó làm cho vốn chủ sở hữu thực của Navibank chỉ còn 2.513 tỷ đồng vào cuối tháng 2/2012.

2. Hợp nhất Westernbank và PVFC

Đầu năm 2012, Westernbank được NHNN khuyến nghị hợp nhất với TCT Tài chính Dầu khí (PVFC). Tại thời điểm 29/2/2012, NHNN và PVFC đánh giá vốn chủ sở hữu của Westernbank chỉ còn 2.310 tỷ đồng, sau khi trích lập 882 tỷ đồng dự phòng rủi ro.¹¹³

PVFC có quy mô tài sản lớn nhất trong số các công ty tài chính ở Việt Nam. Với 6.000 tỷ đồng VDL trước khi hợp nhất, TĐ Dầu khí Việt Nam (PVN) sở hữu 78% và Morgan Stanley International Holding Inc. sở hữu 10%. Tính tại thời điểm 29/2/2012, tổng vốn huy động của PVFC là 35.689 tỷ đồng (46,2% là vay các TCTD, 43,9% là tiền gửi của các tổ chức kinh tế (TCKT) và 9,9% là phát hành giấy tờ có giá). Cũng trong nguồn vốn, các khoản nhận ủy thác đầu tư (từ PVN và các tổ chức liên quan) lên tới 21.220 tỷ đồng. Trong 91.086 tỷ đồng tổng tài sản của PVFC, dư nợ cho vay là 45.398 tỷ đồng, chứng khoán đầu tư 5.414 tỷ đồng và góp vốn 3.124 tỷ đồng. Tuy nhiên, giá trị tài sản có khác với nhiều hạng mục “nhạy cảm” là 27.949 tỷ đồng, chiếm 30,7% tổng tài sản. Tiền mặt tại thời điểm này của PVFC là 5,3 tỷ đồng! PVFC chỉ báo cáo tỷ lệ nợ xấu là 2,1% vào cuối 2011 và 1,9% vào cuối tháng 2/2012.

Có thể thấy động cơ lớn nhất của việc hợp nhất đối với PVFC là sẽ chuyển đổi công ty tài chính thành NHTM và vì vậy sẽ được huy động tiền gửi cá nhân.

Phương thức hợp nhất là cộng ngang giá trị tài sản, nợ và vốn chủ sở hữu của PVFC và Westernbank với nhau thành giá trị tài sản, nợ và vốn chủ sở hữu của NHTM sau hợp nhất. Một cổ phần của Westernbank được đổi thành một cổ phần của NHTM sau hợp nhất và một cổ phần của PVFC cũng như vậy. Tổng VDL của NHTM hợp nhất sẽ là 9.000 tỷ đồng.

90% vốn cổ phần của Westernbank (trong đó có tất cả cổ phần của gia đình ông Đặng Thành Tâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan) được bán cho các cổ đông mới theo giá bằng mệnh giá. Vậy, giá trị chuyển nhượng 90% cổ phần bằng 2.700 tỷ đồng. Khoản tiền này được dùng để thanh toán các khoản nợ mà các cổ đông cũ và đối tượng liên quan đã vay Westernbank. Vậy, thực chất đây là tái cơ cấu theo cách cản trừ nợ bằng cổ phần, tương tự như đã làm với các NH yếu kém khác, mà không có tiền thực.¹¹⁴ Dư nợ cho vay cản trừ là 1.187 tỷ đồng; đặt cọc môi giới CK và ủy thác đầu tư cản trừ là 1.448 tỷ đồng. Khoản TPDN do KBC và Saigontel phát hành (1.800 tỷ đồng), chỉ được cản trừ 300 tỷ đồng và dư nợ còn lại được bảo đảm bằng bất động sản trong Dự án KĐT Trảng Cát ở Hải Phòng.

Ngày 13/09/2013, NHNN chấp thuận hợp nhất Westernbank và PVFC thành NHTMCP Đại chúng với tên viết tắt là PVcomBank (sau ĐHCĐ của WTB ngày 16/3/2013 và ĐHCĐ hợp nhất ngày 8/9/2013).

¹¹² Westernbank, Báo cáo tình hình thực hiện theo Kết luận Thanh tra NHNN gửi ĐHCĐ, ngày 3/4/2013.

¹¹³ Gồm: 559 tỷ đồng cho tiền gửi liên ngân hàng (SCB, Đệ Nhất, Tín Nghĩa và Đại Tín) quá hạn; 76 tỷ đồng cho dư nợ cho vay; 159 tỷ đồng cho ủy thác đầu tư; và 88 tỷ đồng cho đầu tư cổ phiếu KBC.

¹¹⁴ Còn theo lời của ông Đặng Thành Tâm, “gia đình tôi đi ra khỏi Westernbank mà hầu như trắng tay”.

Đến cuối 2013, PVcomBank có tổng tài sản 101.124 tỷ đồng với 49.091 tỷ đồng tiền gửi, 41.126 tỷ đồng cho vay, và 14.049 tỷ đồng đầu tư CK.

Một năm sau khi hợp nhất, tổng tài sản và cho vay của PVcomBank hầu như không thay đổi, nhưng huy động tiền gửi đã tăng từ 49.091 tỷ lên 70.955 tỷ đồng (tăng 44,5%).

Bảng 22 cho thấy PVcomBank có thu nhập lãi ròng âm và tỷ suất lợi nhuận là vô cùng thấp trong năm 2013-2014. Hơn thế nữa, PVcomBank ghi 4.736 tỷ đồng thu nhập từ lãi cho vay, nhưng chỉ thực sự thu tiền mặt là 3.350 tỷ đồng, để lại 1.386 tỷ đồng lãi dự thu. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (trước khi điều chỉnh cho huy động tiền gửi và các thay đổi tài sản khác) là âm.

Bảng 22: Thu nhập và ngân lưu của PVcomBank năm 2013-2015 (tỷ VND)

	2013	2014	2015
Kết quả hoạt động kinh doanh (thu nhập kế toán)			
Thu nhập từ lãi cho vay	1.156,4	4.736,2	
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	1.224,4	5.258,8	
Thu nhập lãi ròng	-68,0	-522,6	
Tỷ suất lợi nhuận			
ROA	0,02%	0,16%	
ROE	0,23%	1,73%	
Lưu chuyển tiền tệ (ngân lưu thật)			
Thu nhập từ lãi cho vay	1.501,4	3.349,9	
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	1.214,0	5.521,3	
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	186,5	-1.954,4	
Tăng tiền gửi của khách hàng	3.759,6	21.863,9	

Nguồn: BCTC PVcomBank năm 2013, 2014 và 2015.

Sự yếu kém tài chính của PVcomBank sau hợp nhất không phải chỉ là sự yếu kém tài chính của Westernbank mà lớn hơn là của PVFC. Trong 29.662 tỷ đồng tài sản có khác tại thời điểm hợp nhất, phần của Westernbank chuyển sang chỉ có 3.429 tỷ đồng, còn lại là của PVFC. Cho đến cuối 2014, giá trị tài sản có khác của PVcomBank vẫn còn 21.958 tỷ đồng, chiếm 20,3% tổng tài sản. Tuy nhiên khác với một số NH yếu kém khác, tổng tài sản của PVcomBank không bị phình ra. Sau khi tăng mạnh huy động trong năm 2014, tiền gửi khách hàng của NH đã giảm trong 9 tháng đầu năm 2015 (từ 70.955 tỷ xuống 61.410 tỷ đồng).

3. Navibank tự tái cơ cấu

Mặc dù xin được tự tái cơ cấu, nhưng gia đình ông Đặng Thành Tâm cũng phải thoái vốn khỏi Navibank, bắt đầu từ cuối năm 2012. Trước ĐHCĐ thường niên 2013, hai vợ chồng Đặng Thành Tâm và Nguyễn Thị Kim Thanh đã bán xong toàn bộ 29,7 triệu cổ phần của mình (9,9%) tại Navibank.¹¹⁵ Tiền thu được từ giao dịch bán cổ phần được dùng để cấn trừ nợ với chính NH.

Ngày 26/04/2013, tại ĐHCĐ thường niên Navibank, ông Đặng Thành Tâm và các cổ đông lớn hiện hữu từ nhiệm thành viên HĐQT. Theo đúng nguyên văn của đề án tái cấu trúc, “Navibank tập trung

¹¹⁵ CTCP Năng lượng Sài Gòn - Bình Định vẫn sở hữu với tư cách cổ đông lớn nhất của Navibank (29,8 triệu cp - 10,01%). Đến 09/09/2013, công ty này mới công bố thông tin đăng ký bán 16 triệu cp, bắt đầu quá trình thoái vốn bằng phương thức thỏa thuận và khớp lệnh từ 11/9 đến 9/10/2013.

tái cấu trúc cổ đông”. Trụ sở chính của NH được dời ra Hà Nội. Ngày 23/01/2014, Navibank chính thức đổi tên thành NHTMCP Quốc dân (National Citizen Bank - NCB).

Nhóm cổ đông mới kiểm soát Navibank là các cá nhân và tổ chức liên quan tới ông Nguyễn Tiến Dũng và Gami, TĐ kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản và mua bán ô-tô, và vợ là Trần Hải Anh, người giữ vị trí TV HĐQT và TGD của Navibank.¹¹⁶ Theo thông tin công bố rộng rãi, thì cả gia đình ông Nguyễn Tiến Dũng, chỉ có bà Trần Hải Anh là sở hữu trực tiếp cổ phần NCB với tỷ lệ 4,15%. Vì ông Nguyễn Tiến Dũng không sở hữu cổ phần, không tham gia HĐQT của NH nên Gami và các công ty có liên quan không phải công bố thông tin về sở hữu NCB.

Đến đầu năm 2014, nhóm nhà đầu tư liên quan tới ông Đặng Thành Tâm vẫn còn giữ cổ phần NCB. Và các công ty của ông Đặng Thành Tâm vẫn còn nợ NCB. Tuy nhiên, nhóm cổ đông mới không có tiền để mua số cổ phần này. Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên của NCB năm 2014, NCB sẽ mua 15% cổ phần niêm yết để làm cổ phiếu quỹ với nguồn tiền từ thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển để xử lý nợ, bao gồm các khoản nợ, bao gồm cần trừ nợ vay, cần trừ các khoản tạm ứng và phải thu. Kế hoạch này sau đó đã không được thực hiện. Dự định phát hành trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 1.500 tỷ đồng để tăng VĐL của NCB lên 4.500 tỷ đồng cũng không khả thi.

Giống như PVcomBank, tỷ suất lợi nhuận của NCB gần bằng 0% và mặc dù có lợi nhuận kế toán, nhưng về bản chất thì Navibank/NCB bị thua lỗ trong các năm 2013-2015. Theo Bảng 23, ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh (trước khi điều chỉnh cho huy động tiền gửi và các thay đổi tài sản khác) của NCB luôn âm từ khi đổi chủ cho đến nay, trong khi huy động tiền gửi vẫn liên tục tăng lên. Trong năm 2014, 48,8% thu nhập từ lãi cho vay của NH là lãi dự thu. Đến 2015, tỷ lệ này có giảm xuống nhưng vẫn còn 34,7%.

Bảng 23: Thu nhập và ngân lưu của Navibank/NCB năm 2013-2015 (tỷ VND)

	2013	2014	2015
Kết quả hoạt động kinh doanh (thu nhập kế toán)			
Thu nhập từ lãi cho vay	2.144,2	2.454,3	2.751,3
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	1.548,2	1.853,8	1.988,4
Thu nhập lãi ròng	596,0	600,5	762,9
Tỷ suất lợi nhuận			
ROA	0,07%	0,02%	0,02%
ROE	0,58%	0,25%	0,31%
Lưu chuyển tiền tệ (ngân lưu thật)			
Thu nhập từ lãi cho vay	1.237,6	1.255,5	1.795,5
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	1.524,1	1.655,9	1.767,7
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	-823,2	-908,9	-615,7
Tăng tiền gửi của khách hàng	6.104,1	6.063,4	9.736,6

Nguồn: BCTC của Navibank/NCB năm 2013, 2014 và 2015.

Tóm lại, Westernbank và Navibank được tái cơ cấu bằng sự ra đi của gia đình Đặng Thành Tâm và thay vào đó là các cổ đông mới. Westernbank được cộng thêm vào một công ty tài chính khổng lồ với cổ đông là một TĐ Nhà nước. Cho đến nay, kế hoạch đã được chuẩn bị để PVN chuyển nhượng toàn bộ cổ phần PVcomBank sang cho NHNN. Còn cổ đông mới của Navibank là các nhóm nhà đầu

¹¹⁶ Bà Trần Hải Anh trước đó là PTGD Southern Bank.

tư tư nhân. Nhưng cả hai ngân hàng đều không có tiền thực bơm vào và không tăng được vốn chủ sở hữu.

Mặc dù báo cáo là có lợi nhuận kế toán, nhưng nếu không tính lãi dự thu, thì hai NH này thực ra là lỗ và vốn chủ sở hữu thực vẫn tiếp tục giảm. Tỷ lệ nợ xấu chính thức của PVcomBank là 2,9% năm 2014, sau khi đã chuyển nợ xấu và nhận TPĐB từ VAMC với giá trị lũy tích 1.635 tỷ đồng. Nhưng đằng sau khoản lãi dự thu 1.386 tỷ đồng của riêng năm 2014 phải là dư nợ xấu bằng ít nhất 17.000 tỷ đồng (25,5% tổng giá trị dư nợ cho vay và chứng khoán đầu tư).

Đối với NCB, tỷ lệ nợ xấu chính thức là 2,5% năm 2014 và 2,1% năm 2015. Tính đến cuối năm 2014, NCB chuyển nợ xấu và nhận TPĐB từ VAMC với giá trị lũy tích 801 tỷ đồng. Lãi dự thu năm 2014 là 1.199 tỷ đồng, suy ra dư nợ xấu tương ứng bằng ít nhất 15.000 tỷ đồng (68,7% tổng giá trị dư nợ cho vay và chứng khoán đầu tư).

XI. ACB

1. Sở hữu, đầu tư và cho vay chéo

Tính tại thời điểm cuối năm 2011, NHTMCP Á Châu (ACB) là NHTMCP có quy mô lớn nhất xét cả về tổng tài sản và dư nợ cho vay trong hệ thống NH VN (không kể các NHTMNN). ACB cũng được đánh giá là NH có sức khỏe tài chính tốt nhất với tỷ suất lợi nhuận cao và nợ xấu thấp. ROE bình quân của ACB trong giai đoạn 2006-2011 là 28,0%. Như trình bày trong Bảng 24, trước năm 2012, tỷ lệ nợ xấu chính thức của ACB là dưới 1% tổng dư nợ.

Bảng 24: Tóm tắt thông tin tài chính ACB, 2009-2015 (tỷ VND)

	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Vốn CSH	10.106,3	11.376,8	11.959,1	12.624,5	12.504,2	12.397,3	12.787,5
Tiền gửi và GTCG	113.501,8	145.170,8	192.926,6	145.434,8	141.610,8	157.691,6	177.994,0
Cho vay	62.358,0	87.195,1	102.809,2	102.814,8	107.190,0	116.324,1	134.031,8
Đầu tư chứng khoán	32.805,8	49.180,6	26.713,7	25.306,4	34.334,0	40.782,0	38.779,6
Tổng tài sản	167.881,0	205.103,0	281.019,3	176.307,6	166.599,0	179.609,8	201.457,0
Lợi nhuận sau thuế	2.201,2	2.334,8	3.207,8	784,0	826,5	951,8	1.028,2
ROE	24,63%	21,74%	27,49%	6,38%	6,58%	7,64%	8,17%
ROA	1,61%	1,25%	1,32%	0,34%	0,48%	0,55%	0,54%
NPL	0,41%	0,34%	0,89%	2,50%	3,03%	2,18%	1,29%

Nguồn: BCTC của ACB các năm 2010-2015.

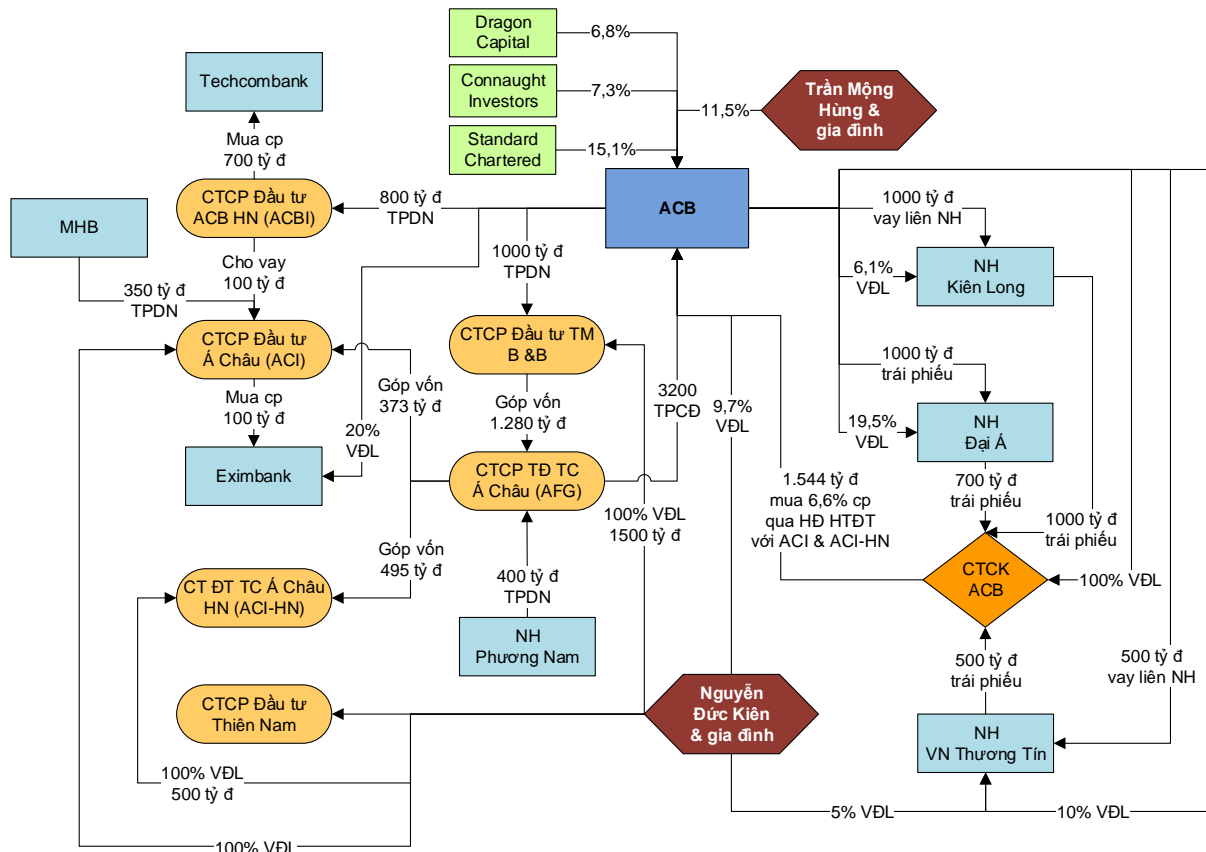
Tuy nhiên, ACB là NHTM thực hiện sở hữu, đầu tư và cho vay chéo phức tạp nhất, như minh họa trong Hình 41. Cho đến năm 2012, ACB trực tiếp và gián tiếp sở hữu cổ phần và là cổ đông lớn của bốn NHTM là Eximbank, Đại Á, Việt Nam Thương Tín và Kiên Long.

Trong cơ cấu sở hữu, ACB có ba nhóm cổ đông lớn là gia đình ông Trần Mộng Hùng, gia đình ông Nguyễn Đức Kiên và nhóm cổ đông nước ngoài (gồm Standard Chartered Bank, Dragon Capital và Connaught Investors). Tuy nhiên, trong thời gian 2008-2011, ông Nguyễn Đức Kiên đã chi phối hoạt động quản trị, điều hành của ACB. Các cổ đông lớn khác hầu như không có tiếng nói.

Ông Kiên và gia đình đã thành lập và là chủ 6 công ty là CTCP Đầu tư Á Châu (ACI), CTCP Đầu tư Thương mại B&B, CTCP Đầu tư ACB Hà Nội (ACBI), Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Á Châu Hà Nội

(ACI-HN), CTCP Tập đoàn Á Châu (AFG) và CTCP Phát triển Sản xuất và Xuất nhập khẩu Thiên Nam. ACB đã tài trợ vốn cho các công ty của ông Kiên để đầu tư chứng khoán (trong đó có chính cổ phiếu ACB) và vàng tài khoản bằng cách trực tiếp và gián tiếp thông qua CTCK ACB (ACBS) và các NHTM mà ACB là cổ đông lớn.

Hình 41: Cấu trúc sở hữu, đầu tư và cho vay giữa ACB và các tổ chức có liên quan, 31/12/2011



Ghi chú: Các tỷ lệ sở hữu tính tại thời điểm 31/12/2011; các khoản cho vay và ủy thác đầu tư diễn ra trong thời gian 2010-2011.

Nguồn: BCTC, BCTN, BCB, BCQT của ACB và các DN có liên quan, 2010-2011.

Các khoản ủy thác cho khách hàng đầu tư chứng khoán và vàng được ghi trong hạng mục tài sản có khác. ACB có giá trị tài sản có khác chiếm 4,1% tổng tài sản vào cuối năm 2006, tăng lên 15,5% cuối năm 2009 và tới 18,3% (giá trị tuyệt đối là 45,8 nghìn tỷ đồng) vào cuối năm 2011. Bảng 25 trình bày các khoản phải thu từ ủy thác đầu tư và lãi phải thu của ACB từ năm 2007 đến 2011. Ta có thể thấy những giá trị lớn được dùng để kinh doanh vàng tài khoản/vàng kỳ hạn và ủy thác cho các công ty của ông Nguyễn Đức Kiên.

Có thể thấy rằng ACB bắt đầu đẩy mạnh ủy thác đầu tư kinh doanh vàng/vàng tài khoản/vàng kỳ hạn từ năm 2008. Đến cuối năm 2011, tổng giá trị mà ACB ủy thác để kinh doanh vàng lên tới gần 40 nghìn tỷ đồng.

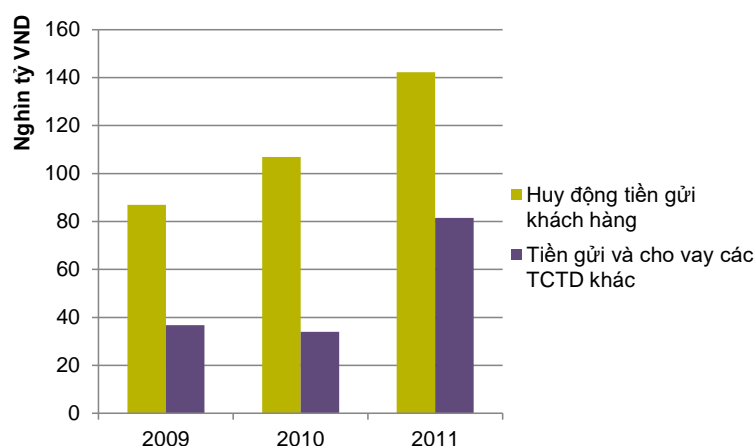
Các khoản phải thu đối với nhóm 6 công ty của Nguyễn Đức Kiên là 1.395 tỷ đồng vào cuối năm 2011. Nhưng các công ty này còn có dư nợ vay ACB trên 3.500 tỷ đồng và dư nợ trái phiếu gần 2.500 tỷ đồng. Tính các khoản nợ đầu tư cổ phiếu, góp vốn dài hạn và lãi phải thu thì các công ty của ông Kiên có tổng nghĩa vụ nợ đối với ACB là trên 8.000 tỷ đồng tính tại thời điểm cuối năm 2011.

Bảng 25: Lãi phải thu và phải thu từ khách hàng của ACB, 2007-2011 (tỷ VND)

	2007	2008	2009	2010	2011
Tổng tài sản có khác, trong đó	3.517,5	8.427,3	25.951,7	17.546,7	51.389,8
Lãi phải thu	1.244,3	2.327,1	2.342,5	4.239,9	5.620,8
Phải thu từ khách hàng	811,1	4.326,1	21.793,1	10.865,6	41.317,5
Nhóm 6 công ty của Nguyễn Đức Kiên	-	-	-	-	1.395,0
Phải thu nước ngoài KD ngoại tệ tài khoản	-	-	-	6.566,7	-
Phải thu nước ngoài KD vàng tài khoản	-	3.538,9	18.944,3	-	13.179,1
Ký quỹ cho KH trong nước KD vàng kỳ hạn	727,7			-	23.294,7
Phải thu KH trong nước KD vàng	-	-	-	3.138,6	3.380,1

Nguồn: BCTC của ACB các năm 2008-2012.

Một vấn đề gây rắc rối nữa cho ACB là cho vay các TCTD khác. Trong bối cảnh bất ổn kinh tế vĩ mô và tên tuổi các NHTM yếu kém được đưa ra, cá nhân và tổ chức đã tập trung gửi tiền vào các NHTMNN và các NHTMCP được cho là vững mạnh trong đó có ACB. Huy động tiền gửi từ khách hàng của ACB đã tăng từ gần 107 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2010 lên hơn 142 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2011. Rõ ràng, một phần vốn huy động này đã được ACB dùng để ủy thác đầu tư kinh doanh chứng khoán và vàng như đề cập ở trên. Nhưng một phần lớn được ACB dùng để cho vay các TCTD khác với lãi suất cao hơn, bao gồm cả việc ủy thác cho nhân viên đi gửi tiền tại các NHTM khác dưới hình thức tiền gửi cá nhân. Một số khoản tiền gửi này sau đó đã bị mất vốn và một số bị quá hạn (khoản 719 tỷ đồng gửi tại Vietinbank thông qua cán bộ quản lý của Vietinbank là Huỳnh Thị Huyền Như bị mất vốn và một khoản 1.095 tỷ gửi tại một NHTM khác bị quá hạn). Hình 42 trình bày tăng trưởng huy động tiền gửi và cho vay các TCTD khác của ACB từ năm 2009 đến 2011. Từ 34-36 nghìn tỷ đồng dư nợ cho vay, đến cuối năm 2011, ACB có số dư tiền gửi và cho vay các TCTD khác là 81,5 nghìn tỷ đồng.

Hình 42: Huy động tiền gửi KH và cho vay các TCTD khác của ACB

Nguồn: BCTC của ACB các năm 2010-2011.

2. Tái cơ cấu

Vì ACB và các cá nhân, tổ chức có liên quan nắm giữ khoảng 20% VĐL của Eximbank vào cuối năm 2011, nên khi NHNN phát tín hiệu tái cơ cấu cả hệ thống các TCTD thì khả năng sáp nhập ACB – Eximbank luôn được thị trường tài chính bàn tán. Trước thông tin về một nhóm nhà đầu tư thâu tóm cổ phiếu của Sacombank (xem phần sau), tháng 2/2014 còn xuất hiện tin đồn về khả năng hợp nhất

ba NH ACB, Eximbank và Sacombank. Nhưng ngay sau đó, đại diện của cả ACB và Eximbank đã bác bỏ thông tin này.

Tháng 8/2012, CQCSĐT đã khởi tố vụ án kinh tế liên quan đến các lãnh đạo của ACB. Tháng 12/2012, ACB tổ chức ĐHCĐ bất thường để bầu các thành viên HĐQT mới. Gia đình ông Trần Mộng Hùng quay trở lại HĐQT ACB và cùng hợp lực với đại diện của các cổ đông nước ngoài để quản trị NH. Standard Chartered Bank cũng cử các cán bộ quản lý về tài chính và rủi ro của mình sang ACB.

Ngay trong những tháng cuối năm 2012, ACB và ACBS đã tiến hành thoái gần hết vốn cổ phần các NH Đại Á, Việt Á, Kiên Long và Eximbank.

Trước những thông tin xấu về NH, huy động tiền gửi khách hàng và huy động bằng giấy tờ có giá của ACB đã giảm lần lượt là 11,9% và 60,2% trong năm 2012. Với sức ép này và yêu cầu khắc phục hậu quả, ACB cũng đã giảm mạnh hoạt động trên thị trường liên NH. Tiền gửi và cho vay các TCTC khác của ACB giảm 73% trong năm này.

Giá trị tài sản có khác đã giảm về mức bình thường của một NHTM, bằng 6,9% tổng tài sản vào cuối năm 2012 và chỉ còn 4,9% vào cuối 2015. Đó là nhờ ACB đã tắt toán các khoản phải thu liên quan đến khách hàng trong nước thực hiện kinh doanh vàng và vàng kỳ hạn ngay trong năm 2012. Khoản phải thu liên quan đến các đối tác nước ngoài thực hiện các hợp đồng kinh doanh vàng tài khoản cũng được giảm xuống còn 1.447 tỷ đồng vào cuối 2012, rồi về 0 một năm sau đó. ACB chịu một khoản lỗ ròng từ việc tắt toán kinh doanh vàng trong năm 2012 là 1.864 tỷ đồng.

Như trình bày tại Bảng 24, trong năm 2012 ACB đã mất hơn 1/3 giá trị tổng tài sản. Lợi nhuận trước và sau thuế giảm trên 75%.

Riêng các khoản dư nợ liên quan đến nhóm 6 công ty của ông Nguyễn Đức Kiên thì vẫn còn trên sổ sách của ACB. Bảng 26 trình bày chi tiết các khoản này. Sau khi thu hồi một phần dư nợ cho vay trong năm 2013, tổng dư nợ cho vay, trái phiếu và phải thu là 5.846 tỷ đồng vào cuối 2014. Các khoản lãi phải thu đã được ACB thoái thu hết trong năm 2014 mặc dù được NHNN cho phép thoái thu đều trong 3 năm từ 2013 đến 2015. NHNN còn cho phép ACB phân loại các khoản dư nợ cho vay và dư nợ trái phiếu này vào nợ nhóm 2 nên không làm tăng tỷ lệ nợ xấu chính thức.

Bảng 26: Dư nợ của nhóm 6 công ty của Nguyễn Đức Kiên với ACB (tỷ VND)

	2012	2013	2014	2015
Cho vay	3.511,5	2.237,3	2.237,3	
Trái phiếu doanh nghiệp	2.450,0	2.429,3	2.429,3	
Phải thu từ ủy thác đầu tư	1.179,5	1.654,8	1.179,5	
Cổ phiếu niêm yết	605,7	151,2	-	
Góp vốn, đầu tư dài hạn	20,9	20,9	20,9	
Lãi phải thu	295,1	192,0	-	
Cổ tức phải thu	-	41,3	-	
Cộng	8.062,6	6.726,8	5.867,1	

Nguồn: BCTC của ACB các năm 2013-2014.

Trong năm 2013, ACB đã chuyển 318 tỷ đồng nợ xấu cho VAMC và năm 2014 chuyển tiếp 1.131 tỷ đồng. Nếu vẫn tính các khoản nợ này, thì tỷ lệ nợ xấu của ACB là 3,31% vào cuối năm 2013 và 3,12% vào cuối năm 2014.

Một điểm đáng chú ý nữa trong những năm 2013-2014 là ACB đã tăng mạnh đầu tư vào TPCP, trong khi dư nợ cho vay không tăng nhiều. Tính vào cuối năm 2014 so với đầu năm 2013, dư nợ cho vay của ACB tăng 13,1%, còn đầu tư chứng khoán tăng 61,2%. Khai thác tính chất phi rủi ro tín dụng của TPCP và chênh lệch đáng kể giữa lợi suất TPCP và lãi suất tiền gửi bình quân, ACB đã thu lợi nhuận để khắc phục cho hậu quả của cho vay – đầu tư chéo.

Đến năm 2015, hoạt động kinh doanh đã quay về quỹ đạo bình thường. Dư nợ cho vay khách hàng tăng 15,2% trong năm này, trong khi đầu tư chứng khoán đã giảm đi. Tỷ suất lợi nhuận của ACB đã cải thiện đáng kể. Với 1.028 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, ROE của ACB là 8,2% năm 2015.

XII. SACOMBANK VÀ SOUTHERN BANK

Ngày 1/10/2015, Southern Bank chính thức được sáp nhập vào Sacombank. ĐHCĐ bất thường của Sacombank đã biểu quyết đồng ý sáp nhập vào ngày 11/7/2015. NHNN đã ra Quyết định 1844/QĐ-NHNN ngày 14/9/2015 chấp thuận giao dịch sáp nhập giữa hai NH. Ngày 11/11/2015, ông Trần Bê, cổ đông lớn của cả Sacombank và Southern Bank đã thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Sacombank theo “nguyện vọng cá nhân”. Theo Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Phước Thanh, “việc tự nguyện sáp nhập SouthernBank vào Sacombank là phù hợp với chủ trương tái cấu trúc hệ thống ngân hàng của Chính phủ và NHNN, nhằm tạo nên một ngân hàng lớn, lành mạnh, phục vụ tốt cho nền kinh tế và đủ sức vươn ra thị trường quốc tế”.¹¹⁷

Thế nhưng trước đó vào tháng 8/2015, ông Trần Bê đã “tự nguyện cam kết ủy quyền không hủy ngang, vô thời hạn” cho NHNN thực hiện đầy đủ các quyền của cổ đông đối với toàn bộ số cổ phần mà ông Trần Bê và các bên có liên quan sở hữu tại Sacombank, Southern Bank và NH sau sáp nhập. Đằng sau việc ủy quyền này là những khoản vay và ủy thác đầu tư mà ông Trần Bê có nghĩa vụ phải hoàn trả cho Sacombank sau sáp nhập. Vì chưa trả được các khoản nợ này nên ông Trần Bê phải trao quyền cổ đông của mình cho NHNN. Ông Trần Bê không được đơn phương chấm dứt việc ủy quyền này. NHNN có quyền quyết định nắm giữ hay chuyển nhượng số cổ phần này cho nhà đầu tư khác. NHNN cũng có thể quyết định chấm dứt việc ủy quyền nếu ông Trần Bê “khắc phục được hậu quả”. Với số cổ phần được ủy quyền, NHNN kiểm soát hơn 51% vốn điều lệ của Sacombank sau sáp nhập.

Thời gian từ cuối năm 2010 đến đầu năm 2012 đã diễn ra hoạt động thu tóm Sacombank. Vào tháng 2/2012, Eximbank đã tuyên bố chính thức là một cổ đông lớn (sở hữu trực tiếp 9,73% VDL) và được ủy quyền bằng văn bản đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu trên 51% số cổ phần có quyền biểu quyết của Sacombank. Trên cơ sở đó, Eximbank yêu cầu bầu lại toàn bộ HĐQT và BKS của Sacombank. Sau khi Southern Bank sáp nhập vào Sacombank, Eximbank vẫn là một trong những cổ đông lớn, sở hữu 6,4% NH sau sáp nhập. Tuy nhiên, Eximbank đã không còn người đại diện phần vốn góp tại Sacombank.

¹¹⁷ Báo Nhân dân Điện tử, “Southern Bank chính thức sáp nhập vào Sacombank”, ngày 1/10/2015. Truy cập tại địa chỉ http://www.nhandan.com.vn/mobile/_mobile_kinhte/_mobile_tintuc/item/27579502.html, ngày 10/10/2015.

Một sự kiện nữa trong năm 2015 là việc chuẩn bị Đề án sáp nhập NH Nam Á và Eximbank trên cơ sở được NHNN ủng hộ về mặt chủ trương.¹¹⁸ Nhưng sau khi có thông tin NH Nam Á bị NHNN thanh tra thì đến tháng 9/2015 Chủ tịch HĐQT Phan Đình Tân của Nam Á đã khẳng định: “Nam Á không sở hữu bất kỳ cổ phần nào của Eximbank” và “tự tái cơ cấu cũng là giải pháp khả thi cho các ngân hàng có quy mô như Nam A Bank”.¹¹⁹ Trong ĐHCĐ bất thường để bầu ban lãnh đạo mới của Eximbank vào cuối năm 2015, hai ứng viên vào HĐQT mà trước đây là lãnh đạo của Nam Á đã không được NHNN chấp thuận. Sau ĐHCĐ, Eximbank đã bầu HĐQT, BKS mới, đồng thời thay Chủ tịch và TGĐ. Vietcombank và NHNN có 2 đại diện tại HĐQT và nắm vị trí Trưởng BKS của Eximbank.

1. Sacombank và cấu trúc sở hữu chéo với các DN trong TĐ Thành Thành Công

Sacombank được thành lập vào cuối năm 1991 trong đợt sóng thành lập các NHTMCP đầu tiên ở Việt Nam. NH được hình thành trên cơ sở hợp nhất NH Phát triển Kinh tế Gò Vấp với ba hợp tác xã (HTX) tín dụng là Tân Bình, Thành Công và Lữ Gia, trong đó HTX Tín dụng Thành Công là do ông Đặng Văn Thành sáng lập.

Gia đình ông Đặng Văn Thành và vợ là bà Huỳnh Bích Ngọc khởi đầu kinh doanh từ năm 1979 với cơ sở Thành Công sản xuất cồn và mật rỉ đường. Công cuộc Đổi mới đã tạo điều kiện để Thành Công cung cấp sản phẩm trực tiếp cho thị trường và cho các DNNN sản xuất ngoài kế hoạch. Sau khi Sacombank được thành lập, ông Đặng Văn Thành đã tham gia HĐQT (1991-1994), rồi trở thành Chủ tịch HĐQT (từ 1994) và nắm quyền kiểm soát NH. Năm 1996, Sacombank trở thành NH đầu tiên phát hành cổ phiếu ra công chúng.

Đầu thập niên 2000, các nhà đầu tư nước ngoài gồm Dragon Capital, Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) và Ngân hàng ANZ trở thành cổ đông chiến lược của Sacombank. Dưới sự lãnh đạo của ông Thành, Sacombank đã trở thành một trong những NHTMCP lớn nhất và có thương hiệu tốt nhất ở Việt Nam. Tháng 7/2006, Sacombank niêm yết toàn bộ 189,9 triệu cổ phần của mình tại HOSE.¹²⁰ Giá giao dịch cổ phiếu ngay khi niêm yết là 78.000 đ/cp (12/7/2007), chỉ thấp hơn một chút so với mức giá mục tiêu 81.000 đ/cp, với các tỷ số P/E bằng 38,2 và P/B bằng 4,1. Suất sinh lợi trên vốn CSH của Sacombank bình quân giai đoạn 2002-2007 là 19,1%. Tổng giá trị vốn hóa thị trường của STB lúc đó bằng 14.816 tỷ đồng.

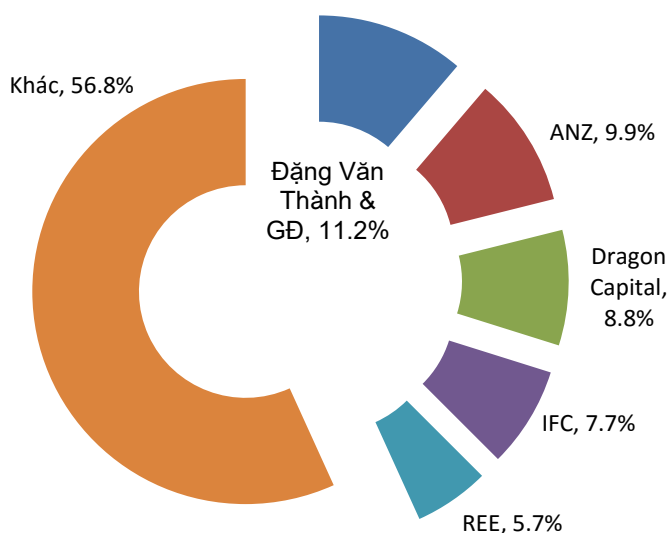
Hình 43 minh họa cơ cấu sở hữu của Sacombank vào năm 2006. Ông Đặng Văn Thành và các thành viên trong gia đình sở hữu trực tiếp 11,2% VDL của NH. Các công ty có liên quan tới gia đình không nắm giữ cổ phần đáng kể của Sacombank và lúc đó. Cơ cấu sở hữu của NH không có thay đổi nhiều cho đến năm 2010 ngoại trừ việc thoái vốn của IFC.

¹¹⁸ Báo Đầu tư Chứng khoán, “Oceanbank, Eximbank, GPBank... đã vào chương trình xử lý”, ngày 27/2/2015. Truy cập tại địa chỉ: <http://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/oceanbank-eximbank-gpbank-da-vao-chuong-trinh-xu-ly-112956.html>, ngày 10/10/2015.

¹¹⁹ VNExpress, “Nam A Bank không sáp nhập với Eximbank”, ngày 7/9/2015. Truy cập tại địa chỉ: <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/ebank/ngan-hang/nam-a-bank-khong-sap-nhap-voi-eximbank-3274390.html>, ngày 10/10/2015.

¹²⁰ Theo Giấy phép niêm yết cổ phiếu số 48/UBCK-GPNY do UBCKNN cấp ngày 02/06/2006

Hình 43: Cơ cấu sở hữu của Sacombank, 15/4/2006



Nguồn: Bản cáo bạch Sacombank, 2006.

Tháng 5/2008, TĐ Tài chính Sacombank được thành lập theo mô hình công ty mẹ - con với Sacombank là công ty mẹ (Hình 44).¹²¹ Các công ty thành viên của Tập đoàn gồm có: CTCK Sacombank (SBS), Công ty Cho thuê Tài chính Sacombank (SBL), Công ty Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Sacombank (SBA), Công ty Kiềm hổi Sài Gòn Thương Tín (SBR) và Công ty Vàng bạc Đá quý Sài Gòn Thương Tín (SBJ). Các công ty hợp tác chiến lược với Tập đoàn gồm có: CTCP Đầu tư Sài Gòn thương tín (Sacom-STI),¹²² CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương tín (Sacomreal), CTCP Xuất Nhập Khẩu Tân Định (Tadimex), CTCP Toàn Thịnh Phát, Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ ĐTCK Việt Nam (VFM) và Trường Đại học Yersin Đà Lạt. Đến tháng 11/2009, Tập đoàn Sacombank có thêm hai công ty hợp tác chiến lược nữa là CTCP Giao dịch hàng hóa Sài Gòn Thương Tín (Sacom-STE) và CTCP Kho vận Sài Gòn Thương Tín (Sacom-STL).

Tuy nhiên, đến năm 2010-11, với sự suy giảm mạnh của thị trường chứng khoán, Dragon Capital bắt đầu thoái vốn khỏi Sacombank. Sau khi thành lập NH 100% vốn nước ngoài, ANZ cũng tuyên bố kế hoạch thoái vốn. Cổ đông lớn trong nước, CTCP Cơ Điện Lạnh (REE) cũng có động thái tương tự. Sự thoái vốn này xảy ra cùng lúc với việc một nhóm cổ đông mới lên kế hoạch thâm tóm Sacombank (xem mục sau). Đến cuối 2011, Tập đoàn Tài chính Sacombank – vốn từ khi thành lập chỉ tồn tại trên tên gọi – đã bị quên đi. Sacomreal và Toàn Thịnh Phát, hai công ty bất động sản, quy tụ về với Thành Thành Công. Các công ty khác cũng dịch chuyển tương tự và rũ bỏ các tên gọi gắn với Sài Gòn Thương Tín (Sacom):

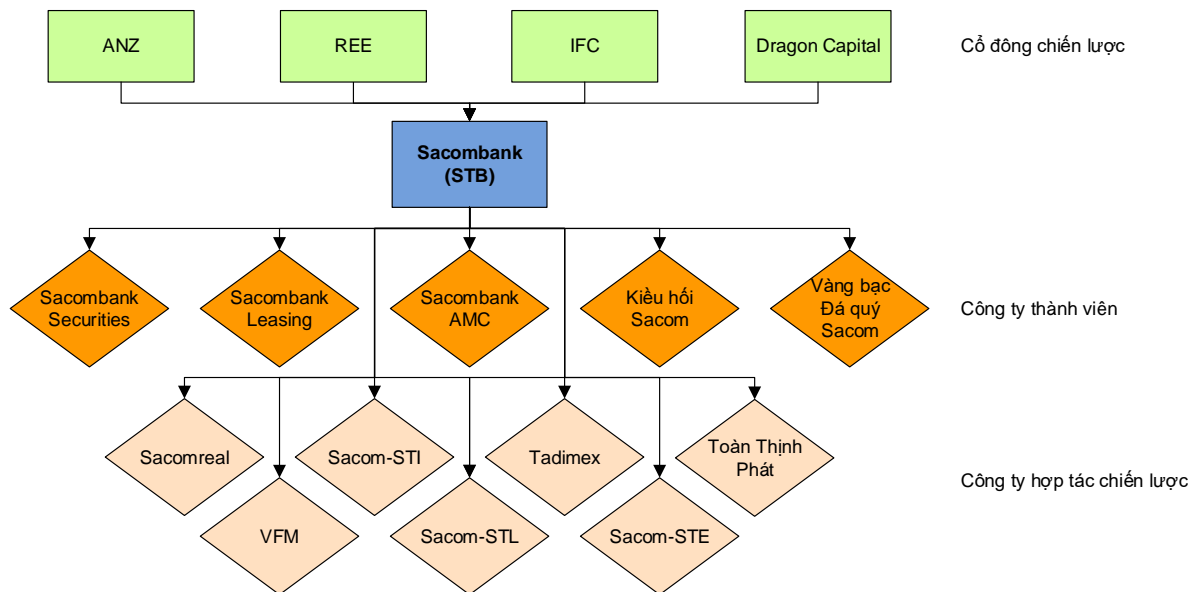
- CTCP Đầu tư Sài Gòn Thương tín đổi tên thành CTCP Đầu tư Tín Việt
- CTCP Kho vận Sài Gòn Thương Tín đổi tên thành CTCP Kho Vận Thiên Sơn, rồi đến năm 2014 được sáp nhập vào CTCP Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh

¹²¹ Theo Luật Doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác. Tập đoàn kinh tế không phải là một loại hình doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân và không phải đăng ký thành lập.

¹²² Sacom-STI có các cổ đông sáng lập là Thành Thành Công, Sacombank, Sacomreal, Toàn Thịnh Phát, SBS, và Betrimex

- CTCP Giao dịch Hàng hóa Sài Gòn Thương Tín đổi tên thành CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín.

Hình 44: Tập đoàn Tài chính Sacombank năm 2009



Nguồn: Theo thông tin công bố trên Website của Sacombank (www.sacombank.com.vn) năm 2009.

Song song với sự phát triển của Sacombank là sự mở rộng và cấu trúc sở hữu đan xen giữa các công ty phi tài chính do gia đình ông Đặng Văn Thành kiểm soát. Cơ sở sản xuất Thành Công được chuyển đổi thành Công ty TNHH Thành Thành Công vào năm 1999, rồi CTCP SX-TM Thành Thành Công vào giữa thập niên 2000. Năm 2011, trước nguy cơ mất quyền kiểm soát Sacombank, gia đình ông Thành đã thành lập Tập đoàn Thành Thành Công với hạt nhân là CTCP Đầu tư Thành Thành Công và 6 thành viên ban đầu là Bourbon Tây Ninh, Đường Ninh Hòa, Thương mại Thành Thành Công, Đặng Huỳnh và Thành Ngọc.

Như minh họa ở Hình 45, ông Đặng Văn Thành sở hữu Sacombank một cách trực tiếp thông qua các thành viên trong gia đình (8,2%) và gián tiếp qua các DN mà gia đình kiểm soát (6,1%) vào cuối năm 2011.¹²³ Sơ đồ còn cho thấy một cấu trúc sở hữu chéo giữa các DN trong TĐ Thành Thành Công.

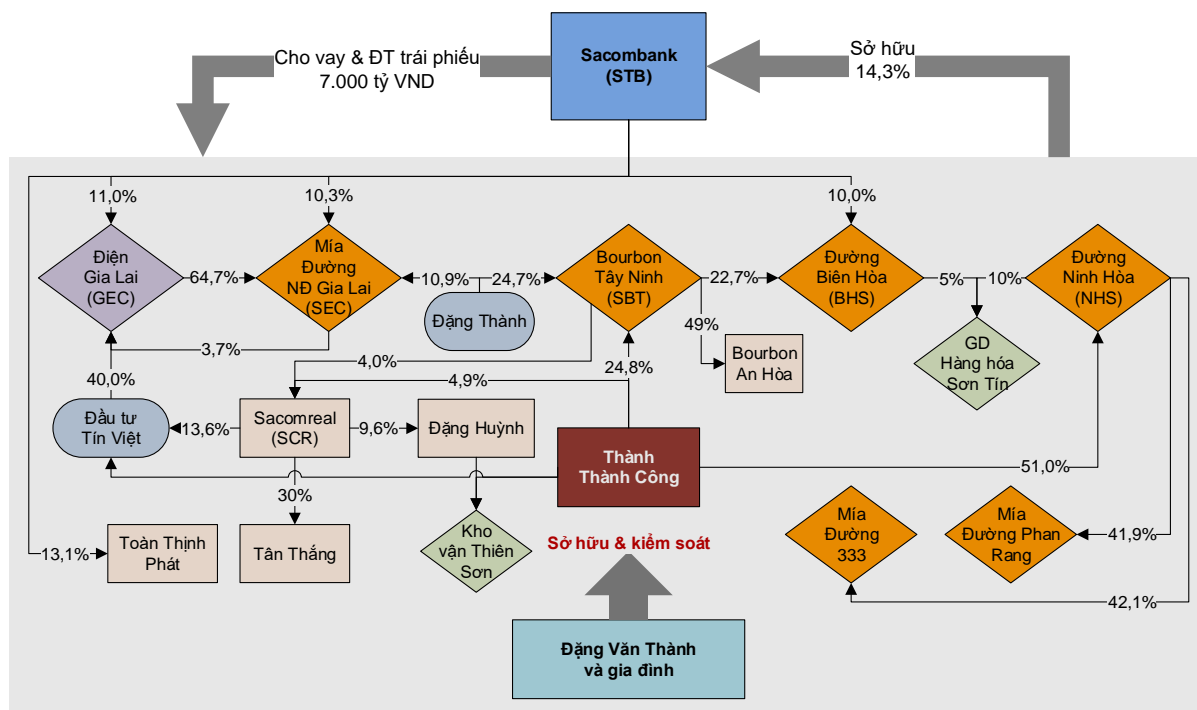
Gắn với ngành truyền thống ban đầu, gia đình ông Đặng Văn Thành và Thành Thành Công đã mua cổ phần và kiểm soát nhiều công ty mía đường như Đường Biên Hòa (BHS), Đường Ninh Hòa (NHS), Bourbon Tây Ninh (SBT) và Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (SEC).

Nhà máy Đường Biên Hòa được thành lập năm 1969 và sau 1975 trở thành DNNN. Năm 2001, Công ty được cổ phần hóa. Cổ phiếu của Công ty (BHS) được niêm yết vào tháng 12/2006 với Sacombank sở hữu 5,6% VĐL của BHS. Năm 2008-2011, Sacombank, Thành Thành Công và các công ty thành viên đầu tư vào cổ phiếu và trở thành cổ đông lớn của Đường Biên Hòa. Tính đến cuối năm 2011, Sacombank sở hữu 10,0% và Bourbon Tân Ninh sở hữu 22,7% VĐL của Đường Biên Hòa. Tại thời điểm đó, giá trị vốn hóa thị trường của BHS là 552 tỷ VNĐ. Tính giá trị sổ sách thì vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của BHS lần lượt là 553 tỷ và 1.290 tỷ đồng. Lúc đó, Đường Biên Hòa có đầu tư vào cổ

¹²³ Tỷ lệ sở hữu gộp là 8,2% tính trên 977,6 triệu cổ phần lưu hành (1,074 tỷ cổ phần phát hành trừ đi 96,3 triệu cổ phần quỹ) của Sacombank tại thời điểm 31/12/2011. Nếu tính trên tổng số 1,074 tỷ cổ phần phát hành, thì tỷ lệ sở hữu gộp là 7,4%.

phiếu của Sacombank, nhưng không đáng kể. Khoản đầu tư dài hạn lớn của BHS là vào CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (5% VDL). Ngày 22/5/2012, Sacombank đã thoái hết 10% vốn khỏi BHS. Sau đó, việc mua bán cổ phần của BHS xảy ra liên tục với các tổ chức và cá nhân trong TD Thành Thành Công, và BHS trở thành thành viên của TD.¹²⁴

Hình 45: Cấu trúc sở hữu, cho vay và đầu tư giữa Sacombank và các DN liên quan đến gia đình ông Đặng Văn Thành tính tại thời điểm 31/12/2011



Nguồn: BCTC, BCB, BCTN của Sacombank và các DN liên quan đến gia đình ông Đặng Văn Thành, 2010-12.

Nhà máy Đường Ninh Hòa được thành lập năm 1996, thuộc Công ty Đường Khánh Hòa, DNNN của UBND Tỉnh Khánh Hòa. Nhà máy được cổ phần hóa năm 2006 và cổ phiếu NHS được niêm yết tại HOSE từ tháng 7/2010 với CTCP SX-TM Thành Thành Công (23,2%) và CTCK Sacombank (5,8%) là các cổ đông lớn. Tính tại thời điểm cuối 2011, CTCP SX-TM Thành Thành Công sở hữu đúng 51% VDL của Đường Ninh Hòa.¹²⁵ Giá trị vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của NHS theo sổ sách vào ngày 31/12/2011 là 272 tỷ và 597 tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường của NHS bằng 264 tỷ đồng. Về phía mình, Đường Ninh Hòa nắm giữ 10% VDL của Sơn Tín; 41,9% Mía Đường Phan Rang và 42,1% Mía Đường 333. Đường Ninh Hòa cũng có đầu tư vào cổ phiếu Sacombank, Sacomreal và Đường Biên Hòa, nhưng với tỷ lệ sở hữu không đáng kể.

Công ty Bourbon Tây Ninh được thành lập năm 1995 trên cơ sở liên doanh giữa TD Bourbon (70%), Liên Hiệp Mía Đường II (15%) và Liên Hiệp Mía Đường Tây Ninh (15%). Năm 2000, Bourbon mua lại phần vốn góp của các DN trong nước và trở thành DN 100% vốn nước ngoài. Bourbon Tây Ninh chuyển đổi thành CTCP vào năm 2007¹²⁶ và niêm yết cổ phiếu SBT tại HOSE vào năm 2008. Cuối năm 2010, Bourbon thoái toàn bộ vốn khỏi Bourbon Tây Ninh. Tính tại thời điểm 31/12/2011, CTCP SX-

¹²⁴ Tính đến cuối năm 2015, gia đình và các DN của gia đình ông Đặng Văn Thành sở hữu 60,3% cổ phần của CTCP Đường Biên Hòa.

¹²⁵ Tính đến cuối năm 2015, gia đình và các DN của gia đình ông Đặng Văn Thành sở hữu 70% cổ phần của CTCP Đường Ninh Hòa.

¹²⁶ TD Bourbon sở hữu 68,4%; Kinh Đô 5%; và Vinamilk 5% VDL của Bourbon Tây Ninh.

TM Thành Thành Công sở hữu 24,8% và Công ty TNHH Đặng Thành sở hữu 24,7% VĐL của Bourbon Tây Ninh. Bourbon Tây Ninh là công ty lớn nhất trong số các công ty mía đường của TĐ Thành Thành Công. Bản thân Bourbon Tây Ninh lại sở hữu 22,7% VĐL của Đường Biên Hòa và 49% VĐL của CTCP Bourbon An Hòa.¹²⁷ Vào cuối năm 2011, giá trị vốn hóa thị trường của SBT là 1.717 tỷ đồng. Tính theo giá trị sổ sách, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của SBT tương ứng bằng 1.794 tỷ và 2.323 tỷ đồng. Ngày 2/12/2013, Công ty đổi tên thành CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh.¹²⁸

Tiền thân của Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai là Công ty TNHH Liên doanh Mía Đường Bourbon Gia Lai. Năm 2007, đối tác nước ngoài là TĐ Bourbon đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp (51%) cho đối tác trong nước là Công ty Mía Đường Gia Lai (DNNN của UBND Tỉnh Gia Lai). Nhưng để mua lại phần vốn góp này, Mía Đường Gia Lai đã huy động tài trợ từ Sacombank và Điện Gia Lai, rồi nhượng lại cổ phần cho chính hai tổ chức này. Tại thời điểm cổ phần hóa ngày 2/8/2007, Điện Gia Lai, lúc đó vẫn là DNNN, sở hữu 52,3% và Sacombank sở hữu 9,9% VĐL của CTCP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (SEC). Sau đó, Sacombank đã chuyển nhượng cổ phần SEC cho Công ty TNHH Đặng Thành. Cuối 2009, cổ phiếu SEC được niêm yết trên HOSE. Lúc đó, DNNN Điện Gia Lai vẫn sở hữu 52,3%, còn Đặng Thành sở hữu 10,9% VĐL của SEC. Đến cuối năm 2011, Điện Gia Lai (đã thuộc kiểm soát của Thành Thành Công), Đặng Thành và Sacombank lần lượt sở hữu 64,7%, 10,9% và 10,3% cổ phần của SEC (tổng cộng 85,9%).¹²⁹

CTCP Điện Gia Lai (GEC) hoạt động trong lĩnh vực năng lượng trong nhóm các DN do Thành Thành Công và gia đình ông Đặng Văn Thành kiểm soát. Năm 1989, Công ty Thủy Điện Gia Lai – Kon Tum, DNNN của UBND Tỉnh Gia – Kontum, được thành lập. Công ty được cổ phần hóa vào năm 2010 với các cổ đông lớn là Sacombank và CTCP Đầu tư Sacombank. Đến cuối năm 2011, CTCP Đầu tư Tín Việt (đổi tên từ CTCP Đầu tư Sacombank và lúc này đã về hẳn Thành Thành Công) nắm giữ 40,0% và Sacombank vẫn giữ 11% VĐL của Điện Gia Lai. SEC cũng sở hữu chéo công ty mẹ khi nắm giữ 3,7% VĐL của Điện Gia Lai. Đầu năm 2013 (18/1/2013), Điện Gia Lai chính thức trở thành thành viên của TĐ Thành Thành Công.¹³⁰

TĐ Thành Thành Công khi hình thành còn có các công ty thành viên là Toàn Thịnh Phát, Sacomreal, Đặng Huỳnh và Tân Thắng hoạt động trong lĩnh vực BĐS. Công ty Kiến trúc – Xây dựng Toàn Thịnh Phát được thành lập vào ngày 28/4/2002 dưới hình thức TNHH, hoạt động trong lĩnh vực thiết kế kiến trúc và thi công xây dựng. Năm 2003, Công ty chuyển đổi thành CTCP. Như đã trình bày, Toàn Thịnh Phát là một công ty hợp tác chiến lược nằm trong TĐ Tài chính Sacombank khi TĐ được định hình vào năm 2009. Đến cuối năm 2011, Sacombank còn nắm giữ 13,1% VĐL của Toàn Thịnh Phát. Tại thời điểm đó, Sacombank cho Toàn Thịnh Phát vay dài hạn 136 tỷ đồng (tăng lên 441 tỷ đồng vào cuối 2012) và mua 550 tỷ đồng trái phiếu do Toàn Thịnh Phát phát hành. Đến cuối 2012, toàn bộ cổ phần Toàn Thịnh Phát mà Sacombank sở hữu đã được chuyển nhượng cho CTCP Đầu tư Tín Việt. Trở

¹²⁷ Bourbon An Hòa được đổi tên thành CTCP Khu công nghiệp Thành Thành Công vào ngày 6/3/2014.

¹²⁸ Tính đến cuối năm 2015, gia đình và các DN của gia đình ông Đặng Văn Thành sở hữu 45,8% cổ phần của CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh.

¹²⁹ Sau khi thuộc sở hữu 100% của Thành Thành Công năm 2015, Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.

¹³⁰ Đến cuối năm 2014, Sacombank nắm giữ 9,71%; còn Thành Thành Công và các công ty thành viên nắm giữ 67,3% VĐL của GEC.

thành thành viên của TĐ Thành Thành Công, CTCP Đầu tư, Kiến trúc, Xây dựng Toàn Thịnh Phát tập trung vào lĩnh vực xây dựng, BĐS và trường học phổ thông với đa số dự án ở Đồng Nai.¹³¹

CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (Sacomreal) được thành lập vào tháng 3/2004. Trong số các cổ đông sáng lập có Sacombank, Toàn Thịnh Phát, Công ty TNHH SX-TM Thành Thành Công và Đặng Hồng Anh (con trai Đặng Văn Thành). Đến cuối năm 2011, Sacombank hầu như không còn sở hữu Sacomreal (nhưng ngược lại, Sacomreal đầu tư 1,6% cổ phần của Sacombank).¹³² Cổ đông lớn nhất của Sacomreal là ông Đặng Hồng Anh, nắm giữ 8,9% VĐL. CTCP SX-TM Thành Thành Công và Bourbon Tây Ninh sở hữu lần lượt 4,9% và 4,0% VĐL của Sacomreal.¹³³

Tình trạng đóng băng bất động sản trong năm 2011 đã ảnh hưởng rất tiêu cực đến tình hình tài chính của Sacomreal. Lợi nhuận trước thuế của Sacomreal năm 2011 chỉ có 16,2 tỷ đồng, giảm 97% so với 2010. Dòng tiền ròng từ hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty là -288,6 tỷ đồng. Giá cổ phiếu của Sacomreal giảm từ 31.500 ngày 31/12/2010 xuống 5.900 đồng/cp vào 31/12/2011. Giá trị vốn hóa thị trường của SCR lúc đó chỉ còn 590 tỷ đồng. Trong khi theo giá trị sổ sách, vốn chủ sở hữu của SCR bằng 2.169 tỷ đồng (và giá trị tổng tài sản là 6.774 tỷ đồng).

Vào cuối năm 2011, gánh nặng nợ phải trả của Sacomreal là 4.571 tỷ đồng, gấp 2,1 lần vốn chủ sở hữu; và giá trị tồn kho bất động sản lên tới 2.679 tỷ đồng. Trong số các công ty thành viên của TĐ Thành Thành Công, Sacomreal là DN vay nợ nhiều nhất từ Sacombank. Dư nợ khoản vay ngắn và dài hạn của Sacomreal từ Sacombank vào cuối năm 2011 là 1.093 tỷ đồng. Sacomreal còn vay dài hạn không đảm bảo từ Công ty TNHH MTV Giáo dục Toàn Thịnh Phát 250 tỷ đồng. Khoản tiền này thực chất là do Toàn Thịnh Phát huy động từ phát hành TPĐN cho chính Sacombank đầu tư vào tháng 5/2011. Ngoài vay NHTM, Sacomreal còn có dư nợ TPĐN vào cuối năm 2011 là 1.533 tỷ đồng (trong đó, 949 tỷ đồng không có bảo đảm và 604 tỷ đồng bảo đảm bằng BĐS và cổ phiếu Sacombank).

CTCP Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh được thành lập ở Long An vào ngày 9/5/2007, ban đầu để đầu tư vào KCN Tân Kim rồi mở rộng sang bất động sản nhà ở. Đặng Huỳnh là công ty con của CTCP SX-TM Thành Thành Công. Năm 2011, Sacomreal cũng là cổ đông lớn, sở hữu 9,63% vốn cổ phần của Đặng Huỳnh. Đến năm 2014, CTCP Kho Vận Thiên Sơn được sáp nhập vào Đặng Huỳnh.

Sacomreal là cổ đông sáng lập và sở hữu 90% số VĐL 1.070 tỷ đồng của CTCP BĐS Sài Gòn Thương Tín Tân Thắng vào năm 2009. Công ty BĐS Tân Thắng được thành lập để thực hiện dự án Celadon City – Tân Thắng tại Quận Tân Phú TP.HCM với tổng mức đầu tư lên tới 24.700 tỷ đồng. Áp lực huy động vốn, trước tiên là để có giấy chứng quyền sử dụng đất, buộc Công ty phải vay nợ từ các NHTM trong đó có Sacombank. Đến tháng 3/2010, SCR đã ký thỏa thuận liên doanh với TĐ Gamuda Land của Malaysia Gamuda Land và giảm tỷ lệ sở hữu Tân Thắng xuống còn 30%, trong đó có chuyển nhượng 60% cổ phần cho đối tác Malaysia. Đến tháng 9/2013, Sacomreal công bố sẽ chuyển nhượng 28% cổ phần của Tân Thắng cho Gamula. Và đến tháng 7/2015 thì Sacomreal và Thành Thành Công

¹³¹ Đến năm 2015, Tín Việt sở hữu 21% và Sơn Tín sở hữu 14% VĐL của Toàn Thịnh Phát. Toàn Thịnh Phát là chủ đầu tư Dự án lấp sông Đồng Nai để xây dựng khu đô thị 8,4 ha đầy tai tiếng.

¹³² Trong năm 2010, Sacomreal đã mua vào cổ phần của Sacombank, nhưng đến năm 2011 lại phải bán ra. Tỷ lệ Sacomreal sở hữu Sacombank giảm từ 2,4% vào ngày 31/12/2010 xuống 1,6% vào ngày 31/12/2011.

¹³³ Tính đến cuối năm 2015, gia đình và các DN của gia đình ông Đặng Văn Thành sở hữu 26,0% cổ phần của Sacomreal.

đã thoái vốn toàn bộ khỏi Tân Thăng và Gamuda trở thành chủ đầu tư duy nhất của Dự án Celadon City.

Vậy, đại diện cho nhóm cổ đông lớn nhất và kiểm soát HĐQT, ông Đặng Văn Thành đã sử dụng Sacombank để cho nhóm các công ty của Thành Thành Công vay và tài trợ cho các hoạt động mua bán DN. Chỉ khi Sacombank bị thâm tóm và sau đó NHNN vào thanh tra, tổng giá trị các khoản cho vay và đầu tư TPDN của Sacombank đối với các DN gia đình ông Thành từ trước 2012 mới được xác định là lên tới khoảng 7.000 tỷ đồng. Số dư nợ này bằng 65,2% vốn điều lệ và 48,1% vốn tự có của Sacombank vào cuối 2011. Theo quy định, tổng dư nợ tín dụng (kể cả TPDN) đối với một nhóm khách hàng có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của NHTM. Luật còn quy định NHTM không được cho vay không bảo đảm đối với DN có một trong những đối tượng là thành viên HĐQT, BKS, TGD, phó TGD và người thân sở hữu trên 10% VĐL của DN. Các công ty thành viên của TĐ Thành Thành Công (mà gia đình ông Đặng Văn Thành kiểm soát trên 10%) đã phát hành TPDN, trong đó có các khoản không có tài sản đảm bảo được chính Sacombank đầu tư mà thực chất là cho vay.

Tuy nhiên, ngay cả với các khoản cho vay và đầu tư chéo giữa Sacombank và các công ty thành viên trong TĐ Thành Thành Công thì Sacombank vẫn là một NHTM có tình hình tài chính tốt. Trong năm 2011 khó khăn về thanh khoản chung của hệ thống ngân hàng, Sacombank cũng phải vay nhiều từ thị trường liên ngân hàng, nhưng không phải vay tái cấp vốn từ NHNN. Không nằm trong nhóm cao nhất, nhưng ROE năm 2011 của Sacombank là 14%, cao hơn nhiều mức bình quân 10,5% của toàn hệ thống NHTM VN. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh là 3.000 tỷ đồng, sát với lợi nhuận kế toán là 3.167 tỷ đồng trong năm 2011. Như đã trình bày ở trên, khi NHNN xếp loại các NHTM vào năm 2012, Sacombank thuộc vào nhóm 1 – nhóm tốt nhất.

2. Thâm tóm Sacombank

Đúng như tuyên bố của các cổ đông tổ chức lớn của Sacombank vào năm 2010, hoạt động thoái vốn của họ lần lượt diễn ra từ quý 3/2011 cho đến đầu năm 2012. Thông tin này cùng với sự sa sút trong kinh doanh của một số công ty có liên quan (CTCK Sacombank¹³⁴ và Sacomreal) đã làm cho giá cổ phiếu của NH giảm mạnh. Từ mức 22.000 đồng/cp vào tháng 04/2010, giá cổ phiếu STB chỉ còn 11.600 đồng vào tháng 07/2011, trong khi giá trị sổ sách của Sacombank là 16.100 đồng/cp. Trong vài ngày cuối tháng 6 và đầu tháng 7/2011, hơn 26 triệu cổ phần của Sacombank được giao dịch thỏa thuận. Thị trường tài chính dấy lên tin đồn việc một đại gia ngân hàng, chứng khoán và bất động sản đang thâm tóm Sacombank.

Đến đầu tháng 8/2011, Dragon Capital công bố đã thoái hết 61,1 triệu cổ phần Sacombank (6,66% VĐL). Trong cả năm 2011, giao dịch cổ phiếu STB của các thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành và những người có liên quan gồm 7 lượt mua, 13 lượt bán với tổng khối lượng giao dịch là 159,4 triệu cổ phần. Trả lời báo chí ngày 11/7/2011, ông Đặng Văn Thành cho rằng “trường hợp có cá nhân nào thu gom cổ phiếu và giữ vị trí trong HĐQT thì cũng chỉ giữ một lá phiếu mà thôi. Không những vậy, hoạt động của HĐQT còn chịu sự giám sát của cổ đông sáng lập”.¹³⁵ Nhưng như một phản ứng phòng

¹³⁴ Sacombank nắm giữ 10,95% VĐL của CTCK Sacombank (SBS). Cuối tháng 3/2013, cổ phiếu của SBS đã bị hủy niêm yết bắt buộc do lỗ lũy kế vượt quá vốn điều lệ (Theo BCTC quý 1/2013, vốn chủ sở hữu của SBS là âm 267,5 tỷ đồng).

¹³⁵ Vietnamnet, “Sự thật về tin đồn Sacombank bị thâm tóm”, ngày 11/7/2011. Truy cập tại địa chỉ: <http://www.vietnamnet.vn/vn/kinh-te/29907/su-that-ve-tin-don-sacombank-bi-thau-tom.html>, ngày 10/10/2015.

thủ trước nguy cơ bị thôn tóm, một số cá nhân trong gia đình ông Đặng Văn Thành đã chuyển nhượng hết cổ phần Sacombank cho các công ty thành viên của Thành Thành Công và bản thân các công ty nay cũng mua thêm cổ phần của NH. Đồng thời, Sacombank cũng mua vào 100 triệu cổ phần làm cổ phiếu quỹ từ đó giảm số cổ phần đang lưu hành, và nâng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu.

Đến đầu tháng 1/2012, REE bán hết 42,1 triệu cổ phần Sacombank (3,9% VĐL hay 4,3% cổ phần đang lưu hành) và ANZ bán hết 103,3 triệu cổ phần (9,6% VĐL hay 10,6% cổ phần đang lưu hành). Toàn bộ số cổ phần của ANZ được Eximbank mua lại. Eximbank trở thành tổ chức sở hữu cổ phần nhiều nhất của Sacombank và phải công bố thông tin vào ngày 9/1/2012. Cũng trong ngày này, CTCP Đầu tư Sài Gòn – Exim (tổ chức có liên quan của Eximbank – Eximbank sở hữu 11% VĐL của Sài Gòn – Exim) công bố đã mua vào 50,4 triệu cổ phần, sở hữu 5,17% vốn cổ phần của Sacombank. Như vậy, cho đến lúc này, với các thông tin được công bố chính thức thì mới chỉ đủ căn cứ để xác định rằng nhóm nhà đầu tư thôn tóm Sacombank là thông qua Eximbank và những TCKT có liên quan tới Eximbank.

Cổ đông là tổ chức nước ngoài tiếp theo thoái vốn khỏi Sacombank là TĐ Temasek của Singapore khi công bố đã bán hết 21,9 triệu cổ phần (2,04% VĐL) của NH vào ngày 8/3/2012. Sau này, thông tin của UBCKNN cho thấy ngày 1/3/2012 CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu (SAFI) đã mua vào đúng 21,9 triệu cổ phần, nâng tỷ lệ sở hữu tại Sacombank lên 5,01%. Ông Trần Phát Minh, nguyên PTGD Southern Bank và hiện là CT HĐQT NH Kiên Long cũng mua 5,01% cổ phần STB. Sau đó, các cổ đông mới (ngoại trừ Eximbank) đều giảm tỷ lệ sở hữu của mình đối với Sacombank xuống dưới 5% để không phải công bố thông tin.¹³⁶

Ngày 20/2/2012, HĐQT Eximbank đã gửi văn bản đến lãnh đạo Sacombank yêu cầu thay đổi cơ cấu thành viên HĐQT trên cơ sở Eximbank và nhóm cổ đông ủy quyền đã có trên 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Sacombank. Trả lời báo chí hôm đó, ông Lê Hùng Dũng, chủ tịch HĐQT Eximbank tuyên bố: “Hiện tại, trong số 51% cổ phần được ủy quyền, chúng tôi có ít nhất 17% cổ phần nắm giữ trên 6 tháng”. Theo Điều lệ của Sacombank, cổ đông lớn nắm giữ ít nhất 10% trên 6 tháng có thể đề nghị cử đại diện vào thành viên HĐQT và BKS.¹³⁷ Cùng ngày hôm đó, ông Đặng Văn Thành lại nói với báo chí: “Eximbank đang nắm giữ 9,73%, NH Phương Nam nắm giữ 4,8% vốn điều lệ của Sacombank. Số liệu còn lại trong tỉ lệ 51% nêu trên chưa được chứng thực.”¹³⁸

Đại gia ngân hàng, chứng khoán và BĐS đứng đằng sau vụ thôn tóm Sacombank thị trường đồn đại từ năm 2011 chính là ông Trần Bê. Cổ đông mới của Sacombank chính là cá nhân ông Trần Bê, các thành viên trong gia đình và các DN gồm có Eximbank, Southern Bank và các CTCP đầu tư có liên quan tới các ngân hàng này. Về mặt thông tin chính thức thì phải đến Báo cáo Quản trị (BCQT) bán niên 2012 của Sacombank mới cho biết gia đình ông Trần Bê sở hữu trực tiếp 6,6% VĐL của Sacombank, rồi tăng lên 7,4% vào cuối 2012. Ba cổ đông nguyên là lãnh đạo Southern Bank (Phan Huy Khang, Trần Phát Minh và Dương Hoàng Quỳnh Như) sở hữu 7,1% STB.

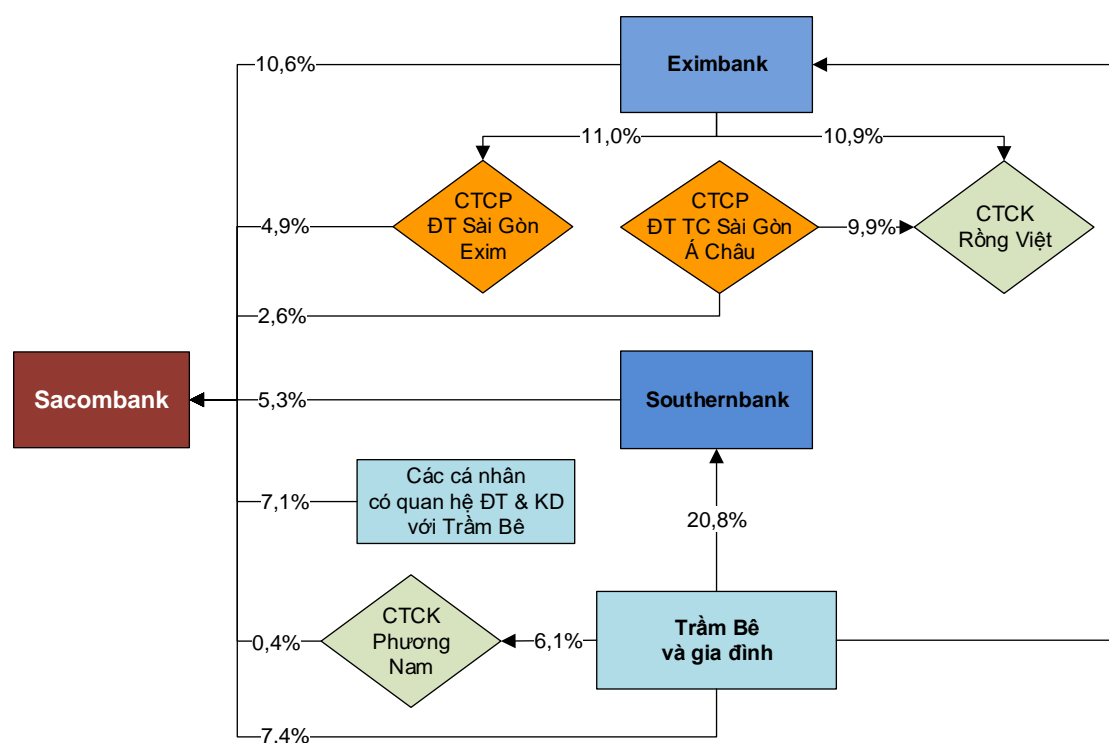
¹³⁶ Vì đã là cổ đông lớn nhưng giao dịch không công bố thông tin nên Sài Gòn Exim, Sài Gòn Á Châu và Trần Phát Minh đều bị UBCKNN ra quyết định xử phạt trong tháng 6/2012.

¹³⁷ Theo Luật Doanh nghiệp và Luật các TCTD, cổ đông hay nhóm cổ đông sở hữu trên 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên và HĐQT.

¹³⁸ Báo Người Lao động, “Vụ giành quyền kiểm soát Sacombank: Hai bên vẫn căng”, ngày 21/2/2012. Truy cập tại địa chỉ: <http://nld.com.vn/kinh-te/vu-gianh-quyen-kiem-soat-sacombank-hai-ben-van-cang-20120221100244240.htm>, ngày 10/10/2015.

Giống như nhiều tình huống sở hữu chéo và thu tóm bằng đầu tư – cho vay chéo khác, một phương tiện được sử dụng là các công ty đầu tư hay đầu tư tài chính, bên cạnh việc đầu tư thông qua NHTM và CTCK. Công ty đầu tư tài chính về bản chất là một tổ chức tài chính. Các DN này huy động vốn dưới hình thức vay trực tiếp từ các cá nhân và tổ chức, phát hành trái phiếu để các NH và TCTC khác đầu tư. Từ nguồn vốn huy động, họ cho vay các cá nhân, TCTC khác, đầu tư vào BĐS, vàng, và đầu tư vào chứng khoán. Đặc biệt, các DN theo hình thức này là công cụ chính để nhận ủy thác và làm ủy thác đầu tư tài chính. Họ cũng thường là tổ chức kiểm soát các TCTC. Thế nhưng, các công ty đầu tư tài chính chỉ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và không như các TCTD bị điều tiết bởi Luật các TCTD hay như các CTCK bị điều tiết bởi Luật Chứng khoán. Hình 46 minh họa các kênh thu tóm Sacombank của nhóm đầu tư do ông Trầm Bê đứng đầu thông qua Eximbank, Southern Bank, các CTCK và CTCP đầu tư tài chính. Các thông tin trong sơ đồ cho thấy nhóm đầu tư mới này kiểm soát 37,7% VĐL của STB vào cuối năm 2012. Với thông tin Eximbank công bố về tỷ lệ kiểm soát lên tới 51% thì vẫn còn 13-14% cổ phần STB là được thu tóm qua các tổ chức khác và dưới các hình thức ủy thác đầu tư mà không thể xác định dựa trên những thông tin công bố chính thức.

Hình 46: Cấu trúc sở hữu trong hoạt động thu tóm Sacombank tính tại thời điểm 31/12/2012



Ghi chú: Tỷ lệ sở hữu cổ phần Sacombank được tính trên tổng số cổ phần đang lưu hành, sau khi đã trừ đi 100 triệu cổ phần quỹ.

Nguồn: BCTC, BCB, BCTN và BCQT của Sacombank, Southern Bank, Eximbank và các DN có liên quan 2010-12.

Ngày 26/05/2012, ĐHCĐ thường niên của Sacombank được tổ chức. Đại diện nhóm cổ đông mới được bầu vào HĐQT. Tỷ lệ người của gia đình ông Trầm Bê, NH Phương Nam và Eximbank chiếm 6/10 thành viên HĐQT mới của Sacombank. Ông Đặng Văn Thành và Đặng Hồng Anh vẫn giữ chức Chủ tịch (CT) và Phó Chủ tịch (PCT) HĐQT. Thành viên cũ thứ ba vẫn ở lại là TGD Trần Xuân Huy. Ông Phạm Hữu Phú, PCT HĐQT Eximbank và CT HĐQT Sài Gòn Á Châu trở thành PCT Thường trực của Sacombank. Ông Trầm Bê, PCT HĐQT Southern Bank và thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (BCCI) cũng làm PCT HĐQT Sacombank. Các thành viên HĐQT khác có ông Phan Huy Khang –

nguyên TGD Southern Bank, bà Dương Hoàng Quỳnh Như – nguyên PTGD Thường trực Southern Bank, ông Nguyễn Miên Tuấn – cựu TGD Sài Gòn Á Châu và TGD CTCK Rồng Việt, và ông Trầm Khải Hòa – con trai Trầm Bê và CT HĐQT CTCK Phương Nam (PNS). Thành viên HĐQT Kiều Hữu Dũng là “độc lập” và trước đây là cán bộ của NHNN.

Thời gian từ tháng 4/2012 chứng kiến các giao dịch thoái vốn hoàn toàn khỏi Sacombank của Thành Thành Công, Sacomreal, Bourbon Tây Ninh, Đường Biên Hòa và Đường Ninh Hòa. Một đồng minh của gia đình ông Đặng Văn Thành trong số các cổ đông lớn của Sacombank là gia đình bà Huỳnh Quế Hà – PCT HĐQT cũng thoái vốn.¹³⁹

Ngày 01/06/2012, TGD Trần Xuân Huy từ nhiệm. Ông Phan Huy Khang làm quyền rồi đến ngày 3/7 chính thức làm TGD Sacombank. Ngày 01/11/2012, ông Đặng Văn Thành được mời lên làm việc với CQCSĐT, Bộ Công an. Trong lúc vẫn “làm việc” với CSCSĐT, ông Đặng Văn Thành đã từ nhiệm thành viên HĐQT. Ngày 02/11/2012, ông Phạm Hữu Phú thay Đặng Văn Thành làm chủ tịch HĐQT. Ông Trầm Bê làm PCT Thường trực. Ngày 12/12/2012, ông Đặng Hồng Anh theo cha từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT của Sacombank.

Khác hẳn với thông lệ chung là thuyết minh BCTC không công khai chỉ rõ tên của các tổ chức, cá nhân có cho vay và sở hữu chéo với NHTM, thuyết minh BCTC năm 2012 của Sacombank đã đề cập một cách rất cụ thể khoản tài sản 1.597 tỷ đồng (ghi nhận trong mục tài sản có khác) để cản trừ nợ với NH của gia đình ông Đặng Văn Thành và của các DN mà gia đình ông kiểm soát. Sacombank đã phong tỏa toàn bộ 79.842.647 cổ phần của Sacombank mà ông Đặng Văn Thành và Đặng Hồng Anh sở hữu. Hai người phải ủy quyền không hủy ngang cho Sacombank để bán toàn bộ số cổ phần này với giá 20.000 đồng/cp.¹⁴⁰ Số tiền thu về sẽ dùng để cản trừ các khoản vay nợ và TPDN của các công ty thành viên trong TĐ Thành Thành Công theo như chi tiết trong Bảng 27.

Bảng 27: Các hạng mục cản trừ nợ vay

Hạng mục	Giá trị (tỷ VND)
Tài sản cản trừ nợ vay (tỷ VND)	1.596,9
Phải thu từ CTCP Đầu tư Tín Việt	171,7
Cho vay CTCP Sacomreal	678,2
Trái phiếu CTCP Sacomreal	329,4
Cho vay CTCP Thành Thành Công	18,0
Trái phiếu CTCP Thành Thành Công	192,3
Trái phiếu Công ty TNHH Đặng Huỳnh	148,4
Cho vay CTCP Thành Ngọc	58,8

Nguồn: BCTC Sacombank năm 2012.

Với việc cản trừ nợ vay bằng cổ phần như trên và cản trừ ngay các khoản nợ của CTCP Kho vận Thiên Sơn, các DN của gia đình ông Đặng Văn Thành vẫn còn nợ Sacombank 740,1 tỷ đồng và được chuyển thành các khoản phải thu bao gồm. Thứ nhất, khoản phải thu tiền thuê đất là 312,6 tỷ đồng từ Công ty TNHH Đặng Huỳnh sẽ được thanh toán cho Sacombank 3 tháng 1 lần trong vòng 18 tháng. Thứ hai, khoản phải thu 427,5 tỷ đồng từ CTCP Tín Việt được bảo đảm bằng chứng khoán. Các chứng khoán này sẽ được bán để thanh toán khoản phải thu 6 tháng 1 lần trong vòng 2 năm. Trong năm

¹³⁹ Chồng bà Huỳnh Quế Hà, ông Chang Hen Jui đã bán hết 35,3 triệu cổ phần STB (33,3% VDL) vào ngày 19/4 và 14/5/2012.

¹⁴⁰ Giá trị tài sản cản trừ nợ được tính như sau: 79.842.647 cp * 20.000 đ/cp = 1.596.852.940.000 đ.

2013, Sacombank đã bán toàn bộ số cổ phần STB mà ông Đặng Văn Thành và Đặng Hồng Anh sở hữu. Số tiền thu về được dùng để cản trừ hết nợ theo như Bảng 27. Đến giữa năm 2015, khoản phải thu tiền thuê đất từ Công ty Đặng Huỳnh đã được thanh toán hết. Khoản phải thu thanh toán bằng tiền bán CK từ CTCP Tín Việt còn 216,4 tỷ đồng.

Vậy, ta có thể thấy được gì từ tình huống sở hữu chéo và thu tóm Sacombank?

Thứ nhất, lịch sử phát triển của Sacombank gắn liền với gia đình và các công ty của gia đình ông Đặng Văn Thành trong một cấu trúc sở hữu chéo phức tạp. Một số công ty có liên quan tới Sacombank kinh doanh sa sút (CTCK Sacombank và Sacomreal) dẫn tới giá cổ phiếu của NH sụt giảm, rồi các cổ đông tổ chức lớn thoái vốn trong năm 2011 và đầu 2012. Điều này đã tạo điều kiện cho một nhóm cổ đông mới thu tóm Sacombank.

Thứ hai, Sacombank cho vay và đầu tư chéo là vi phạm các quy định về đảm bảo an toàn của NHTM trong nhiều năm. Nhưng chỉ đến khi nhóm cổ đông mới vào tham gia quản trị và điều hành Sacombank với động cơ tìm kiếm những vi phạm của nhóm cổ đông cũ thì những vi phạm này mới được CQ Thanh tra của NHNN biết đến.

Thứ ba, sau khi bị thu tóm bởi ông Trần Bê, rồi bị NHNN thanh tra và Bộ Công An điều tra, các thành viên gia đình ông Đặng Văn Thành đã ra đi khỏi Sacombank, nhưng không phải lâm vào vòng lao lý. Việc có tài sản đảm bảo, số cổ phần Sacombank nắm giữ vẫn còn giá trị và các công ty thành viên vẫn có tiền đã giúp cho hoạt động cản trừ nợ diễn ra nhanh chóng trong năm 2013.

Thứ tư, một trong những mục tiêu của tái cơ cấu hệ thống NHTM là giảm sở hữu chéo và đầu tư chéo, nhưng nhóm cổ đông mới lại được tự do sử dụng đầu tư chéo để thu tóm Sacombank. Kết quả là sau thu tóm và dưới sự kiểm soát của chủ mới, Sacombank còn có cấu trúc sở hữu chéo phức tạp hơn và ít minh bạch hơn nhiều so với trước, không chỉ liên quan tới các DN phi tài chính mà còn cả các NHTM khác.

Hậu thu tóm Sacombank không kết thúc ở đây mà còn nhiều sự kiện nữa diễn ra từ năm 2013 cho đến khi Sacombank và Southern Bank sáp nhập vào cuối 2015. Khi đó, NHNN trở thành người đại diện nắm giữ trên 51% số cổ phần của Sacombank sau sáp nhập.

3. Trần Bê và Southern Bank

Sau thời gian làm việc ở các cơ sở sản xuất và xí nghiệp quốc doanh trong thời kế hoạch tập trung của thập niên 1980, ông Trần Bê làm kinh tế tư nhân chính thức khi trở thành Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Đông Anh vào năm 1991.¹⁴¹ 10 năm kinh doanh khai thác và chế biến gỗ là thời gian ông Trần Bê tích lũy vốn trước khi chuyển sang các lĩnh vực khác.

Đến năm 1999, ông Trần Bê đầu tư vào CTCP Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (BCCI) khi công ty này được cổ phần hóa với 18 tỷ đồng VNĐ và trở thành thành viên HĐQT của Công ty.¹⁴² Từ dự án ban đầu là KCN Lê Minh Xuân, BCCI đã đầu tư trong nhiều lĩnh vực bất động sản như đất ở, chung cư, chợ, trường học, trung tâm thương mại, và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng (CSHT). BCCI nắm giữ 25% vốn góp liên doanh trong CTCP Đầu tư và BĐS Sài Gòn Châu Á (sau

¹⁴¹ Ông Trần Bê làm Giám đốc (1991-1994) rồi Chủ tịch HĐQT (1995-2001) của Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Đông Anh.

¹⁴² Trước khi cổ phần hóa, BCCI là DNNN thuộc UBND Huyện Bình Chánh, TP.HCM.

đó tăng lên 50%)¹⁴³ và 20% trong Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Siêu thị Big C An Lạc. Năm 2009, BCCI niêm yết cổ phiếu tại HOSE. Cổ đông lớn nhất của BCCI là Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (HIFU, sau này đổi tên thành Công ty Đầu tư Tài chính TP.HCM – HFIC), sở hữu 27,9% VĐL của BCCI. Ông Trần Bê nắm giữ 3,06% VĐL và duy trì tỷ lệ sở hữu này trong BCCI suốt từ đó cho đến nay. Southern Bank lúc đó có 7,97% cổ phần của BCCI, tăng lên 12,93% vào giữa năm 2012, rồi giữ nguyên cho tới cuối 2015.

Đến cuối tháng 6/2015, giá trị tổng tài sản của BCCI là 3.374 tỷ đồng, với 1.512 tỷ đồng nợ phải trả, trong đó vay nợ ngân hàng là 459 tỷ đồng. Giá trị vốn hóa thị trường của BCCI hiện nay là 2.038 tỷ đồng. Giống như các công ty BĐS niêm yết khác, giá cổ phiếu của BCCI mất tới ba phần tư giá trị từ thời kỳ đỉnh cao tháng 9/2009 cho đến tháng 9/2013. Từ đó cho đến cuối 2015, giá cổ phiếu BCCI đã phục hồi và tăng lên 2,6 lần. Lợi nhuận kế toán sau thuế của BCCI trong năm 2014 là 97,5 tỷ đồng với ROE bằng 5,5%. Điều chỉnh cho lỗ từ đầu tư và thay đổi vốn lưu động thì dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của BCCI vẫn âm. Nhớ lại năm 2009 khi niêm yết, lợi nhuận sau thuế của BCCI là 207 tỷ đồng với ROE bằng 18,3%.

Mặc dù cổ đông lớn nhất là một DNNN và sở hữu của cá nhân ông Trần Bê chỉ ở mức thấp (các thành viên khác trong gia đình không có cổ phần), nhưng kết hợp với Southern Bank, các công ty có liên quan và nhà đầu tư đồng minh, Trần Bê có quyền kiểm soát đáng kể đối với BCCI cho đến giữa năm 2015.¹⁴⁴ Sau khi HFIC thoái vốn, CTCP BĐS Khang Điền đã bắt đầu thu mua BCCI từ giữa năm 2015 và đến cuối năm thì sở hữu 57,3% VĐL của BCCI.

Năm 1999, Trần Bê góp vốn thành lập và giữ chức CT HĐQT Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa tư nhân Triều An với VĐL được góp là 490 tỷ đồng.¹⁴⁵ Bệnh viện đi vào hoạt động từ năm 2001, và là một trong những bệnh viện tư nhân đầu tiên ở Việt Nam. Với doanh thu khám chữa bệnh 350-400 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế của Triều An nằm ở mức 36-40 tỷ đồng mỗi năm từ 2008-2014. Vì vậy, suất sinh lợi trên vốn CSH của Bệnh viện Triều An chỉ bằng 8,3% năm 2008-2009, và giảm xuống 6,7% năm 2013-2014. Trong tổng tài sản 624 tỷ đồng vào cuối tháng 6/2015, tài sản cố định (bệnh viện và thiết bị y tế) của Triều An chỉ có giá trị sổ sách 186 tỷ đồng. Nhưng Bệnh viện có khoản đầu tư tài chính dài hạn lớn (313 tỷ đồng) vào các công ty bất động sản (CTCP Thương mại Địa ốc Bình Chánh, Công ty Quản lý và Phát triển Đô thị Quận 9 và Công ty Đầu tư Khu đô thị mới Sài Gòn) và các công ty con khác. Tính tại thời điểm ngày 30/6/2015, gia đình ông Trần Bê sở hữu trực tiếp 67,87% VĐL của Triều An.¹⁴⁶ CTCP Vàng bạc Đá quý Phương Nam cũng đầu tư vào Triều An với tỷ lệ sở hữu 8,15%.

Một trong những thành công lớn nhất trong kinh doanh của gia đình ông Trần Bê là CTCP Chế biến Thủy hải sản Sơn Sơn, thành lập vào tháng 4/2001. Dưới sự lãnh đạo của ông Trần Bê (lúc đầu do chính ông làm CT HĐQT), Sơn Sơn khai thác nhu cầu chiếu xạ để diệt khuẩn của thị trường, một yêu cầu bắt buộc đối với trái cây xuất khẩu. Công ty nhập hệ thống thiết bị chiếu xạ trái cây từ Hoa Kỳ.

¹⁴³ CTCP Đầu tư và BĐS Sài Gòn Châu Á có VĐL 20 tỷ đồng với 3 cổ đông sáng lập là BCCI, Công ty Vàng Bạc Đá Quý Sài Gòn (SJC) và CTCP Địa Ốc Ngân Hiệp vào tháng 7/2007.

¹⁴⁴ Ông Trần Ngọc Henri, cộng sự lâu năm của ông Trần Bê, luôn nắm giữ 6,67% VĐL của BCCI. Trần Ngọc Henri hiện làm CT HĐQT của Bệnh viện Triều An, CTCP Thương mại và Địa ốc Bình Chánh (BC-RES), CTCP Địa ốc Ngân Hiệp, và PCT HĐQT CTCP Đầu tư và Bất động sản Sài Gòn Á Châu.

¹⁴⁵ Năm 2006, Triều An trở thành CTCP. Ông Trần Bê làm Chủ tịch HĐQT cho đến 2004, rồi sau đó chỉ làm thành viên HĐQT/HĐQT cho đến nay.

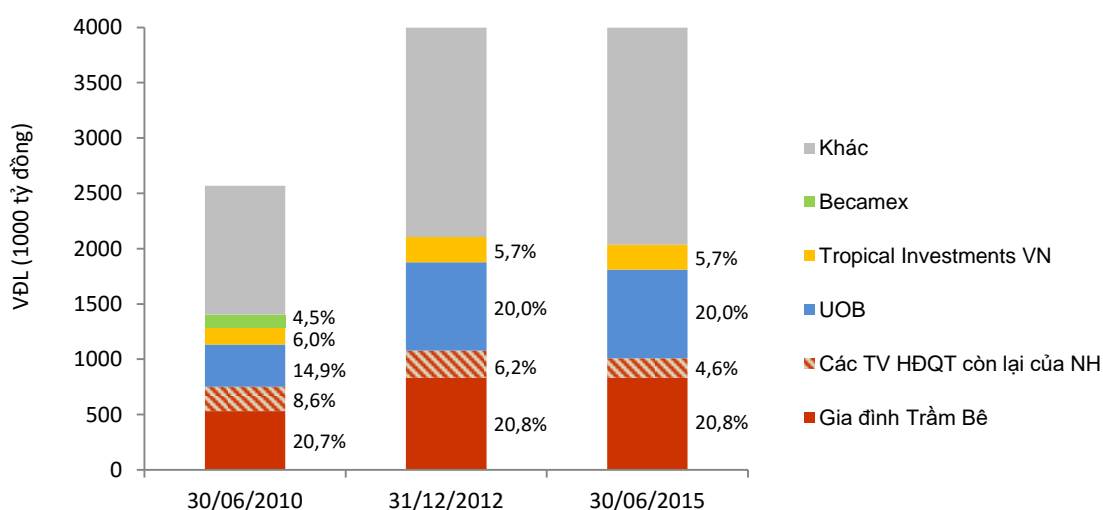
¹⁴⁶ Con gái Trần Thuyết Kiều sở hữu 21,32%; ông Trần Bê 4,85%; bà Dương Thị Đẹt 38,27% và bà Viên Tú Anh 3,44%. Ông Trần Ngọc Henri nắm giữ 4,08%.

Tổng chi phí đầu tư nhà máy và thiết bị là hơn 200 tỷ đồng. Với vị thế là DN duy nhất cung cấp dịch vụ chiếu xạ thanh long từ năm 2002 đến 2009, Sơn Sơn đã thu được lợi nhuận lớn từ hoạt động kinh doanh này. VDL của Sơn Sơn hiện nay lên tới 1.200 tỷ đồng. Trần Trọng Ngân, con trai Trần Bê, là CT HĐQT và sở hữu 39% VDL của Sơn Sơn.¹⁴⁷

Ông Trần Bê mua cổ phần và trở thành thành viên HĐQT của Southern Bank vào năm 2004. Southern Bank được thành lập vào năm 1993 với vốn điều lệ chỉ có 10 tỷ đồng. Đến cuối năm 2004, vốn điều lệ của Southern Bank là 322 tỷ đồng. Tổng dư nợ và tổng tài sản lúc đó của Southern Bank lần lượt là 3.037 và 4.348 tỷ đồng, một quy mô chỉ bằng một nửa so với Sacombank và nhỏ hơn một chút so với NH Quân Đội hay Đông Á.

Đến cuối năm 2009, 5 cổ đông sáng lập của Southern Bank chỉ nắm giữ 1,54% VDL của NH.¹⁴⁸ Gia đình ông Trần Bê đã là nhóm cổ đông lớn nhất, sở hữu trực tiếp 20,71% VDL của Southern Bank. Cổ đông chiến lược nước ngoài là NH United Overseas Bank (UOB) của Singapore đầu tư 14,91% vào VDL của Southern Bank. Những cổ đông tổ chức lớn khác vào cuối năm 2009 của Southern Bank là Tropical Investments Vietnam (5,95%) và Becamex (4,46%).

Hình 47: Cơ cấu sở hữu Southern Bank



Nguồn: Bản cáo bạch phát hành thêm cổ phần của Southern Bank năm 2010, BCQT của Southern Bank năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2015.

Đến năm 2012, thời gian ông Trần Bê dồn sức thâm tóm Sacombank, các thành viên gia đình ông vẫn trực tiếp nắm giữ 20,81% VDL của Southern Bank. Các cá nhân có quan hệ đầu tư và kinh doanh với ông Trần Bê, nguyên hay hiện là thành viên HĐQT Southern Bank nắm giữ tổng cộng 5,74% VDL của NH. Cổ đông chiến lược UOB nắm giữ 19,99% và Tropical Investments Vietnam có 5,68% VDL của Southern Bank. Cơ cấu sở hữu này hầu không thay đổi cho đến năm 2015 (xem Hình 45). Với tỷ lệ sở

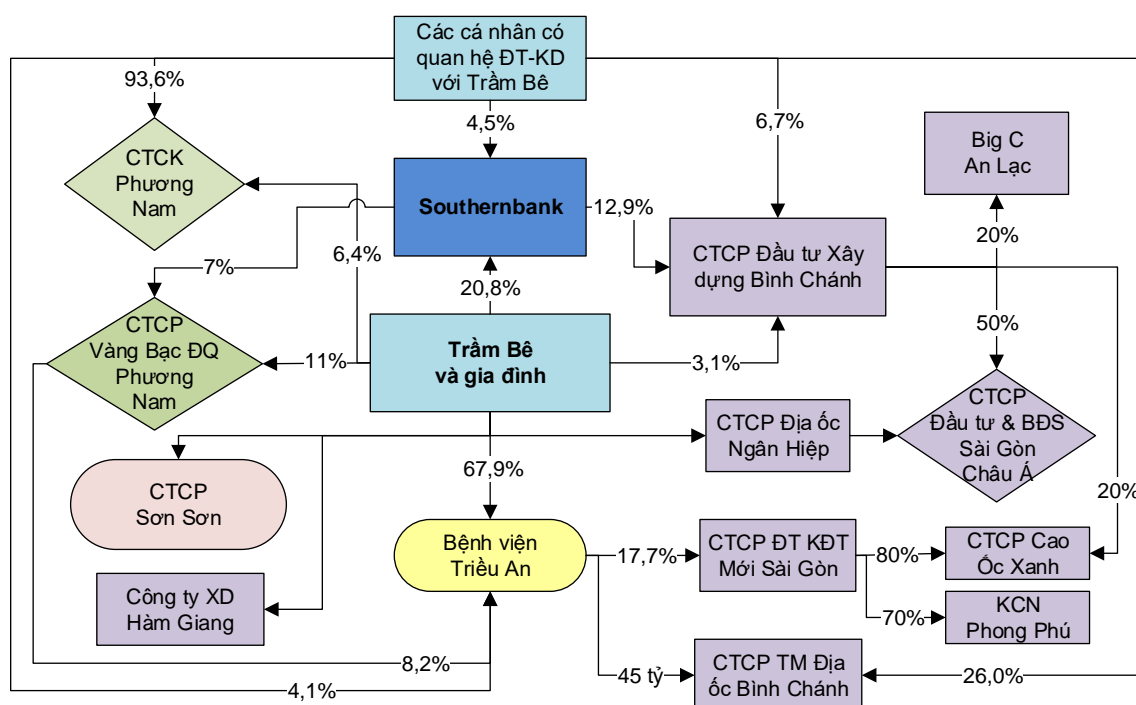
¹⁴⁷ Vào tháng 9/2009, Sơn Sơn đã mua Vallco Shopping Mall (tên gọi cũ là Cupertino Square) ở Bang California, Hoa Kỳ với giá 64 triệu USD từ một công ty phá sản. Tháng 11/2014, Công ty BĐS San Hill đã thỏa thuận mua phần còn lại của Vallco Shopping Mall với giá 116 triệu USD. Trả lời báo chí, ông Trần Bê nói rằng đây là khoản đầu tư duy nhất của ông ở nước ngoài; sau khi trừ 37 triệu USD tiền thuế, 79 triệu USD lợi nhuận sau thuế từ hoạt động đầu tư và thoái vốn này sẽ được chuyển về Việt Nam.

¹⁴⁸ Riêng cổ đông sáng lập và chủ tịch HĐQT đầu tiên, Trương Ty, nắm giữ 1,48% VDL của Southern Bank lúc đó. Ông Trương Ty tiếp tục là thành viên HĐQT của Southern Bank cho tới khi sáp nhập vào Sacombank.

hữu trực tiếp cao nhất (vượt cả giới hạn theo luật định)¹⁴⁹ và gián tiếp qua cá nhân/tổ chức có liên quan, có thể nói Southern Bank là NHTM của ông Trần Bê.

Southern Bank thuộc kiểm soát của ông Trần Bê và lại góp vốn vào các doanh nghiệp khác mà gia đình ông Trần Bê kiểm soát. Hình 46 minh họa quan hệ sở hữu của các tổ chức có liên quan tới ông Trần Bê. Đối với BCCI, Southern Bank nắm giữ 7,79% VĐL của Công ty trong năm 2008, tăng lên 8,15% trong năm 2009-2011 và 12,93% năm 2012-2015. Vì không phải là công ty đại chúng nên tỷ lệ sở hữu của gia đình ông Trần Bê đối với CTCP Sơn Sơn, Địa ốc Ngân Hiệp và Công ty TNHH Xây dựng Hàm Giang không được công bố.

Hình 48: Quan hệ sở hữu các DN có liên quan đến ông Trần Bê tại thời điểm 30/6/2015



Ghi chú: Không tính đến sở hữu Sacombank. Về các quan hệ sở hữu với Sacombank, xem Hình 41.

Nguồn: BCTC, BCB, BCTN và BCQT của các DN có liên quan năm 2014 và quý 2/2015.

CTCP Thương mại Vàng Bạc Đá Quý Phương Nam (NJC) được thành lập vào đầu năm 2007 với VĐL ban đầu là 20 tỷ đồng. VĐL hiện nay của NJC là 450 tỷ đồng VĐL. Trần Thuyết Kiều, con gái Trần Bê, nắm giữ trực tiếp 11% tổng số cổ phần của NJC, còn ông Trần Bê giữ vị trí PCT HĐQT. Từ khi thành lập cho đến năm 2015, Southern Bank luôn duy trì tỷ lệ sở hữu 7% VĐL của NJC. Thời gian gần đây, NJC đều kinh doanh thua lỗ với mức tổng lợi nhuận kế toán là -16,0 tỷ và -3,7 tỷ đồng lần lượt trong năm 2013 và 2014. Trong tổng giá trị tài sản 1.304 tỷ đồng vào cuối năm 2014, NJC đầu tư tài chính ngắn và dài hạn lên tới 656 tỷ đồng và có khoản phải thu khách hàng là 469 tỷ đồng (tổng cộng chiếm 86% tổng tài sản). Trong danh mục đầu tư tài chính dài hạn, NJC nắm giữ 8,16% VĐL của Bệnh viện Triều An, có đầu tư vào cổ phần của Southern Bank nhưng không đáng kể (khoảng 1,4%) và góp 294 tỷ đồng vào CTCP Đầu tư và Thương mại Nhà Rừng (chiếm 35% VĐL của công ty này).

¹⁴⁹ Tính tại thời điểm 30/6/2015, ông Trần Bê sở hữu 8,36%, con trai Trần Trọng Ngân 4,42%, con gái Trần Thuyết Kiều 7,36% và con rể Lê Trọng Trí 0,67% VĐL của Southern Bank. Theo Luật các TCTD 2010 có hiệu lực từ 2011, một cá nhân không được sở hữu quá 5% và một nhóm cổ đông không được sở hữu quá 20% VĐL của một NHTM.

CTCK Phương Nam (PNS), tiền thân là CTCK Miền Nam, được thành lập vào giữa năm 2008. Southern Bank là cổ đông sáng lập, góp 5% VĐL ban đầu của PNS, sau đó tăng lên 10,75% vào năm 2010. Southern Bank thoái vốn hoàn toàn khỏi PNS vào cuối năm 2012. Thay vào đó, hai con trai ông Trần Bê là Trần Trọng Ngân và Trần Khải Hòa mua vào và nắm giữ 6,1% cổ phần của PNS. Từ cuối 2012 cho đến 2015, một cổ đông sáng lập là Lữ Bình Huy đã kiểm soát 80,34% VĐL của CTCK Phương Nam. PNS có đầu tư vào cổ phiếu của Southern Bank nhưng chỉ ở tỷ lệ 0,95%. Các khoản đầu tư tài chính vào các TCTD và CTCK khác cũng nhỏ (0,11% Eximbank và 0,43% CTCK Rồng Việt).¹⁵⁰

Trong năm 2009, ông Trần Bê còn thu tóm cổ phiếu của NHTM Đệ Nhất. Sau đó, lãnh đạo của Southern Bank đã được cử sang tham gia HĐQT của Đệ Nhất (2009-2010).¹⁵¹ Nhưng ông Trần Bê đã nhanh chóng chuyển nhượng cổ phần của mình trong NH Đệ Nhất trong năm 2010-2011 cho ba Trương Mỹ Lan, người sở hữu TĐ Vạn Thịnh Phát và là cổ đông lớn của NHTMCP Sài Gòn.

Trong năm 2012-2013, thị trường tài chính còn có thông tin về việc ông Trần Bê mua vào cổ phần của Eximbank. Năm 2011-2012, ACB, các công ty liên quan và các công ty do ông Nguyễn Đức Kiên – cổ đông lớn của ACB kiểm soát sở hữu khoảng trên 20% cổ phần của Eximbank. Trong quý 3/2012, nhóm cổ đông của Nguyễn Đức Kiên buộc phải chuyển nhượng cổ phần Eximbank để xử lý các khoản nợ vay ACB đã dùng để tài trợ việc đầu tư vào chính cổ phiếu Eximbank. Số cổ phần này sau đó được chuyển nhượng cho nhóm đầu tư của ông Trần Bê, nhưng đứng tên sở hữu là các thành viên HĐQT của Eximbank.¹⁵² Trong ĐHCĐ Eximbank năm 2014, các ông Lê Hùng Dũng, Nguyễn Hữu Phú và Đặng Phước Dừa, mỗi người đại diện cho nhóm cổ đông có 10% số cổ phần của NH này. Chính vì thế mà Eximbank, các công ty có liên quan đến Eximbank và các thành viên HĐQT của Eximbank đã được ông Trần Bê sử dụng để thu tóm Sacombank.

Vào cuối 2014/đầu 2015, số cổ phần Eximbank mà ông Trần Bê nắm giữ đã được chuyển nhượng cho gia đình bà Trần Thị Hường, chủ sở hữu của TĐ Hoàn Cầu và cổ đông lớn của NH Nam Á. Thông tin về kế hoạch sáp nhập Eximbank và Nam Á (nhưng không thành) cũng xuất phát từ đây. Câu chuyện Eximbank và Nam Á sẽ được kể ở lúc khác.

Quay lại với Southern Bank, NH đã có sự tăng trưởng bùng nổ trong năm 2010. So với 2009, tổng tài sản và dư nợ cho vay tăng lần lượt là 69,8% và 58,2%. Đặc biệt, đầu tư CK tăng 143,4%. Riêng đầu tư vào cổ phiếu các TCTD khác (trong đó là việc mua cổ phiếu Sacombank và nắm giữ 4,8% VĐL hay 5,2% cổ phần đang lưu hành của NH này) tăng từ 72 tỷ đồng năm 2009 lên 596 tỷ đồng năm 2010 và 705 tỷ đồng năm 2012.

Năm 2011 đánh dấu sự đi xuống về tình hình tài chính của Southern Bank, giống như các NHTM được NHNN xác định là yếu kém. Khó khăn về thanh khoản, Southern Bank phải vay tái cấp vốn 5.000 tỷ đồng từ NHNN. Giá trị các hạng mục tài sản có khác tăng từ 4.187 tỷ lên 18.075 tỷ đồng,

¹⁵⁰ Gia đình ông Trần Bê còn sở hữu Công ty TNHH Xây dựng Hàm Giang (ở Trà Vinh).

¹⁵¹ Ông Ông Văn Ngọc Ẩn làm chủ tịch HĐQT NH Đệ Nhất (2009-10), người trước đó là TGD Southern Bank. Các thành viên khác của HĐQT Đệ Nhất có ông Đinh Văn Thành (nguyên PTGD FCB và trước đây công tác cho Southern Bank), bà Nguyễn Thị Lệ An (PTGD Đệ Nhất và cũng từng công tác cho Southern Bank), ông Diệp Tấn Dũng (thành viên HĐQT Đệ Nhất từ tháng 4/2010 và là thành viên HĐQT của Southern Bank) và ông Nguyễn Văn Trinh (thành viên HĐQT độc lập, chủ tịch HĐQT Công ty Vàng bạc Đá quý Phương Nam).

¹⁵² Trả lời phỏng vấn Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ông Lê Hùng Dũng, CT HĐQT của Eximbank cho biết các thành viên HĐQT của NH đã mua vào để số cổ phần mà nhóm cổ đông liên quan đến ACB bán ra trước đây, không liệt ra ngoài.

chiếm đến 25,8% tổng tài sản NH. Tuy nhiên, danh sách cuối cùng bao gồm các NH yếu kém đã không có Southern Bank.

Bảng 28 cho thấy các hạng mục tài sản có khác tăng lên đột biến hay phát sinh mới trong năm 2011 và 2012 so với 2010. Đó là thế chấp vàng ở các TCTD khác và xử lý nợ xấu bằng cách cấu trúc nợ vay và nhận quyền sử dụng đất. Khoản phải thu do DN và TCTD phát hành chứng khoán lên tới gần 6.300 tỷ đồng năm 2011 và hơn 6.700 tỷ năm 2012. Đây thực chất là tiền Southern Bank ứng cho cá nhân/tổ chức liên quan đến ông Trần Bê để mua cổ phiếu của doanh nghiệp và NHTM khác. Các khoản phải thu này tiếp tục tăng lên vào năm 2013 và 2014.

Bảng 28: Các hạng mục tài sản có khác của Southern Bank, 2010-2012 (tỷ VND)

	2010	2011	2012	2013	2014.Q3
Tài sản có khác, trong đó:	4.187,0	18.085,2	23.958,9	26.593,8	29,088,7
Ký quỹ thế chấp vàng cho khoản vay TCTD khác	0,0	1.073,5	1.380,0	14.867,1	13.667,9
Phải thu BĐS do cấu trúc nợ vay	495,6	2.821,9	3.906,3		
Phải thu do DN và TCTD phát hành CK	0,0	6.277,5	6.745,8		
Tiền lãi phải thu	794,8	3.638,4	6.376,4	11.051,8	14.600,2

Nguồn: BCTC Southern Bank các năm 2011-2013 và quý 3/2014.

Theo Bảng 28, lãi phải thu lũy tích của Southern Bank tăng lên chóng mặt từ 795 tỷ đồng năm 2010 lên 6.376 tỷ đồng năm 2012 và 14.600 tỷ đồng cuối quý 3/2014. Nếu trong một năm, lãi phải thu phát sinh là 4.000 tỷ đồng thì con số này tương ứng với một giá trị dư nợ mà NH không thu được lãi là ít nhất 30.000 tỷ đồng.

Năm 2011, Southern Bank vẫn ghi nhận có lợi nhuận trước thuế 248 tỷ đồng, nhờ ghi lãi dự thu. Nhưng tính theo tiền thực thì ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh của Southern Bank trong năm 2011 là âm 2.371 tỷ đồng. Lỗ thực chuyển thành lãi kế toán là do NH ghi có thu nhập từ lãi cho vay là 8.458 tỷ đồng, nhưng chỉ nhận ngân lưu tiền lãi có 5.615 tỷ đồng. Khoản chênh lệch đưa vào gia tăng tiền lãi phải thu. Năm 2012 cũng không khả quan hơn: NH chịu lỗ kế toán và ngân lưu từ hoạt động kinh doanh âm tiếp 2.293 tỷ đồng. (Xem Bảng 29). Cũng rất giống với tình huống SCB, Southern Bank tài trợ khoản lỗ này bằng cách gia tăng mạnh huy động tiền gửi.

Bảng 29: Thu nhập và ngân lưu của Southern Bank năm 2010-2012 (tỷ VND)

	2010	2011	2012
Kết quả hoạt động kinh doanh (thu nhập kế toán)			
Thu nhập từ lãi cho vay	3.933,1	8.458,3	9.370,4
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	3.621,6	8.289,7	9.656,0
Thu nhập lãi ròng	311,6	168,6	-285,6
Lưu chuyển tiền tệ (ngân lưu thật)			
Thu nhập từ lãi cho vay	3.588,3	5.614,7	6.632,4
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	3.504,7	8.116,4	9.721,0
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	275,8	-2.371,3	-2.293,0
Tăng tiền gửi của khách hàng	17.406,6	7.235,9	17.820,4

Nguồn: BCTC Southern Bank năm 2011-2012.

Trong thời gian này, Southern Bank chỉ báo cáo tỷ lệ nợ xấu là 2,32% năm 2011 và 3,02% năm 2012. Ngày 10/7/2015, Kiểm toán Nhà nước dẫn số liệu của NHNN Chi nhánh TP.HCM về tỷ lệ nợ xấu của Southern Bank vào ngày 30/6/2012 là 45,6% và tháng 11/2013 là 55,31%.¹⁵³

Hai năm khó khăn của Southern Bank cũng là hai năm mà ông Trần Bê tiến hành mua cổ phần Eximbank và thâu tóm Sacombank. Như đã đề cập ở trên, ông Trần Bê và gia đình đã trực tiếp và gián tiếp qua các cá nhân và tổ chức có liên quan tới Southern Bank/Eximbank để mua cổ phiếu của Eximbank và Sacombank. Đến cuối năm 2012, ông Trần Bê đã kiểm soát tới ba NHTM là Southern Bank, Eximbank và Sacombank. Năm 2014, ông Trần Bê buộc phải chuyển nhượng hết cổ phần ở Eximbank. NHNN phát tín hiệu chấp thuận sáp nhập Sacombank và Southern Bank.

4. Sáp nhập Southern Bank vào Sacombank

ĐHCĐ bất thường của Sacombank (11/7/2015) và Southern Bank (14/7/2008) đều đã biểu quyết tán thành việc Southern Bank sáp nhập vào Sacombank. Theo đó, 1 cổ phần Southern Bank sẽ hoán đổi thành 0,75 cổ phần và 1 cổ phần Sacombank sẽ thành 1,3875 cổ phần của Sacombank sau sáp nhập. Tính từ các BCQT của hai NH thì với tỷ lệ hoán đổi trên, ông Trần Bê và những thành viên trong gia đình (con trai, con gái và con rể) chỉ sở hữu trực tiếp 9,51% cổ phần của Sacombank sau sáp nhập. Những tướng Trần Bê sẽ tiếp tục kiểm soát Sacombank sau sáp nhập, nước cờ cuối cùng trong nỗ lực thâu tóm các NHTM của ông.

Thế nhưng vào tháng 8/2015, ông Trần Bê đã phải ký hợp đồng ủy quyền không hủy ngang, vô thời hạn toàn bộ số cổ phần của mình và những người có liên quan ở Sacombank và Southern Bank cho NHNN. Cổ phần NH của ông thực ra là từ vay nợ chính ngân hàng thông qua các tổ chức và cá nhân có liên quan. Hoạt động khắc phục được hậu quả và cản trở nợ đã từng áp dụng cho gia đình ông Đặng Văn Thành giờ đây được áp dụng cho gia đình ông Trần Bê. Điểm khác biệt là hợp đồng ủy quyền và cam kết cản trở nợ của ông Đặng Văn Thành là với Sacombank; còn hợp đồng ủy quyền và cam kết cản trở nợ của ông Trần Bê là với NHNN.

Ngày 1/10/2015, Southern Bank chính thức được sáp nhập vào Sacombank.¹⁵⁴ Theo thông tin công bố rộng rãi, NHNN kiểm soát trên 51% số cổ phần đang lưu hành của NH này do nhận ủy quyền cổ phiếu từ nhóm cổ đông của ông Trần Bê. Nếu như vậy 51% chính là tỷ lệ mà ông Trần Bê sẽ kiểm soát được NH Sacombank theo toan tính ban đầu. Ngày 11/11/2015, Trần Bê từ nhiệm thành viên HĐQT của NH. Hoạt động cản trở nợ bắt đầu được thực hiện.

Cột năm 2015 trong Bảng 30 là Bảng cân đối kế toán của Sacombank sau khi nhập sáp nhập Southern Bank. Sacombank sau sáp nhập đã thay thế SCB sau hợp nhất trong vị trí là NHTMCP lớn nhất Việt Nam (không kể các NHTMCPNN) cả về quy mô tài sản, cho vay và huy động tiền gửi từ khách hàng.

Số liệu tài chính vào cuối năm 2015 của Sacombank xấp xỉ bằng giá trị cộng gộp của hai NH trước sáp nhập cho thấy hoạt động cản trở nữa chưa được thực hiện. Vì vậy, cũng không có gì ngạc nhiên khi hạng mục tăng lên nhiều nhất là tài sản có khác (44.518 tỷ đồng chiếm 15,2% tổng tài sản) khi

¹⁵³ Báo Điện tử Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), “Nợ xấu trên 55%, Southern Bank báo cáo chỉ 3%”, ngày 10/7/2015. Tải về từ địa chỉ <http://vov.vn/kinh-te/no-xau-tren-55-southern-bank-bao-cao-chi-3-413129.vov>, ngày 10/10/2015.

¹⁵⁴ Theo Quyết định 1844/QĐ-NHNN của NHNN ngày 14/9/2015.

Sacombank phải nhận các khoản tiền lãi phải thu, tài sản cần trừ nợ và phải thu do cần trừ nợ vay từ Southern Bank.

Lợi nhuận sau thuế của Sacombank năm 2015 chỉ còn 1.146 tỷ đồng, giảm 48% so với năm 2014. ROE của Sacombank từ 12,6% năm 2014, xuống còn 5,6% năm 2015.

Bảng 30: Bảng cân đối kế toán Sacombank, các năm 2011-2015 (tỷ VND)

	2011	2012	2013	2014	2015
Tiền mặt	11,857	9,704	4,229	4,816	6,586
Tiền gửi NHNN	2,807	4,599	3,301	4,290	7,497
Tiền gửi, cho vay các TCTD	9,621	7,574	7,470	3,630	2,208
Chứng khoán kinh doanh	349	1,272	2,651	7,683	95
Cho vay khách hàng	79,727	94,888	109,214	126,646	183,630
CK đầu tư	24,368	19,984	19,894	25,925	39,713
Góp vốn	666	241	319	265	327
Tài sản cố định	3,708	5,219	5,307	5,199	7,968
Tài sản có khác	8,426	8,255	8,949	11,336	44,518
Phải thu	0	4,691	3,494	4,865	17,680
Lãi và phí phải thu	7,529	2,193	3,809	5,149	25,230
Tài sản có khác	902	1,776	1,848	1,695	1,854
Tổng tài sản	222,885	249,900	161,378	189,803	292,542
Vay NHNN	2,130	0	0	0	0
Tiền gửi và vay các TCTD	12,824	4,731	5,007	4,411	2,951
Tiền gửi của khách hàng	75,092	107,459	131,645	163,057	260,998
Ủy thác đầu tư	4,714	4,545	4,405	1,116	1,793
Giấy tờ có giá	17,617	7,777	501	1	1
Nợ khác	14,611	13,909	2,756	3,155	4,198
Vốn chủ sở hữu	14,545	13,699	17,064	18,063	22,578
Tổng nợ và vốn	141,532	152,119	161,378	189,803	292,542

Nguồn: BCTC Sacombank, các năm 2012-2015.

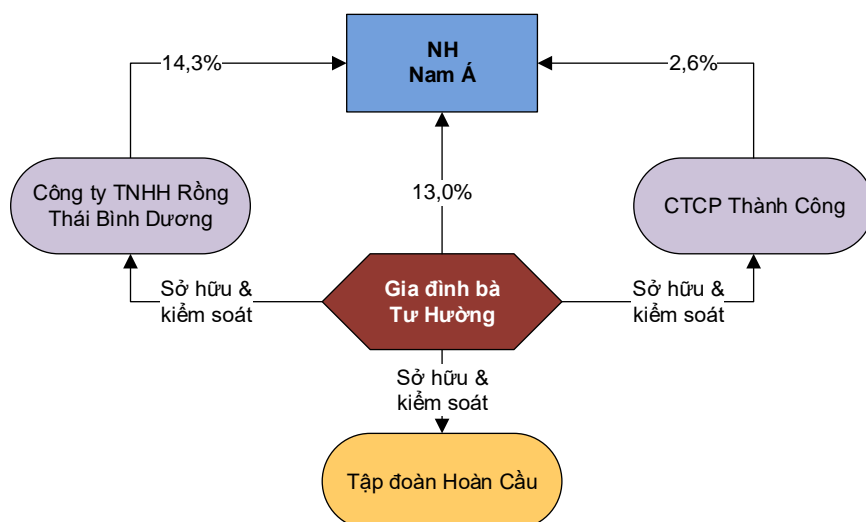
XIII. NAM A BANK

1. Cấu trúc sở hữu

NHTMCP Nam Á (Nam A Bank) được thành lập vào tháng 10/1992, cùng thời điểm với các NHTM có trụ sở ở TP.HCM khác như Đông Á, Eximbank, HDBank, SCB, Gia Định, và còn trước cả ACB. Tuy nhiên, Nam Á có tốc độ tăng trưởng chậm hơn các NH trên. VDL của NH mới chỉ đạt gần 600 tỷ đồng vào năm 2007, tăng lên được 2.000 tỷ năm 2010 và đúng 3.000 tỷ năm 2011.

Nhóm cổ đông nắm quyền kiểm soát NH Nam Á là gia đình bà Trần Thị Hường (Tư Hường). Thông qua sở hữu trực tiếp của các thành viên trong gia đình và các doanh nghiệp khác, gia đình bà Tư Hường luôn kiểm soát khoảng 30% VDL của Nam Á. Tỷ lệ sở hữu này rất ổn định trong thập niên 2000 vì Nam Á chỉ tăng vốn điều lệ bằng chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và/hay trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Hình 49 minh họa cấu trúc sở hữu NH Nam Á của gia đình bà Tư Hường tại thời điểm 31/12/2014. Bà Tư Hường giữ vị trí cố vấn HĐQT, còn các con thay nhau lãnh đạo HĐQT và Ban điều hành của NH.

Hình 49: Cấu trúc sở hữu NH Nam Á của gia đình bà Tư Hường, 31/12/2014



Nguồn: BCB phát hành thêm cổ phần của NH Nam Á năm 2014.

Bà Tư Hường quê ở Bình Định và giống như nhiều doanh nhân ở miền Nam đã giàu lên nhờ kinh tế thị trường. Bà khởi nghiệp từ kinh doanh sản xuất công nghiệp rồi chuyển sang bất động sản và ngân hàng.

Vào đầu thập niên 1990, bà Tư Hường đầu tư xây dựng Nhà máy Bia Vinagel với tổng chi phí 15 triệu USD, sau một thời gian kinh doanh được bán lại cho San Miguel với giá 25 triệu USD. Sau đó, bà còn đầu tư 5 triệu USD vào một nhà máy nước giải khát và bán cho Lipovital với giá 17 triệu USD.

Đến cuối thập niên 1990, gia đình bà Tư Hường đã thoát vốn khỏi sản xuất công nghiệp và chuyển sang lĩnh vực BĐS và tài chính qua việc xây dựng Tập đoàn Hoàn Cầu và thuê NH Nam Á.

Nhưng dự án BĐS lớn của TĐ Hoàn Cầu trong giai đoạn 2005-2011 có Diamond Bay ở Nha Trang, Chung cư Cantavil, Saigonland – Điện Biên Phủ ở TP.HCM, Khu phức hợp thương mại – khách sạn Hoàn Cầu ở Nha Trang và Trung tâm Thương mại Quy Nhơn ở Bình Định. Diamond Bay Nha Trang là dự án lớn nhất của Hoàn Cầu. Giai đoạn 2 của dự án này vẫn đang được triển khai.

2. Hoạt động kinh doanh và kế hoạch tái cơ cấu

Nam Á là một NH có quy mô vào loại trung bình nhỏ trong hệ thống các NHTM Việt Nam. Vào cuối năm 2014, Nam Á đứng thứ 27 trong số 38 NHTM về quy mô tổng tài sản. Bảng 31 tóm tắt các thông tin tài chính của Nam Á từ năm 2007 đến 2014. Có thể thấy, Nam Á đã tăng trưởng bùng nổ trong hai năm 2013-2014. Dư nợ cho vay của NH tăng lần lượt 69,0% và 43,7% trong 2 năm này, trong khi vốn CSH hầu như không tăng.

Nam Á không được xem là một NH khỏe mạnh, mặc dù chỉ báo cáo tỷ lệ nợ xấu chính thức rất thấp và cũng không bán nhiều nợ xấu cho VAMC (Bảng 32). Từ hoạt động kinh doanh của cổ đông lớn NH thì không có gì ngạc nhiên khi Nam Á có tỷ lệ cho vay BĐS và xây dựng rất lớn: 47,4% tổng dư nợ vào cuối năm 2013, giảm xuống 37,3% cuối 2014. Dư nợ cho vay và hợp tác đầu tư của Nam Á đối với các cá nhân và tổ chức có liên quan tới cổ đông lớn của NH là 2.618 tỷ đồng năm 2013 (chiếm 80,4% vốn CSH). Dư nợ này vào cuối quý 3/2015 vẫn còn 1.349 tỷ đồng (chiếm 39,1% vốn CSH).

Bảng 31: Thông tin tài chính của NH Nam Á, 2007-2014 (tỷ VND)

	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Vốn CSH	667	1.289	1.337	2.175	3.300	3.277	3.259	3.331
Tiền gửi	2.802	3.413	6.050	7.121	9.265	10.006	18.679	20.319
Cho vay	2.699	3.750	5.013	5.302	6.245	6.848	11.570	16.629
Đầu tư CK	307	263	1.065	2.940	3.638	2.575	6.281	2.758
Tổng tài sản	5.240	5.891	10.938	14.509	19.038	16.008	28.782	37.293
LN sau thuế	75	10	56	139	241	181	135	187
ROE	11,3%	1,0%	4,3%	7,9%	8,8%	5,5%	4,1%	5,7%
ROA	1,4%	0,2%	0,7%	1,1%	1,4%	1,0%	0,6%	0,6%

Nguồn: BCTC NH Nam Á các năm 2008-2014.

Bảng 32: Tỷ lệ nợ xấu chính thức của NH Nam Á, 2010-2014 (tỷ VND)

	2010	2011	2012	2013	2014	2014
Tỷ lệ nợ quá hạn	3,40%	5,33%	5,47%	1,83%	3,43%	2,74%
Tỷ lệ nợ xấu	2,18%	2,84%	2,71%	1,48%	1,47%	1,86%
Tỷ lệ nợ xấu (kể cả nợ đã bán cho VAMC) *	2,18%	2,84%	2,71%	1,48%	2,43%	2,72%

Ghi chú: * Giá trị nợ xấu lũy tích mà NH Nam Á chuyển cho VAMC là 156 tỷ đồng cuối năm 2014 và 171 tỷ đồng cuối quý 3/2015.

Nguồn: BCTC NH Nam Á các năm 2008-2014.

Tại ĐHCĐ tháng 4/2014, đại diện của NHNN thông báo cho các cổ đông của NH Nam Á rằng “NamABank là một trong những ngân hàng được NHNN tin tưởng và phê duyệt đề án tái cơ cấu hoạt động ngân hàng”. Đến năm 2015, Nam Á đã bị NHNN vào thanh tra.

Đầu năm 2015, thị trường tài chính nhận ba thông tin về kế hoạch tài chính của NH Nam Á trong năm:

- NH sẽ tăng VĐL từ 3.000 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng bằng cách phát hành thêm cổ phần ra công chúng. Kế hoạch này đã được NHNN phê chuẩn vào ngày 6/1/2015 theo văn bản 63/NHNN-TTGSNH. Tháng 5/2015, Nam Á công bố Bản cáo bạch phát hành thêm cổ phần.
- Lãnh đạo NH công bố với báo chí vào ngày 6/1/2015 là Nam A Bank đã hội đủ các điều kiện niêm yết và đang tiến hành hoàn tất thủ tục để được cho phép lên sàn HOSE sớm nhất trong năm 2015.
- Lãnh đạo NH công bố với báo chí vào ngày 8/1/2015 là sẽ xin ý kiến cổ đông việc sáp nhập với một NH khác; việc sáp nhập nếu được NHNN thông qua sớm thì sẽ diễn ra vào cuối quý 1/2015.

Về thông tin thứ nhất, việc phát hành thêm cổ phần đã không thành công theo như kế hoạch. Đến tháng 9/2015, HĐQT của Nam Á thông báo là NH chỉ tăng được VĐL lên 3.021 tỷ đồng (tăng thêm 21 tỷ đồng).

Về thông tin thứ hai, năm 2015 kết thúc nhưng cổ phiếu Nam Á đã không được niêm yết.

Về thông tin thứ ba, trong năm 2014, nhóm cổ đông liên quan đến gia đình bà Tư Hường đã tìm kiếm mua cổ phần của Eximbank. Vào tháng 3/2015, danh sách ứng cử viên HĐQT nhiệm kỳ mới của Eximbank để bầu tại ĐHCĐ có ông Trần Ngô Phúc Vũ – nguyên TGD và ông Trần Ngọc Tâm – nguyên

PTGD NH Nam Á. Theo thông tin công bố vào tháng 10/2015, ông Vũ đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu 10,52% và ông Tâm đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu 11,72% VĐL của Eximbank. Tuy nhiên, trước thềm ĐHCĐ bất thường của Eximbank vào tháng 12/2015, NHNN đã không phê duyệt hai ứng cử viên này trong lúc Nam Á đang bị NHNN thanh tra. Thương vụ sáp nhập NH Nam Á và Eximbank bất thành.

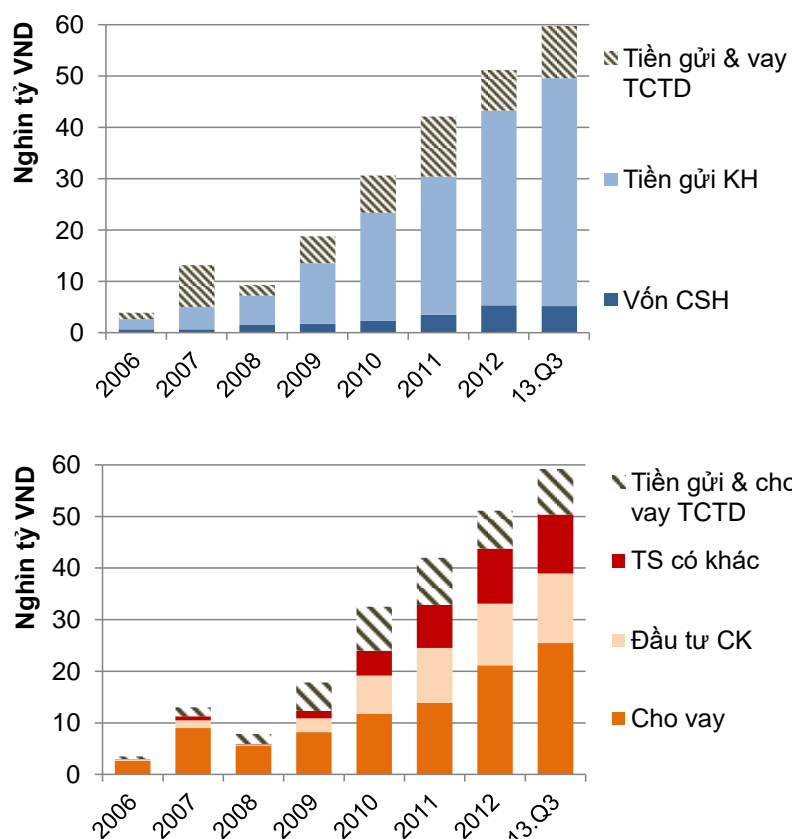
XIV. HDBANK VÀ ĐẠI Á

1. HDBank

NHTMCP Phát triển TP.HCM (HDBank) được thành lập vào tháng 8/1992 với tên gọi ban đầu là NHTMCP Phát triển Nhà TP.HCM với mục tiêu là huy động vốn và tài trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn TP. Hình 50 trình bày tăng trưởng vốn và tài sản của HDBank từ năm 2007 đến 2012.

Năm 2007, HDBank có một sự phát triển rất bất thường khi tổng tài sản của NH tăng lên gấp 3,4 lần nhờ tăng huy động vốn từ thị trường liên NH lên trên 8.100 tỷ đồng so với 1.200 tỷ năm 2006. Nhưng ngay sang năm 2008, khi HDBank phải giảm vay liên NH thì cho vay và đầu tư CK của NH cũng giảm mạnh theo. Từ năm 2009 trở đi, HDBank đã tăng trưởng nhanh và liên tục khi VĐL được tăng từ 1.550 tỷ lên 2000 tỷ năm 2010, 3000 tỷ năm 2011 và 5.000 tỷ năm 2012.

Hình 50: Vốn và tài sản của HDBank, 2006-2013.Q3



Nguồn: BCTC HDBank các năm 2007-2012 và quý 3/2013.

Mặc dù có tỷ lệ nợ xấu chính thức thấp và chỉ tăng từ 0,83% năm 2010 lên 2,35% năm 2012, nhưng HDBank là NH có giá trị các hạng mục tài sản có khác rất lớn trong cơ cấu tổng tài sản. Từ tỷ lệ không đáng kể vào năm 2008, giá trị tài sản có khác của NH đã tăng lên 14% vào năm 2010, 18,4% năm

2011 và 20,1% năm 2012. Tài sản có khác của HDBank chủ yếu nằm ở các khoản phải thu, lớn nhất là đặt cọc mua chứng khoán (và riêng năm 2011 còn có thêm đặt cọc vàng làm tài sản đảm bảo để vay các TCTD khác).

Từ năm 2010 trở về trước, HDBank có các cổ đông lớn là DNNN bao gồm các DNNN của TP.HCM. Tính tại thời điểm 31/12/2010, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC, trước đây là Quỹ Đầu tư Phát triển Cơ sở Hạ tầng TP.HCM – HIFU) nắm giữ 9,6% và TCT Địa ốc Sài Gòn giữ 11% VDL của HDB. Hai cổ đông lớn khác là Agriseco (sở hữu 14,6%) và PVFC (sở hữu 6,0%).

Từ 2003, HDBank đã dần dần thuộc quyền kiểm soát của nhóm nhà đầu tư vợ chồng Nguyễn Thị Phương Thảo – Nguyễn Thanh Hùng và CTCP Sovico. Đây cũng là hai người đã học tập và làm ăn thành công tại CHLB Nga, rồi chuyển hoạt động kinh doanh về Việt Nam.

Sovico là DN được thành lập ban đầu ở Nga, kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm, điện tử, may mặc và thiết bị công nghiệp. Gia đình ông Hùng và bà Thảo thành lập CTCP Sovico ở Việt Nam để đầu tư vào lĩnh vực BĐS và tài chính với VDL 1.000 tỷ đồng. Năm 2005, Sovico thuê CTCP Khu Du lịch Bắc Mỹ An (Khách sạn Furama) ở Đà Nẵng. Công ty này hiện nay có VDL 250 tỷ đồng. Cũng vào năm 2005, Sovico góp 200 tỷ đồng để thành lập Công ty TNHH Địa ốc Phú Long để phát triển Dự án BĐS Dragon City tại Khu Đô thị Nam Sài Gòn, TP.HCM.¹⁵⁵ CTCP Sài Gòn Sovico Phú Quốc được Sovico cho ra đời vào năm 2008 với 280 tỷ đồng VDL để đầu tư Dự án Khu Du lịch Sinh thái Phú Quốc.

Năm 2007, CTCP Hàng không Vietjet được thành lập với 600 tỷ đồng VDL và ba cổ đông lớn là Sovico, HDBank và CTCP Đầu tư T&C. Năm 2009, Sovico đã mua lại tất cả số cổ phần Vietjet của T&C. Sau thương vụ này, Sovico sở hữu 70% và HDBank sở hữu 3% VDL của Vietjet.

Bà Thảo là người trực tiếp tham gia quản trị HDBank ở cương vị PCT Thường trực HĐQT.¹⁵⁶ Tại thời điểm 31/12/2012, nhóm cổ đông liên quan tới Sovico sở hữu 19% VDL của HDB. HFIC lúc này chỉ còn nắm giữ 4,8% VDL của HDBank (xem Hình 52 ở phía sau).

Trong lĩnh vực tài chính, ngoài HDBank, Sovico còn kiểm soát CTCP Chứng khoán Phú Gia. Các công ty đầu tư và đầu tư tài chính là thành viên của Sovico gồm có CTCP Đầu tư Bắc Hà, CTCP Đầu tư CSHT Việt – Nga và Công ty TNHH Đầu tư Sóng Việt.

Theo BCTC công bố chính thức, HDBank không cho vay trực tiếp các bên liên quan là Sovico và Vietjet. Còn các khoản cho vay và đầu tư gián tiếp thì không có thông tin. Nhưng như đã trình bày, HDBank luôn có các khoản phải thu với giá trị hàng nghìn tỷ đồng. Đó là các hạng mục mà HDBank ủy thác cho các bên thứ ba để qua đó tài trợ cho các DN có liên quan.

2. NH Đại Á

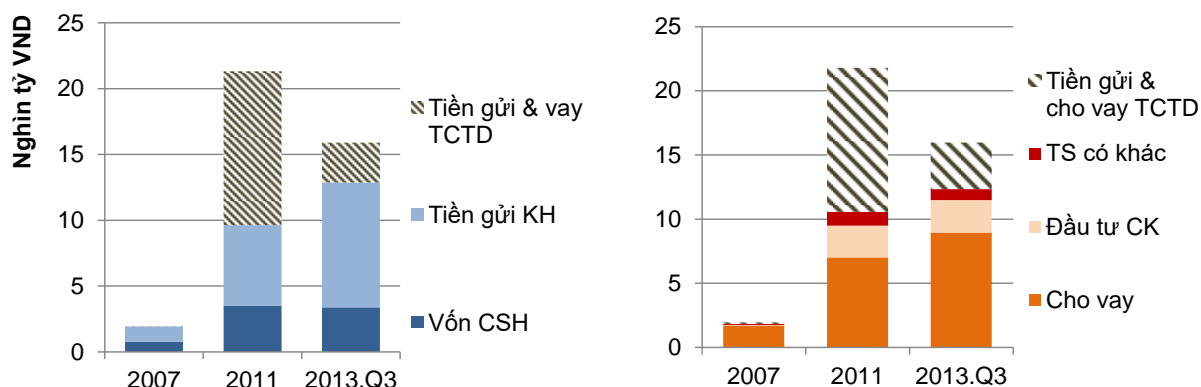
Mặc dù đi vào hoạt động từ năm 1993, Đại Á vẫn là một NHTM có quy mô vào loại nhỏ trong hệ thống các NHTM Việt Nam và duy trì trụ sở tại Tỉnh Đồng Nai. Vào cuối năm 2011, Đại Á đứng thứ 31 trong tổng số 40 NHTM về quy mô tổng tài sản. Hình 51 tóm tắt các thông tin tài chính của Đại Á từ năm 2007 đến quý 3/2013. Có thể thấy rằng vào năm 2011, Đại Á là NH tham gia cho vay lòng vòng trên thị trường liên NH. Vốn huy động từ các TCTD khác chiếm 52,7% tổng nguồn vốn và cho vay các

¹⁵⁵ Đến cuối 2007, Phú Long được chuyển đổi thành CTCP.

¹⁵⁶ Bà Thảo còn là cổ đông sáng lập NHTMCP Quốc tế và tham gia HĐQT NHTMCP Kỹ Thương nhưng từ 2007 đã rút khỏi các NH này.

TCTD khác chiếm 50,6% tổng tài sản của NH vào thời điểm này. Từ 2012, Đại Á đã phải giảm quy mô huy động vào cho vay liên NH. Kết quả, là tổng tài sản của NH cũng giảm mạnh kể từ đó. Đại Á chỉ báo cáo tỷ lệ nợ xấu có 0,9% năm 2011. Thế nhưng đến năm 2012, nợ xấu đã lên đến 5,25% tổng dư nợ, đặt NH vào nhóm các NHTM có tỷ lệ nợ xấu cao.

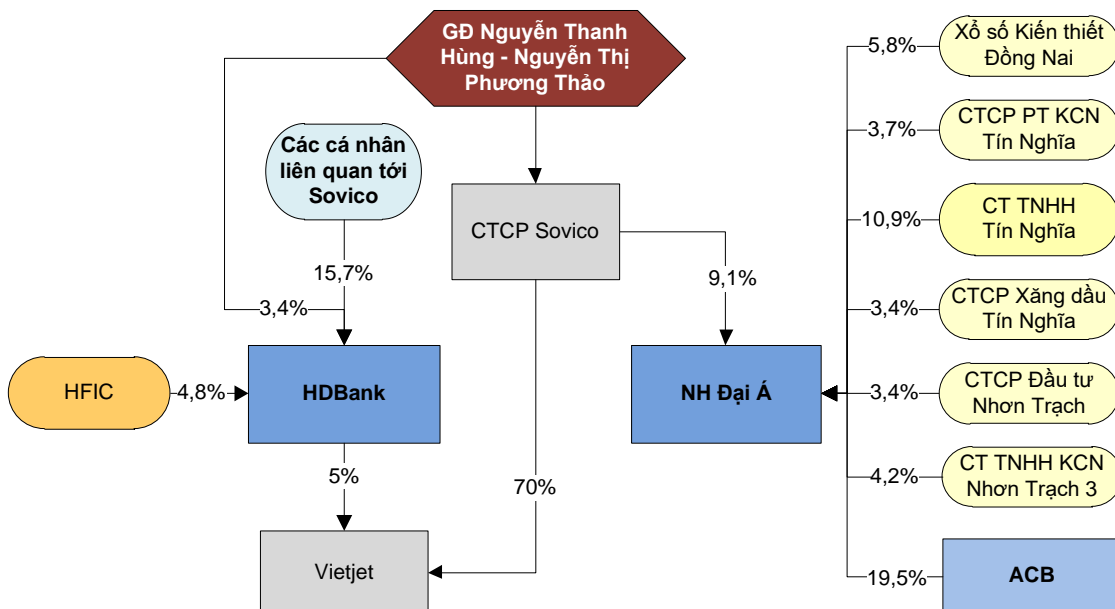
Hình 51: Vốn và tài sản của NH Đại Á, 2007-2013.Q3



Nguồn: BCTC NH Đại Á các năm 2008, 2012 và quý 3/2013.

Từ năm 2010, NH Đại Á có ba nhóm cổ đông lớn khác nhau (Hình 52).¹⁵⁷ Thứ nhất là TCT TNHH Tín Nghĩa, các công ty con của Tín Nghĩa và các DN có sở hữu của Nhà nước khác ở Đồng Nai.¹⁵⁸ Tại thời điểm cuối quý 3/2013, TCT TNHH Tín Nghĩa sở hữu 10,9% và các công ty khác ở Đồng Nai sở hữu 20,6% VĐL của NH Đại Á. Chủ tịch HĐQT của NH là người đại diện phần vốn của Tín Nghĩa.

Hình 52: Cấu trúc sở hữu NH Đại Á và HDBank tại thời điểm 30/9/2013



Nguồn: BCB của NH Đại Á năm 2010 và BCB HDBank năm 2010, 2012 và 2013.

¹⁵⁷ Trước đó, Đại Á còn có BIDV là cổ đông lớn. BIDV sở hữu 9% VĐL của Đại Á vào cuối 2008, rồi giảm xuống 4,5% trong năm 2009-2010 và thoái vốn hoàn toàn vào cuối 2010.

¹⁵⁸ CTCP Xăng dầu Tín Nghĩa, CTCP Phát triển KCN Tín Nghĩa, CTCP Đầu tư Nhơn Trạch, Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3, Công ty TNHH MTV XSKT & DVTH Đồng Nai và CTCP Thống Nhất.

Nhóm cổ đông thứ hai là NHTMCP Á Châu (ACB). ACB sở hữu trực tiếp 10,8% VĐL của Đại Á. Các cá nhân là lãnh đạo của ACB cũng đại diện sở hữu cổ phần NH Đại Á với tỷ lệ 8,7%. Việc Đại Á vay và cho vay lòng vòng trên thị trường liên NH như trình bày ở trên là có liên quan tới ACB. Ngoài ra, ACB còn dùng Đại Á để cho vay các tổ chức có liên quan và lách quy định về giới hạn cấp tín dụng. Ví dụ như trong năm 2010, ACB mua 1.000 tỷ đồng trái phiếu do Đại Á phát hành. Đại Á sau đó cho CTCK ACB (ACBS) vay 700 tỷ đồng. Về bản chất, ACB đã cho vay ACBS, mặc dù là gián tiếp qua Đại Á.

Nhóm cổ đông thứ ba là CTCP Sovico và các cá nhân, tổ chức có liên quan. Riêng Sovico sở hữu trực tiếp 9,1% VĐL của Đại Á vào cuối quý 3/2013.

3. Sáp nhập NH Đại Á và HDBank

Mặc dù không bị coi là NH yếu kém, nhưng tỷ lệ nợ xấu chính thức cao đã tạo áp lực cho NH Đại Á phải tái cơ cấu. Từ đầu năm 2013, các cổ đông lớn của NH cũng lần lượt tuyên bố sẽ thoái vốn, làm cho Đại Á không thể tự tái cơ cấu bằng cách tăng VĐL. Việc ACB rời Tín Nghĩa sẽ bán hết số cổ phần NH Đại Á mà họ nắm giữ, để lại Sovico là nhóm cổ đông lớn còn lại tạo ra cơ hội để Đại Á sáp nhập vào HDBank theo hướng gom về cùng một chủ.

Bản thân HDBank cũng tìm kiếm khả năng tăng vốn CSH thông qua sáp nhập để có thể cho các nhóm khách hàng vay ở mức cao hơn mà vẫn đảm bảo tuân thủ các giới hạn cấp tín dụng.

Ngày 25/04/2013, tại ĐHCĐ thường niên của HDBank, Chủ tịch HĐQT Lê Thị Bằng Tâm cho biết chủ trương sáp nhập giữa HDBank và Đại Á đã được NHNN đồng ý. Đến ngày 15/6/2013, ĐHCĐ lần 2 của NH Đại Á đã thông qua kế hoạch sáp nhập vào HDBank với tỷ lệ chuyển đổi cổ phần là 1:1.¹⁵⁹ Ngay sau ĐHCĐ này, Đại Á đã thay Chủ tịch HĐQT và TGD. Các lãnh đạo mới của DaiABank có liên quan hay trực tiếp đến từ HDBank. Đại Á được chính thức sáp nhập vào HDBank vào ngày 20/12/2013. Bảng 33 tóm tắt các thông tin tài chính của HDBank từ khi sáp nhập đến nay.

Bảng 33: Tóm tắt thông tin tài chính HDBank, 2012-2014 (tỷ VND)

	Vốn CSH	Tiền gửi KH	Cho vay KH	Đầu tư CK	Tài sản có khác	Tổng tài sản	LN s/thuế	ROE	ROA	NPL
2012 ^(*)	5.393,7	37.906,7	21.147,8	11.943,8	10.631,7	52.782,8	326,4	7,30%	0,67%	2,35%
2013	8.599,5	64.886,9	44.030,5	14.123,8	14.514,8	86.226,6	217,6	3,11%	0,31%	3,53%
2014	8.874,0	68.991,6	41.992,6	25.409,0	11.784,4	99.524,6	476,9	5,46%	0,51%	2,27%

Ghi chú: 2012 là HDBank trước khi sáp nhập.

Nguồn: BCTC HDBank năm 2013-2014.

Sau sáp nhập, quy mô HDBank tiếp tục tăng trưởng nhanh chóng. Với tổng tài sản 100.000 tỷ đồng, HDBank đã là tổ chức có quy mô trung bình cao trong hệ thống các NHTM. Nợ xấu của HDB vào cuối năm 2014 là 2,3% tổng dư nợ. Tính cả khoản nợ xấu trên 500 tỷ đồng đã chuyển qua VAMC, thì tỷ lệ nợ xấu là 3,4%. Các khoản phải thu từ ủy thác đầu tư và tài sản có khác vẫn có giá trị rất lớn. Một điểm làm chúng ta nghi ngờ về chất lượng các tài sản có khác là HDBank là NHTM duy nhất (không kể các NHTM bị NHNN kiểm soát đặc biệt và không công bố BCTC) không trình bày thuyết minh về các hạng mục tài sản có khác trong BCTC của mình.

¹⁵⁹ Trước đó, vào ngày 09/05/2013, ĐHCĐ thường niên của DaiABank đã bất thành vì các vấn đề quan trọng bao gồm nhân sự và tái cơ cấu ngân hàng không có trong chương trình nghị sự.

XV. DONGA BANK

1. Lịch sử hình thành

NHTMCP Đông Á (DongA Bank) được thành lập vào ngày 01/07/1992 với VĐL là 20 tỷ đồng với các cổ đông sáng lập là các doanh nghiệp do Thành ủy TP.HCM sở hữu. Cổ đông sáng lập lớn nhất là CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ), sở hữu 40% VĐL của NH. Công ty TNHH MTV XD & KD Nhà Phú Nhuận sở hữu 30% VĐL. CTCP Dịch vụ Phú Nhuận và Công ty May Xuất khẩu Phú Nhuận nắm lần lượt 6% và 3%. Ông Trần Phương Bình, nguyên là cán bộ của PNJ, chuyển sang làm lãnh đạo Đông Á (từ PTGD, Trợ lý TGD rồi TGD của NH).

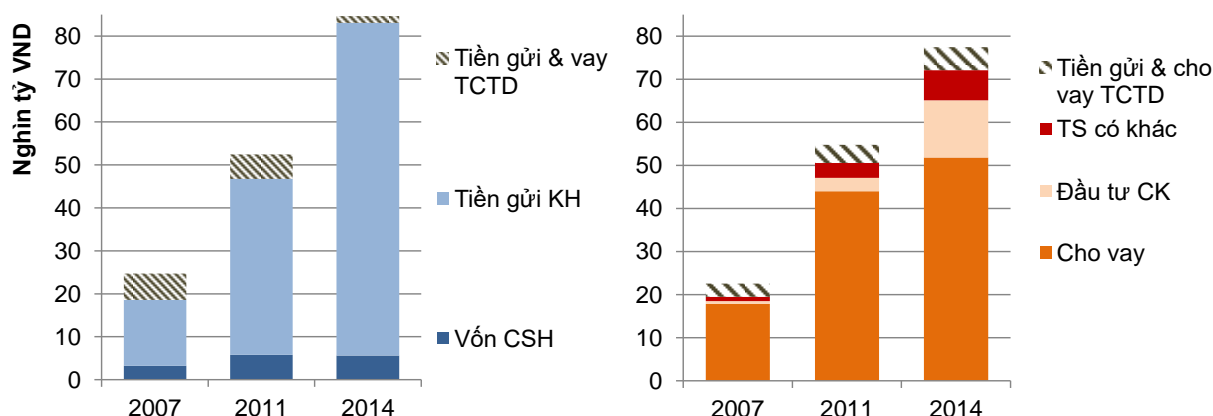
Đặt hội sở ở Quận Phú Nhuận và ba chi nhánh đầu tiên tại Quận 1, tới năm 2015 NH Đông Á đã lên thành 223 chi nhánh và phòng giao dịch. NH cũng là TCTD đi đầu trong hoạt động kinh doanh kiều hối và dịch vụ thẻ, rồi vượt qua những sóng gió của khủng hoảng tài chính châu Á 1997 và khó khăn kinh tế trong nước cuối thập niên 1990 - đầu 2000. Khác với nhiều NHTMCP mở rộng mạnh mẽ mạng lưới trên toàn quốc, Đông Á vẫn tập trung huy động và cho vay trên địa bàn TP.HCM. Thế mạnh của NH là và dịch vụ ngân hàng bán lẻ với các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đến giữa thập niên 2000, NH Đông Á nằm trong nhóm các NHTMCP cổ phần hàng đầu có trụ sở ở TP.HCM, cùng với ACB, Sacombank và Eximbank. Đông Á thực ra cũng không nằm ngoài trào lưu bán cổ phần NHTMCP cho các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài tại thời điểm này. Trong năm 2006-2007, Citibank và NH Đông Á đã tiến hành đàm phán để Citibank mua cổ phần của Đông Á. Tuy nhiên, Citibank đã không chấp nhận mức giá mà Đông Á chào bán nên thương vụ này đã không thành.¹⁶⁰

2. Tăng trưởng bình thường cho đến khi gặp khó khăn

Nhìn vào cơ cấu nguồn vốn và tài sản theo thời gian có thể thấy một sự phát triển bình thường của một NH bán lẻ có bề dày lịch sử (Hình 53). Trong huy động vốn, NH hầu như không dựa vào thị trường liên NH. Tiền gửi được huy động từ mạng lưới chi nhánh được xây dựng tốt trong nhiều năm trên địa bàn TP.HCM. Trong những năm 2010-2011, mặc dù cũng phải vay NHNN (700-800 tỷ đồng), Đông Á không thực sự bị khó khăn về thanh khoản.

Hình 53: Nguồn vốn và tài sản của NH Đông Á, các năm 2007, 2011 và 2014



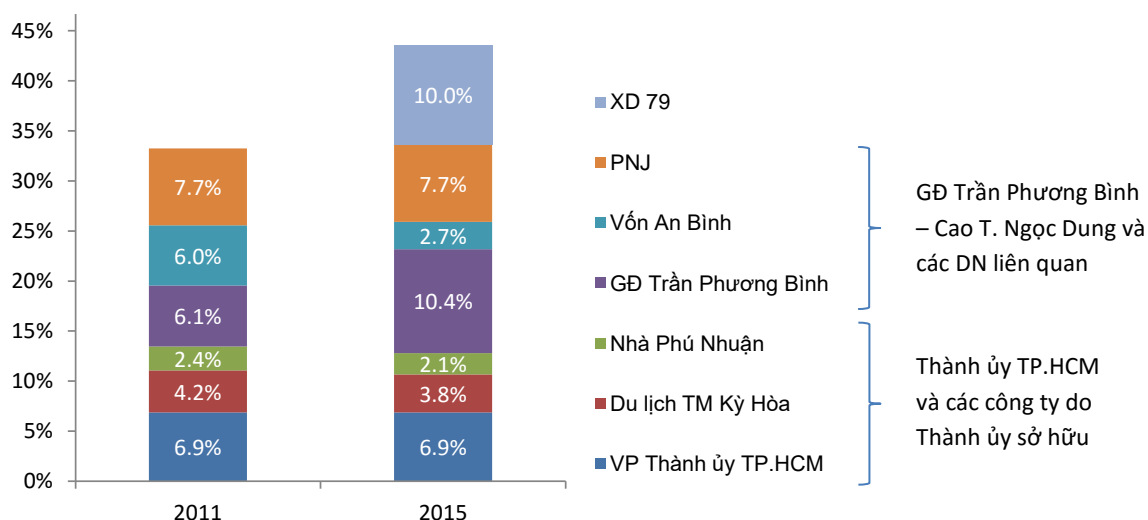
Nguồn: BCTC của NH Đông Á các năm 2008, 2012 và 2014.

¹⁶⁰ Citibank chào mua 48.000 đồng/cổ phần, nhưng NH Đông Á chào bán 60.000 đồng/cổ phần.

Về tài sản, Đông Á không hề đầu tư mạnh vào chứng khoán (ít nhất là cho đến trước năm 2014). Dự nợ cho vay chiếm lần lượt 67,1% và 59,5% tổng tài sản của NH năm 2011 và 2014. Lãi suất cao trong những năm 2011-2012 còn giúp Đông Á gia tăng lợi nhuận từ thu nhập lãi ròng (thu nhập lãi cho vay gia tăng trong khi Đông Á là một trong số ít các TCTD không phải đưa lãi suất để huy động tiền gửi).

Hình 54 trình bày thông tin cơ cấu sở hữu của NH Đông Á và cuối năm 2011 và giữa năm 2015. Ngoại trừ sự xuất hiện của CTCP Xây dựng 79 có trụ sở ở Đà Nẵng nắm giữ 10% VĐL của NH, cơ cấu sở hữu của Đông Á không có nhiều thay đổi. Văn phòng Thành ủy TP.HCM sở hữu trực tiếp 6,9% VĐL của Đông Á. Cộng với hai DN trực thuộc là CTCP Kinh doanh và Xây dựng Nhà Phú Nhuận và Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa, thì sở hữu của Thành ủy TP.HCM là 12,8%. Gia đình và họ hàng vợ chồng ông bà Trần Phương Bình – Cao Thị Ngọc Dung nắm giữ 10,4%.¹⁶¹ PNJ (công ty do bà Cao Thị Ngọc Dung làm Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ và cùng gia đình sở hữu 14,0%) nắm giữ 7,7% VĐL Đông Á. CTCP Vốn An Bình, do bà Cao Thị Ngọc Hồng (em bà Cao Thị Ngọc Dung) làm đại diện pháp luật, sở hữu 2,7% VĐL của NH. Vậy, gia đình ông bà Trần Phương Bình – Cao Thị Ngọc Dung cùng các tổ chức và cá nhân liên quan kiểm soát 20,8% số cổ phần của NH Đông Á.

Hình 54: Cơ cấu sở hữu cổ phần NH Đông Á, tháng 12/2011 và tháng 6/2015



Nguồn: BCB NH Đông Á năm 2012 và BCQT NH Đông Á tháng 6/2015.

3. Mất vốn vì vàng và nợ xấu BĐS

Mặc dù Đông Á tăng được VĐL từ 4.500 lên 5.000 tỷ đồng và huy động tiền gửi, cho vay vẫn gia tăng, nhưng hoạt động kinh doanh của NH đã tụt dốc từ năm 2012. Lợi nhuận kế toán trước thuế của NH đã giảm liên tục từ 1.256 tỷ năm 2011 xuống 777 tỷ năm 2012, 430 tỷ năm 2013 và còn có 35 tỷ năm 2014. Loại bỏ các khoản lãi dự thu, ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh của NH đã là con số âm từ năm 2013 đến nay. Nhìn lại thì từ năm 2012, Đông Á đã gặp phải hai vấn đề trực trặc: lỗ đầu cơ vàng và nợ xấu bất động sản.

NH Đông Á là một trong số 5 NH được NHNN cho phép kinh doanh vàng tài khoản và bán vàng trong nước để “bình ổn giá”. Đến năm 2012, NHNN lại siết chặt kinh doanh vàng, buộc các NHTM phải đóng ngay tài khoản vàng ở nước ngoài, ngừng huy động - cho vay vàng, và phải tất toán hoàn toàn trạng thái vàng trước ngày 30/6/2013.

¹⁶¹ Nếu chỉ tính ông bà Trần Phương Bình – Cao Thị Ngọc Dung và 3 người con, thì tỷ lệ sở hữu là 9,7%.

Theo BCTC kiểm toán năm 2011, NH Đông Á âm trạng thái vàng nội bảng là 2.678 tỷ đồng. BCTC những năm sau cho thấy đã khắc phục được tình trạng này. Thế nhưng trên thực tế, những khoản lỗ huy động – cho vay vàng và đầu cơ vàng tài khoản đã không được bù đắp và cho đến 2015 đã làm NH mất vốn.

NH Đông Á chỉ báo cáo nợ xấu chính thức ở tỷ lệ 1,7% năm 2011, tăng lên 4,0% năm 2013 và 3,8% năm 2014. Nhưng nếu tính cả 3.921 tỷ đồng nợ xấu đã chuyển giao cho VAMC, thì tỷ lệ nợ xấu của NH là 10,5% vào cuối 2014.

Mặc dù chỉ báo cáo tỷ lệ cho vay BĐS ở mức 7,8% vào cuối năm 2013, nhưng cho vay lĩnh vực xây dựng chiếm 24,3% tổng dư nợ. Ngoài ra, NH còn một tỷ lệ cho vay “dịch vụ khác” lên tới 17,5% cũng vào cuối năm 2013. Cộng gộp lại thì tỷ lệ cho vay các lĩnh vực này là 45,9%.

Trong danh mục đầu tư, NH Đông Á góp vốn vào một số công ty BĐS, sở hữu 11% VĐL của CTCP Địa ốc Đông Á và 3% VĐL của CTCP Địa ốc M&C.¹⁶² Đồng thời, NH cũng cung cấp tín dụng cho các công ty BĐS này. Tính tại thời điểm ngày 31/12/2011, dư nợ cho vay của NH Đông Á đối với Địa ốc Đông Á là 524 tỷ đồng và với CTCP Địa ốc M&C là 417 tỷ đồng. CTCP Địa ốc M&C là chủ đầu tư Dự án Tòa nhà M&C tại Quận 1, TP.HCM. Địa ốc M&C đã mất khả năng trả nợ trong khi Tòa nhà M&C đang xây dựng dở dang và là tài sản đảm bảo của khoản vay NH Đông Á và 3 NH khác. Tính tại thời điểm cuối năm 2011, Đông Á còn cho CTCP Phát triển BĐS Phát Đạt (PDR) vay tổng cộng 603 tỷ đồng, đáo hạn vào năm 2012 và 2013. Nhưng đến năm 2015, các khoản vay này đã quá hạn và vẫn còn trên sổ sách của PDR.

Trong suốt những năm 2012-2014, NH Đông Á đã tìm kiếm giải pháp sáp nhập với một NHTMCP khác. Đầu năm 2015, lãnh đạo Đông Á đã tuyên bố xem xét sáp nhập với NH An Bình. Thương vụ này đã không thành. Sau đó là thông tin một nhà đầu tư nước ngoài sẽ mua 49% cổ phần của Đông Á.

Trước thềm ĐHCĐ thường niên 2015 vào tháng 7, NH Đông Á đã quyết định tăng VĐL bằng cách phát hành thêm cổ phần cho nhà đầu tư mới là CTCP Tập đoàn Kido (tên gọi trước đây là Kinh Đô). Trong kế hoạch tăng VĐL từ 5.000 tỷ lên 6.000 tỷ đồng, toàn bộ 100 triệu cổ phần phát hành thêm được dự kiến sẽ bán cho Kido với giá bằng mệnh giá.¹⁶³ Nhưng vào đầu tháng 8, Kido đã tuyên bố chấm dứt đàm phán mua cổ phần của Đông Á. Nhìn lại có thể thấy rằng với những khoản mất vốn của Đông Á, việc phát hành thêm cổ phần ở mức giá bằng mệnh giá là không khả thi.¹⁶⁴

Ngày 14/8/2015, NHNN thông báo NHTMCP Đông Á bị kiểm soát đặc biệt sau khi có kết quả thanh tra toàn diện. BIDV được NHNN cử tham gia vào Ban kiểm soát đặc biệt NH Đông Á và dự định thay thế cả ban điều hành NH. Nhưng ngay sau đó, NHNN đã rút lại quyết định bổ nhiệm cán bộ BIDV vào điều hành Đông Á vào ngày 24/8/2015. Đông Á được tự quyết định nhân sự mới để điều hành NH.¹⁶⁵ Rồi chỉ sau đó 2 ngày, NHNN đã bổ nhiệm ông Võ Minh Tuấn, nguyên Phó Vụ trưởng Vụ tín dụng các ngành kinh tế của NHNN, làm Chủ tịch HĐQT của Đông Á. Vào cuối năm 2015, NHNN bổ nhiệm ông

¹⁶² Cổ đông lớn của NH Đông Á là CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) cũng sở hữu 30,6% VĐL của Địa ốc Đông Á và 2,5% VĐL của Địa ốc M&C.

¹⁶³ Theo Nghị quyết của ĐHCĐ, NH Đông Á, nếu bán thành công cổ phần cho Kido, sau đó còn muốn tăng VĐL tiếp lên 10.000 tỷ đồng.

¹⁶⁴ Giá giao dịch của cổ phiếu NH Đông Á trên thị trường OTC lúc đó là 3.000-4.000 đồng/cổ phần.

¹⁶⁵ Thời báo Kinh tế Việt Nam, “Thôi đưa người BIDV vào, DongA Bank được quyền tự quyết”, ngày 24/8/2015. Tải về từ địa chỉ <http://vneconomy.vn/tai-chinh/thoi-dua-nguoi-bidv-va-donga-bank-duoc-quyen-tu-quyet-20150824115645221.htm>, ngày 10/10/2015.

Nguyễn Thanh Tùng, nguyên giám đốc VietinBank Chi nhánh TP.HCM, làm TGD NH Đông Á. Hiện tại, Đông Á nằm trong sự kiểm soát của Nhà nước, còn tương lai của NH thì vẫn chưa rõ.

XVI. PG BANK

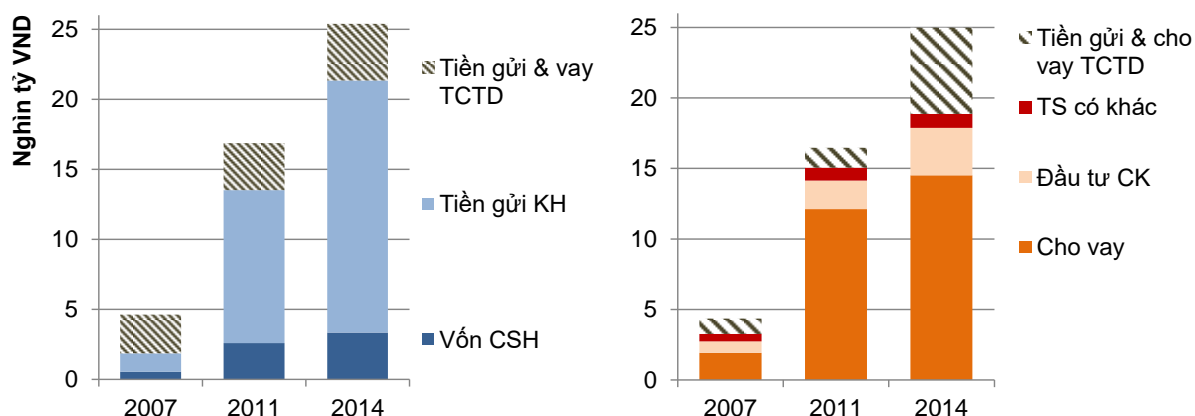
1. Đi lên từ NHTMCP nông thôn

Tiền thân của NHTMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank) là NHTMCP Nông thôn Đồng Tháp Mười. NH Đồng Tháp Mười được thành lập vào năm 2004 ở Đồng Tháp với VDL ban đầu 5 tỷ đồng. Vào tháng 1/2007, khi NH được chuyển đổi thành NHTMCP đô thị, VDL cũng mới chỉ có 200 tỷ đồng và tổng tài sản là 1.186 tỷ đồng. Với TĐ Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) là cổ đông góp vốn lớn nhất, NH được đổi tên, và đến cuối năm 2007, VDL đã được tăng lên 500 tỷ đồng. Mặc dù vậy, PG Bank vẫn nằm trong nhóm những NHTMCP có VDL nhỏ nhất vào lúc đó. Và cũng tại thời điểm này, lãnh đạo PG Bank cũng biết rằng trước đó vào ngày 22/11/2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định 141/2006/NĐ-CP quy định các NHTMCP phải tăng vốn pháp định lên mức tối thiểu là 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2008 và 3.000 tỷ đồng cuối năm 2010, nên ngay sau khi chuyển đổi PG Bank đã phải chịu áp lực tăng VDL.

Năm 2008, PG Bank đã tăng VDL lên được 1.000 tỷ đồng. Ba cổ đông lớn lúc đó là TĐ Petrolimex nắm giữ 40%, CTCP Xây lắp III Petrolimex (công ty con của TĐ Petrolimex) 6,24% và CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) 9,98%. Với Petrolimex là DNNN, PG Bank là NHTMCP có tỷ lệ sở hữu của Nhà nước cao nhất, không kể 5 NHTMNN. Petrolimex vẫn duy trì tỷ lệ sở hữu 40% cho đến năm 2015. Còn SSI đã thoái toàn bộ vốn tại PG Bank vào năm 2012. Còn CTCP Xây lắp III Petrolimex cũng chỉ nắm giữ 1,9% VDL của PG Bank vào giữa năm 2015. NH cũng có một số cổ đông cá nhân là thành viên HĐQT nhưng tỷ lệ sở hữu (tính cả người có liên quan) đều dưới 5%.¹⁶⁶

Hình 55 minh họa cơ cấu nguồn vốn và tài sản của PG Bank từ năm 2007 đến 2014. PG Bank vẫn là NH nhỏ bé xét về quy mô cho vay cũng như tổng tài sản. Về huy động vốn, PG Bank không dựa nhiều vào thị trường liên NH. Tiền gửi của khách hàng chiếm 74-81% tổng vốn huy động. Ở phía tài sản, PG Bank không đầu tư nhiều vào chứng khoán và những chứng khoán nắm giữ chủ yếu là TPCP. Các hạng mục tài sản có khác như lãi phải thu, tài sản gán nợ cũng có giá trị nhỏ.

Hình 55: Nguồn vốn và tài sản của PG Bank, các năm 2007, 2011 và 2014



Nguồn: BCTC PG Bank năm 2008, 2012 và 2014.

¹⁶⁶ Ông Bùi Ngọc Bảo, Chủ tịch HĐQT của cả TĐ Petrolimex và PG Bank, cùng với gia đình chỉ nắm giữ 1,53%. Ông Lê Minh Quốc, Thành viên HĐQT PG Bank và Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Việt Năng sở hữu 4,66%.

2. Ngân hàng của DNNN

Bảng 34 trình bày số dư cho vay và nhận tiền gửi của PG Bank với Petrolimex và các công ty con, công ty liên kết của TĐ này. Ta có thể thấy dư nợ cho vay của PG Bank cho Petrolimex không phải là lớn về giá trị tuyệt đối. Tuy nhiên, vì NH có quy mô nhỏ nên tổng dư nợ cho vay nhóm các công ty trong TĐ Petrolimex cũng vượt giới hạn 25% trong các năm 2009-2010 và 2013-2014. Không những thế, Luật các TCTD còn quy định tổng dư nợ cho vay của NHTM cho tất cả các cổ đông lớn của NH không được lớn hơn 5% vốn tự có của NH. Bảng 27 còn cho thấy một lợi ích của việc có DNNN lớn làm cổ đông. Petrolimex và các DN liên quan luôn duy trì mức tiền gửi đáng kể tại PG Bank, đặc biệt là trong năm 2013-2014.

Bảng 34: Số dư cho vay và nhận tiền gửi của PG Bank với Petrolimex và các công ty liên quan

	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Dư nợ cho vay (tỷ VND)	1.300,3	1.376,3	645,6	543,1	813,2	887,9
So với vốn tự có	118,9%	63,3%	24,9%	17,0%	25,3%	26,6%
Tiền gửi (tỷ VND)	311,9	317,7	553,5	298,0	3.284,6	3.767,4
So với tổng tiền gửi KH	14,2%	4,6%	5,2%	2,7%	26,6%	27,2%

Nguồn: BCTC PG Bank các năm 2011-2014.

3. Sáp nhập vào Vietinbank

PG Bank có tỷ lệ nợ xấu chính thức tăng mạnh vào năm 2012 lên 8,4%. Tỷ lệ nợ quá hạn lúc đó là 20,5%. Từ năm 2013, PG Bank bắt đầu chuyển nợ xấu sang cho VAMC. Tính cho đến cuối năm 2014, VAMC đã mua 1.252 tỷ đồng nợ xấu của PG Bank. Nhờ vậy, tỷ lệ nợ xấu chính thức đã giảm xuống 3,0% năm 2013 và 2,5% năm 2014. Tuy nhiên, cộng trở lại số nợ xấu mà VAMC giữ hộ, thì tỷ lệ nợ xấu của PG Bank là 8,0% năm 2013 và 10,2% năm 2014.

Tuy nhiên, khác với các NHTM yếu kém, PG Bank vẫn còn vốn CSH và hoạt động kinh doanh vẫn có lãi, mặc dù tỷ suất lợi nhuận ở mức thấp trong những năm gần đây – giống với tình hình chung của cả hệ thống NHTM. Bảng 35 cho thấy không chỉ PG Bank có thu nhập lãi ròng kế toán dương, mà lợi nhuận này là thực xét trên cơ sở ngân lưu từ hoạt động kinh doanh dương (trước khi điều chỉnh các thay đổi về tài sản và nợ).

Bảng 35: Thu nhập và ngân lưu của PG Bank năm 2010-2014 (tỷ VND)

	2010	2011	2012	2013	2014
Kết quả hoạt động kinh doanh (thu nhập kế toán)					
Thu nhập từ lãi cho vay	1.466,5	2.817,8	2.257,0	1.614,1	1.580,1
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	949,7	1.721,5	1.276,2	1.072,0	923,5
Thu nhập lãi ròng	516,8	1.096,4	980,7	542,1	656,6
Tỷ suất lợi nhuận					
ROA	13,4%	18,7%	8,3%	1,2%	4,0%
ROE	1,6%	2,6%	1,3%	0,2%	0,5%
Lưu chuyển tiền tệ (ngân lưu thật)					
Thu nhập từ lãi cho vay	3.110,7	5.845,2	2.278,1	1.507,1	1.391,5
Chi phí lãi tiền gửi, tiền vay	2.662,3	4.782,5	1.233,1	1.068,4	902,7
Ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh	116,5	426,5	673,8	244,3	220,8

Nguồn: BCTC của PG Bank các năm 2011-2014.

Với tỷ lệ nợ xấu cao, PG Bank không thể duy trì hiện trạng. Các cổ đông hiện hữu thì không thể tăng thêm VĐL của NH. Ngược lại, Petrolimex cũng chịu áp lực phải thoái vốn từ phía Chính phủ. Vì vậy, PG Bank phải tìm phương án sáp nhập với NHTM lớn hơn.

Thông tin NHTMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) nhận sáp nhập PG Bank được công bố chính thức tại ĐHCĐ thường niên của PG Bank vào tháng 4/2015. Lãnh đạo PG Bank cho rằng đây là một “cái kết có hậu”. NHTMCP có cổ đông là DNNN nắm giữ 40% sáp nhập với một NHTMCP có Nhà nước trực tiếp sở hữu 64,5%. Các cổ đông tổ chức khác và cổ đông cá nhân không có tiếng nói.

Theo Đề án sáp nhập, 1 cổ phần PG Bank sẽ hoán đổi thành 0,9 cổ phần Vietinbank sau sáp nhập và 1 cổ phần Vietinbank trước sáp nhập hoán đổi thành 1,0081 cổ phần Vietinbank sau sáp nhập. Tại thời điểm công bố thông tin, giá cổ phiếu của Vietinbank (CTG) là 18.000 đồng/cp. Quả thật, đây là một thương vụ “rất có hậu” cho các cổ đông của PG Bank, khi mà một cổ phần của PG Bank giờ đây sẽ có được giá trị khoảng 16.000 đồng sau khi sáp nhập.

XVII. MHB

1. NH có khả năng sinh lời thấp nhất

NHTMCP Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long (MHB) là một trong 5 NHTMNN, nhưng chỉ là một NH có quy mô trung bình thấp trong hệ thống các NHTM. MHB được Chính phủ thành lập vào năm 1997 với mục tiêu tài trợ xây dựng nhà ở của người dân Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), một dạng của mô hình ngân hàng phát triển. Đến năm 2011, MHB được chuyển đổi thành NHTM.

Bảng 36 tóm tắt số liệu tài chính của MHB. NH cũng tăng trưởng nhanh từ năm 2005 đến 2010 khi được tăng VĐL lên trên 3.000 tỷ đồng. Năm 2011, MHB được cổ phần hóa, nhưng việc chào bán cổ phần ra công chúng và tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược đã không thành công. Nhà nước vẫn nắm giữ 91,6% VĐL của NH. VĐL không tăng, quy mô cho vay của NH cũng tăng trưởng chậm và tổng tài sản thì suy giảm từ năm 2011 trở đi.

Bảng 36: Số liệu tài chính của MHB các năm 2005 và 2010-2014

	2005	2010	2011	2012	2013	2014
VĐL	767,6	3.006,6	3.006,6	3.369,2	3.369,2	3.369,2
Vốn CSH	850,1	3.213,5	3.187,0	3.439,9	3.534,8	3.521,2
Tiền gửi KH và GTCG	5.802,4	23.761,7	22.739,3	23.103,2	25.076,1	29.276,7
Cho vay	8.437,0	22.628,9	22.954,4	24.650,7	26.893,6	29.853,2
KD và đầu tư CK	1.703,1	10.471,7	8.556,3	5.954,6	5.228,4	7.567,3
Tài sản có khác	167,5	1.600,2	2.045,6	2.380,2	1.398,0	1.604,4
Tổng tài sản	12.629,8	51.211,0	47.302,6	37.979,9	38.410,2	45.126,5
Lợi nhuận trước thuế	72,9	110,6	114,0	24,6	142,4	162,0
Lợi nhuận sau thuế	52,5	81,0	84,0	17,9	105,9	126,9
ROA	0,5%	0,2%	0,2%	0,0%	0,3%	0,3%
ROE	6,4%	3,7%	2,6%	0,5%	3,0%	3,6%

Nguồn: BCTC của MHB các năm 2006 và 2011-2014.

MHB cũng là một ngân hàng có tỷ suất lợi nhuận rất thấp. Ngay cả tại thời điểm giữa thập niên 2000 khi nhiều NHTM khác đạt ROE ở mức 15-20% thì ROE của MHB chỉ bằng 6,4%.

Mặc dù không là NH mới thành lập hay chuyển đổi từ NHTMCP nông thôn, MHB thường xuyên phải dựa vào huy động vốn trên thị trường liên NH với mức huy động ròng trên 4.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2011-2013 và vào cuối năm 2014 là 3.575 tỷ đồng. Vào những năm khó khăn thanh khoản chung của hệ thống (2010-2011), MHB cũng vay tái chiết khấu và tái cấp vốn từ NHNN (dao động trong khoảng 3.000-8.000 tỷ đồng).

2. MHB và MHBS

MHB sở hữu 60% VĐL của CTCP Chứng khoán MHB (MHBS). Từ 60 tỷ đồng vốn góp ban đầu vào cuối năm 2006, VĐL của MHBS được tăng lên 170 tỷ đồng vào năm 2009. Tuy nhiên, do kinh doanh thua lỗ nên vốn CSH hữu của MHBS đã giảm liên tục từ 142 tỷ đồng năm 2009 xuống còn 86,4 tỷ đồng năm 2014.

Năm 2012, MHBS ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Sở giao dịch của MHB để nhận 410 tỷ đồng đặt cọc đầu tư trái phiếu. Khoản tiền này về bản chất là tín dụng mà MHB cho MHBS cho vay, vi phạm quy định cấm NHTM cho CTCK là công ty con của mình vay tiền. Khoản nợ này đến cuối năm 2014 còn 330 tỷ đồng trên sổ sách của MHBS.

Khoản nợ trên được dùng để tài trợ cho các cá nhân/tổ chức khác và được MHBS ghi nhận là khoản phải thu hoạt động giao dịch CK ở phía tài sản. Về thực chất đây đã là khoản phải thu khó đòi. Đến cuối quý 3/2015, MHBS phải dự phòng 361 tỷ đồng cho khoản phải thu 421 tỷ đồng này. Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2015 của MHBS là -258 tỷ đồng, kéo vốn CSH xuống -171 tỷ đồng. Về mặt kỹ thuật, MHBS phá sản.

Việc vi phạm luật pháp dẫn tới sự phá sản của MHBS là có liên quan tới các lãnh đạo của MHB. Tuy nhiên, mức thiệt hại tài chính tương đối là nhỏ so với quy mô của NH hay so với các khoản nợ xấu khác.

Tỷ lệ nợ xấu chính thức của MHB tăng từ 1,94% năm 2010 lên 2,99% năm 2012. Sự ra đời của VAMC cho phép MHB chuyển nợ xấu sang cho tổ chức này vào năm 2014 là 1.037 tỷ đồng. Nhờ đó, nợ xấu của MHB vào cuối năm 2014 còn 2,72% tổng dư nợ còn nếu không thì sẽ phải là 5,99%.

3. Sáp nhập vào BIDV

Ngày 25/5/2015, MHB được sáp nhập vào NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).¹⁶⁷ Giao dịch sáp nhập giữa hai NHTMCP đều do Nhà nước nắm trên 90% VĐL được thực hiện mà không cần dựa vào định giá theo giá trị thị trường.¹⁶⁸ Tỷ lệ hoán đổi cổ phần là 1:1 và BIDV sẽ phát hành thêm 336,9 triệu cổ phần để đổi lấy toàn bộ số cổ phần của MHB. BIDV sẽ nhận toàn bộ lợi ích/ngĩa vụ, tài sản, nợ và vốn CSH của MHB.

BIDV sau sáp nhập có tỷ lệ sở hữu của nhà nước là 95,3%. Sau khi tiếp nhận MHB, tổng tài sản của BIDV chỉ tăng thêm 6,9%, còn dư nợ cho vay tăng 6,7%. Theo như lãnh đạo của BIDV, lợi ích lớn nhất đối với BIDV là NH sẽ chuyển được 12 chi nhánh của MHB ở khu vực miền núi phía Bắc và ĐBSCL về Hà Nội, Đà Nẵng và TP.HCM (các NHTM hiện rất khó xin được giấy phép thành lập chi nhánh mới ở những địa bàn trọng điểm này).

¹⁶⁷ Sau khi NHNN có văn bản số 2833/NHNN-TTGSNH ngày 23/4 về việc chấp thuận nguyên tắc và chấp thuận sáp nhập tại Quyết định số 589/QĐ-NHNN, ngày 25/4/2015 và có hiệu lực từ ngày 5/5/2015.

¹⁶⁸ Tại thời điểm này, Nhà nước sở hữu 95,8% VĐL của BIDV.

XVIII. MSB và MDB

1. Maritime Bank: từ ngân hàng của Vinalines thành ngân hàng của tư nhân

Ngân hàng TMCP Hàng Hải (Maritime Bank hay MSB) được thành lập vào tháng 7/1991 với trụ sở chính ở TP. Hải Phòng. Đúng như tên gọi của NH, cổ đông chiến lược hàng đầu lúc đó là TCT Hàng hải Việt Nam (Vinalines). Ngoài ra, Maritime còn có các cổ đông sáng lập là DNNN lớn như TĐ Bảo Việt và TĐ Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT). Từ 40 tỷ đồng khi thành lập, VDL của MSB đã tăng lên 700 tỷ đồng vào cuối năm 2006. Tuy nhiên, việc có các cổ đông lớn là DNNN và được các tổ chức này cử đại diện vào quản trị lại làm cho MSB không được điều hành vì mục tiêu thương mại và hệ thống quản trị không chặt chẽ.¹⁶⁹

Đến năm 2007, MSB được tái cơ cấu với sự tham gia của nhóm cổ đông mới là gia đình vợ chồng Nguyễn Thị Nguyệt Hường – Trần Anh Tuấn và CTCP Tập đoàn Phát triển Việt Nam (VID) do gia đình này kiểm soát. VDL của MSB được tăng lên 1.500 tỷ đồng vào cuối 2007, trong đó Vinalines sở hữu 10,9%; các CTCP dịch vụ vận tải biển mà Vinalines sở hữu một phần (Vosco, Germadept và Germartrans) nắm giữ 13,7%; VNPT 19,9%; VID và gia đình ông Trần Anh Tuấn sở hữu trực tiếp 6,0%, còn sở hữu gián tiếp thì không có thông tin.

Hai vợ chồng Nguyễn Thị Nguyệt Hường – Trần Anh Tuấn học tập và làm ăn ở Nga từ năm 1986 đến 1995, rồi sau đó về Việt Nam kinh doanh. Về nước, ông Tuấn đầu tư vào chợ Thượng Đình ở Hà Nội và mua cổ phần của các NHTM Quân Đội và NHTMCP Ngoài Quốc doanh (VPBank). Còn bà Hường kinh doanh tại CTCP Nam Thăng là DN sản xuất giày xuất khẩu và sau đó là các công ty đầu tư khu công nghiệp. Hai người thành lập VID vào năm 2006 với lĩnh vực chính là đầu tư, kinh doanh các khu công nghiệp và BĐS đô thị. Bà Hường còn có 7 tháng trong năm 2010 ngồi ở ghế Phó Chủ tịch HĐQT VPBank, nhưng sau đó đã từ nhiệm khi gia đình và người có liên quan rút vốn để chuyển sang MSB và MDB.

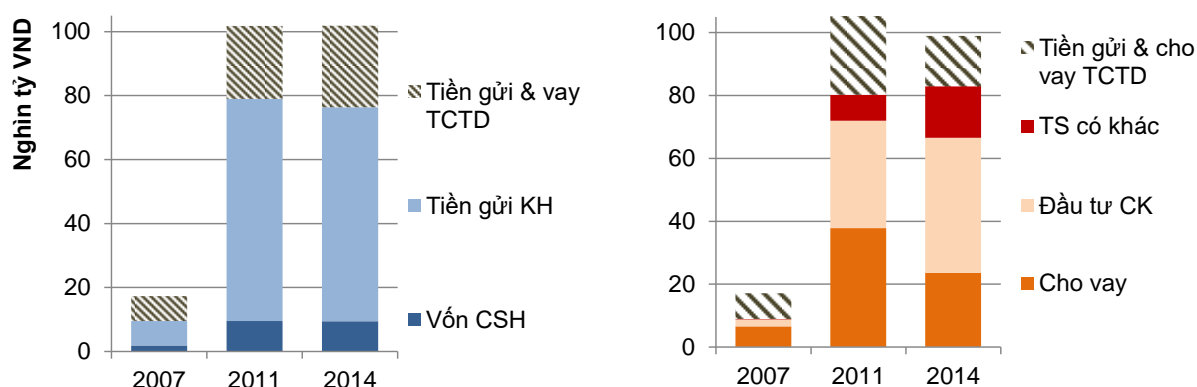
Dưới sự lãnh đạo của ông Tuấn, MSB đã nhanh chóng cắt đứt các mối quan hệ với Vinalines. Người của Vinalines trong NH cũng ra đi. Cùng với Techcombank, MSB là NHTMCP trong nước đầu tiên có TGD là người nước ngoài và trước đó đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý ở các NH quốc tế.

Đến cuối năm 2011, gia đình ông Trần Anh Tuấn và người có liên quan sở hữu trực tiếp 9,6% VDL của MSB theo thông tin công bố công khai. VNPT là cổ đông tổ chức lớn nhất, nắm giữ 8,95% VDL của MSB. Các công ty cảng biển và dịch vụ vận tải biển nắm giữ tổng cộng 2,6% VDL của NH. Một cổ đông sáng lập nữa là TĐ Bảo Việt cũng chỉ sở hữu 0,6% VDL của NH.

Hình 56 cho thấy quy mô của Maritime đã tăng lên 6-7 lần từ 2007 đến 2011. Năm 2011, VDL của NH đã được tăng lên 8.000 tỷ đồng. Một nét đáng chú ý của Maritime so với các NHTMCP trung bình lớn khác là tỷ trọng đầu tư chứng khoán rất lớn trong tổng tài sản của NH. Mặc dù có tổng tài sản trên 100.000 tỷ đồng, nhưng dư nợ cho vay của Maritime chỉ vào khoảng 37.000 tỷ đồng năm 2011. Một tỷ trọng lớn trong nguồn vốn của MSB là vay trên thị trường liên NH, và ở phía tài sản thì NH cũng tập trung đáng kể vào việc cho vay các TCTD khác. Từ năm 2011 trở đi, quy mô của MSB đã suy giảm cả về tổng tài sản. Cho vay khách hàng của NH còn giảm mạnh hơn và do vậy, tỷ trọng đầu tư chứng khoán và các hạng mục tài sản có khác còn tăng lên trong giai đoạn này.

¹⁶⁹ Vụ án lừa đảo và tham ô tiền của NH liên quan tới TGD MSB năm 1996-1997 là một ví dụ.

Hình 56: Nguồn vốn và tài sản của MSB, 2007, 2011 và 2014



Nguồn: BCTC của MSB các năm 2008, 2012 và 2014.

2. MDB: chuyển đổi từ ngân hàng nông thôn

NHTMCP Nông thôn Mỹ Xuyên hoạt động tại An Giang được NHNN cho phép chuyển đổi thành NHTMCP đô thị vào tháng 1/2009 và đến tháng 11 thì đổi tên thành NHTMCP Phát triển Mê Kông (MDB).

Trước đó, trong đợt tăng VDL từ 24,75 tỷ lên 35 tỷ đồng vào đầu năm 2006, Mỹ Xuyên đã phát hành thêm cổ phần và bán cho NHTMCP Ngoài Quốc doanh (sau này đổi tên thành NHTMCP Thịnh Vương – VP Bank). Với giao dịch này, VP Bank sở hữu 11% VDL của Mỹ Xuyên.

Đến năm 2007, khi NH Mỹ Xuyên tăng VDL lên 500 tỷ đồng, Công ty TNHH Áng Mây và CTCP Thủy sản Nam Việt mua cổ phần và trở thành cổ đông của NH với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 10,0% và 10,8%. Vào thời điểm chuyển đổi từ mô hình NH nông thôn sang đô thị (năm 2009), các cổ đông liên quan tới MSB và ông Trần Anh Tuấn bắt đầu xuất hiện. Trong 50 triệu cổ phần phát hành thêm của MDB để tăng VDL từ 500 lên 1.000 tỷ đồng, 25 triệu cổ phần được bán cho CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư An Phúc (25% VDL MDB sau tăng vốn) và 20 triệu cổ phần (20% VDL) cho CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Thành Việt.

Đến giữa năm 2010, MSB đã trực tiếp mua cổ phần của NHTMCP Phát triển Mê Kông (MDB) khi MDB phát hành thêm cổ phần để tăng VDL lên 3.000 tỷ đồng để đạt mức vốn pháp định tối thiểu. Tỷ lệ sở hữu VDL MDB của MSB lúc đó là 10,5%. CTCP Chứng khoán MSB (có 11% VDL thuộc sở hữu của MSB) cũng đầu tư vào cổ phiếu của MDB ở tỷ lệ 7,4%.¹⁷⁰

Năm 2011, Fullerton Financial Holdings, một công ty đầu tư tài chính tại các thị trường mới nổi do TĐ Temasek của Singapore sở hữu 100%, trở thành nhà cổ đông nước ngoài tại MDB. Ba phần tư số cổ phần phát hành thêm trong đợt tăng VDL từ 3.000 lên 3.750 tỷ đồng được bán cho Fullerton Financial Holdings để tổ chức này sở hữu 15% MDB. Tỷ lệ sở hữu này từ năm 2012 được tăng lên 20%, mức trần sở hữu NHTMCP của một tổ chức nước ngoài.

Theo Bảng 37, sau khi trở thành NHTMCP đô thị, tổng tài sản của MDB đã gấp 6,8 lần năm 2010 so với 2009. Đạt VDL theo quy định, MDB đã tăng cả huy động tiền gửi từ thị trường 1 lần thị trường 2. Tuy nhiên, nguồn vốn huy động tăng thêm này (gần 12 nghìn tỷ đồng) và VSCH tăng thêm (2.000 tỷ

¹⁷⁰ Lúc này, VPBank đã thoái vốn khỏi MDB.

đồng) được dùng để cho vay các TCTD khác (8.500 tỷ đồng) và đầu tư các hạng mục tài sản có khác (5.000 tỷ đồng). Dư nợ cho vay của MDB tăng lên không đáng kể trong năm 2010.

Bảng 37: Thông tin tài chính của MDB, 2007-2014 (tỷ VND)

	2007	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Tiền gửi và vay TCTD	624,8	165,1	6.636,2	4.838,3	2.952,6	588,2	1.727,5
Tiền gửi KH	328,7	1.227,2	6.556,5	1.254,3	1.501,1	1.739,6	1.523,2
Vốn CSH	554,2	1.038,9	3.822,2	3.882,1	3.987,0	3.952,9	4.057,3
Tiền gửi và cho vay TCTD	211,2	43,0	8.578,8	4.189,9	1.755,9	919,4	656,5
Cho vay KH	1.264,6	2.383,0	2.695,3	3.186,3	3.717,0	3.919,5	3.148,3
Đầu tư CK	20,8	15,7	814,4	2.322,6	2.658,8	1.067,0	3.093,9
Tài sản có khác	50,1	29,4	5.070,8	336,7	228,6	275,1	301,4
Tổng tài sản	1.575,2	2.523,8	17.266,8	10.241,2	8.597,0	6.437,1	7.383,9

Nguồn: BCTC MDB các năm 2008-2014.

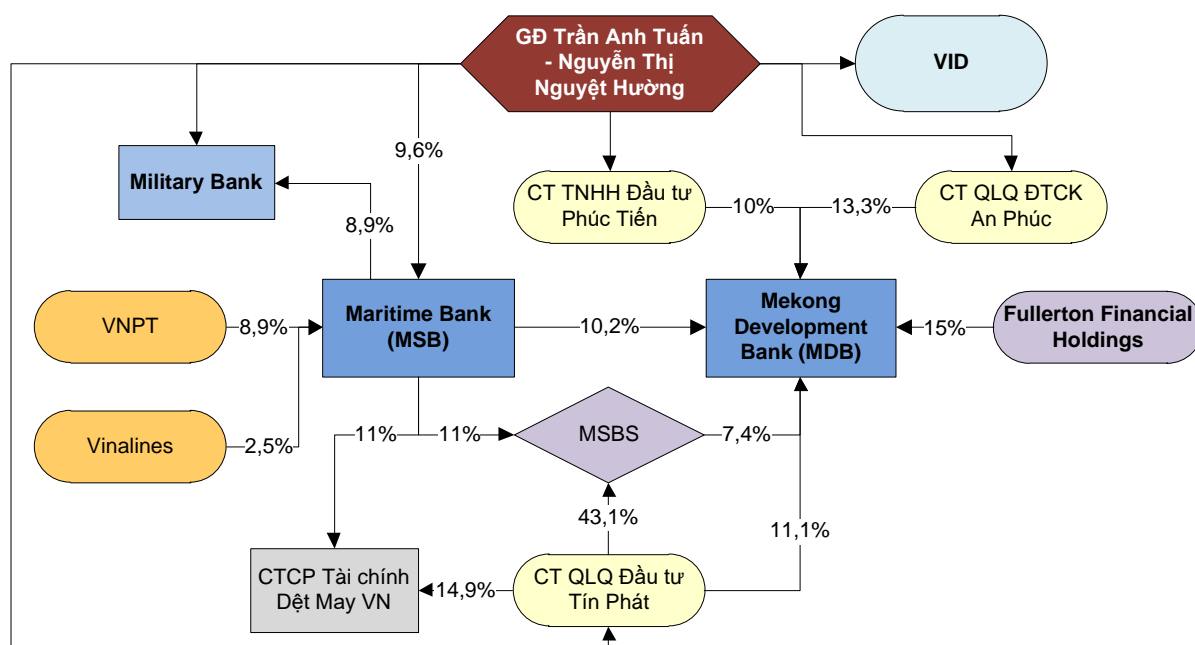
Sang năm 2011, khi những khó khăn của cả hệ thống các NHTM bị bộc lộ và thanh khoản khó khăn, quy mô của MDB đã co lại. Huy động tiền gửi từ dân cư và tổ chức giảm gần 81%. MDB đã phải giảm một nửa số dư tiền gửi và cho vay trên thị trường liên ngân hàng và tiếp tục lệ thuộc vào đó để huy động vốn.

Giống hệt như MSB, quy mô của MDB đã suy giảm từ năm 2011 cho đến nay. Vào cuối năm 2011, MDB là NHTM nhỏ nhất trong tổng số 40 NHTM Việt Nam xét về tổng tài sản. Đến cuối năm 2014, MDB vẫn là NHTM nhỏ nhất trong tổng số 38 NHTM Việt Nam.

3. Sở hữu, cho vay và đầu tư chéo

Hình 57 trình bày sơ đồ cấu trúc sở hữu giữa MSB, MDB, các công ty của gia đình ông Trần Anh Tuấn, các TCTD khác và CTCK vào cuối năm 2011.

Hình 57: Cấu trúc sở hữu của MSB và MDB tại thời điểm 31/12/2011



Nguồn: BCB, BCTC và BCTN của các NH và tổ chức liên quan.

Từ năm 2011, số cổ phần MSB mà gia đình ông Trần Anh Tuấn và VID sở hữu trực tiếp là không đáng kể. Nhóm đầu tư này cũng không sở hữu trực tiếp MDB. Tuy nhiên, quyền kiểm soát được thông qua các công ty đầu tư tài chính và công ty quản lý quỹ đầu tư như Công ty TNHH Đầu tư Phúc Tiến (sở hữu 10% MDB), CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc (13,3% MDB) và Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Tín Phát (11,1% MDB).

VID là tổ chức liên quan, nhưng không còn là cổ đông của MSB và cũng không có dư nợ tại MSB hay MDB. Thay vào đó, các công ty đầu tư tài chính và công ty quản lý quỹ nhận ủy thác từ các NH này để cho vay và hay đầu tư TPDN của các doanh nghiệp do VID/gia đình ông Trần Anh Tuấn kiểm soát.

CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Tín Phát, một cổ đông lớn của MDB như đã nói ở trên, chỉ có VĐL 26 tỷ đồng, nhưng dư nợ phải trả lên tới 4.968 tỷ đồng vào cuối năm 2010 và 3.351 tỷ đồng cuối năm 2011 (trong đó 720 tỷ là nợ MSB). Trong năm 2011-2012, Tín Phát đầu tư 690 tỷ đồng TPDN (mà thực chất là tín dụng cho vay) do Công ty Xây dựng và Kinh doanh CSHT KCN Hà Nội - Đài Tư, CTCP Đầu tư và PTHT Nam Quang và CTCP Phát triển Hà Nam – đều là các công ty thành viên của VID – phát hành. Tín Phát còn ủy thác đầu tư 402 tỷ đồng cho Công ty Quản lý Quỹ An Phúc và 228 tỷ đồng cho Công ty Quản lý Tài sản của MSB.

Như đề cập ở mục trên, MDB đã tăng trưởng bùng nổ vào năm 2010. NH trong năm này đã ủy thác đầu tư một con số khổng lồ là 4.200 tỷ đồng (gấp 1,3 lần vốn CSH của NH) cho Công ty Quản lý Quỹ An Phúc – cổ đông lớn của chính NH và nắm giữ 600 tỷ đồng trái phiếu do Công ty Quản lý Tài sản của MSB phát hành. Giống như Tín Phát, An Phúc có 25 tỷ đồng VĐL, nhưng tổng tài sản năm 2010 lên tới 10.970 tỷ đồng (ở phía nợ là vay các TCTC dưới hình thức ủy thác đầu tư và ở phía tài sản là phải thu từ ủy thác đầu tư), rồi giảm xuống 593 tỷ đồng năm 2011.

Một TCTC nữa là CTCP Chứng khoán Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agriseco), mặc dù là công ty con của Agribank, nhưng cũng có liên quan tới MSB và MDB. Cuối năm 2010, Agriseco nắm giữ tới 14,99% cổ phần của MSB; ngược lại MSB sở hữu 4,4% cổ phần của Agriseco. Đến năm 2011, Agriseco đã chuyển nhượng cổ phần của MSB, nhưng NH này vẫn sở hữu 4,6% cổ phần của Agriseco. MSB và MDB đều cấp tín dụng dưới hình thức tạm ứng mua CK cho Agriseco ở mức lần lượt là 346 và 593 tỷ đồng vào cuối năm 2010.

MSB còn sở hữu 7,62% VĐL của CTCP Chứng khoán Châu Á – Thái Bình Dương (APS) từ năm 2010 và đến tháng 7/2013 mới thoái toàn bộ vốn khỏi CTCK này. Từ năm 2011, MSB là cổ đông lớn của NH Quân Đội, với tỷ lệ sở hữu lúc đó bằng 8,9% và đến giữa năm 2015 là 9,95%. Năm 2015, MSB còn đầu tư và nắm giữ 4,99% VĐL của PG Bank. Từ suốt năm 2010 cho đến 2015, Maritime luôn là cổ đông lớn, sở hữu 11% VĐL của CTCP Tài chính Dệt May Việt Nam (TFC) - công ty con của Tập đoàn Dệt May (Vinatex).

Tháng 12/2014, Vinalines đã thoái hết hơn 20 triệu cổ phần MSB (2,52% VĐL) bằng hình thức bán đấu giá trên HNX. Các công ty thành viên, công ty liên kết của Vinalines cũng đã thoái hầu hết vốn khỏi MSB và tổng tỷ lệ sở hữu còn lại dưới 1%. VNPT là tổ chức sở hữu nhiều cổ phần MSB nhất, nhưng cũng đã xác định là sẽ thoái toàn bộ 71,6 triệu cổ phần này (8,95%).

Vào lúc này, Maritime nắm giữ 9,4% VĐL của MDB. Gia đình ông Trần Anh Tuấn vẫn kiểm soát cả hai NH. Công ty TNHH Đầu tư Phúc Tiến nắm giữ 4,9% VĐL của MSB và 10% VĐL của MDB.

4. Hoạt động kinh doanh và nợ xấu

Bảng 38 và 39 trình bày kết quả hoạt động kinh doanh của MSB và MDB từ năm 2010 đến 2014. Năm 2010, MSB đạt đỉnh cao về lợi nhuận kế toán, nhưng sau đó đã tụt dốc nhanh chóng. Xét về ngân lưu thì thực ra là Maritime đã có dòng tiền âm từ hoạt động kinh doanh vào năm 2011, và sau đó tiền ròng thu về từ HĐKD trong những năm 2012-2014 là thấp hơn lợi nhuận kế toán. Một điểm đáng chú ý là mặc dù có vốn CSH gấp 7,5 lần và tổng tài sản gấp 14 lần, nhưng lợi nhuận kế toán trước thuế của MSB chỉ cao hơn MDB 24%.

Bảng 38: Kết quả hoạt động kinh doanh của MSB, 2010-2014

	2010	2011	2012	2013	2014
Lợi nhuận trước thuế	1.518,2	1.036,6	255,4	401,2	162,0
Lợi nhuận sau thuế	1.157,1	797,3	226,4	329,9	142,8
ROE	23,42%	10,08%	2,44%	3,57%	1,52%
ROA	1,29%	0,69%	0,20%	0,30%	0,14%
Ngân lưu ròng từ HĐKD	759,1	-255,7	117,0	278,9	819,0

Nguồn: BCTC và BCTN của MSB các năm 2011-2014.

Bảng 39: Kết quả hoạt động kinh doanh của MDB, 2010-2014

	2010	2011	2012	2013	2014
Lợi nhuận trước thuế	211,7	500,4	147,1	110,0	130,7
Lợi nhuận sau thuế	162,4	380,8	115,1	63,5	105,5
ROE	6,68%	9,89%	2,93%	1,60%	2,63%
ROA	1,64%	2,77%	1,22%	0,84%	1,53%
Ngân lưu ròng từ HĐKD	99,1	405,8	23,5	108,1	119,1

Nguồn: BCTC và BCTN của MDB các năm 2011-2014.

Mặc dù dư nợ cho vay chỉ chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong tổng tài sản, nợ xấu của MSB là rất đáng quan ngại (Bảng 40). Tỷ lệ nợ xấu chính thức đã tăng từ 1% năm 2010 lên 5,8% cuối quý 2/2015. Nhưng đó là chưa tính đến 8.325 tỷ đồng nợ xấu mà MSB đã chuyển cho VAMC. Tính cả số nợ này, thì tỷ lệ nợ xấu của MSB là 33,1%.

Bảng 40: Tỷ lệ nợ xấu chính thức của MSB và MDB, 2010-2015 (tỷ VND)

	2010	2011	2012	2013	2014	2015.Q2
MSB						
Tỷ lệ nợ xấu	0,99%	2,27%	2,65%	2,71%	5,16%	5,80%
Tỷ lệ nợ xấu (kể cả nợ đã bán cho VAMC) *				4,47%	18,81%	33,13%
MDB						
Tỷ lệ nợ xấu		2,08%	3,46%	2,65%	5,10%	5,68%
Tỷ lệ nợ xấu (kể cả nợ đã bán cho VAMC) *				3,25%	6,09%	6,17%

Ghi chú: MSB 2015 là quý 2/2015 và MDB 2015 là quý 1/2015

Nguồn: BCTC và BCTN của MSB và MDB năm 2011-2014; BCTC của MSB quý 2/2015 và của MDB quý 1/2015.

Tỷ lệ nợ xấu chính thức của MDB cũng ở mức rất giống với MSB. Tuy nhiên, nợ xấu mà MDB chuyển cho VAMC là rất nhỏ bé (33,1 tỷ đồng tính lũy tích đến cuối quý 1/2015).

5. Sáp nhập MDB vào MSB

Từ quý 3/2014, Maritime đã lên kế hoạch nhận sáp nhập MDB. Vì Maritime đã nắm trên 9% cổ phần của MDB, và hai NH lại được kiểm soát bởi cùng một nhóm cổ đông nên việc sáp nhập là theo hướng gom về cùng một chủ, xóa tên NH nhỏ bé là MDB. Cũng vì vậy, tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu là 1:1. Đề án sáp nhập được NHNN chính thức chấp thuận vào đầu năm 2015 và giao dịch sáp nhập diễn ra vào tháng 8/2015.

Bảng 41 trình bày BCTC của MSB trước và sau khi nhận sáp nhập MDB. Có thể thấy rằng tổng tài sản của cả hai NH đều suy giảm từ đầu cho đến giữa năm 2015. Tổng tài sản của MSB sau khi sáp nhập cũng chỉ trên 100.000 tỷ đồng một chút. MSB còn nhận sáp nhập Công ty Tài chính Dệt May Việt Nam (VĐL 600 tỷ đồng), một TCTD mà MSB là cổ đông lớn trong nhiều năm.

Bảng 41: Tóm tắt thông tin tài chính của Maritime tại thời điểm trước và sau sáp nhập

	31/7/2015	31/8/2015	30/9/2015
Vay NHNN	38,3	38,7	38,7
Tiền gửi và vay các TCTD	20.531,3	19.864,0	17.972,0
Tiền gửi của khách hàng	61.186,2	62.560,5	62.903,3
Giấy tờ có giá	3.000,0	3.094,0	3.277,3
Nợ khác	2.156,2	2.058,7	2.235,0
Vốn chủ sở hữu	9.352,1	13.587,6	13.490,2
Tiền gửi, cho vay các TCTD	11.445,4	13.160,0	11.199,1
Cho vay khách hàng	20.009,6	22.738,0	20.814,2
Chứng khoán kinh doanh và đầu tư	44.768,6	46.356,6	45.956,4
Góp vốn	749,1	749,1	979,4
Tài sản có khác	14.284,7	14.608,1	15.446,0
Phải thu	9.635,9	9.665,1	9.442,5
Lãi và phí phải thu	3.973,5	4.265,9	3.642,6
Tài sản có khác	719,0	717,5	2.466,9
Tổng tài sản	96.401,1	101.347,3	99.323,4

Nguồn: Công bố thông tin của MSB.

XIX. CÁC OĐ.BANK

Như trình bày ở trên, trong năm 2015, NHNN đã mua bắt buộc ba NHNTCP với giá 0 đồng trên cơ sở các NH này kinh doanh thua lỗ, vốn chủ sở hữu đã âm, đã không thành không khi tái cấu trúc trong bối cảnh mà lãnh đạo Chính phủ và lãnh đạo NHNN đã tuyên bố là không để NH nào phá sản. Ba OĐ.Bank này có một số điểm chung đáng chú ý: (i) đi lên từ những NHTMCP nông thôn nhỏ bé và trong thời gian ngắn phải tăng VĐL để đạt mức 3.000 tỷ VND trở lên; (ii) có cơ cấu sở hữu chéo, qua đó cổ đông kiểm soát NH lấy tiền của chính NH để cho vay, đầu tư vào các DN, dự án khác của mình; (iii) không phải là NH niêm yết, và (iv) không có cổ đông nước ngoài.

1. Từ Trustbank đến VNCB rồi CBBank

NHTMCP Đại Tín (Trustbank) được thành lập vào ngày 17/9/2007 sau khi được chuyển đổi từ mô hình NHTMCP nông thôn sang đô thị.¹⁷¹ Tiền thân của Trustbank là NHTMCP Nông thôn Rạch Kiến thành lập vào năm 1989 tại Tân An, Long An.¹⁷² Trustbank là một tình huống điển hình cho một NHTMCP nông thôn nhỏ bé đã tăng trưởng bùng nổ sau khi được chuyển đổi thành NHTMCP đô thị, thực hiện lộ trình tăng VDL mạnh mẽ, có tỷ lệ cổ phần rất cao thuộc sở hữu của một cổ đông, và rồi nhanh chóng rơi vào tình trạng yếu kém.

Bảng 42 trình bày vốn, tiền gửi, cho vay, đầu tư và kết quả hoạt động kinh doanh của NH trước và sau khi chuyển đổi.

Bảng 42: Tóm tắt thông tin tài chính NHTMCP Đại Tín, 2004-2011 (tỷ VND)

Năm	VDL	Vốn CSH	Tiền gửi	Cho vay	Đầu tư CK	Tổng tài sản	ROE	ROA	NPL
2004	13,1	16,3	89,9	128,5	0,0	145,8	-	-	-
2005	70,0	91,2	127,9	187,7	0,0	243,1	8,18%	2,26%	-
2006	203,4	211,8	168,8	306,4	6,8	435,9	4,29%	1,91%	-
2007	504,1	577,8	311,2	831,2	6,8	1.142,6	5,87%	2,94%	-
2008	504,1	582,4	2.015,5	1.624,3	3,5	2.990,4	3,58%	1,00%	0,12%
2009	1.500,0	1.558,4	3.896,5	5.214,0	639,7	8.527,7	4,27%	0,79%	0,04%
2010	3.000,0	3.255,4	8.948,4	10.051,7	3.112,2	19.761,6	9,81%	1,67%	0,29%
2011	3.000,0	3.219,0	11.173,0	11.930,6	4.574,7	27.129,5	5,07%	0,70%	1,65%

Nguồn: BCTC NHTM Rạch Kiến và Đại Tín các năm 2005-2011.

Trustbank là một tình huống điển hình cho một NHTMCP nông thôn nhỏ bé đã tăng trưởng bùng nổ sau khi được chuyển đổi thành NHTMCP đô thị, thực hiện lộ trình tăng VDL mạnh mẽ, có tỷ lệ cổ phần rất cao thuộc sở hữu của một cổ đông, và rồi nhanh chóng rơi vào tình trạng yếu kém.

VDL của Trustbank đã được tăng mạnh và đến năm 2010 thì đạt đủ 3.000 tỷ đồng theo đúng quy định. Cùng với sự tăng vốn này là sự gia tăng dư nợ cho vay lên 39 lần và tổng tài sản lên 62 lần từ năm 2006 cho đến 2011. Từ năm 2009, Trustbank cũng đầu tư mạnh vào chứng khoán, trong đó giá trị lớn nhất là TPDN (2.000 tỷ đồng mệnh giá, bằng 16,8% tổng dư nợ vào cuối 2011). Dư nợ cho vay luôn cao hơn tiền gửi huy động từ cá nhân và các TCKT buộc Trustbank phải lệ thuộc vào huy động từ thị trường liên NH. Thế nhưng, tỷ lệ nợ xấu của NH được báo cáo ở mức vô cùng thấp, và đến năm 2011 mặc dù có tăng nhưng cũng chỉ bằng 1,65% tổng dư nợ.

Sau khi trở thành NHTMCP đô thị, Trustbank vẫn đặt trụ sở tại Tân An và chịu sự quản lý của NHNN Chi nhánh Long An. Theo công bố thông tin chính thức, Trustbank có các cổ đông DNNN là Agribank, Công ty Lương thực Long An và ba cơ quan văn phòng Nhà nước (toàn bộ phần vốn đầu tư của nhà nước chỉ chiếm 1,46% VDL Trustbank vào cuối năm 2011). Cổ đông tổ chức còn lại của NH là CTCP Đầu tư Phát triển Phú Mỹ với cổ đông nắm quyền kiểm soát là bà Hứa Thị Phấn.

Trên thực tế, Trustbank thuộc sự kiểm soát của một cá nhân là bà Hứa Thị Phấn. Không là TV HĐQT, bà Phấn giữ vai trò “cố vấn cao cấp” của NH. Ngoài sở hữu thông qua CTCP Đầu tư Phát triển Phú

¹⁷¹ Ngày 17/08/2007, Thống đốc NHNN ký Quyết định số 1931/QĐ-NHNN chấp thuận chuyển đổi NHTMCP Nông thôn Rạch Kiến thành NHTMCP đô thị. Ngày 17/09/2007, NH chính thức đổi tên thành NHTMCP Đại Tín, theo Quyết định số 2136/QĐ-NHNN của NHNN.

¹⁷² Năm 1993, NHNN cấp Giấy phép số 0047/NHGP ngày 29/12/1993 cho Rạch Kiến.

Mỹ, bà Phấn dùng các cá nhân khác đứng tên để góp vốn trong quá trình Trustbank tăng VDL vào năm 2009 và 2010. Kết quả là 84,92% cổ phần của Trustbank thuộc sự kiểm soát của bà Phấn tính tại thời điểm năm 2011. Sau khi Trustbank bị kiểm soát đặc biệt, CQTTGS của NHNN xác định các cá nhân đứng tên thay bà Hứa Thị Phấn đã vay 3.582 tỷ đồng từ Trustbank thông qua 29 hợp đồng tín dụng (cả tín chấp và thế chấp bằng BĐS) trong thời gian 2009-2012. Vậy, rõ ràng là cổ đông lớn nhất của Trustbank đã nắm quyền kiểm soát toàn bộ NH với tỷ lệ sở hữu vượt nhiều lần giới hạn theo luật định nhờ việc đứng tên các cá nhân có liên quan. Nguy hiểm hơn, cũng qua các cá nhân và tổ chức có liên quan, cổ đông lớn của Trustbank đã góp vốn vào NH bằng tiền vay từ chính NH.

Một loạt các công ty BĐS được bà Hứa Thị Phấn sáng lập, làm giám đốc, chủ tịch HĐQT và/hay đại diện theo pháp luật:

- CTCP Phú Mỹ (đầu tư Dự án KĐT Phú Mỹ Garden II tại Long An)
- Công ty TNHH Phú Mỹ (đầu tư Dự án KCN Tân Đông Hiệp B tại Dĩ An, Bình Dương)
- CTCP Phú Mỹ Á Châu
- Công ty TNHH Địa ốc Lam Giang (đầu tư Dự án The Star City và Dự án The Go-Go City)
- Công ty TNHH TM SX Lam Giang Công ty Nam Sài Gòn
- CTCP Xây dựng & Địa ốc Phúc Nguyễn
- Công ty TNHH Phúc Nguyễn
- CTCP Nông sản Cửu Long
- CTCP Nông sản Cửu Long – Sóc Trăng
- Công ty TNHH Đầu tư Hóa dầu Mekong

Từ năm 2010, Trustbank góp vốn, nắm giữ 11% VDL của CTCP Địa ốc Lam Giang. Đến năm 2011, Trustbank góp vốn vào CTCP Phú Mỹ (9,5% VDL) và Công ty TNHH Phú Mỹ (10% VDL). Sử dụng các công ty của mình, bà Hứa Thị Phấn còn mua BĐS rồi bán lại cho Trustbank để thu lợi nhuận từ chênh lệch giá.¹⁷³

Theo BCTC năm 2011 của Trustbank (được công bố rộng rãi), cho vay BĐS của NH chỉ chiếm 2,8% tổng dư nợ, và cho vay xây dựng chiếm 13,2%. Nhưng, các khoản cho vay được phân loại là hoạt động “cá nhân”, “cộng đồng” và “dịch vụ tại hộ gia đình” cộng lại chiếm tới 53,1% tổng dư nợ. Đến cuối tháng 2/2012, theo CQTTGS của NHNN, Trustbank đã cho vay, đầu tư TPDN và góp vốn vào các công ty BĐS, tổng cộng chiếm 53% tổng tài sản của NH.

Như đã trình bày, Trustbank vẫn tuyên bố có tình hình tài chính bình thường qua các BCTC được kiểm toán cho đến năm 2011. Nhưng thanh khoản của NH đã có vấn đề và không thể che giấu. So với các NHTM khác thì mức vay liên NH ròn 3.708 tỷ đồng vào cuối năm 2011 là không lớn về giá trị tuyệt đối, nhưng nó tương đương với 33,2% tổng giá trị Trustbank huy động tiền gửi từ cá nhân và doanh nghiệp. Trustbank cũng phải vay NHNN để giải quyết thanh khoản (786 tỷ đồng vào cuối năm 2010 và 823 tỷ đồng vào cuối năm 2011). Khó khăn thanh khoản là dấu hiệu để NHNN bước vào

¹⁷³ Tháng 1/2008, bà Hứa Thị Phấn mua BĐS tại số 05 Phạm Ngọc Thạch, Quận 1, TP.HCM (gồm 621 m² đất và nhà trên đất) từ ông Nguyễn Xuân Lai với giá 21.762,3 lượng vàng SJC (tương đương 386,9 tỷ đồng theo giá vàng thị trường tại thời điểm đó). Sau đó đến tháng 10, bà Phấn đã bán lại BĐS này cho Công ty Địa ốc Lam Giang với giá 25.000 lượng vàng. Theo thông tin từ thông báo nộp thuế ngày 16/2/2012 của Cục Thuế TP.HCM, bà Phấn lại bán BĐS này vào cuối năm 2012 cho Trustbank với giá 1.260 tỷ đồng (gồm 2 tỷ đồng giá trị nhà và 1.258 tỷ đồng giá trị đất – tương đương 2 tỷ đồng/m² đất!). Bất động sản này được tính vào giá trị xây dựng dở dang trong hạng mục tài sản khác trên bảng cân đối kế toán của Trustbank.

thanh tra. Đến tháng 2/2012, Đại Tín được NHNN chính thức xác định là một trong 9 NHTM yếu kém phải tái cơ cấu và bị kiểm soát đặc biệt. NHNN thành lập Tổ giám sát Trustbank do các cán bộ lãnh đạo của Chi nhánh NHNN tại Long An điều hành.¹⁷⁴ Mọi giao dịch có giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên đều phải được Tổ giám sát thông qua.

Theo BCTC năm 2012 (chỉ gửi cho một số cổ đông, CQ QLNN và NH đối tác), tỷ lệ nợ xấu của của Trustbank là 82,5% tổng dư nợ, chưa tính các khoản đầu tư TPDN và góp vốn. NH có tới 10.442 tỷ đồng trong 13.316 tỷ đồng tổng dư nợ cho vay được xếp vào nợ nhóm 4 (nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm).

Tính đến cuối năm 2012, giá trị trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của Trustbank là 3.168 tỷ đồng. Khoản đầu tư TPDN 2.000 đồng hoàn toàn là nợ xấu và phải dự phòng rủi ro. Trong 1.038 tỷ đồng góp vốn vào các DN, 912 tỷ đồng đầu tư vào các công ty BĐS liên quan đến bà Phấn cũng phải trích lập dự phòng rủi ro. Ngoài ra, chi phí xây dựng dở dang và các khoản phải thu còn có giá trị dự phòng rủi ro 210 tỷ đồng. Cộng lại tất cả, bốn khoản trích lập dự phòng rủi ro trong năm 2012 lên tới 6.310 tỷ đồng. Cộng với khoản lỗ từ hoạt động tín dụng (do chi phí lãi vay trả cho vốn huy động cao hơn thu nhập từ lãi cho vay), lỗ lũy kế của NH tại thời điểm ngày 31/12/2012 là 8.671 tỷ đồng. Với khoản lỗ khổng lồ này, vốn chủ sở hữu của Trustbank là -5.616 tỷ đồng vào cuối năm 2012.

Vào ngày 6/9/2012, Trustbank đã được NHNN chấp thuận về mặt chủ trương phương án tái cơ cấu,¹⁷⁵ theo đó bà Hứa Thị Phấn sẽ chuyển nhượng cổ phần của mình tại Trustbank cho một nhóm cổ đông mới gồm Tập đoàn Thiên Thanh và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tập đoàn này. Hoạt động kinh doanh chính của Thiên Thanh là sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư BĐS. Tiền thân của Thiên Thanh là Doanh nghiệp Gạch bông Hương Sơn thành lập năm 1964 ở Quảng Ngãi. Năm 2000, Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Thanh được cấp phép đăng ký kinh doanh tại TP.HCM với 1.000 tỷ đồng VDL, trong đó ông Phạm Công Danh sở hữu 80%. Đến năm 2011, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của TĐ Thiên Thanh lần lượt là 1.218 và 3.003 tỷ đồng. Với lợi nhuận sau thuế 188 tỷ đồng, ROE và ROA của Thiên Thanh là 15,5% và 6,3%.

Sau này, trả lời chất vấn trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thống đốc NHNN nói: “NHNN, Ban Chỉ đạo Tái cơ cấu và Chính phủ đều cho rằng TĐ Thiên Thanh có năng lực tài chính”.¹⁷⁶

Ngày 9/10/2012, bà Hứa Thị Phấn thực hiện giao dịch chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình tại Trustbank (84,92% VDL) cho nhóm cổ đông mới. Giá trị của giao dịch này được xác định là 4.620 tỷ đồng, nhưng không phải là có tiền thực. 4.620 tỷ đồng là tổng nghĩa vụ nợ của bà Phấn đối với Trustbank được xác định tại thời điểm này. Thứ nhất là khoản 3.582 tỷ đồng vay của 29 cá nhân

¹⁷⁴ Ông Hà Tấn Phước, PGĐ Chi nhánh NHNN Long An, làm Tổ trưởng Tổ giám sát từ tháng 2/2012 đến tháng 10/2013. Ông Lê Văn Thanh, Chánh Thanh tra Chi nhánh NHNN Long An, làm Tổ trưởng Tổ giám sát từ tháng 10/2013 đến tháng 5/2014.

¹⁷⁵ Theo Văn bản số 652/NHNN-TTGSNH.m ngày 6/9/2012, Thống đốc NHNN đã có chấp thuận nguyên tắc phương án tái cơ cấu Trustbank.

¹⁷⁶ Báo Điện tử VNExpress, “Thống đốc giải trình về sai phạm tại VNCB”, ngày 29/9/2014. Truy cập tại địa chỉ: <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/ebank/ngan-hang/thong-doc-giai-trinh-ve-sai-pham-tai-vncb-3086230.html>, ngày 10/10/2015.

đúng tên thay cho bà Phấn. Thứ hai là 135 tỷ đồng Trustbank tạm ứng trực tiếp cho bà Phấn. Thứ ba là 903 tỷ đồng mà Trustbank góp vốn vào ba công ty BĐS của bà Phấn.¹⁷⁷

- Nghĩa vụ nợ của bà Hứa Thị Phấn đối với Trustbank
 - Số tiền bà Phấn nhờ 29 cá nhân vay Trustbank: 3.581,7 tỷ đồng
 - Tiền Trustbank tạm ứng cho bà Phấn: 135,0 tỷ đồng
 - Tiền Trustbank góp vốn vào các công ty BĐS của bà Phấn: 902,9 tỷ đồng
- Giá trị chuyển nhượng 84,92% cổ phần Trustbank trên giấy: 4.619,6 tỷ đồng

Sau giao dịch trên, bà Hứa Thị Phấn mất sở hữu cổ phần tại Trustbank, nhưng cũng thoát nghĩa vụ trả nợ cho NH. Nhóm cổ đông mới của ông Phạm Công Danh sở hữu Trustbank và cũng nhận nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Phấn. Vậy, trước năm 2013, Trustbank nằm trong mạng lưới sở hữu chéo với các cá nhân và tổ chức kinh doanh BĐS liên quan tới bà Hứa Thị Phấn. Từ năm 2013, Trustbank nằm trong mạng lưới sở hữu chéo với các cá nhân và tổ chức kinh doanh BĐS liên quan tới ông Phạm Công Danh. Về bản chất, NHNN đã chọn phương án dùng sở hữu chéo mới thay cho sở hữu chéo cũ để tái cơ cấu một NH không phải là chỉ yếu kém mà đã thực sự phá sản.

Câu hỏi đặt ra là động cơ gì khiến ông Phạm Công Danh và TĐ Thiên Thanh “mua” Trustbank, một NH đã âm vốn lớn và có nợ xấu khổng lồ, rồi lại còn cam kết tăng thêm VDL để tái cơ cấu? Những gì ông Phạm Công Danh làm đối với Trustbank chỉ trong vòng 1 năm rưỡi (từ đầu năm 2013 đến giữa 2014) sẽ giúp trả lời câu hỏi này.

Ngày 15/01/2013, Trustbank tổ chức ĐHCĐ thường niên và thông qua phương án tái cơ cấu, trong đó các cổ đông mới gồm TĐ Thiên Thanh và 20 cổ đông cá nhân có liên quan nắm giữ 84,04% cổ phần (Thiên Thanh sở hữu 9,67% và 20 cổ đông cá nhân có liên quan sở hữu 74,37% VDL của NH). TĐ Thiên Thanh tuyên bố sẽ giữ vai trò đối tác chiến lược của Trustbank. Đến tháng 5, Trustbank được đổi tên thành NHTMCP Xây dựng Việt Nam (VNCB) và thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ lên 7.500 tỷ đồng.¹⁷⁸ Tỷ lệ nợ xấu theo BCTC của VNCB giảm từ 82,5% cuối năm 2012 xuống 54,6% vào cuối quý 2/2013.

Cuối năm 2013, VNCB thông báo việc tăng VDL thêm 4.500 tỷ đồng đã hoàn tất. UBCKNN, vào ngày 6/1/2014, xác nhận VNCB chào bán thành công 450 triệu cổ phần riêng lẻ sau khi nhận Báo cáo số 365/2013/BC-VNCB ngày 25/12/2013 của VNCB.¹⁷⁹ Thế nhưng sau này, khi trả lời phỏng vấn báo chí,

¹⁷⁷ Trong 903 tỷ đồng góp vốn, 571 tỷ đồng được góp vào CTCP Phú Mỹ; 137 tỷ đồng vào Công ty TNHH Phú Mỹ; và 195 tỷ đồng vào Công ty TNHH Địa ốc Lam Giang.

¹⁷⁸ Ngày 23/05/2013, Thống đốc NHNN VN ban hành quyết định số 1161/QĐ-NHNN chấp thuận việc thay đổi tên gọi từ NHTMCP Đại Tín thành NHTMCP Xây dựng Việt Nam.

¹⁷⁹ Thông tin công bố của UBCKNN. Truy cập vào ngày 10/10/2015 tại địa chỉ:

http://ssc.gov.vn/ubck/faces/oracle/webcenter/portalapp/pages/vi/noidungtin.jspx?_afWindowId=null&_afLoop=1019782730826812&dDocName=APPSSCGOVVN162085815&_afWindowMode=0&_adf.ctrl-state=16h2mnm30c_4#%40%3F_afWindowId%3Dnull%26_afLoop%3D1019782730826812%26dDocName%3DAPPSSCGOVVN162085815%26_afWindowMode%3D0%26_adf.ctrl-state%3Ddupijhe152_4

Thống đốc NHNN lại cho biết: “tiền mặt còn giữ tại ngân hàng, số tiền đã nộp vào để tăng vốn điều lệ nhưng NHNN chưa cấp phép cho tăng, là 4.500 tỉ đồng”.¹⁸⁰

Theo kết quả điều tra của CQCSĐT, Bộ Công An, số tiền tăng VDL của VNCB có nguồn gốc từ các khoản vay BIDV của các công ty mà giám đốc là những người có liên quan tới ông Phạm Công Danh. Ông Danh thành lập các doanh nghiệp này và nhờ người thân, quen đứng tên giám đốc, đứng tên sở hữu cổ phần của VNCB, nhưng tất cả con dấu và giấy chứng nhận cổ phần là do ông Danh nắm giữ.

Cũng trong cùng lần trả lời chất vấn trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã trích dẫn ở trên, Thống đốc NHNN nói: “Hoạt động sai trái của cổ đông này không diễn tại VNCB, mà thông qua hoạt động vay mượn ở nơi khác. Giám sát tại chỗ chúng tôi không nhận thấy dấu hiệu sai phạm, mà phải kiểm tra ở nơi khác và kịp thời phối hợp với cơ quan công an.”¹⁸¹ Đúng là việc tăng VDL cho VNCB là từ vay BIDV nên sai phạm diễn ra ở “nơi khác”. Nhưng việc ông Phạm Công Danh là “ông chủ duy nhất và có quyền quyết định tại VNCB và các DN liên quan”¹⁸² rồi “rút tiền” từ chính VNCB cho cá nhân và các DN của mình là sai tại chính VNCB vẫn đang bị NHNN giám sát đặc biệt.

Mặc dù báo cáo giảm được nợ xấu, nhưng VNCB tiếp tục lỗ và mức âm vốn chủ sở hữu tiếp tục gia tăng trong năm 2013 (vốn CSH -7.869 tỷ đồng vào 30/9/2013). Tiền gửi do VNCB huy động từ người dân và các TCKT tăng từ 15.823 tỷ đồng cuối năm 2012 lên 34.000 tỷ đồng vào cuối quý 2/2014. Như vậy, trong vòng một năm rưỡi, VNCB đã tăng huy động tiền gửi lên 18.177 nghìn tỷ đồng.

Kết luận của CQCSĐT là từ tháng 12/2012 đến tháng 3/2014, ông Phạm Công Danh thông qua các cá nhân và tổ chức có liên quan đã rút 18.637 tỷ đồng từ VNCB.^{183, 184} Số tiền này rất khớp với giá trị huy động tiền gửi tăng thêm của VNCB trong khoảng thời gian này. Một sự trùng khớp về giá trị nữa là giữa tổng nợ phải trả của VNCB và số tiền mà NHNN cho rằng phải hỗ trợ cho VNCB. Tính tại thời điểm giữa năm 2014, tổng nợ phải trả của VNCB gồm 34.000 tỷ đồng tiền gửi của khách hàng, 3.400 tỷ đồng tiền vay các TCTD và NHNN, và 1.200 tỷ đồng nợ khác. Số tiền hỗ trợ cho VNCB theo NHNN là 40.000 tỷ đồng.¹⁸⁵

Sau đây là những gì xảy ra đối với VNCB trong năm 2015:

¹⁸⁰ Thời báo Kinh tế Sài Gòn, “Thống đốc Nguyễn Văn Bình “Đi tới cùng tái cơ cấu ngân hàng””, ngày 7/8/2015. Truy cập tại địa chỉ: <http://www.thesaigontimes.vn/134015/Thong-doc-Nguyen-Van-Binh-Di-toi-cung-tai-co-cau-ngan-hang.html>, ngày 10/10/2015.

¹⁸¹ Báo Điện tử VNExpress, “Thống đốc giải trình về sai phạm tại VNCB”, ngày 29/9/2014. Truy cập tại địa chỉ: <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/ebank/ngan-hang/thong-doc-giai-trinh-ve-sai-pham-tai-vncb-3086230.html>, ngày 10/10/2015.

¹⁸² Kết luận điều tra của CQCSĐT. Theo Báo Điện tử Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), “Đề nghị truy tố 49 bị can ‘rút ruột’ hàng ngàn tỉ đồng ở VNCB”, ngày 7/12/2015. Truy cập tại địa chỉ: <http://vov.vn/tin-nong/de-nghi-truy-to-49-bi-can-rut-ruot-hang-ngan-ti-dong-o-vncb-457066.vov>, ngày 1/1/2016.

¹⁸³ Báo Thanh Niên, trang nhất, số ra ngày 7/12/2015.

¹⁸⁴ Trước áp lực bị điều tra, VNCB và TĐ Thiên Thanh vào tháng 3/2014 đã công bố cho báo chí kế hoạch triển khai gói tín dụng 50.000 tỷ đồng trong lĩnh vực BĐS thông qua chuỗi liên kết 4 nhà (ngân hàng, nhà sản xuất vật liệu xây dựng, nhà thầu và chủ đầu tư). Người công bố thông tin là ông Phan Thành Mai với vai trò TGD của VNCB, đồng thời là Tổng thư ký Hiệp hội bất động sản Việt Nam. Các NHTM khác được ông Mai nêu tên là sẽ tham gia lên tiếng phủ nhận và chương trình này sau đó được xác định là không có thật.

¹⁸⁵ Trả lời báo chí ngày 5/3/2015, Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Phước Thanh cho biết “Ngân hàng Nhà nước sẽ đưa ra 40.000 tỷ đồng để đưa Ngân hàng Xây dựng trở lại hoạt động bình thường”. Theo Thời báo Kinh tế Sài Gòn, “40.000 tỉ đồng để tái cơ cấu NH Xây dựng lấy từ đâu?”, ngày 5/3/2015. Truy cập tại địa chỉ: <http://www.thesaigontimes.vn/127271/40000-ti-dong-de-tai-co-cau-NH-Xay-dung-lay-tu-dau.html>, ngày 10/10/2015.

- 17/01/2015: ĐHCĐ bất thường để thông báo kết quả kiểm toán độc lập, thực trạng tài chính của NH đến 30/11/2014 và phương án bổ sung vốn điều lệ. Đại hội không đủ điều kiện tiến hành do tỷ lệ cổ đông tham dự chưa đạt tỷ lệ 65%.
- 24/01/2015: ĐHCĐ bất thường lần 2. Đại hội không đủ điều kiện tiến hành do tỷ lệ cổ đông tham dự chưa đạt tỷ lệ 65%.
- 31/01/2015: ĐHCĐ bất thường lần 3 đã quyết định không thông qua phương án bổ sung vốn điều lệ. Căn cứ Luật Các TCTD, QĐ 48/2013/QĐ-NHNN ngày 01/8/2013 về việc góp vốn, mua cổ phần bắt buộc của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và NQ của ĐHCĐ Ngân hàng Xây dựng, NHNN tuyên bố sẽ mua lại bắt buộc toàn bộ vốn cổ phần của Ngân hàng Xây dựng với giá bằng 0 đồng/1 cổ phần.
- 05/03/2015: Thống đốc NHNN đã ban hành quyết định 250/QĐ-NHNN về việc mua toàn bộ cổ phần và chuyển đổi Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam thành NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam (CBBank) do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- 05/03/2015: Vietcombank được NHNN chỉ định điều hành và tái cấu trúc VNCB.
- 06/11/2015: CQCSĐT của Bộ Công an công bố tổng cộng 49 bị can đã bị khởi tố liên quan đến vụ án VNCB và chuyển hồ sơ sang Viện KSND tối cao.

Nhìn lại, chúng ta thấy rằng tại thời điểm bắt đầu tái cơ cấu hệ thống NH Việt Nam năm 2011, Trustbank, mặc dù đã tăng trưởng nhanh, vẫn nằm trong nhóm các NHTMCP nhỏ nhất trong hệ thống, đứng thứ 30 về quy mô tổng tài sản hay dư nợ tín dụng trong tổng số 42 NHTMCP Việt Nam lúc đó.

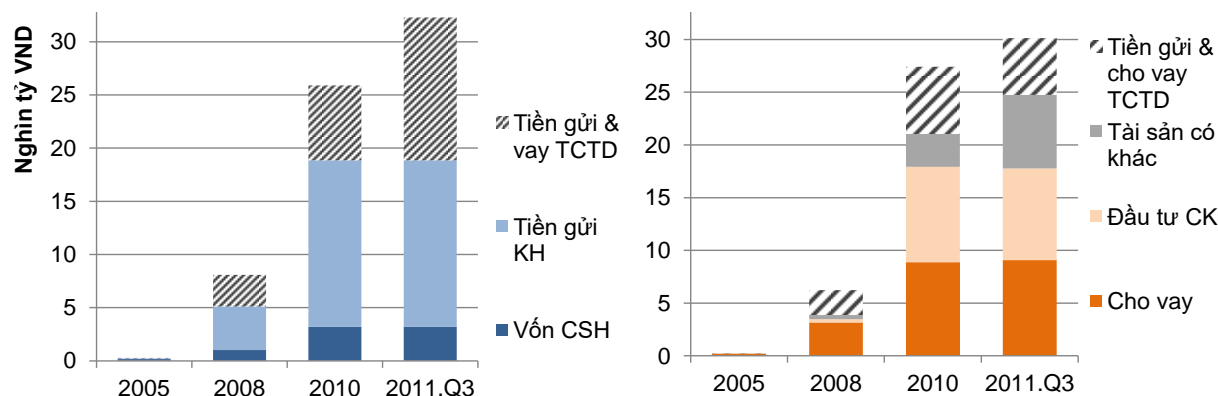
Nếu Trustbank được tái cơ cấu theo hướng cho phá sản ngay trong năm 2012 hay để Nhà nước tiếp quản lúc đó rồi tập trung thu hồi nợ, thanh lý tài sản và không cho NH huy động thêm tiền gửi của người dân, thì thiệt hại cũng chỉ là khoản âm vốn chủ sở hữu 5.600 tỷ đồng. Trách nhiệm bảo lãnh tiền gửi lúc đó cũng chỉ là 11.100 tỷ đồng. Con số giờ đây lên tới 40.000 tỷ đồng. Bài học rút ra là một NH yếu kém đã hay trên bờ vực phá sản luôn có động cơ hoặc đầu tư rủi ro theo kiểu đánh bạc để nếu thắng sẽ mong thoát chết hoặc là lừa đảo hoàn toàn theo kiểu rút ruột NH. Xử lý dứt điểm hiệu quả hơn là nuôi một khối ung thư theo kiểu bề ngoài thì nói là không phải tổn tiền nhà nước nhưng thực ra là đã phải bơm tiền để giữ cho khỏi đổ vỡ mà không thấy đường ra.

2. GP.Bank

Giống như Đại Tín, NHTMCP Dầu khí Toàn cầu (Global Petro Bank hay GP.Bank) được thành lập từ việc chuyển đổi một NHTMCP nông thôn vào đầu năm 2006.¹⁸⁶ Năm 2005, NHTMCP Nông thôn Ninh Bình chỉ có 135 tỷ đồng VDL, huy động 80 tỷ đồng tiền gửi và cho vay 214 tỷ đồng. Đến cuối năm 2010, tức là 5 năm sau khi trở thành GP.Bank, VDL của NH là 3.018 tỷ đồng, huy động 16.325 tỷ đồng tiền gửi để cho vay 9.073 tỷ đồng và đầu tư 8.704 tỷ đồng vào chứng khoán. (Xem Hình 58).

¹⁸⁶ NHTMCP Nông thôn Ninh Bình được thành lập theo giấy phép 0043/NH-GP của NHNN ngày 13/11/1993. NH được chuyển thành NHTM Dầu khí Toàn cầu và chuyển trụ sở về Hà Nội theo giấy phép 31/QĐ-NHNN của NHNN ngày 11/01/2006.

Hình 58: Nguồn vốn và tài sản của GP.Bank



Nguồn: BCTC NHTM Ninh Bình và Dầu khí Toàn cầu năm 2005, 2009-2010 và Q3/2011.

Có chữ dầu khí trong tên gọi, nhưng cổ đông liên quan tới Tập đoàn Dầu khí (PVN) là CTCP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu Khí Việt Nam (PVFI) chỉ nắm giữ 4,9% VĐL của GP.Bank tính tại thời điểm tháng 7/2010. Cổ đông tổ chức lớn nhất của NH là CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư FPT (tỷ lệ sở hữu là 8,9% vào tháng 7/2010 giảm xuống 5,8% vào cuối năm sau khi NH tăng VĐL), nhưng chỉ là nhà đầu tư thụ động, không tham gia quản trị, điều hành.

Hai cổ đông cá nhân kiểm soát GP.Bank là ông Tạ Bá Long – Chủ tịch và Đoàn Văn An – Phó Chủ tịch HĐQT. Theo Bản cáo bạch phát hành thêm cổ phần của GP.Bank vào tháng 7/2010, ông Tạ Bá Long và gia đình sở hữu 13,8%, còn ông Đoàn Văn An cùng gia đình sở hữu 9,6% VĐL của NH. Ngoài nắm quyền quản trị NH, hai cổ đông này còn sở hữu các DN đầu tư BĐS. Tạ Bá Long là chủ CTCP Du lịch Thương mại và Đầu tư Thủ Đô (và cũng là TV HĐQT PVFI). Đoàn Văn An là chủ CTCP Sân golf Ngôi sao Chí Linh tại Hải Dương.

Đến cuối năm 2010, GP.Bank vẫn báo cáo có lợi nhuận kế toán trong năm (ROE bằng 7,7%) và tỷ lệ nợ xấu chỉ ở mức 1,8%. Hình 56 cũng cho thấy phần nào trực trặc tài chính của GP.Bank khi nhìn vào thông tin tài chính của quý 3/2011. Trong năm 2011, cho vay và đầu tư CK hầu như không tăng, nhưng tiền gửi suy giảm và GP.Bank gặp khó khăn lớn về thanh khoản. Vay liên NH ròng của GP.Bank tăng từ 648 tỷ đồng cuối năm 2010 tăng lên 8.054 tỷ đồng vào cuối quý 3/2011. Khoản phải thu tăng lên từ 1.261 tỷ lên 5.634 tỷ đồng trong khoảng thời gian này. Nhưng tỷ lệ nợ xấu mà NH báo cáo chính thức chỉ có 1,4%. Sang năm 2012, GP.Bank nằm trong số 9 NH yếu kém được NHNN công bố công khai. Xét về quy mô, GP.Bank vẫn là một NH nhỏ, đứng thứ 25 về tổng tài sản và 32 về tổng dư nợ trong tổng số 42 NHTMCP Việt Nam vào cuối năm 2010.

Từ quý 4/2011, GP.Bank bắt đầu báo cáo lỗ liên tục, đến quý 3/2013 có mức lũy kế lên tới 4.288 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu bằng 37,1% vào giữa năm 2013, tăng lên 45,4% vào giữa năm 2015. Không có sự tham gia của cổ đông mới, nhóm cổ đông cũ vẫn nắm giữ quyền quản trị và điều hành GP.Bank.

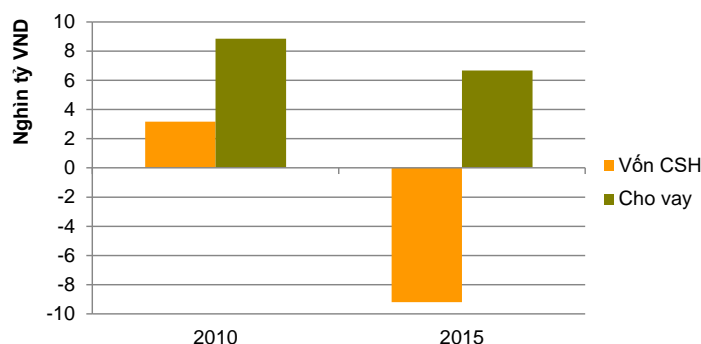
Đến cuối năm 2013, NHNN mở ra khả năng cho phép bán toàn bộ NH cho nhà đầu tư nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu tối đa của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài trong một NHTMCP là 30%. Nhưng Luật các TCTD cho phép chuyển đổi NHTMCP thành NHTM TNHH 100% vốn nước ngoài. United Overseas Bank (UOB) của Singapore bước vào đàm phán mua toàn bộ cổ phần của GP Bank, nhưng không thành công. Sau khi UOB rút, NHNN giới thiệu Hongleong của Malaysia, nhưng Hongleong rút sau 3 tháng khảo sát. Hai NHTMCP trong nước tham gia khảo sát tài chính, nhưng cũng quyết định không tham gia.

Chỉ đến trước lúc quyết định mua bắt buộc, NHNN mới công bố cho báo chí rằng tính đến tháng 4/2015 GP.Bank lỗ lũy kế 12.280 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu bằng âm 9.195 tỷ đồng.

Từ giữa tháng 6 cho đến đầu tháng 7/2015, GP.Bank tổ chức ba lần ĐHCĐ bất thường để tìm cách tăng VDL nhưng không được. Ngày 07/07/2015, NHNN quyết định mua bắt buộc toàn bộ cổ phần của cổ đông hiện hữu tại GP.Bank với giá 0 đồng, từ đó chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích và tư cách cổ đông của các cổ đông hiện hữu của GP.Bank.¹⁸⁷ GP.Bank thành OĐ.Bank thứ ba trong năm 2015. NHNN cũng chỉ định Vietinbank là NHTMNN tham gia quản trị và điều hành GP.Bank, sau khi NH này trở thành NH TNHH MTV thuộc sở hữu nhà nước.¹⁸⁸ Ngày 17/7/2015, CQCSĐT, Bộ Công an quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam ông Tạ Bá Long và Đoàn Văn An về hành vi “cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Giống như các NH yếu kém khác, câu chuyện GP.Bank vẫn chưa có hồi kết. Thực chất, NH đã là một TCKT bị phá sản với vốn CSH âm (Hình 59). Giờ đây Nhà nước phải lĩnh trách nhiệm hoàn trả toàn bộ tiền gửi và các nghĩa vụ nợ khác của NH. Một chút an ủi cho người dân Việt Nam nộp thuế là không như Trustbank, GP.Bank không có cổ đông nào mới vào lũng đoạn, vừa làm NH phình to ra và vừa làm trầm trọng thêm tình trạng tài chính.

Hình 59: Vốn CSH và dư nợ cho vay của GP.Bank, 2015 so với 2010



Nguồn: BCTC NHTM Dầu khí Toàn cầu cho năm 2010 và NHNN cho năm 2015.

3. OceanBank

NHTMCP Đại Dương (OceanBank), O.Đ.Bank thứ hai trong năm 2015, có nguồn gốc từ NHTMCP Nông thôn Hải Hưng được thành lập vào năm 1993.¹⁸⁹ Đầu năm 2007 trong trào lưu chuyển đổi từ NHTMCP nông thôn sang đô thị, NH Hải Hưng được chuyển đổi mô hình hoạt động và đổi tên thành NHTMCP Đại Dương.¹⁹⁰ Trong khi quy mô của NH Nông thôn Hải Hưng cũng nhỏ bé như Ninh Bình hay Rạch Kiến, OceanBank đã tăng trưởng nhanh chóng hơn nhiều so với Đại Tín hay GP.Bank và đến 2010 đã là một NHTM có quy mô trung bình (đứng thứ 17 về tổng tài sản và 22 về quy mô tín dụng trong 42 NHTMCP Việt Nam). (Xem Hình 60).

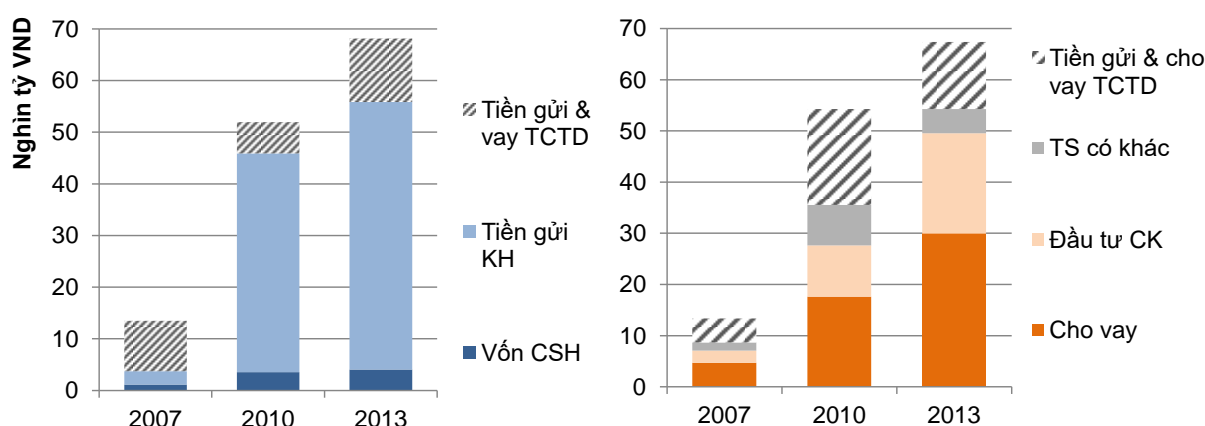
¹⁸⁷ Theo Quyết định 1304/QĐ-NHNN của NHNN ngày 7/7/2015.

¹⁸⁸ Theo Quyết định 1306/QĐ-NHNN của NHNN ngày 7/7/2015.

¹⁸⁹ Theo Giấy phép 0048/QĐ-NH của Thống đốc NHNN ngày 30/12/1993.

¹⁹⁰ Theo Quyết định 104/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN ngày 9/1/2007.

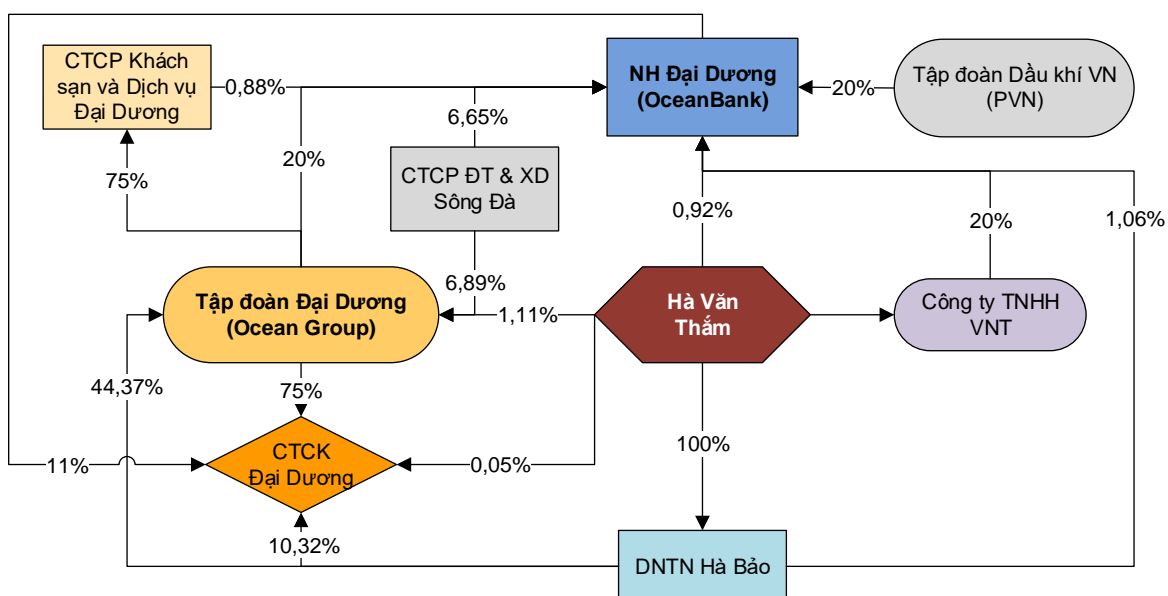
Hình 60: Nguồn vốn và tài sản của OceanBank, các năm 2007, 2010 và 2013



Nguồn: BCTC NHTM Đại Dương năm 2008, 2010 và 2013.

Mặc dù, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là cổ đông lớn, nắm giữ 20% VĐL, nhưng cổ đông kiểm soát OceanBank là ông Hà Văn Thắm, người đã trở thành cổ đông và giữ chức PCT HĐQT NHTMCP Nông thôn Hải Hưng vào đầu thập niên 2000. Hình 61 trình bày cấu trúc sở hữu của OceanBank tính tại thời điểm ngày 31/12/2013.

Hình 61: Cấu trúc sở hữu của OceanBank tính tại thời điểm 31/12/2013



Nguồn: BCTC, BCTN, BCQT và BCB của Oceanbank và các công ty có liên quan, năm 2013.

Hà Bảo là doanh nghiệp tư nhân (DNTN) do ông Hà Văn Thắm sở hữu 100%. Hà Bảo là cổ đông lớn nhất của TĐ Đại Dương, nắm giữ tới 44,4% VĐL. Công ty TNHH VNT cũng là doanh nghiệp mà ông Thắm nắm quyền kiểm soát và từng là TGD từ năm 1997 đến 2001. Mặc dù có tỷ lệ sở hữu trực tiếp rất thấp, nhưng Hà Văn Thắm kiểm soát OceanBank thông qua DNTN Hà Bảo, Tập đoàn Đại Dương và Công ty TNHH VNT. Thông qua các tổ chức này, ông Thắm đại diện tới 42,9% cổ phần của OceanBank tính tại thời điểm cuối năm 2013.

Báo cáo tài chính các năm 2010-2014 không thể hiện bất cứ một dấu hiệu xấu nào về tình hình tài chính của OceanBank. Như nhiều NH khác, tỷ lệ nợ xấu chính thức của NH tăng lên qua các năm, nhưng cũng không có gì là quá cao, từ 1,7% năm 2010 lên 2,1% năm 2011, 3,5% năm 2012 và 4,0%

năm 2013. Oceanbank vẫn có lợi nhuận liên tục và ngân lưu ròng dương từ hoạt động kinh doanh trong thời gian này.

Khác với Trustbank và GP.Bank, OceanBank không bị khó khăn thanh khoản trong năm 2010-2011. Ngược lại, NH lại là TCTD cho vay ròng trên thị trường liên NH trong những năm này. Trên thực tế, OceanBank đã huy động mạnh tiền gửi với mức lãi suất vượt trần và lách quy định bằng cách trả phần chênh lệch dưới dạng phí/hoa hồng cho người gửi tiền. Ở đây, cổ đông chiến lược PVN có vai trò lớn vì OceanBank nhận tiền gửi từ TĐ và các công ty con của PVN. Trả lời báo chí vào ngày 7/8/2015, Thống đốc NHNN giải thích “Những năm 2008-2011 mặt bằng lãi suất rất cao. Nếu anh huy động, cho vay vượt trần quy định, và sự chênh lệch lãi suất ấy làm lợi cho NH, tức NH hưởng, thì đã là sai phạm kinh tế. Còn nếu sự chênh lệch lại vào túi cá nhân nào đó, tổ chức nào đó, thì vấn đề đã thuộc phạm trù khác. Phải chờ kết luận của cơ quan điều tra”.¹⁹¹

Giống như bao trường hợp sở hữu chéo khác, ông Hà Văn Thắm và các DN của mình đã vay tiền từ OceanBank. Nhưng nếu chỉ theo BCTC công bố chính thức của NH thì TĐ Đại Dương và các công ty thành viên trong TĐ chỉ có dư nợ vay 258 tỷ đồng từ OceanBank vào 31/12/2013. Theo BCTC của TĐ Đại Dương thì TĐ và các công ty thành viên có khoản phải trả và dư nợ dài hạn từ OceanBank là 941 tỷ đồng vào cuối 2013.

Còn theo thông tin từ UBCKNN, DNTN Hà Bảo có nghĩa vụ trả nợ OceanBank, CTCK Đại Dương (OCS) và thế chấp bằng cổ phiếu TĐ Đại Dương (OGC) mà Hà Bảo sở hữu. Trong tháng 11/2014, CTCK Đại Dương đã bán giải chấp 47,5 triệu cổ phần OGC mà Hà Bảo thế chấp để cản trở nợ vay.

Đầu năm 2013, thị trường tài chính có tin đồn về việc nhóm cổ đông liên quan đến ông Hà Văn Thắm, OceanBank và TĐ Đại Dương đang thu tóm NH Bảo Việt. Gây chú ý, OceanBank bị NHNN thanh tra quyết liệt hơn. Chỉ sau khi ông Hà Văn Thắm cùng một số lãnh đạo khác của Ocean bị khởi tố và bắt tạm giam (tháng 10/2014), CQCSĐT mới có thông tin chung chung về việc OceanBank, dưới sự chỉ đạo và phê duyệt của ông Hà Văn Thắm, đã cho vay các DN không đúng quy định và nhiều khoản vay này không có khả năng thu hồi.¹⁹²

Được đánh giá là vốn chủ sở hữu đã âm, NHNN quyết định mua bắt buộc Oceanbank với giá 0 đồng vào ngày 6/5/2015.¹⁹³ Sau đó 2 ngày, NHNN chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank từ NHTMCP thành NH TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. VietinBank được chỉ định là NHTMNN đứng ra quản trị và điều hành OceanBank.

¹⁹¹ Thời báo Kinh tế Sài Gòn, “Thống đốc Nguyễn Văn Bình: “Đi tới cùng tái cơ cấu ngân hàng””, ngày 7/8/2015. Truy cập tại địa chỉ: <http://www.thesaigontimes.vn/134015/Thong-doc-Nguyen-Van-Binh-Di-toi-cung-tai-co-cau-ngan-hang.html>, ngày 1/1/2016.

¹⁹² Chỉ một ví dụ cụ thể được CQCSĐT đưa ra là OceanBank đã cho DN Trung Dung vay 500 tỷ đồng không có tài sản đảm bảo và Trung Dung không có khả năng hoàn trả.

¹⁹³ Theo Quyết định 663/QĐ-NHNN của NHNN ngày 6/5/2015.

*

* *

Các tình huống tái cấu trúc NHTM yếu kém ở trên cho thấy rằng về thực chất các NH yếu kém vẫn còn yếu kém. Thứ nhất, “tự tái cấu trúc”, “hợp nhất” hay “sáp nhập”, “tự nguyện” hay “bắt buộc” tái cơ cấu, nhưng tiền thực mới hoàn toàn không có để tăng lại vốn cho các NH này. Vì vậy, có phù phép như thế nào trên giấy thì cũng không thể lành mạnh hóa được các tổ chức tài chính yếu kém. Thứ hai, nhìn lại thời điểm cuối 2011 thì nếu Nhà nước mạnh tay tiếp quản ngay các NH đã âm vốn chủ sở hữu rồi thanh lý dần hay thậm chí cho phá sản thì giá trị nợ phải trả lúc đó thấp hơn nhiều so với nghĩa vụ nợ tiềm ẩn vào năm 2015. Thứ ba, việc để cho các NH âm vốn tiếp tục hoạt động, đặc biệt là gia tăng huy động tiền gửi từ người dân, cho dù đã bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt là cho các ngân hàng này tham gia một canh bạc mới theo kiểu nếu thắng cho dù với xác suất nhỏ thì có cơ thoát nợ còn nếu thua thì đảng nào cũng đã mất khả năng chi trả.

Phụ lục 1: Tóm tắt các sự kiện tái cơ cấu NHTM Việt Nam, 2011-2015

- **10/10/2011:** Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 11 quyết định tái cơ cấu nền kinh tế (Kết luận số 10-KL/TW ngày 18/10/2011).
- **Từ cuối T10/2011:** NHNN tiến hành đánh giá, phân loại các TCTD và xác định các NHTM yếu kém phải cơ cấu lại.
- **04/11/2011:** Trong phiên họp thường kỳ tháng 10 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh: “Dứt khoát phải kiểm soát không để ngân hàng nào đổ vỡ và bảo vệ lợi ích chính đáng của người dân gửi tiền”.
- **12/11/2011:** Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước bắt đầu chỉ đạo việc xây dựng Đề án cơ cấu lại Agribank. Agribank có nợ xấu cao phát sinh từ 2009 do thua lỗ tại các công ty con (vd: ALCII lỗ 4600 tỷ đồng) và thất thoát trong cho vay (vd: CN Nam Hà Nội bị lừa đảo khoản cho Lifepro VN vay 2.523 tỉ đồng cộng thiệt hại 231 tỉ đồng).
- **06/12/2011:** Hợp nhất ba NHTMCP là NTTMCP Sài Gòn (SCB), Tín Nghĩa (TNB) và Đệ Nhất (FCB).
- **Cuối 2011:** NHNN hoàn thành dự thảo Định hướng cơ cấu lại hệ thống ngân hàng VN giai đoạn 2011-2015. Nhiều số liệu đánh giá những rủi ro và yếu kém của các TCTD được trình bày trong bản dự thảo.
- **09/01/2012:** ANZ bắt đầu thoái vốn khỏi Sacombank (STB), bán hết 103,3 triệu cp (9,61% VDL) vào 28/2. Dragon Capital thoái hết vốn (61,1 triệu cp – 6,66%) vào 4/8/2011. REE bán hết 42,1 triệu cp (3,924%) STB vào T2/2012. Temasek bán 21,9 triệu cp (2,04%) STB vào 2/3/2012.
- **02/02/2012:** Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD do NHNN soạn thảo được Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo Bộ Chính trị để cho ý kiến.
- **09/02/2012:** NHNN trình Thủ tướng CP danh sách 6 NH buộc phải tái cơ cấu đợt 1. Không công bố tên 6 NH này.
- **13/02/2012:** Theo Chỉ thị 01/CT-NHNN, các NHTM thuộc nhóm 4 không được tăng trưởng tín dụng trong năm 2012. NHNN không công khai tên các NH phân vào 4 nhóm.
- **20/02/2012:** Eximbank, sở hữu 9,73% VDL của Sacombank và đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu trên 51%, có văn bản đề nghị bầu lại toàn bộ HĐQT, Ban kiểm soát của Sacombank tại ĐHCĐ tới.
- **01/03/2012:** Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 254/QĐ-TTg phê duyệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD.
- **06/03/2012:** NHNN công khai tên 9 ngân hàng yếu kém phải tái cơ cấu (đợt 1) là SCB, TNB, FCB, Nhà Hà Nội (HBB), Tiên Phong (TPB), Đại Tín (GTB), Dầu Khí Toàn Cầu (GPB), Nam Việt (NVB), Phương Tây (WTB).
- **18/04/2012:** NHNN đã ban hành Quyết định số 734/QĐ-NHNN phê duyệt Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015.
- **19/04/2012:** ĐHCĐ thường niên thông qua phương án tái cơ cấu TPB. Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI và các cổ đông liên quan nắm giữ 20% cổ phần của TPB.
- **23/04/2012:** NHNN ban hành Quyết định 780/QĐ-NHNN của Thống đốc về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Với QĐ này, các khoản nợ mà người vay được TCTD đánh giá là có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ.
- **26/05/2012:** ĐHCĐ Sacombank bầu các thành viên HĐQT mới. Tỷ lệ người của PNB và Eximbank chiếm 7/10 thành viên HĐQT của Sacombank. Phan Huy Khang làm TGD từ 03/07/2012. Phạm Hữu Phú thay Đặng Văn Thành làm chủ tịch HĐQT từ 2/11/2012. Trâm Bê làm PCT Thường trực HĐQT.
- **07/08/2012:** NHNN đã ký và ban hành Quyết định số 1559/QĐ-NHNN chấp thuận sáp nhập HBB vào SHB (sau khi HBB bị buộc phải tái cơ cấu dư nợ cho vay Vinashin).
- **20/08/2012:** Khởi tố và bắt tạm giam Nguyễn Đức Kiên, cổ đông lớn của ACB. 23/08/2012, khởi tố và bắt tạm giam Lý Xuân Hải, TGD ACB. Gia đình Trần Mộng Hùng/Trần Hồng Huy quay lại HĐQT ACB. ACB bị CQ QLNN cáo buộc vi phạm pháp luật ủy thác đầu tư và đầu tư chéo.

- **30/09/2012:** CQ Thanh tra Giám sát của NHNN tính toán tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống các TCTD là 17,43%, 1 năm sau khi bắt đầu tái cơ cấu, nhưng không công bố thông tin này.
- **T11/2012:** NHNN trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án cơ cấu lại Agribank.
- **12/12/2012:** Nguyễn Thị Kim Thanh (vợ Đặng Thành Tâm, sở hữu 15 triệu cp) bắt đầu thoái vốn khỏi Navibank, kết thúc vào 8/2/2013.
- **15/01/2013:** TrustBank tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2011 và thông qua phương án tái cơ cấu, trong đó cổ đông mới mua lại hơn 80% VDL của NH. Tập đoàn Thiên Thanh sở hữu 9,7% vốn điều lệ và giữ vai trò đối tác chiến lược.
- **21/01/2013:** NHNN ban hành Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại tài sản có, trích, lập và sử dụng dự phòng rủi ro. Thông tư có hiệu lực từ 1/6/2013, nhưng nếu áp dụng sẽ làm tỷ lệ nợ xấu chính thức của các NH tăng vọt.
- **23/01/2013:** Khởi tố và bắt tạm giam Phạm Thanh Tân, nguyên TGD Agribank.
- **18/05/2013:** Ban hành Nghị định 53/2013/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Tài sản của các TCTD VN (VAMC).
- **26/04/2013:** ĐHCĐ thường niên Navibank. Đặng Thành Tâm và các cổ đông lớn hiện hữu từ nhiệm thành viên HĐQT. Navibank tập trung tái cấu trúc cơ cấu cổ đông.
- **27/05/2013:** NHNN lùi thời điểm áp dụng Thông tư 02 đến 1/6/2014 (bằng TT12/2013/TT-NHNN).
- **31/05/2013:** Thủ tướng CP ký QĐ 843/QĐ-TTg phê duyệt đề án xử lý nợ xấu và đề án thành lập VAMC.
- **27/06/2013:** Thống đốc NHNN ký QĐ 1459/QĐ-NHNN thành lập VAMC với VDL 500 tỷ VND.
- **13/09/2013:** NHHH chấp thuận hợp nhất NHTMCP Phương Tây và TCT Tài chính CP Dầu khí (PVFC) thành NHTMCP Đại chúng (sau ĐHCĐ của WTB ngày 16/3/2013 và ĐHCĐ hợp nhất ngày 8/9/2013).
- **01/10/2013:** VAMC bắt đầu mua nợ xấu của các TCTD (đầu tiên là Agribank).
- **09/09/2013:** CTCP Năng lượng Sài Gòn - Bình Định, cổ đông lớn nhất của Navibank (29,8 triệu cp - 10,01%) đăng ký bán 16 triệu cp, bắt đầu quá trình thoái vốn bằng phương thức thỏa thuận và khớp lệnh từ 11/9 đến 9/10/2013.
- **15/11/2013:** Thống đốc NHNN ban hành Quyết định 53/QĐ-NHNN phê duyệt Đề án tái cơ cấu Agribank giai đoạn 2013 - 2015.
- **16/11/2013:** Theo báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 3, 4 và 5 của Thống đốc NHNN, NHNN đã xác định thêm 2 NHTMCP và 6 TCTD phi NH yếu kém khác.
- **18/11/2013:** NHNN ban hành Quyết định số 2687/QĐ-NHNN về việc sáp nhập NHTMCP Đại Á vào HDB (sau ĐHCĐ bất thường của 2 NH vào 25/9 và 28/9/2013), có hiệu lực từ 20/12/2013.
- **22/12/2013:** Trong chương trình Dân hỏi bộ trưởng trả lời trên VTV1, Thống đốc NHNN nói: “Đến nay, có thể khẳng định rằng, chúng ta đã xử lý được 9 NHTM kém nhất trong toàn hệ thống”.
- **03/01/2014:** Ban hành Nghị định 01/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của TCTD VN (có hiệu lực từ 20/2/2014): 5% cá nhân, 15% tổ chức, 20% nhóm, 20% chiến lược, 30% tổng nước ngoài. TH đặc biệt do Thủ tướng CP quyết định.
- **23/01/2014:** Navibank chính thức đổi tên thành NHTMCP Quốc dân (NCB).
- **18/03/2014:** NHNN ban hành Thông tư 09/2014/TT-NHNN sửa đổi TT02. TCTD được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho đến 1/4/2015.
- **29/07/2014:** Khởi tố và bắt tạm giam Phạm Công Danh (nguyên Chủ tịch HĐQT VNCB), Phan Thành Mai (nguyên TGD VNCB).
- **20/09/2014:** Khởi tố và bắt tạm giam Đỗ Tất Ngọc, cựu Chủ tịch HĐQT Agribank.
- **24/10/2014:** Khởi tố và bắt tạm giam Hà Văn Thắm, Chủ tịch HĐQT Ocean Bank với cáo buộc vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các TCTD. Sau đó, khởi tố và bắt tạm giam Nguyễn Văn Hoàn, PTGD (22/12/2014), Nguyễn Minh Thu, TGD (28/1/2015), Nguyễn Xuân Sơn, cựu TGD NH và Chủ tịch HĐQT PVN (21/7/2015).

- **20/11/2014:** NHNN ban hành Thông tư 36/2014/TT-NHNN (có hiệu lực từ 1/2/2015 và thay thế TT13) nhằm tạo một khung pháp lý thống nhất về bảo đảm an toàn (đủ vốn, giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, sở hữu chéo, đầu tư CK, khả năng chi trả).
- **05/03/2015:** NHNN ban hành quyết định 250/QĐ-NHNN mua VNCB với giá 0 đồng. Tài liệu của CQ điều tra cho biết Phạm Công Danh đã rút 18.414 tỷ đồng từ VNCB từ T12/2012 đến T3/2014. Vietcombank được NHNN chỉ định điều hành và tái cấu trúc VNCB.
- **31/03/2015:** Nghị định 34/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung NĐ 53/2013/NĐ-CP về VAMC. VAMC được mua nợ xấu theo giá thị trường. VDL VAMC được tăng lên 2000 tỷ VND.
- **06/05/2015:** NHNN ban hành Quyết định số 663/QĐ-NHNN mua Ocean Bank với giá 0 đồng. Ngày 8/5/2015, Ocean Bank trở thành NH TNHH MTV và VietinBank được NHNN chỉ định quản trị và điều hành OceanBank.
- **22/05/2015:** PG Bank và Vietinbank ký kết hồ sơ sáp nhập và Thỏa thuận hợp tác toàn diện (sau ĐHCĐ VietinBank và PG Bank ngày 14/4/2015 thông qua giao dịch sáp nhập).
- **25/05/2015:** MHB sáp nhập vào BIDV (sau khi NHNN có văn bản số 2833/NHNN-TTGSNH ngày 23/4 về việc chấp thuận nguyên tắc và chấp thuận sáp nhập tại Quyết định số 589/QĐ-NHNN, ngày 25/4/2015 và có hiệu lực từ ngày 5/5/2015).
- **07/07/2015:** NHNN ban hành Quyết định 1304/QĐ-NHNN mua GP Bank với giá 0 đồng. Vốn tự có của GP Bank tại thời điểm này là -9.195 tỷ đồng. NHNN cũng ban hành QĐ 1306/QĐ-NHNN yêu cầu Vietinbank tham gia quản trị, điều hành GP Bank.
- **10/07/2015:** Theo Báo cáo Kiểm toán Nhà nước dẫn số liệu của NHNN chi nhánh TP.HCM, tỷ lệ nợ xấu của Southern Bank ngày 30/6/2012 là 45,6% và T11/2013 là 55,31%.
- **17/07/2015:** Khởi tố và bắt tạm giam Tạ Bá Long - nguyên Chủ tịch HĐQT và Đoàn Văn An - nguyên Phó Chủ tịch HĐQT GP Bank.
- **12/08/2015:** MDB sáp nhập vào Maritime Bank (sau ĐHCĐ MDB ngày 25/5/2015 và QĐ 1391/QĐ-NHNN của NHNN ngày 21/7/2015, có hiệu lực từ 12/8/2015).
- **01/10/2015:** PNB sáp nhập vào Sacombank (sau ĐHCĐ bất thường của Sacombank 11/7/2015 và QĐ 1844/QĐ-NHNN của NHNN 14/9/2015). Ngày 11/11/2015, Trầm Bê từ nhiệm TV HĐQT.
- **30/09/2015:** VAMC đã mua 226 nghìn tỷ đồng nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu chính thức giảm xuống còn 2,93% (130 nghìn tỷ đồng). (Nếu cộng trở lại số nợ xấu bán cho VAMC, thì tỷ lệ nợ xấu sẽ là 8%).
- **23/10/2015:** Sacombank thông báo Eximbank không còn đại diện phần góp vốn tại Sacombank (sau khi Eximbank có Quyết định 449/2015/EIB/QĐ-HĐQT và 450/2015/EIB/QĐ-HĐQT ngày 21/10/2015 về việc thôi cử người đại diện vốn góp tại Sacombank).
- **31/10/2015:** Agribank đã bán 39.885 tỷ đồng nợ xấu cho VAMC kể từ 2013. Tỷ lệ nợ xấu chính thức còn 2,4%. (Nếu cộng trở lại số nợ xấu bán cho VAMC, thì tỷ lệ nợ xấu sẽ là 8,6%).
- **19/11/2015:** Eximbank thông báo tổ chức ĐHCĐ bất thường vào 15/12/2015 để bầu TV HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2015-2020.
- **27/11/2015:** Techcombank thông báo các cổ đông nội bộ và tổ chức có liên quan đăng ký bán cổ phiếu của NH để đảm bảo tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần do NHNN quy định. Masan và người liên quan sẽ giảm tỷ lệ sở hữu từ 30,21% xuống 19,99%.
- **07/12/2015:** Báo Thanh niên trích kết luận điều tra của CQ CSĐT, Bộ Công An về vụ án VNCB: “Quá trình điều tra xác định, để xảy ra việc Danh và đồng phạm rút hơn 18.687 tỉ đồng, ngoài trách nhiệm của Tổ giám sát còn có trách nhiệm của lãnh đạo NHNN, Ban chỉ đạo tái cơ cấu của VNCB, Cơ quan thanh tra giám sát NH, NHNN chi nhánh Long An, nên cần phải được điều tra làm rõ”.

Phụ lục 2: Danh sách các NHTM Việt Nam

Stt	Tên đầy đủ tiếng Việt	Viết tắt	Mã	Ghi chú
1	NHTMCP An Bình	AnBinh Bank	ABB	
2	NHTMCP Á Châu	ACB	ACB	
3	NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	AGRB	
4	NHTMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	BIDV	
5	NHTMCP Bảo Việt	BaoViet Bank	BVB	
6	NHTMCP Công Thương Việt Nam	Vietinbank	CTG	
7	NHTMCP Đại Á	DaiA Bank	DAB	Sáp nhập vào HDB
8	NHTMCP Đông Á	DongA Bank	EAB	
9	NHTMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	EIB	
10	NHTMCP Đệ Nhất	Ficombank	FCB	Hợp nhất với SCB và TNB
11	NHTMCP Bản Việt	Viet Capital Bank	VCAP	
12	NHTMCP Dầu Khí Toàn Cầu	GP.Bank	GPB	Đổi tên thành NHTM TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu (GPBank)
13	NHTMCP Đại Tín	Trustbank	GTB	Đổi tên thành NHTMCP Xây dựng Việt Nam (VNCB), rồi NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam (CBBank/CB)
14	NHTMCP Nhà Hà Nội	Habubank	HBB	Sáp nhập vào SHB
15	NHTMCP Phát triển TP.HCM	HDBank	HDB	
16	NHTMCP Kiên Long	Kienlongbank	KLB	
17	NHTMCP Bưu điện Liên Việt	LienVietPostBank	LPB	
18	NHTMCP Quân đội	MB	MBB	
19	NHTMCP Phát triển Mê Kông	MekongBank	MDB	Sáp nhập vào MSB
20	NH Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long	MHB	MHB	Sáp nhập vào BIDV
21	NHTMCP Hàng Hải	Maritime Bank	MSB	
22	NHTMCP Nam Á	NamA Bank	NAB	
23	NHTMCP Bắc Á	BacA Bank	NAS	
24	NHTMCP Nam Việt	Navibank	NCB	Đổi tên thành NHTMCP Quốc dân (NCB)
25	NHTMCP Phương Đông	Orient Bank	OCB	
26	NHTMCP Đại Dương	OceanBank	OJB	Đổi tên thành NHTM TNHH MTV Đại Dương
27	NHTMCP Xăng dầu Petrolimex	PG Bank	PGB	Sáp nhập vào Vietinbank
28	NHTMCP Phương Nam	Southernbank	PNB	Sáp nhập vào Sacombank
29	NHTMCP Sài Gòn	SCB	SCB	Hợp nhất với FCB và TNB
30	NHTMCP Đông Nam Á	SeABank	SEAB	
31	NHTMCP Sài Gòn Công thương	Saigonbank	SGB	
32	NHTMCP Sài Gòn – Hà nội	SHB	SHB	
33	NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	STB	
34	NHTMCP Kỹ thương	Techcombank	TCB	
35	NHTMCP Việt Nam Tín Nghĩa	Tin Nghia Bank	TNB	Hợp nhất với SCB và FCB
36	NHTMCP Tiên Phong	TPBank	TPB	
37	NHTMCP Việt Á	Viet A Bank	VAB	
38	NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	VCB	
39	NHTMCP Quốc Tế	VIB	VIB	
40	NHTMCP Việt Nam Thịnh vượng	VPBank	VPB	
41	NHTMCP Việt Nam Thương tín	Vietbank	VTB	
42	NHTMCP Phương Tây	Western Bank	WEB	Hợp nhất với PVFC và đổi tên thành NHTMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank/PVCB)